



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 64

số: 18+19

(2673+2674)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 30 - 4 - 2011

KỶ NIỆM 36 NĂM GIẢI PHÓNG MIỀN NAM (30-4-1975 - 30-4-2011)
57 NĂM CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ (7-5-1954 - 7-5-2011)



Tranh của THÀNH CHƯƠNG

TRONG SỐ NÀY

● **THÁNG TƯ NGÀY ĐOÀN TỤ** của Giang Nam, **BINH PHÁP HỒ CHÍ MINH** của Hoàng Quảng Uyên, **30 THÁNG 4 NĂM 1975 NGÀY ẤY, HÔM NAY** của Trần Mai Hạnh, **ĐIỆN BIÊN PHỦ TRONG TÂM HỒN TÔI** của GS Tôn Thất Tùng, Quà khứ trong thi hiện tại của Đặng Thanh Lê...

● **THƠ**
Lê Đức Thọ, Nguyễn Phan Quế Mai, Trần Vũ Long, Tô Nhuận, Trần Hồng Minh, Hồ Thanh Điền, Phan xuân Hật, Vân Long, Chu Ngọc Phan, Phạm Dạ Thuỷ, Nguyễn Định Long, Nguyễn Thị ánh Huỳnh, Nguyễn Hoa, Lê Thanh My, Hồ Kiên Giang...

● **TRUYỆN NGẮN DỰ THI**
Lê Bá Đạt, Doãn Dũng, Trần Như Đắc, Nguyễn Hiệp, Vũ Xuân Tửu, Hoàng Nghĩa.

● **BÚT KÝ**
Phạm Dương, Hồ Tĩnh Tâm, Nguyễn Thế Tường, Lâm Xuân Vi, Nghiêm Huyền Vũ...

● **NHỮNG THƯ MỤC KHÁC**
Hà Nguyên Huyền, Hồ Duy Lệ, Văn Công Hùng, Vũ Phạm Chánh, Trần Thị Thắng, Đào Đức Tuấn, Nguyễn Chí Hoan, Nguyễn Hà, Trần Quang Quý, Nguyễn Toàn Thắng, Võ Quê, Lê Huy Bình Yên...

● **PHỤ TRƯỞNG 10 TRUYỆN NGẮN HẬU HIỆN ĐẠI THẾ GIỚI**

● **MINH HOẠ**
Thành Chương, Phạm Minh Hải, Nguyễn Đăng Phú, Lương Xuân Đoàn, Đỗ Dũng, Hoàng Đình Tài, Khánh Toàn, Đào Quốc Huy, Ngô Xuân Khôi, Hoàng Phương Vỹ, Phạm Hà Hải, Vũ Huyền, Trần Ngọc Quý, Lê Trí Dũng, Minh Hoàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ GIANG

HAGIANG CEMENT JOIN - STOCH COMPANY

Tổ 8, Phường Ngọc Hà- TP Hà Giang - tỉnh Hà Giang

Điện thoại: 02193.810802; Fax: 02193.810170



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHÌ

Sản phẩm chính của Công ty: Xi măng PCB 30, PCB 40; Đá xây dựng



Cúp Vàng top 50 sản phẩm Việt hàng đầu
hợp chuẩn WTO.



Cúp Thương Hiệu Vàng - Golden
Brand Awards.



RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH

THÁNG TƯ, NGÀY ĐOÀN TỤ

GIANG NAM

C HÚNG ta đang bước vào tháng tư năm 2011. Mới đó mà đã 36 năm từ khi quân và dân ta đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai của chúng, hoàn thành sự nghiệp thiêng liêng giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Có ai tính được bao nhiêu lời ngợi ca, bao công trình nghiên cứu, bao tác phẩm văn học nghệ thuật trong và ngoài nước đã được công bố từ ấy đến nay về sự kiện lịch sử vĩ đại của dân tộc ta trong thế kỷ 20 đầy biến động vừa qua. Có anh bạn tôi đã nói nửa đùa nửa thật: "Minh rất lo sẽ không có được tác phẩm nào hay hơn, mới hơn về đề tài này khi chiến tranh đã lùi xa hơn một phần ba thế kỷ. Tôi đã trả lời bạn tôi: "Là người gần gũi với chiến trường trong suốt 30 năm, khi ở miền Trung, khi vào Nam Bộ mình luôn cảm thấy hình như chúng ta chưa nói được hết cái vĩ đại, cái anh hùng, và cả những mất mát đau thương mà nhân dân ta phải gánh chịu trong cuộc đối đầu với hai đế quốc hùng mạnh nhất nhì thế giới." Và tôi đã kể cho bạn tôi nghe một câu chuyện nhỏ.

Trước ngày quân ta giải phóng Sài Gòn, kẻ địch và những thế lực phản động, "chống Cộng" luôn rêu rao: "Nếu Việt Cộng chiếm được Sài Gòn, thì một cuộc "tắm máu" không tiến khoáng hậu sẽ xảy ra. Sự trả thù này còn ghê gớm hơn cả chiến tranh ngoài mặt trận". Không lạ là nhiều gia đình binh sĩ, công chức ở Sài Gòn và các tỉnh hoang mang lo sợ vì họ và người thân của họ từng bị kẻ địch đẩy vào các hành động tội ác đối với nhân dân ta. Đáng chú ý là một số nhà binh luận quân sự, một số tổ chức tiến bộ trên thế giới dù vui mừng với cuộc tiến quân "thần tốc" của ta cũng tỏ ý lo lắng, băn khoăn không biết điều gì sẽ xảy ra khi quân ta chiếm được Sài Gòn.

Và điều bất ngờ vượt qua mọi sự dự đoán của họ đã xảy ra: ngày 30/4/1975 sau khi đại sứ Mỹ và những sĩ quan binh lính Mỹ cuối cùng rút chạy bằng trực thăng ra biển, cả thành phố Sài Gòn đã đổ ra đường với cờ đỏ sao vàng, cờ mặt trận xanh-đỏ. Những người lính ngụy rã ngũ đã xếp súng, đạn dọc đường để quân giải phóng đến lấy. Và họ những người hôm qua còn được lệnh "tử thủ" giữ Sài Gòn lại bình yên hòa cùng nhân dân hoan hô cách mạng, bình yên về với gia đình và người thân của họ đang chờ đợi. Điều ấy đối với chúng ta là bình thường nhưng đối với các nhà báo phương Tây, các quan sát viên ngoại quốc, các công chức cao cấp của chế độ cũ, là cực kỳ ấn tượng. "Không có cuộc "tắm máu" nào cả, chỉ thấy họ (người ở rừng về và người sống trong thành phố) hòa lẫn với nhau



như đã từng quen biết nhau từ trước. Nhiều căn nhà cửa rộng mở, mọi người trong gia đình đã hội họp ăn mừng chiến thắng", tôi nhớ có phóng viên báo chí nước ngoài đã viết như vậy.

Cuối năm 1975, đoàn nhà văn miền Nam (trong đó có tôi) đã được mời sang thăm Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Một nhà văn Nga đã hỏi tôi: "Làm thế nào, nhân dân Việt Nam, quân đội Việt Nam đã tránh được một cuộc "tắm máu" như dư luận thế giới đã dự đoán? Làm thế nào các bạn tránh được những hành động trả thù đối với những kẻ đã từng bắn giết, bắt tù đầy người thân của mình? Việc này đã xảy ra ở nhiều nước khi chế độ phản động, đàn áp nhân dân bị sụp đổ". Tôi và các bạn tôi đã trả lời: "Dân tộc Việt Nam chiến đấu vì độc lập, tự do của chính mình. Đó là một cuộc chiến đấu thiêng liêng, chính nghĩa như cha ông chúng tôi đã từng viết trong áng văn bất hủ "Bình Ngô đại cáo": "Đem đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo". Chính nghĩa và lòng nhân ái không cho phép chúng tôi có những hành động tàn ác, mù quáng

đối với những anh em bị lừa lạc hay bị bắt buộc cần súng bắn lại quê hương, bà con ruột thịt của mình. Thông cảm hoàn cảnh của họ, giáo dục động viên họ thấy rõ sai lầm, tội lỗi, biến họ trở thành người tốt, người làm chủ có trách nhiệm đối với đất nước. Sức mạnh Việt Nam thắng Mỹ một phần là ở chính sách nhân đạo ấy".

Đối với mỗi người Việt Nam, tình yêu đất nước luôn gắn chặt với tình cảm gia đình. Do hoàn cảnh khắc nghiệt của chiến tranh, đất nước bị tạm thời chia cắt (từ 2 năm theo hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 phải kéo dài đến 21 năm). Cùng với đất nước nhiều gia đình cũng bị "chia cắt", ly tán trong chiến tranh: cha xa con, vợ xa chồng. Kẻ Bắc, người Nam. Nỗi khao khát được đoàn tụ, được sống hạnh phúc bên nhau... càng kéo dài càng bức xúc theo năm tháng, trở thành tình cảm lớn của cả dân tộc. Trong bài thơ mừng xuân năm 2011, tôi có viết về tình cảm ấy, về những ngày đầu về thăm quê mẹ sau giải phóng:

*Đêm cuối năm tôi nghe em hát
Câu hát của một thời đạn bom,
gian khổ*

*Tường mờ hôm qua xanh áo lính
tôi về
Làng còn nghèo: mái rạ, bờ tre
Mà đây ấp niếm vui đoàn tụ,
(Đêm thành phố sáng đèn)*

Trong một lần gặp nhà báo Úc W.Burchett đến thăm miền Nam trong chiến tranh năm 1964, ông có hỏi tôi: Nghe nói bạn đã có gia đình và hai vợ chồng vẫn sống xa nhau, điều đó có ảnh hưởng gì đến công việc và hạnh phúc gia đình không? Tôi đã trả lời:

- Tất nhiên là có rồi nhưng chúng tôi đã quen dần. Chúng tôi vì công việc và vì bom đạn Mỹ nên có lúc 5,7 năm thậm chí 10 năm phải sống xa nhau trong nỗi nhớ thương da diết.

Và nhà báo nổi tiếng ấy đã nắm tay tôi:

- Xin cảm ơn bạn đã tâm sự chuyện riêng tư ấy với tôi. Thật khó tưởng tượng các bạn đã sống như thế. Tôi càng hiểu vì sao Việt Nam nhất định thắng mọi kẻ thù xâm lược.

Nói về sự đoàn tụ mà chiến thắng lịch sử 30/4/1975 mang lại cho cả dân tộc và từng gia đình, tôi không thể không nhắc đến một câu chuyện riêng của mình, về người cha thân yêu đã không chờ được đến ngày hạnh phúc ấy. Câu chuyện bắt đầu từ các ngày tôi rời cha mẹ và các em nhỏ thoát ly lên rừng năm 1946 khi chiến tranh đã nổ ra ác liệt ở Khánh Hòa. Cha tôi dặn: "Con ráng chịu đựng gian khổ với anh em, đừng nhớ nhà. Một vài năm hết chiến tranh, con lại về với gia đình thôi mà". Năm 1948, tôi có về thăm gia đình một lần, lúc này địch (Pháp và lính Âu Phi) đã đóng đồn trong làng. Chờ đến nửa đêm, một cán bộ địa phương đưa tôi vào nhà bằng cửa sau. Nghe âm hiệu, cha tôi ra mở cửa. Vì ở gần đồn không được thắp đèn sợ bọn lính đi tuần phát hiện nên cha con chỉ nắm tay nhau trong bóng tối. Cha tôi dùng bàn tay thô ráp vì lao động của ông sờ lên mặt, lên đầu, lên cổ tôi để biết chắc là con mình. Còn mẹ tôi cứ hôn mãi bàn tay của tôi. Cuối cùng cha tôi nói: "Thôi con đi đi, đừng để anh em đợi". Tôi còn nghe mẹ tôi sụt sịt sau lưng.

Cho đến năm 1975 khi tôi về thì cha tôi đã mất cách đó hơn 6 tháng. Gia đình kể lại: "Ông thường ôm cái radio nhỏ để nghe đài Hà Nội. Ông bảo: nhất định sẽ chờ các con về ngày chiến thắng, để thấy mặt chúng nó trước khi ông ra đi về với ông bà. Tính từ ngày cuối cùng gặp cha tôi trong bóng tối cho đến ngày ông ra đi là một cuộc chờ đợi 27 năm. Chờ đợi một ngày đoàn tụ, một ngày hạnh phúc..."

Một dân tộc như vậy, một cuộc chiến như vậy, ắt đến một lúc nào đó, phải có những tác phẩm văn học lớn.■

LỊCH SỬ, VĂN HỌC VÀ NHỮNG ĐIỀU TỐT ĐẸP*

BÙI NGỌC TẤN

VÀO khoảng giữa những năm 80 của thế kỷ trước, nhà văn Lê Lưu, nhà văn Việt Nam đầu tiên một mình chính thức sang thăm nước Mỹ theo lời mời của trung tâm William Joiner (WJC), một tổ chức phi chính phủ do một số chiến binh đã tham chiến ở Việt Nam sáng lập. Đó là quãng thời gian cực kỳ khó khăn của nước ta. Chiến tranh chống Mỹ, thống nhất đất nước. Chiến tranh biên giới Tây Nam. Chiến tranh biên giới phía Bắc. Ba cuộc chiến tranh liên tiếp vừa kết thúc. Việt Nam bị tàn phá, bao vây, cấm vận, cô lập. Và trong nước cũng như ngoài nước, nhiều luồng ý kiến trái ngược nhau về nước Mỹ, một siêu cường mới đây thôi còn là kẻ thù đã rải xuống Việt Nam bao nhiêu bom đạn.

Tôi không nhớ Lê Lưu đã ở Mỹ bao lâu với tư cách là một nhà văn, một người lính. Chỉ nhớ rằng khi về nước, anh đã nói chuyện ở một số nơi về chuyến đi vừa kết thúc. Người ta ghi âm buổi nói chuyện của anh. Người ta in thành băng. Người ta gọi nhau, tập trung lại nghe. Đó là một thời sự lớn. Chính tôi đã cùng nhiều người khác chụm đầu lắng nghe anh qua một cuộn băng không biết là sao chép lần thứ bao nhiêu. Hiện tượng



đó nói lên một điều: Chúng tôi cũng như nhân dân khát khao biết bao một cuộc sống hoà bình, là bạn với tất cả các nước trên thế giới kể cả nước Mỹ.

Chiến tranh đã qua đi, nhưng những mất mát đau thương thời kỳ đó còn nóng hổi và lòng thù hận, những định kiến, nhìn nhau qua đôi mắt kẻ thù vẫn còn đó trong nhiều người, kể cả những nhà hoạch định chính sách của hai phía. Những chiến hào phẳng phất mùi thuốc súng vẫn còn ngăn cách giữa Việt Nam

và Mỹ. Chuyến đi của Lê Lưu, một chuyến đi vất vả khó khăn do hai nước khi đó chưa có quan hệ ngoại giao là giọt nước đầu tiên làm tan băng trong quan hệ giữa các cựu chiến binh hai nước. Và từ đây, biết bao nhiêu nhà văn và nghệ sĩ đã tới Mỹ theo lời mời của WJC cũng như của những tổ chức phi chính phủ Mỹ khác. Những người ở hai chiến tuyến đã đến với nhau. Ban đầu chỉ là những nghi thức, không được tự nhiên, hai nhóm ngồi đối diện nhau, chủ yếu là để đọc diễn văn, và nói chuyện với nhau một cách khô cứng. Nhưng rồi dần dần họ đã đến với nhau bằng những tấm lòng, những trái tim hướng thiện, có trách nhiệm cao với cuộc sống, cùng nhìn về phía trước. Hơn thế họ là những nghệ sĩ mà nghệ sĩ nào trái tim không đầy ắp yêu thương...

Vâng. Tình yêu mạnh hơn thù hận và bắc cầu qua mọi đại dương.

Những cuộc gặp gỡ như vậy giữa những người đã từng nổ súng vào nhau giờ đây là những hồi ức chiến tranh, những chuyện tâm tình. Đạo diễn Trần Văn Thủy, trong *Nếu đi hết biển* đã thuật lại một buổi nói chuyện giữa anh và Wayne Karlin, nhà văn tác giả của nhiều tập tiểu thuyết, giáo sư văn chương tại College of Southern Maryland, về chiến

tranh Việt Nam mà hai người ở hai chiến tuyến, hơn thế, còn cùng trong một mặt trận. Trần Văn Thủy ôm máy quay phim chạy bộ dưới đất hoặc nấp dưới lùm cây còn Wayne Karlin ngồi trên trục thẳng xả súng đại liên xuống đất. Thủy hỏi Wayne: "Từ trên trục thẳng, khi anh bắn, anh thấy cái gì?" Wayne trả lời: "Thường thì không rõ lắm, có khi chỉ thấy các lùm cây động đậy". Trần Văn Thủy kêu lên: "Thế thì suýt nữa anh đã bắn chết tôi rồi!". Wayne gần như khóc: "Trong các cuộc chiến, khi bắn giết nhau, người ta không hề nhận diện ra nhau, đó là điều tệ hại nhất của chiến tranh."

Viết về chiến tranh để khẳng định khuôn mặt con người, về nỗi buồn của chiến tranh, và viết để kêu gọi tình yêu thương con người, rằng hãy dừng để chiến tranh xảy ra, hãy sống trong hoà bình, hợp tác hữu nghị để cuộc sống con người trên trái đất ngày một tốt đẹp hơn...

Chỉ có Văn chương và nghệ thuật mới khiến một người bên này chiến tuyến nhận một người bên kia chiến tuyến là bạn chiến đấu. Và trong trường hợp này, Văn học, Nghệ thuật đã làm được hơn những gì nó có thể làm.■

* Tên bài do tòa soạn đặt

THẤY, NGHĨ VÀ VIẾT

QUYỀN LỰC MỚI

BÔNG LAI

S AU chiến tranh thế giới thứ hai, ở thời nguyên tử, các quốc gia của địa cầu đã tìm cách xích lại gần nhau bằng những liên kết địa - chính trị, địa - kinh tế với đủ thứ tên gọi: phe XHCN, khối NATO, SEATO rồi COMECON, EU, AU, ASEAN, MERCOSUR... Đến thời a công, cũng là khi kết thúc kỷ nguyên chiến tranh lạnh thì xuất hiện các nhóm quyền lực mang tính toàn cầu, dựa trên sự tương đồng về kinh tế, chính trị gọi là G.7, G.77, G.20... Gần hơn, "a công" và "nguyên tử" lại tương tác phát tiếng leng keng về một G.2 nào đó.

Vào lúc dường như có vẻ ít người để ý thì một quyền lực lạ - xin gọi nó là G.5 - lên tiếng. Thực ra G.5 cho đến nay chưa tự gọi mình là một khối, một nhóm, một liên minh hay một "gì gì". Và hình như nó cũng chẳng quan tâm tới việc thiên hạ định danh cho mình. Sao cũng xong, miễn là chúng tôi tồn tại. Ông Chủ tịch nhìn xa thấy rộng của Ngân hàng Goldman Sachs, S.J.O'Neil, gọi chúng tôi là BRIC (bây giờ là BRICS). Năm 2003 ông ấy bảo: nếu các nước BRIC (Braxin, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc) nhóm lại với nhau, họ sẽ khiến chao đảo thế giới. Vâng, chúng tôi nhóm lại, cảm ơn ông người Mỹ.

BRICS vừa kết thúc cuộc gặp gỡ lần thứ ba của mình tại Trung Quốc, với việc Nam Phi chính thức gia nhập nhóm này. Khi các nước BRICS đứng cạnh nhau, mới thấy họ đều là những người khổng lồ: GDP của Trung Quốc là 5,8 ngàn tỉ Mỹ kim, Ấn Độ 2,8 ngàn tỉ, Braxin 2,2 ngàn tỉ, Nga 2,1 ngàn tỉ, và Nam Phi tuy mới đạt 0,29 ngàn tỉ nhưng là quốc gia giàu mạnh nhất châu Phi. Sẽ thấy ấn tượng hơn nếu biết rằng 5 năm vừa qua trong khi nền kinh tế Mỹ chỉ vượt

lên 5%, các quốc gia khu vực đồng Euro 4%, Nhật Bản và Anh 2% thì Braxin là 25%, Ấn Độ 47% và Trung Quốc, 70%. Từ báo tài chính Anh Financial Times phải kêu lên: Nhóm nước này liệu có chịu tác động bởi cuộc khủng hoảng toàn cầu không, và khủng hoảng kiểu gì đây? Sẽ còn ấn tượng hơn nữa nếu biết rằng, BRICS hiện đã chiếm khoảng 20% GDP toàn cầu, và con số này sẽ tăng lên 23% vào năm 2015 và 32% sau đó năm năm. Theo dự báo thì đến 2050, tổng GDP của riêng ba nước trong BRICS là Nga, Trung Quốc, Ấn Độ cũng đủ vượt G.7. Ngay bây giờ, theo IMF, đóng góp của nhóm BRICS vào sự tăng trưởng ở các nước chậm phát triển đã vượt Mỹ, Nhật, EU.

Có một điều là ở cuộc gặp gỡ, khi BRICS chính thức đưa ra lời kêu gọi cải tổ Liên hợp quốc - cụ thể là mở rộng Hội đồng Bảo an - thì người ta mới sừng sốt nhớ ra là ngoài Nga và Trung Quốc thì tất cả những nước còn lại trong BRICS đều là những ứng viên sáng giá và có thể là vô đối trong việc trở thành thành viên thường trực của Hội đồng này. Một khi BRICS trở thành nhóm của các nước có quyền phủ quyết - hoàn toàn hiện thực - trong cái tổ chức toàn cầu ấy, điều gì sẽ xảy ra?

Chỉ biết ngay từ bây giờ, BRICS - G.5 đã là một quyền lực mới, một quyền lực rất đáng kể. ý thức được điều đó, họ đã hướng đến sự đoàn kết nội khối, tích cực thu hẹp bất đồng. Khi Trung Quốc trong năm làm chủ tịch G.5 thông báo sẽ mời Nam Phi tham dự, họ đã được Nga, Ấn Độ, Braxin lập tức hoan nghênh. Ngoài lý do sự kết nạp này là hoàn toàn xứng đáng còn là động thái khuyến khích Trung Quốc nghiêng

về G.5, vun đắp cho nhóm thay vì cùng Mỹ làm G.2? Còn Trung Quốc, nước này đã quá biết ghi điểm bằng cách chủ động dự thảo tuyên bố của kỳ họp yêu cầu Liên hiệp quốc mau chóng cải tổ, mở rộng HĐBA, điều mà người BRICS "hình như" đều nháp nhồm.

Một câu hỏi tất phải xuất hiện: Ai là hạt nhân, người lãnh đạo G.5? Chưa rõ, nhỉ, chỉ biết rằng trong năm đang cai cuộc gặp của mình, Trung Quốc đã góp một vai trò tích cực, năng động và nổi bật, một vai trò khiến đây có thể là hội nghị thành công nhất kể từ khi các nước BRICS nhóm lại với nhau. Một vài diễn đàn cho rằng, cuộc họp năm nay không đưa ra được tuyên bố gì cụ thể. Nhảm chẳng? Ngoài việc tỏ thái độ rõ ràng trong vấn đề cải tổ tổ chức Liên hợp quốc, thảo luận và tuyên bố về những vấn đề nóng bỏng của kinh tế thế giới hiện nay, gần như lần đầu tiên nhóm này nêu chính kiến mạnh mẽ về một vấn đề thuần túy chính trị: yêu cầu tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, nhanh chóng chấm dứt cuộc chiến Libi. Còn ít hay sao?

Và cũng nên biết rằng để có được một kết quả như vậy, nước chủ nhà - như đề cập - đã dụng công thật lực. Điều thủ vị là trước cuộc họp nửa tháng, họ đã đề xuất triệu tập một kiểu hội nghị với tên gọi rất Trung Quốc, là "Túi khôn BRICS", "công xưởng tư tưởng" của G.5, thành viên là các thức giả đến từ các nước trong khối này. Và "túi khôn", chính "túi khôn" - Bằng các kiến nghị - đã đạo diễn thành công việc BRICS - G.5 thể hiện rõ lập trường mang tính đại diện, quan tâm đến những vấn đề nóng bỏng của thời cuộc, cũng như hướng đến sự hợp tác thực chất trong mọi vấn đề.■

BINH PHÁP HỒ CHÍ MINH

(Những câu chuyện về Chủ tịch Hồ Chí Minh
với Tôn tử Binh pháp và Tam thập lục kế trong Chiến tranh cách mạng)

HOÀNG QUẢNG UYÊN

Tôn Tử binh pháp và Tam thập lục kế (36 kế) là những tác phẩm binh thư cổ có giá trị nhất của Trung Quốc, xuất hiện từ thời Xuân Thu và truyền đời mãi mãi. Tôn Tử được suy tôn là "Thủy tổ binh học phương Đông", "Thủy tổ binh học thế giới".

Trước tác chính của Tôn Tử binh pháp là bộ binh pháp 13 thiên (Thủy kế, Tác chiến, Mưu công, Quân hình, Binh thế, Hư thực, Quân tranh, Cửu biến, Hành quân, Địa hình, Cửu địa, Hoá công và Dụng gián). Được viết bằng cổ văn tiến Tần, với hơn 5.900 chữ.

Tam thập lục kế xuất hiện sớm nhất trong các câu chuyện thời Xuân Thu, Chiến Quốc. Về sau, nhiều đời, nhiều người đã ghi chép, biên soạn, hiệu đính. Hai cuốn sách đó tập hợp lại thành mưu kế trí tuệ của nhân dân Trung Quốc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, Người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang, trong suốt cuộc đời đấu tranh cách mạng, giành độc lập tự do cho tổ quốc đã vận dụng Tôn Tử binh pháp và Tam thập lục kế trong các lĩnh vực chính trị, ngoại giao và nhất là quân sự, giành những thắng lợi quan trọng, đúng với điều mà binh pháp Tôn Tử đã nói: "Không đánh mà khuất phục đối phương mới là người giỏi trong những người giỏi vậy".

Để có tài liệu giảng dạy trong các lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ cách mạng trong những năm ở Pắc Bó, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (1941 - 1945) Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng biên soạn nhiều tài liệu quân sự như: *Chiến thuật du kích* (Việt Minh xuất bản tháng 5 - 1944); *Kinh nghiệm du kích Tàu, Kinh nghiệm du kích Nga, Phép dùng binh của ông Tôn Tử* (Việt Minh xuất bản tháng 2 - 1945)... Không chỉ biên soạn tài liệu mà chủ tịch Hồ Chí Minh còn trực tiếp hướng dẫn, giảng dạy, chỉ đạo trên thực địa (như đã từng trực tiếp hướng dẫn trong lớp huấn luyện Đội Du kích Pắc Bó, cuối năm 1941).

Đọc các bài hồi ký cách mạng của những đồng chí đã từng làm việc lâu năm với Bác Hồ trong những tháng ngày *Cháo bẹ, rau măng* cực kỳ gian khổ ta dễ dàng nhận ra tinh thần lạc quan, kiên trì, bền bỉ trong đấu tranh cách mạng và nhất là sự mưu trí, sáng tạo trong việc chỉ đạo cách mạng của Bác Hồ - Những mưu kế được vận dụng là những sáng tạo tuyệt vời những kiến thức trong Tôn Tử binh pháp và Tam thập lục kế, đem lại những kết quả bất ngờ (và thú vị). Tuy nhiên không phải thắng lợi nào, mưu kế nào cũng quy cả về Tôn Tử binh pháp và Tam thập lục kế mà những *Câu chuyện* được trình bày trong bài viết này chỉ là sự liên tưởng, một sự so sánh trong phạm vi hẹp để có những nhận xét bước đầu về tầm chỉ đạo chiến lược, chiến thuật của chủ tịch Hồ Chí Minh trong đấu tranh cách mạng.

Xin kể đôi điều về việc Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng một số kế sách trong Tam thập lục kế.

1. PHẢN KHÁCH VI CHỦ (BIẾN KHÁCH THÀNH CHỦ)

Nội dung của kế sách này là: Thừa cơ hội chen chân vào, nắm lấy chủ quyền, tiến dần dần. Tranh địa vị chủ động là một nguyên tắc tối cao của đấu tranh. Chủ động có thể khống chế đại cục, bị động luôn bị người khác sai khiến. Trong võ thuật có thuật "Cầm nã" và "Phản cầm nã" chính là tranh đoạt thế chủ khách, tranh thủ quyền không chế chiếm thượng phong, thay đổi hoàn cảnh theo ý chí của mình.

Trong lịch sử Trung Quốc, Lý Uyên thừa cơ khởi nghĩa nông dân, lập ra nhà Đường. Lưu Bang dùng phương châm nhân nhĩn, đợi thời cơ tiêu diệt Hạng vũ lập nên nhà Hán... đều đã dùng kế sách phản khách vi chủ để giành thắng lợi.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dùng kế phản khách vi chủ trong trường hợp nào?

Trương Bội Công là người Việt, trước làm quan cho Tưởng, đã về hưu. Trương Phát Khuê - Tư lệnh đệ tứ chiến khu đưa Trương Bội Công ra thành lập một tổ chức tập hợp một số thanh niên Việt Nam ở Trung Quốc và những người Trung Quốc ở lâu năm tại Việt Nam để chuẩn bị cho "Hoa quân nhập Việt" nhưng chưa thành lập được thì đã bị điều về Tĩnh Tây lập ra Việt Nam giải phóng uỷ viên hội và "Đội công tác biên khu Trung Việt", được sự ủng hộ mọi mặt của Quốc dân Đảng Trung Quốc. Dưới sức ép của Trương Phát Khuê yêu cầu hợp nhất Việt Nam độc lập đồng minh hội với Việt Nam giải phóng uỷ viên hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định hợp tác với Trương Bội Công ở Tĩnh Tây để kiểm chế hoạt động phản cách mạng và lợi dụng mối quan hệ giữa ông ta với Quốc dân Đảng Trung Quốc để thuận lợi hơn trong hoạt động công khai ở vùng biên giới Trung Việt. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cử Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp lên Tĩnh Tây "bàn kế hoạch" với Trương Bội Công để lập ra "Hội giải phóng dân tộc Việt Nam". Cuối năm 1940 hội đã thành lập ở Tĩnh Tây. Về danh nghĩa Trương Bội Công là người lãnh đạo cao nhất của hội này, nghĩa là Trương Bội Công là Chủ còn ta chỉ là Khách nhưng khi ta



Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo Trung ương bàn kế hoạch mở chiến dịch Điện Biên Phủ (1953)

đã nhập hội với Trương Bội Công ta tiến hành phân hoá hàng ngũ của chúng, lôi kéo một số thanh niên yêu nước về với hàng ngũ cách mạng, lấy danh nghĩa "Đội công tác biên khu Trung Việt" để mở lớp huấn luyện cán bộ, được quốc dân Đảng Trung Quốc cấp kinh phí. Trên danh nghĩa những hoạt động này do Trương Bội Công chỉ đạo nhưng trên thực tế lại do những người cộng sản chỉ phối. Với việc làm này ta đã biến khách thành chủ, chủ động, khống chế mọi hành động của Hội giải phóng dân tộc Việt Nam, có lợi cho cách mạng Việt Nam.

Kế sách phản khách vi chủ còn được Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng một cách linh hoạt, giành thắng lợi to lớn ở Liễu Châu năm 1944.

Tháng 10 - 1942 một tổ chức có tên là *Việt Nam cách mạng đồng minh hội* được Bộ Tư lệnh Đệ tứ chiến khu đứng ra thành lập, gồm một số nhân sĩ các đảng phái người Việt hoạt động ở Liễu Châu, người đứng đầu Ban Chấp hành là Nguyễn Hải Thần. (Nguyễn Hải Thần tên thật là Vũ Hải Thu, năm 1905 theo cụ Phan Bội Châu sang Trung Quốc, đã theo học các trường võ bị Hoàng Phố, Hồ Nam, Thiệu Quan, vốn là thanh niên Việt Nam Quang phục hội sau là đảng viên Đại Việt, tham gia quân đội Quốc dân Đảng được cử làm liên trưởng, kiêm tri huyện. Được bọn Tưởng tin dùng. Năm 1931 mở cửa hàng xem số tử vi ở Quảng Châu. Năm 1942, cùng Vũ Hồng Khanh và một số người có tư tưởng chống cộng lập ra Việt Nam cách mạng đồng minh hội). Hội được thành lập nhưng trong nội bộ có nhiều đảng phái phức tạp, chia rẽ sâu sắc. Nguyễn Hải Thần không có uy tín, không có năng lực tổ chức, lãnh đạo nên thành lập đã lâu mà hội không triển khai hoạt động được, bởi vậy Trương Phát Khuê quyết định cải tổ hội này.

Trong thời gian đó, chủ tịch Hồ Chí Minh vừa được trả tự do (10 - 9 - 1943), nhưng vẫn ở trong cơ quan Bộ Tư lệnh Đệ tứ chiến khu để "xem xét và cảm hoá" (thực chất là Quan thúc). Trương Phát Khuê biết rằng Hồ Chí Minh và mặt trận Việt Minh do Người lãnh đạo có cơ sở rộng rãi và uy tín rất cao trong quần chúng ở Việt Nam nên đã quyết định mời Hồ Chí Minh tham gia cải tổ Việt Nam cách mạng đồng minh hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh thấy đây là một cơ hội tốt để thực hiện kế sách phản khách vi chủ nên đã nhận lời. Trước khi chính thức cải tổ, Trương Phát Khuê yêu cầu Hồ Chí Minh hợp tác với Nguyễn Hải Thần với cương vị Phó chủ tịch Việt Nam cách mạng đồng minh hội. Tại hội nghị tru bị đại hội đại biểu toàn quốc Việt Nam cách mạng đồng minh hội do Trương Phát Khuê triệu tập cuối tháng 2 - 1944 chủ tịch Hồ Chí Minh đề xuất ý kiến: "Thành phần đại hội ngoài Ban Chấp hành Việt Nam cách mạng đồng minh hội, đại biểu quốc dân Đảng (Việt Nam) và Đảng Đại Việt ra nên có đại biểu của Việt Minh và các tổ chức thuộc Việt Minh cùng đại biểu các tổ chức khác trong nước như hội Phật giáo, hội truyền bá quốc ngữ, hội ánh sáng". Nhưng khi thảo luận, một số người không đồng ý cho các tổ chức Việt Minh cử đại biểu tham dự. Hồ Chí Minh lại đưa ra ý kiến đổi tên đại hội đại biểu toàn quốc thành đại hội đại biểu các đoàn thể cách mạng hải ngoại. Ý kiến này được trình lên Trương Phát Khuê. Trương Phát Khuê đã đồng ý và uỷ thác cho Hồ Chí Minh khởi thảo kế hoạch triệu tập đại hội đại biểu các đoàn

thể cách mạng hải ngoại thuộc Việt Nam cách mạng đồng minh hội (Thẻ đại biểu trưng bày tại Viện Bảo tàng cách mạng Việt Nam hiện nay chính là thẻ mà Chủ tịch Hồ Chí Minh được cấp khi dự Đại hội này).

Có thể thấy rằng, ngay từ đầu, chủ tịch Hồ Chí Minh đã có kế hoạch, chủ trương làm thế nào để số lượng Khách đông hơn Chủ trong Việt Nam cách mạng đồng minh hội, để nắm quyền chủ động biến khách thành chủ. Đại hội Việt Nam cách mạng đồng minh hội tổ chức vào tháng 3 - 1944 đã diễn ra theo đúng kế hoạch của chủ tịch Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt phân hội Việt Nam chống xâm lược đọc báo cáo tại đại hội: *Phong trào giải phóng dân tộc và tình hình các đảng phái trong nước* và được bầu vào Ban Chấp hành Việt Nam cách mạng đồng minh hội.

Việc chủ tịch Hồ Chí Minh tham gia cải tổ Việt Nam cách mạng đồng minh hội đã đem lại kết quả là hội này hoạt động rất có lợi cho cách mạng Việt Nam và với uy tín cùng những hoạt động rất có hiệu quả của chủ tịch Hồ Chí Minh, Trương Phát Khuê ngày càng tin tưởng và nể trọng Người, tạo điều kiện để Người về nước (thoát khỏi sự quản thúc).

Tháng 7 - 1944, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ động gửi Đệ tứ chiến khu "kế hoạch về Việt Nam công tác" với những mục đích: Một là, truyền đạt quyết tâm của chính phủ Trung Quốc ủng hộ nhân dân Việt Nam giải phóng dân tộc. Hai là: phát triển tổ chức Việt Nam cách mạng Đồng Minh hội. Ba là: chuẩn bị để đón quân đội Trung Quốc và quân đội Đồng Minh vào Việt Nam. Bốn là: giành độc lập hoàn toàn cho Việt Nam. Người còn đề xuất một số việc cần chuẩn bị kỹ trước khi đại quân của quân đồng minh kéo vào Việt Nam. Một trong những việc cần làm đó, trước hết là dẫn một số đội viên cốt cán bí mật về nước để thăm dò tình hình thực tế, triển khai công tác, rút kinh nghiệm. Yêu cầu được cấp một số kinh phí thích đáng.

Kế hoạch về Việt Nam là một kế hoạch hoàn chỉnh, không thiếu sót, sơ hở một điều gì lại "Trúng ý" hoàn toàn với ý đồ "Hoa quân nhập Việt" của Tưởng Giới Thạch, buộc Trương Phát Khuê phải chấp nhận, thỉnh thị cấp trên đồng ý cho Hồ Chí Minh về nước trước để đón "Hoa quân nhập Việt".

Thế là ngày 9 - 8 - 1944 Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn 18 thanh niên đã qua lớp huấn luyện đặc biệt, rời Liễu Châu về nước, qua Long Châu, Na Pha qua cửa khẩu Bình Mãng vào Việt Nam, trực tiếp lãnh đạo tổng khởi nghĩa tháng tám, thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà (nay là cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam).

Có thể thấy rằng việc thực hiện kế sách phản khách vi chủ lần này khó khăn hơn rất nhiều, lần thực hiện ở Tĩnh Tây với Trương Bội Công nhưng nhờ nắm vững "địch tình", "biết người, biết ta" mà tiến hành dần dần kế sách để đạt được kết quả cuối cùng: Việt Nam cách mạng đồng minh hội hoạt động theo hướng có lợi cho cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh dựa vào Việt Nam cách mạng đồng minh hội để trở về nước ở vào thời điểm rất cần có người để chèo lái cho con thuyền cách mạng Việt Nam vượt phong ba bão táp, đi tới thắng lợi cuối cùng.

(Còn nữa)

30 THÁNG 4 NĂM 1975 NGÀY ẤY, HÔM NAY *

TRẦN MAI HẠNH

LTS: Bài báo "Thành phố Hồ Chí Minh rực rỡ tên vàng" đăng trên Bản tin Đấu tranh thống nhất của Thông tấn xã Việt Nam (TTXVN) phát báo đêm 30-4-1975, đọc trong buổi thời sự đặc biệt trưa 1-5-1975 của Đài Tiếng nói Việt Nam và đăng trên báo Nhân dân số ra 2-5-1975 với đầu đề "Tiến vào Phủ tổng thống ngự" là bài tường thuật đầu tiên của báo chí Việt Nam về giờ phút lịch sử giải phóng Sài Gòn. Bài báo và tác giả của nó có một số phận khá đặc biệt. Nhân dịp kỷ niệm 36 năm Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, xin giới thiệu những trang hồi ức về bài báo được viết ngay tại Sài Gòn vào thời khắc lịch sử trưa 30-4-1975 và cảm nhận hôm nay của tác giả sau những năm tháng sóng gió, thăng trầm của đời làm báo.

Có lẽ nên bắt đầu một chút từ chặng đường nhiều may mắn và ngẫu nhiên đã đưa tôi tới Dinh Độc Lập trưa ngày 30-4-1975 lịch sử. Tôi rời Hà Nội vào chiến trường tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh vào sáng sớm ngày 2-4-1975. Ba mươi sáu năm qua rồi mà tôi vẫn nhớ như in lễ tiễn tại trụ sở TTXVN số 5 Lý Thường Kiệt - Hà Nội ngày ấy. Đó là buổi sáng cuối xuân không khí se lạnh và khô sáng. Ngẫu nhiên làm sao, bảy năm trước, cũng sáng ngày 2-4-1968, và cũng tại nơi này đã diễn ra lễ tiễn đoàn phóng viên TTXVN vào chiến trường Quảng Đà và Phú Khánh. Cùng lên đường vào Quảng Đà với tôi năm ấy còn có anh Nguyễn Trọng Định, phóng viên báo Nhân Dân. Nhưng hơn bốn tháng sau anh Định đã anh dũng hy sinh ở chiến trường. Chủ trì lễ tiễn cả hai lần tôi được chọn vào chiến trường ấy đều là ông Đỗ Phượng, Phó tổng biên tập Việt Nam thông tấn xã khi đó. Đoàn chúng tôi gồm 10 cán bộ, phóng viên, kỹ sư vô tuyến, điện báo viên và lái xe do anh Đào Tùng, Tổng biên tập VNTTX dẫn đầu đi trên hai chiếc Uoát của Liên Xô, dẹt tròn, màu nông sùng, mới tinh vừa được trang bị.

Theo kế hoạch đoàn chúng tôi sẽ đi theo đường mòn Hồ Chí Minh ngay từ Vĩnh Linh để vào B2. Nhưng khi đoàn vào đến binh trạm Vĩnh Linh thì Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng đã được giải phóng, quân ta đang tiến đánh dọc quốc lộ I. Anh Đỗ Phượng ở Hà Nội điện cho anh Đào Tùng truyền đạt chỉ thị của cấp trên là tìm mọi cách hành quân để có mặt ở B2 (Thông tấn xã Giải phóng) trong thời gian sớm nhất. Sau khi nghiên cứu kỹ bản đồ chiến sự mang theo, hội ý với các đồng chí ở binh trạm Vĩnh Linh và đại úy Nguyễn Văn Chí, Phòng Thông tấn quân sự của Tổng cục chính trị cùng đi trong đoàn, anh Đào Tùng quyết định thẳng tiến theo quốc lộ I cho nhanh, đến đâu tắc thì lại rẽ lên đường mòn Hồ Chí Minh đi tiếp.

Đêm 9-4-1975, đoàn vào tới Quy Nhơn, mọi người đều mệt mỏi và nghỉ lại ở ngay trụ sở ủy ban quân quản thành phố. Anh Đào Tùng đêm đó có buổi gặp với đồng chí Bí thư tỉnh ủy về hoạt động của phân xã TTXGP và các phóng viên biệt phái của TTXVN đang hội quân tại Quy Nhơn và lễ ra mắt sắp tới của ủy ban quân quản thành phố. Quân nguy còn đang kháng cự mạnh trên nhiều đoạn đường từ Phan Rang, Phan Thiết nên không thể hành quân tiếp trên quốc lộ I, sáng 10-4-1975 đoàn chúng tôi rời Quy Nhơn, rẽ phải lên đường 14, qua Pleiku, Buôn Mê Thuột... Dọc đường 14 rất nhiều xác xe tăng, xe bọc thép M113, xác lính nguy chết trên đường đi tàn kinh hoàng tháo chạy từ Tây Nguyên về đồng bằng, mùi hôi thối bốc lên nồng nặc. Tây Nguyên đã hoàn toàn giải phóng. Từ Buôn Mê Thuột chúng tôi rẽ lên đường mòn Hồ Chí Minh qua Bình Phước, Đức Lập, tới Bù Đăng, Bù Đốp, Lò Gò (Lộc Ninh). Từ đây chúng tôi vào "R" - nơi trú quân của TTXGP và cơ quan tuyên huấn Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam...

Những ngày giữa tháng 4-1975, không khí ở "đại bản doanh" của TTXGP giữa rừng Tây Ninh nhộn nhịp khác thường. Tình hình chiến sự được các anh Đào Tùng và Trần Thanh Xuân (Phó tổng biên tập VNTTX và

là Giám đốc TTXGP) tổ chức giao ban, phổ biến rất kịp thời. Quân ta đang tiến như vũ bão và ngày giải phóng Sài Gòn đã đến nơi rồi. Phóng viên tin, ảnh được phiên chế thành từng tốp, được hướng dẫn, gợi ý về chủ đề, mỗi người được phát một bản đồ về đồ thành Sài Gòn có đánh dấu các vị trí quan trọng của địch và hướng dẫn đường đi ngắn nhất từ các hướng tới thẳng Dinh Độc Lập. Điện Phó tổng biên tập Đỗ Phượng gửi vào hàng ngày, được anh Đào Tùng trích đọc cho toàn thể cán bộ, phóng viên đang hội quân tại "đại bản doanh" của TTXGP nghe. Nhờ đó chúng tôi hình dung ra không khí chào đón chiến thắng đang diễn ra từng bừng, sôi động ở Thủ đô và cả nước. Tôi háo hức và xúc động tới run người khi nghe Phó tổng biên tập Đỗ Phượng trong một bức điện gửi vào kể rằng, đêm đêm ông và nhiều đồng chí lãnh đạo thông tấn thức theo dõi tin chiến thắng và rất hồi hộp nghĩ không

đã gần 10 năm nên giờ phải tập lại cho quen. Lái xe trên đường mòn trong rừng, luồn lách qua các hàng cây, tôi ngã lên ngã xuống mãi rồi cũng thành thạo.

Sáng sớm 29-4-1975 anh Trần Thanh Xuân đi com măng ca dít xuống dẫn đầu đoàn phóng viên TTXGP tiến về Sài Gòn. Anh Đào Tùng tiễn tôi và Văn Bảo ra tận cửa rừng. Phút chia tay, anh ân cần dặn dò và chụp với hai chúng tôi một bức ảnh kỷ niệm.

Chiếc Honda 90 phân khối mới tinh, rất bốc. Văn Bảo đeo tôi vượt lên trên cùng. Qua cầu gỗ Cẩn Đăng, qua nhiều khu rừng rậm rạp chúng tôi đã tới chân núi Bà Đen (Tây Ninh). Đường rất khó đi, nhiều đoạn cây cối ngổn ngang. Đi được khoảng trăm cây số, trời còn nắng gắt thì bỗng lộp sau của xe bị thủng. Người mệt mỏi, chỉ còn một chút nước trong bình đồng và mấy viên thuốc tăng lực được phát từ Hà Nội. Tôi và Văn Bảo bàn, bằng mọi cách, giá nào cũng phải



Trước dinh Độc Lập, nay là dinh Thống Nhất sáng 7-5-1975

hiếu liệu phóng viên nào sẽ may mắn có mặt đầu tiên để bấm máy và viết bài tường thuật về Sài Gòn trong những phút giây lịch sử. Đúng lúc những khát vọng thức dậy mãnh liệt trong tôi thì sự thất vọng lại hiện ra. Số là, lúc đó có một tình huống gần như bất khả kháng xảy ra: ở tổ của TTXGP quá ít, tôi và Văn Bảo (phóng viên ảnh đi trong đoàn anh Đào Tùng) cùng một số anh em khác không còn chỗ sắp xếp trên xe. Đoàn chúng tôi có 2 Uoát, một chiếc bị hỏng, không phụ tùng thay thế phải nằm lại Lộc Ninh, chiếc còn lại phải trực ở cứ để phục vụ anh Đào Tùng. Đi suốt từ Hà Nội vào đây, không lý giờ phút lịch sử giải phóng Sài Gòn lại phải nằm lại trên rừng Tây Ninh. Anh Đào Tùng đã viết giấy bảo lãnh nhận tiền của Trung ương cục và các anh ở TTXGP đã sang tận biên giới Campuchia mua cho Văn Bảo và tôi một chiếc Honda 90 phân khối mới tinh. Anh Văn Bảo có xe máy riêng từ lâu nên đi và sửa chữa đã rất thành thạo. Tôi sử dụng xe máy hồi làm phóng viên TTXVN thường trú tại Hải Phòng cách nay

tiến lên, dù phải đi cả đêm, cứ theo vết bánh xe ô tô mà đi. Dọc đường lũ lượt lính nguy bị đánh tan tác chạy ngược lại. Chúng tôi lên sẵn đạn súng ngắn, rồi Văn Bảo dắt xe, tôi đẩy phía sau. Mỗi chiều tối thì may mắn gặp được một đơn vị bộ đội làm nhiệm vụ vận tải đóng ngay ở bia rừng. Các chiến sĩ nhiệt tình và lại xăm bị thủng, kiểm tra lại xe, băng vết thương ở cổ chân Văn Bảo và nấu mì cho chúng tôi ăn rồi tiễn chúng tôi lên đường. Đã 8 giờ đêm, đường rừng tối đen, đèn xe yếu ớt nhưng lòng chúng tôi phấn chấn vô cùng vì chắc sẽ đuổi kịp đoàn. Trời bỗng đổ mưa như trút, đường trơn, lầy lội, khó đi. Nhưng rất may, đúng lúc ấy phía trước có ánh đèn pha ô tô lóe lên chói mắt. Văn Bảo dừng xe. Tôi reo như hét lên vì nhận ra xe của anh Trần Thanh Xuân quay lại tìm chúng tôi. Tôi lên xe anh Xuân, Văn Bảo lái mô tô theo sau về địa điểm trú quân. Lúc ấy đúng 12 giờ đêm ngày 29-4-1975, đêm cuối cùng của chiến tranh. Đêm ấy tôi không ngủ, chỉ mong trời mau sáng. Tôi nằm thao thức, mừng tượng ra giây phút

tiến vào Dinh Độc Lập và bài tường thuật sẽ viết về những phút giây lịch sử trọng đại của đất nước.

Khoảng 5 giờ sáng chúng tôi được lệnh lên đường. Anh Trần Thanh Xuân thông báo quân ta đã tiến sát Sài Gòn và yêu cầu các phóng viên phải bằng mọi cách vượt lên bám sát các lữ đoàn xe tăng tiến thẳng vào Dinh Độc Lập.

Xe máy tăng ga, đồng hồ báo tới trên 50km/giờ. Văn Bảo đeo tôi vượt lên dòng thác người và xe cộ nườm nượp trên đường... Khoảng 11 giờ 45 phút trưa 30-4-1975, tôi tới được Dinh Độc Lập. Sự kiện lịch sử vừa diễn ra. Cờ chiến thắng vừa được cắm trên nóc Dinh Độc Lập. Trần Mai Hương, Vũ Tào, Ngọc Đan, Hoàng Thiểm, Đinh Quang Thành... đi theo sư đoàn 304 và lữ đoàn xe tăng 203 của Quân đoàn 2 đã có mặt trước chúng tôi, các anh đã kịp ghi lại nhiều hình ảnh về những phút giây lịch sử, trong đó có bức ảnh chụp một chiếc xe tăng trong đội hình hành tiến đang vượt qua cổng Dinh Độc Lập của Trần Mai Hương được sử dụng rộng rãi về sau này như một biểu tượng cho ngày chiến thắng. Tôi hỏi ngay các dữ kiện không thể thiếu của bài tường thuật (mấy giờ chiếc xe tăng đầu tiên húc tung cánh cửa chính Dinh Độc Lập? Mấy giờ cờ chiến thắng được cắm trên nóc Dinh Độc Lập? Chiến sĩ cắm cờ tên là gì? Tổng thống Nguyễn quyền Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng như thế nào, ta tuyên bố chiến thắng như thế nào?) rồi lao lên ngay tầng 2. Toàn bộ nội các của chính quyền Sài Gòn vừa tuyên bố đầu hàng còn ngồi ở đó. Tôi lập tức hỏi và ghi lại cuộc đối thoại lịch sử giữa Tổng thống Nguyễn quyền Dương Văn Minh và cán bộ chỉ huy Quân giải phóng đánh chiếm Dinh Độc Lập (sau này tôi được biết đó là đồng chí Phạm Xuân Thệ, lúc đó là đại úy, trung đoàn phó trung đoàn 66 của Quân đoàn 2 cùng với lữ đoàn xe tăng 203 của quân đoàn được lệnh đột kích, thọc sâu đánh chiếm Dinh Độc Lập). Ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng không thể không nhớ tới Bác Hồ, không thể không tìm đến nơi Bác đã ra đi tìm đường cứu nước. Tôi và Văn Bảo ra ngay bến Nhà Rồng. Tại đây Văn Bảo đã chụp được bức ảnh lịch sử, một chiếc tàu hải quân nguy bị pháo ta bắn trúng bốc cháy ngùn ngụt, tôi phỏng vấn được một công nhân làm việc lâu năm ở cảng về tình cảm sâu nặng của người dân Sài Gòn với Hồ Chủ tịch kính yêu và ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng...

Mặc dầu còn rất nhiều địa điểm quan trọng như trụ sở Bộ tổng tham mưu Ngụy, Tổng nha cảnh sát, tòa Đại sứ Mỹ..., nhưng tôi không ham đi tiếp mà lập tức quay về trụ sở Việt tấn xã để viết bài tường thuật. Khoảng 2 giờ chiều tôi đã viết xong. Bài tường thuật dài khoảng 1.500 từ đó có tên "Thành phố Hồ Chí Minh rực rỡ tên vàng", được chia thành hai phần chính với 2 tit nhỏ "Những giờ phút lịch sử" và "Sài Gòn rạng rỡ". Bài tường thuật đã viết xong nhưng tôi loay hoay không biết chuyển về Hà Nội bằng cách nào. Điện đài 15 oat mang theo và cả điện báo viên đều để lại trên cứ vì công suất đó không thể với tới Hà Nội. Chưa điện được bài nên tôi chẳng lòng dạ nào đi đâu, cứ loay quanh ở Việt tấn xã ngóng chờ xe chở điện đài và các điện báo viên của TTXGP. Mãi chiều tối các anh mới tới. Sau khi các đồng chí điện báo viên tìm chỗ đặt máy, căng ang ten bắt được liên lạc tôi liền đưa bài tường thuật để các đồng chí điện về, không phải điện về Hà Nội mà là điện về trụ sở TTXGP trên rừng Tây Ninh. Sau này tôi được biết tới đó anh Phạm Vy, cán bộ Phòng thư ký Bộ biên tập cùng đi trong đoàn đã trực cạnh điện đài, xê từng đoạn bài tường thuật của tôi đang được điện về để anh Đào Tùng duyệt lại trước khi điện báo viên dùng điện đài công suất lớn chuyển tiếp về Hà Nội. Vì điện báo viên phải đánh mộc từng chữ, chữ "a", chữ "b", chữ "c" nên rất mất thì giờ. Bài tường thuật được đăng trên bản tin Đấu tranh thống nhất của Ban biên tập tin miền Nam của VNTTX phát báo ngay trong đêm 30-4-1975 cũng với đầu đề "Thành phố Hồ Chí Minh rực rỡ tên vàng". Bản tin phát báo đêm 30-4-1975 bằng têlêtip của VNTTX chắc do quá khuya nên Báo Nhân dân ra sáng 1-5 không đăng

kịp. Báo Nhân dân ngày 2-5 đã đăng toàn văn bài tường thuật này nhưng đặt lại đầu đề là "Tiến vào Phủ tổng thống ngự". Bài báo ghi rõ tên người viết "Trần Mai Hạnh, phóng viên VNTTX tại Sài Gòn".

Trưa 1-5 lịch sử, tôi và Văn Bảo với chiếc đài bán dẫn mang theo, đang trên ô tô giữa đường phố Sài Gòn sôi động, nườm nượp những dòng người của ngày hội lớn thì nghe được buổi thời sự đặc biệt của Đài tiếng nói Việt Nam. Sau khi đọc bản tin đặc biệt của TTXGP: "Từ sáng 1-5-1975, toàn bộ miền Nam nước ta đã hoàn toàn giải phóng", Đài đã đọc trang trọng bài tường thuật "Thành phố Hồ Chí Minh rực rỡ tên vàng" của tôi. Mở đầu bằng câu "Cùng với các chiến sĩ Quân giải phóng, từ hướng tây - bắc, theo đường số 1, chúng tôi tiến thẳng vào trung tâm Sài Gòn. Thành phố Hồ Chí Minh hiện ra trước mắt chúng tôi trong một cảnh tượng rất đồ sộ huy hoàng...", bài tường thuật kết thúc với đoạn văn chính luận, giàu cảm xúc: "... Khi tôi đang viết những dòng này thì đường phố Sài Gòn rạo rạo rung chuyển bước chân của hàng triệu người. Trong tiếng reo hò, chào mừng, tiếng nói cười hân hoan và muôn nghìn âm thanh khác nhau hòa thành tiếng nói lịch sử. Từ nay chấm dứt 117 năm sống trong nô lệ. Từ nay vĩnh viễn sống trong độc lập, tự do. Cách mạng Tháng Tám thành công chưa được mấy ngày, Sài Gòn đã đi đầu trong cuộc kháng chiến thần thánh của đất nước, chống thực dân Pháp, và sau đó là kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Với chiến thắng lẫy lừng ngày hôm nay, Sài Gòn đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử vẻ vang của mình, cầm cờ chiến thắng trên đỉnh lư cuối cùng của địch. Sài Gòn đi trước về sau, ngày hôm nay đã làm rạng rỡ hơn bao giờ hết cái tên gọi thân yêu: "Thành phố Hồ Chí Minh rực rỡ tên vàng".

Âm thanh radio được mở hết cỡ. Bài tường thuật vang lên giữa biển người và cờ hoa chào đón của Sài Gòn giữa trưa nắng đẹp chan hòa của ngày Quốc tế lao động đầu tiên đất nước thống nhất, trọn vẹn niềm vui. Tôi đã rung rung nước mắt. Đời phóng viên có hạnh phúc nào, có niềm xúc động nào lớn lao hơn thế. Lúc ấy tôi nghĩ đến công lao của Bộ biên tập VNTTX, tới anh Đỗ Phượng đã chọn cử tôi đi chiến dịch lịch sử này, tới anh Đào Tùng đã đứng ra bảo lãnh để có tiền mua xe Honda cho tôi và Văn Bảo có phương tiện tiến về Sài Gòn, tới anh Trần Thanh Xuân đã cho xe ô tô quay lại tìm tôi và Văn Bảo hong xe đang loay hoay giữa trời đêm bịt bùng giữa rừng rậm Tây Ninh trong đêm cuối cùng của chiến tranh, tới các đồng nghiệp đã ngã xuống, tới các đồng chí điện báo viên TTXGP người đâm mồi hôi và bụi đường vừa hành quân tới đã lập tức lập điện đài, căng ăng ten bắt liên lạc để kịp điện bài tường thuật của tôi. Tuy ký tên tôi, nhưng bài tường thuật là của cả một tập thể với công sức của bao người...

Cũng trong ngày 1-5-1975, tôi xin được GIẤY CÔNG TÁC ĐẶC BIỆT của ủy ban quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định cho phép tôi với tư cách phóng viên được phép hoạt động nghiệp vụ trên toàn thành phố và yêu cầu các đơn vị và chính quyền các cấp giúp đỡ tôi hoàn thành nhiệm vụ. Đó có lẽ là chiếc thẻ nhà báo đầu tiên được chính quyền cách mạng (Ủy ban Quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định) cấp tại Sài Gòn trong bình minh của một ngày mới. Nhờ đó tôi đã đi được khắp thành phố, gặp gỡ các nhân chứng lịch sử, thu thập được nhiều tài liệu, tư liệu giá trị. Ngoài nhiệm vụ phóng viên VNTTX, viết tin, bài kịp thời cho tổng xã, trong đó có những bài tường thuật viết chung với Trần Mai Hương về cuộc mít tinh ra mắt ủy ban quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định (7-5-1975), về lễ diễu binh lịch sử mừng chiến thắng tại Sài Gòn (15-5-1975), tôi còn viết được một số tác phẩm văn học đã được xuất bản như: "TÌNH YÊU VÀ ÁN TỬ HÌNH" (Nhà xuất bản Thanh Niên), "SỤP ĐỔ VÀ TỰ THỬ", "NGÀY TẬN THẾ" (Nhà xuất bản Quân đội nhân dân). Cuốn tiểu thuyết lịch sử "NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG CỦA VIỆT NAM CỘNG HÒA" tôi cũng đã hoàn thành, năm 2000 được báo Văn nghệ đăng nhiều kỳ và Đài tiếng nói Việt Nam đọc dài kỳ

Đồng chí LÊ ĐỨC THỌ, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Trưởng ban Tổ chức Trung ương, người đã có những đóng góp to lớn trên bàn đàm phán hòa bình ở Paris đầu những năm 70 của thế kỷ trước, người đã từ chối giải thưởng Nobel Hòa bình 1974 mà Viện Hàn lâm Thụy Điển dành cho ông. Ông cũng là một trong những người thay mặt Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử năm 1975.

Cũng như nhiều nhà lãnh đạo khác, đồng chí Lê Đức Thọ thường làm thơ, sử dụng thơ ca như một vũ khí tinh thần trong sự nghiệp cách mạng không ít biến động của mình. Nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của ông, (1911 - 2011), Văn nghệ xin giới thiệu lại một chùm thơ ông viết vào cuối tháng 4 năm 1975, những ngày cuối cùng của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước.

LÊ ĐỨC THỌ Mồ chiến sĩ không tên

Giữa rừng nầm đất còn tươi,
Mồ ai mưa gió, ai người viếng thăm.
Anh vui giấc ngủ ngàn năm;
Thương anh ngày tháng hờn căm chất chống.
Anh nằm dưới đó nghe không?
Hôm nay bom đạn nổ tung Sài thành.
Ngày vui, Tổ quốc nhớ anh,
Chiến công này có công anh góp phần.

Cầm Xe, 26-4-1975

Mưa rơi

Nghe chim tu hú gọi
Rừng Lộc Ninh sáng rồi.
Suốt đêm qua không ngủ,
Nằm đếm tiếng mưa rơi.
Lo cho anh bộ đội
Lấy lợi quãng đường dài;
Hết tàng rồi lại pháo,
Mong chẳng thấy tâm hơi.
Chiến trường chờ từng phút,
Đừng mưa nữa, mưa ơi!
Đế đường mau khô ráo
Cho xe vào tới nơi,
Trận cuối cùng lịch sử,
Tiếng súng bắt đầu rồi.

Lộc Ninh, 9-4-1975



Trận thắng cuối cùng

Thân mến tặng các đồng chí
Bộ Chính trị và Trung ương Đảng

Tôi biết lắm, đêm qua, Anh không ngủ,
Trận cuối cùng, súng nổ sáng hôm nay
Anh trông chờ từng phút, từng giây
Theo nhịp bước của đoàn quân đang xốc tới.
Táo bạo, khẩn trương, thời cơ thuận lợi,
Trút lửa thù vào sào huyệt bọn tay sai,
Quanh Sài Gòn đã siết chặt vòng vây;
Đường Bồn cắt rồi; Vũng Tàu không lối thoát;
Cần cứ Biên Hòa, sân bay Tân Sơn Nhất,
Pháo tầm xa đang giội lửa xuống ngày đêm.
Những máy bay A.37, F.5
Bị chầy rệ không thể nào cất cánh.
Sáu hướng, năm quân đoàn tiến công dũng mãnh,
Như mưa tuôn, thác đổ, như bão táp, triều dâng.
Không một sức mạnh nào có thể cản ngăn
Mũi đột kích của những binh đoàn cơ giới
Vào hang ổ cuối cùng. Quân thù đang hấp hối.
Chúng phải giờ tay, quý gối xin hàng.
Quân ta tiến vào anh dũng, hiên ngang,
Cờ đỏ thắm cắm trên đỉnh Độc Lập.
Quần chúng reo hò, niềm vui tràn ngập,
Làn sóng người cuốn cuộn mãi không thôi.
Anh giải phóng quân trên xe pháo mỉm cười.
Tay vẫy đón những bông hoa tươi nhất.
Ôi, những phút giây mừng đến rơi nước mắt!
Suốt đời người chỉ có một hôm nay.
Giữa lúc này, Anh suy nghĩ gì đây,
Chắc mừng lắm cũng không sao ngủ được;
Quyết xây dựng lại tương lai đất nước;
Cho Tổ quốc ta giàu đẹp gấp ngàn lần.
Không còn những ngày đói khổ, gian truân,
Tinh ruột thịt Bắc Nam một nhà sum họp.
Ước mơ Bác đã trở thành hiện thực.
Lúc này đây Bác ngủ hẳn yên lòng,
Trời hôm nay, trong sáng, đẹp vô cùng!

Tân Sơn Nhất, 1-5-1975

trong buổi đọc truyện đêm khuya. Vì lý do riêng, đến nay cuốn sách chưa ra mắt để giới thiệu với độc giả.

Thời gian đã lùi xa. Đã gần bốn thập kỷ sau Chiến thắng lịch sử. Thời gian ấy là quá nửa đời người. Bao sự kiện đã diễn ra, bao biến cố đã đến với mỗi cuộc đời trong quãng thời gian không ngắn ấy. Con gái đầu lòng mới 2 tuổi khi tiễn tôi đi Chiến dịch Hồ Chí Minh năm ấy, giờ đã là một nữ nhà báo, một phụ nữ trưởng thành được Chủ

tịch nước gửi Thư khen và được vinh danh "Công dân Thủ đô ưu tú" nhân Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Còn với tôi, không chỉ có những giây phút vinh quang và thời khắc huy hoàng được chứng kiến, mà còn có cả những tai họa, những bi thảm tội cùng. Trong những thời điểm khắc nghiệt nhất của số phận, chính thời khắc huy hoàng trưa 30-4-1975 được chứng kiến và viết bài tại Dinh Độc lập đã giúp tôi bình tâm lại, giúp tôi đứng vững với niềm tin không gì lay chuyển về lý tưởng cao đẹp

của người cộng sản mà mình đã theo đuổi để tiếp tục sống có ý nghĩa trong cuộc đời này. Cách đây hơn một thập kỷ, cũng vào một buổi sáng tháng Tư, tôi may mắn được Giáo sư Hà Minh Đức, thầy dạy tôi hồi Đại học Tổng hợp văn dành cho buổi trò chuyện thân tình. Trong câu chuyện về nghề văn, nghề báo, vị Giáo sư thầy học kính mến đã thân tình hỏi tôi:

- Nếu cần đưa ra một định nghĩa về nghề báo, anh sẽ nói điều gì?

Tôi đã thưa với Giáo sư:

- Thưa thầy! Em nghĩ, nghề báo gắn với sự kiện. Nhà báo không ký tên vào lịch sử, họ chỉ để lại tên tuổi của mình trong lịch sử chiến công của người khác.

Gần bốn thập kỷ đã qua. Ngồi viết lại những dòng này tôi bỗng xúc động, bồi hồi. Anh Đào Tùng, Thủ trưởng kính mến của tôi, anh Văn Bảo, anh Lâm Hồng Long, anh Lam Thanh và nhiều phóng viên TTXVN từng cùng tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, nay không còn nữa. Những sự kiện lịch sử chỉ diễn ra một lần, cũng như đời mỗi con người chỉ sống có một lần. Nhưng để hiểu hết chân giá trị của lịch sử, để hiểu đúng một con người lại cần có thời gian, nhiều khi không thể chỉ đánh giá một lần. Lịch sử và cuộc sống luôn là một dòng chảy liên tục, bất tận. Trong cuộc sống hiện tại ngày hôm nay có nền tảng và những giá trị tinh thần vô giá của quá khứ, đồng thời nó cũng chứa đựng mầm mống và sức sống mãnh liệt của tương lai... ■

Hà Nội 2/4/2011

* Trích trong "Cuộc đời, khoảnh khắc và suy tư"



Nhà báo Trần Mai Hạnh (trên xe máy, đeo kính) và các phóng viên TTXGP tại cửa ngõ Sài Gòn sáng 30-4-1975

CON CHIM VÀNG ANH

Truyện ngắn dự thi của LÊ BÁ ĐẠT

TÔI mới mua con chim cảnh rất đẹp giá tới hơn mười triệu một con. Bây giờ sẵn thú chơi chim cảnh, cây cảnh, chó cảnh..., nói chung toàn là những thứ nuôi làm cảnh là để khoe mình sang. Giống như nhà đẹp, xe xịn vậy. Để chứng tỏ mình có tâm hồn thích sự yên bình và thư thái. Đấy như thằng Tấn – thằng làm tặc có số ấy. Nó cũng chơi chim cảnh, cây cảnh. Cái thằng trí thức cận lồi mắt như thằng Huệ, cái thằng hồi phố thông bọn tôi gọi là "Huệ Niwton" hay "Huệ tóc xoắn". Cái thằng môi như con đĩa già bú no máu. Răng thì màu trắng bạc nhưng má bầm vàng khè. Cổ tay áo đất bao giờ cũng đóng ngấn. Hắn cũng chơi cây cảnh, chim cảnh... Và tôi thằng thuyết khách. Ra thế, chiếc áo mặc khác nhau nhưng tâm hồn thằng nào cũng giống thằng nào. Nhưng thế này, thì thằng làm tặc – thằng trí thức – thằng thuyết khách như nhau tất. Sang cái đích gì những thằng ấy, ngồi trên xe xịn thằng thì văng cả cái trong quần ra, thằng thì nước hoa thơm nức nhưng người thì đất đóng cặn ở sống áo.

Con chim tôi mua là của thằng Tấn bắt được trên rừng. Nó bắt được cả con cái khi chúng đang yêu đương nhau. Nó chỉ bán cho tôi con cái, còn con đực nhất định không chịu bán. Nó bảo: "Chỉ có con mái mới đẹp. Con đực là đồ thừa. Sinh ra con đực là chỉ để thỏa mãn nhu cầu của con mái. Bởi con mái có cái con đực muốn." Tôi vặc lại: "Chẳng lẽ con cái không muốn cái của con đực chắc?" Hắn bảo: "Cả hai đều cần cái của nhau. Kẽ nào dấu được điều mình muốn sẽ làm được việc mình muốn."

Hóa ra, việc hắn giữ lại con đực là để giao phối với đàn gà gô nhà hắn. Để mong sinh ra cả đàn chim quý bán làm cảnh. Nếu phải chọn giữa hai con thì tôi sẽ chọn con chim mái, vì nó đẹp hơn. Còn hắn, hắn sẽ chọn con chim đực. Vì

một con chim đực có thể giao phối với nhiều con mái để sinh ra nhiều con. Một con chim mái có thể giao phối với nhiều con đực nhưng không thể sinh ra nhiều con.

Tôi đưa bố tôi lên phụng dưỡng. Tôi thương ông quá vì cả đời ông cơ cực. Tôi chỉ muốn ông sống sung sướng cuối đời. Lạ thật! Sung sướng mà cụ chẳng thích cứ đòi ở quê. Nhưng kệ ông cụ, tôi phải đưa ông cụ lên phụng dưỡng. Người ta còn nhìn vào tôi nữa chứ. Ông cụ bảo thủ lắm. Ngày trước, khi tôi xin ông cụ ở lại Hà Nội này để sinh sống. Ông cụ nhất định không cho bảo tôi phải về quê còn mỗ mả ông bà. Còn anh em hàng xóm nữa. Tôi nhất quyết không nghe. Nghề nghiệp, tài năng của tôi không thể chôn vùi ở cái mảnh đất quê nghèo được. Không phải tôi không yêu quê, nếu có thêm tôi ở quê thì cũng chỉ thêm một thằng nông dân mà thôi. Ông cụ khổ suốt đời đến lúc sướng vẫn sống khổ, không sống sướng được. Ai bắt đầu mà chưa đến 5 giờ sáng ông cụ đã dậy. Dậy rồi chẳng biết làm gì thì ông cụ ngồi chờ trời sáng. Sáng rồi ông cụ cũng chẳng biết làm gì. Ông cụ cứ ngồi ở song cửa ngóng ra. Cứ như tôi nhốt ông cụ vậy. Về mặt ông cụ buồn lắm. Ông cứ kể tôi nghe, phố thị cái này xấu, cái kia xấu. Chiều chiều ông cụ lại đạp xe cả chục cây số ra ngoại ô chơi. Ông cụ hay đòi về quê sống nhưng tôi không cho. Về quê ông cụ lại bày vẽ trồng trọt. Khổ thân.

Được ba năm như thế. Cha tôi bắt đầu lần thẩn. Ông cụ không còn sống với thực tại nữa. Ông cụ sống với những ngày thơ ấu, những ngày cuộc đời ông bắt đầu. Từ khi tôi mua con chim cảnh về chuyện lần thẩn của ông cụ ngày càng nặng hơn.

Đã mấy lần, tôi chạy khắp phố để đuổi bắt con chim. Chẳng còn ra thể thống gia đình danh gia gì nữa. Cả gia đình danh giá chạy đuổi bắt một con

chim. Người dân thành phố này quá quen với tên chính khách mặt nhăn bóng là tôi. Hay mặc vest, comple, tối thiểu là sơmi hộp, đi giày đen, tóc rẽ đường ngôi, đi đứng đài danh, đạo mạo... Nghe tôi nói về tự do, dân chủ, bình đẳng, cởi mở... Chỉ vì tôi đuổi bắt con chim. Chỉ vì tôi mặc quần đùi, đi dép lê, mặc áo ba lỗ. Ngày mai họ sẽ nghĩ về tôi khác ngay. Tôi đoán họ nghĩ về tôi thế này: Một gã suốt ngày chửi chửi. Hắn đi vào nhà vệ sinh cũng đi giày đen. Lên giường ngủ với vợ hắn cũng mặc áo vest. Trước khi muốn làm tình với vợ hắn sẽ hỏi: "Hôm nay em có cảm hứng không?" Nếu vợ hắn không có cảm hứng thì hắn sẽ không làm chuyện đó. Giống như một cô học sinh nghĩ thầy giáo mình không đi vệ sinh bao giờ. Tới hôm đùng thầy đi vệ sinh thì ngạc nhiên hỏi: "Ơ! thầy cũng đi vệ sinh à."

Hết lần này tới lần khác, chính bố tôi thả con chim quý của tôi đi. Ở cái thành phố chỉ có nhà và nhà nên nó không thể chạy thoát đi đâu. Tám mươi tuổi ông cụ còn nhất định ly hôn với vợ. Buộc lòng chúng tôi phải làm giả vợ cho cụ. Nhưng cụ thì làm thật. Ông đòi chia đôi tài sản, đòi đi nơi khác ở.

- Tôi lấy cái lồng chim này. Bằng một nửa tài sản, còn lại của bà.

- Sao ông lấy ít thế?

Mẹ tôi nói. Nước mắt bà lưng lưng. Nếu còn trẻ, chắc bà khóc dữ dội lắm. Giờ già rồi, nước mắt cạn. Khóc nước mắt không ra được nữa. Chỉ thấy lồng lánh như giọt sương đậu trên cành cỏ may thôi.

- Tôi chỉ cần cái này. Còn lại thì cho cả.

Ông gạt ngược tay như cái cần gạt nước, cái mặt nghênh lên.

Chia tay xong ông ôm khư khư cái lồng chim leo đèo theo tôi. Tôi nhìn mẹ. Mẹ bảo tôi:

"Kệ tao, chúng mày cứ làm những gì

ông ấy muốn."

Lần tôi về, bố tôi đang tung con chim bay lên. Ông hét lên:

"Bay đi vàng anh ơi! Bay đi! Tao không nhốt mày. Mày đừng cần lưới chết. Bay đi!"

Tôi chạy lại thì con chim đã tung bay.

Lần này, nó cũng không thoát khỏi tay tôi. Nó nghĩ nó là ai mà đòi thoát khỏi bàn tay tôi ở cái thành phố này. Bố tôi chỉ thả nó từ một chiếc lồng con ra một chiếc lồng lớn hơn thôi.

Tôi căng lưới B4 xung quanh gốc khế, gốc ổi và bụi dong góc vườn cạnh nhà vệ sinh. Cái này tôi bắt trước thằng Tấn xây. Nó gọi là Rừng trong Phố. Để con chim được vui. Tôi về quê chọn mua một vài con gà chọi, một vài con chim khác về nuôi cùng. Tôi nuôi chúng để cho không gian hoạt náo hơn và để cho con chim của tôi vui vẻ mà vừa hát cho tôi xem. Nhưng nó có tự trọng của nó. Nó luôn tỏ ra lạnh lùng. Nó buồn, cái vẻ buồn của đấng quyền uy thất thế. Không vô tư như loài gà. Thế nên, tôi mới quý và ghét nó.

Tôi khóa cửa chặt và lúc nào cũng cầm chìa khóa, để vợ tôi, cụ Tuấn, hay bác Lê giúp việc giữ thì kiểu gì ông cụ cũng đòi được chìa khóa thả con chim ra. Ông cụ chỉ sợ tôi thôi. Ngày xưa, tôi nghịch trong nhà tôi chỉ sợ mình ông. Còn bây giờ ông chỉ sợ mình tôi.

Ông cụ chạy lên phòng tôi mỗi đêm. Ông cụ van xin:

- Anh Hưng! Thả con chim vàng anh của em ra đi. Thả ra đi. Không nó cần lưới chết.

"Anh Hưng" là bác tôi. Tôi không hiểu những điều ông cụ nói. Tôi cứ khất lẩn, khất lướt ông cụ. Ông cụ tin ngay, bỏ về, vừa đi vừa lầm nhảm.

- Ngày mai, mi sẽ được thả ra thôi vàng anh à. Ngày mai thôi!

Ngày sáng sớm, chắc ông cụ lại ra chuồng chim thấy con chim vàng anh

Minh họa của LƯƠNG XUÂN ĐOÀN



chưa được thả. Ông cụ lại chạy lên đòi tôi thả con chim.

Tôi sang nhà thằng Tấn gạ bán con chim.

- Cho gà ngủ với rổng vẫn đẻ ra gà.

Những thứ không bình thường như thế mà bạn tôi cũng nghĩ ra được. Lòng tham khiến bạn tôi nghĩ ra nhiều thứ hài hước thật. Tôi nói đùa hân mà hân vẫn bình tĩnh như không.

- Con cái không có con đẻ sớm muộn cũng phát lên mà chết. Con chim nhà ông rúc đầu vào háng chưa? - Bây giờ hân mới cười.

- Mẹ khỉ! Hân thâm thật. Ta tưởng hân bị điên để con chim cảnh lại làm nhân giống với đàn gà. Ai dè, hân lừa ta. Mà chỉ muốn tiền của ta thôi.

- Con chim nhà bác ừ rừ quá. Thương có con cu mà không được dùng.

- Nó ừ rừ vì dương khí suy kiệt. Tôi cho nó ăn một loại lá cây rừng hân dương. Giờ nó như một kẻ ái.

"Con chim của hân thì sống. Con chim của ta thì chết. Hân muốn quăng lại giá rẻ đây mà." Tôi nghĩ thế.

- Tôi sang đây! Ý chừng muốn nhường con chim mái cho bác để bác có một đôi làm giống. Lại chẳng làm hại tới đôi chim.

- Bác thương đôi chim quá. Bác cũng nên thương tới công chăm sóc cho hai con chim của tôi nữa.

- Chỗ bạn bè cùng học với nhau từ hồi bắt chim. Tôi còn nhớ cho anh nhiều chích ống, chào mào, cả cu cu để anh nuôi. Ngày đó, anh làm gì biết trèo. Sao lại làm vậy, chỗ bạn bè không hay.

- Con trâu cho con cò đậu trên lưng vì biết con cò sẽ giúp mình bắt ruồi. Con trâu nghĩ thế chứ chẳng vì con cò. Con cò bắt ruồi vì miếng ăn chứ chẳng vì con trâu.

- Đố đố!

Tôi bán lại chim với giá bằng một phần mười lúc mua. Nhìn vào "rừng" trống hoắc, bố tôi không còn đòi thả con chim vàng anh nữa. Tôi đem cả lũ gà ra làm thịt ăn một bữa thừa mứa. Thả tất cả bọn chim. Không có mây - kẻ đáng mặt anh hùng. Bọn chúng chẳng đáng gì cả.

Tết mọi năm, tôi dẫn ông cụ đi chơi khắp bạn bè. Năm nay cũng thế. Tôi dẫn cụ sang nhà thằng Tấn chơi. Ông cụ nhìn thấy đôi chim trong đó có con chim của tôi. Ông cụ thỉnh linh chạy tới, tôi không kịp ngăn.

- Vàng anh ơi! Bay đi vàng anh ơi! Tao thả mày ra. Mày đừng cần lười chết.

Hai con chim bay đi trong sự ngỡ ngàng của tôi và mọi người. Ngay giữa ngày mồng một tết. Bất chấp, thằng Tấn vạc vào mặt tôi. Tôi không làm gì được hân. Xung quanh hân toàn thằng lâm tặc. Hân cười làm tôi bức tiết. Tôi quay sang ông. Ông đang cười ngơ nghe. Tôi tát cho ông một cái nẩy đom đóm mắt. Ông ngồi ôm mặt khóc hu...hu như một đứa trẻ. Ông xin tôi đừng đánh nữa. Tôi đỡ người. Tôi giật mình, ôm chầm lấy cha tôi, khóc nức nở. Tôi đánh cha tôi! Tôi đã đánh cha tôi! ... Tôi hèn nhát...Tôi lếu lảo... Tôi con thú cuồng điên... Tôi yêu cha tôi lắm...Trong giây lát đó nhiều con người trong tôi đồng hiện.

NGUYỄN PHAN QUẾ MAI

Đồng Lộc

Hoa không ngăn nổi mình
chảy dòng tang trắng

Cỏ không ngăn nổi mình
trào nắm mộ xanh

Tôi
bé hơn hoa
thấp hơn cỏ
ngliêng mình

Con gió trắng
bay qua đôi cát

Con gió trắng hát mười bài hát: Võ Thị Tấn, Hồ Thị Cúc, Võ Thị Hợi, Nguyễn Thị Xuân, Dương Thị Xuân, Trần Thị Rạng, Hà Thị Xanh, Nguyễn Thị Nhỏ, Võ Thị Hà, Trần Thị Hương

Mười tuổi tóc mười cung đàn ngân hát

Xanh

Xanh

Xanh

Nắng gió

Ngút ngàn

Mười dải mềm nổi một dải Trường Sơn

Mười ánh mắt đã thành ánh sáng

Hoa không ngăn nổi mình hòa dòng tang trắng

Chảy về trời trong tiếng hát chị tôi.

Đồng Lộc, tháng 3-2010

Quảng Trị

xác xơ tóc trắng

Trời sập nắng kéo lê tôi trên những quãng đường chỉ chít
hố bom mắt người chết toang hoác mở
những ruộng đồng nề khô thoi thóp thổ

Hoa phượng loang tươi đỏ những con đường
Còn sâu hoắm vết thương

Quảng Trị

Hai nẻo trời và đất

Trắng trời những ngôi mộ vô danh
Trắng đất những người con đi tìm mộ bố
Mưa tả tơi xuống họ

Những đứa con chưa biết mặt cha
Những người cha không thể trở về nhà
Tiếng gọi "con" còn chôn sâu trong ngực
Tiếng gọi "cha" hơn 30 năm thao thức

Đêm nay tôi nghe tiếng chân cha và con từ hai nẻo
trời và đất

Những bước chân rần rật
lần tìm về nhau
những bước chân cạn máu
lạc nhau qua triệu dặm đường
lạc nhau qua nghìn thế kỷ

Mỗi bàn chân tôi đặt trên đất nước
đang đặt lên bao nhiêu thân thể lạnh khói hương
trong lòng đất?

dầm lên bao nhiêu biển nước mắt
của những người con chưa tìm được mộ cha mình?

Mẹ tôi, kém bố tôi hai tuổi. Ngày xưa, từng làm vợ chồng giả sau trái nhà tranh của ông nội dựng gỗ làm nhà. Mẹ bảo, bố tôi thích làm gì thì làm không nghe ai cả. Vợ chồng giả chia tay nhau mấy lần. Lần nào ông cũng chỉ lấy mỗi cái lồng chim. Tôi biết bà yêu ông lắm. Yêu từ cái ngày làm vợ chồng giả, từ ngày ông dám leo ngọn cau cao nhất làng bắt tổ chim chích ống cho bà. Gia đình bà giấu lắm. Không muốn cho bà lấy ông. Kệ! Ông cứ theo. Thấy bà ở đâu, ông chạy lại, có ai cũng mặc. Gia đình nhốt bà lại để không cho ông gặp bà. Ông vác gậy đứng ở góc tảo đại đầu cổng nhà bà cấm tiết bạn trai làng tới tán. Nhớ bà quá, ông nửa đêm chui vào phòng bà. Chuyện vô lễ, phải cho bà lấy ông.

Tôi hỏi bà về con chim vàng anh. Bà lần cây gậy sau cửa mò mẫn dẫn tôi ra gốc cau ở bờ giếng.

"Đấy! Con chim vàng anh chết, ông

ấy chôn ở đây. Tao và ông ấy xé vải lau bàn để liệm cho nó. Ông ấy đóng cổ quan tài cho nó bằng nứa, thấp hương cho nó bằng đồ hàng và cành man hảo. Tao và ông ấy nuôi sau trái nhà. Ông ấy chăm nó lắm. Bắt nhiều loại sâu cho nó ăn. Mớm nước bọt cho nó uống. Tao và ông ấy gọi nó bằng "con". Có lần, ông ấy bị sâu róm cắn sưng húp cả bàn tay. Ông gãi toác máu, ổng khóc, tao cầm lấy tay ổng tao khóc. Hai đứa khóc ré lên, mẹ ra mẹ lôi vào bôi vôi, sát trấu không cho mấy ngày mới khỏi. Thế mà nó chết. Nó bị nhốt - nó không ăn - nó cần lười nó chết.

Cái chết của con chim vàng anh đã đi vào tiềm thức của cha tôi, để về già ông bị ám ảnh và day dứt.

Tôi mua lại bốn mươi triệu đồng hai con chim cảnh. Tôi nhốt nó đem về quê thả để nó được tự do và giải thoát cho

cha tôi khỏi những kí ức tuổi thơ.

- Bay đi vàng anh ơi! Mày được tự do rồi.

Trông bố tôi khi đó vui lắm như đứa trẻ được cho quà ngon. Trông bố tôi khi đó tôi mới hiểu bao nhiêu năm nay điều tôi tưởng như làm là tốt cho cụ nhưng không phải. Cái cha tôi cần không phải những thứ tôi làm cho ông. Cái ông cần là tự do, là được sống, được làm những điều ông cụ muốn. Tôi biết chính tôi cũng đang mất tự do trong ngôi nhà của mình.

Tôi ở lại quê cùng đi chơi diều với ông cụ vài hôm. Ông cụ vui hân lên. Năm năm sau tôi về hưu và về quê ở. Ngày ngày cưỡi trâu bạc lên gò Nổi Chấn, thả diều, chơi cù, chơi ô ăn quan... cùng lũ trẻ làng. Và nằm bên mộ đất sè sè, cỏ mọc xanh rì, nói chuyện với cha tôi. ■

L.B.Đ

ĐIỆN BIÊN PHỦ TRONG TÂM HỒN TÔI

GS TÔN THẤT TÙNG

GS. Tôn Thất Tùng sinh ngày 10/5/1912 và lớn lên tại Huế. Được cách mạng giác ngộ, cuộc đời ông đã trở thành một tấm gương về tinh thần lao động khoa học miệt mài, về lòng yêu thương bệnh nhân cùng với nhiều công trình khoa học có giá trị. Ông cũng là một trong những người đầu tiên xây dựng trường Đại học Y khoa Hà Nội ngay từ sau cách mạng tháng Tám.

Tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ từ những ngày đầu, trong cương vị là một bác sĩ phẫu thuật của Đội Điều trị 1, một trong những đội điều trị mạnh của Cục Quân Y, được thành lập đầu tiên trong thời kỳ Kháng chiến chống Pháp, những trang nhật ký được ghi chép hết sức đều đặn và chi tiết của ông thực sự là một góc nhìn khác về cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc ta. Nhân kỷ niệm 57 năm ngày chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Văn Nghệ xin trích giới thiệu một số đoạn trong tập nhật ký này

Ngày 23-3

ĐƯỢC giấy báo: Bác cử cụ Tùng và tôi tham gia vào một phái đoàn Chính phủ đi thăm mặt trận Điện Biên Phủ và trực tiếp làm công tác thương binh. Tôi đang làm việc ở một bệnh viện đóng tại Tuyên Quang. Nhận được giấy báo lúc 11 giờ, tôi thảo luận với anh Quang và bàn giao lại một việc để trưa hôm sau có thể qua Bộ Y tế và ra mặt trận ngay.

Trong suốt cuộc kháng chiến, tôi đã được phục vụ trực tiếp ở nhiều mặt trận. Kháng chiến, chiến trường đã thay đổi con người cũ, đã cách mạng hoá rất mạnh mẽ tư tưởng và hành động của bản thân. Trong những cơn thử thách ấy, nhờ Đảng giáo dục, tôi tự nhận thấy Cách mạng đã thấm sâu vào tinh cảm tôi nhưng phải trải qua nhiều gian khổ...

Ngày 24-3

3 giờ chiều, một chiếc xe vận tải đưa chúng tôi lên đường...

Ngày 4-4

Đội Điều trị 1 là nơi chứa những trường hợp bị thương nặng, đặc biệt là vết thương sọ não. Bệnh viện dựng ở dưới rừng cây nhỏ nằm giữa những đồi tranh. Để phục vụ cho việc điều trị, bệnh viện thường có 5, 6 bác sĩ, hơn 30 y sĩ, y tá, một số nhân viên và mấy đội dân công. Anh em thương binh nằm trên những sọt nứa.

Tôi trực tiếp phụ trách các vết thương về sọ não. Các chiến sĩ của chúng ta là những con người đặt biệt quý và bộ óc của anh em là đáng quý nhất. Phải làm sao cho các anh bị thương ở sọ não chóng khỏi để tiếp tục suy nghĩ, làm việc và chiến đấu bình thường được. Đó là một việc làm có nhiều khó khăn. Biết bao nhiêu công việc đang đặt ra trước mắt đòi hỏi phải suy nghĩ và giải quyết để góp phần vào chiến dịch lớn lao này.

Nhà ở là một lán xinh nhỏ, trên bờ suối chảy quanh những tảng đá lồi nhô, có chỗ thành thác, nước chảy ào ào ngày đêm.

Suối này chảy ra sông Nam Rốm, chảy về Cầu Long Giang, gút tới người ở hai bên dòng Cầu Long Giang từ Lào, Campuchia cho đến Nam Bộ mến yêu, tâm hồn cao cả của những người chiến sĩ đang chiến đấu để giải phóng Điện Biên Phủ, để xây dựng một tương lai tươi đẹp. Chúng ta là những người của thế hệ Hồ Chí Minh. Chúng ta là những người mới, đã huy bỏ cả một quá khứ đau khổ và xót xa. Quyết tâm cắt đứt những tình cảm phân dân tộc đối với những ngày xưa sống xa dân tộc, xa lao động, xa thực tế.

Ngày 5-4

Sáng nay chuẩn bị đi thăm anh em trọng thương.

Đêm qua mưa, nghĩ đến thương binh ở tiền tuyến trong các giao thông hào mà ứa nước mắt, xôn xao trong ruột như lúc con mình đau. Chưa bao giờ biết hiểu tình thương anh em bộ đội như hôm nay. Trời lạnh, nắng. May cho anh em bộ đội đang giao chiến quá. Bộ đội anh dũng của chúng ta tiến quá nhanh. Đặc biệt trong chiến dịch này, mỗi ngày ít lo hơn mỗi đêm. Mỗi đêm cứ có máy bay là ánh sáng bị hạn chế.

Đi đêm ở đây là một việc khổ tâm: đêm tối không thấy gì, đường cheo leo và dốc 45 độ. Bấm đèn pin thì lập tức một làn sóng phản đối kịch liệt nổi lên vì máy bay cứ lượn trên đầu, thả đi ban ngày còn hơn.

Xem xong số thương binh nặng: tình hình sáng sủa. Nhưng trận mưa vừa qua làm cho anh em ướt át gian khổ thêm. Xin Tổng cục Chính trị ni lông và D.D.T.

Điện Biên Phủ.

Chúng ta vui trong đất, trong rừng. Chúng ta có màu xanh của lá. Những trái tim chứa đựng cả vòm trời bao la. Ngày mai đây vinh quang của con người cũng là vinh quang của chúng ta, và nhân dân ta sẽ không phải khổ đau vô ích.

Điện Biên Phủ ơi! Tất cả một vành đai con người say mê đang vây lấy mây đỏ.

Nhưng con người sôi nổi bắt chấp bom đạn và napan và mìn sẽ thất bại thôi. Hỡi Điện Biên Phủ!

Lưỡi cày của chúng ta sẽ cày những lỗ cốt boong ke lên. Những ánh chớp xé rách vòm trời và những tiếng gầm lên như sấm. Hoà trong bài ca hy vọng của những dân tộc bị áp bức.

Chẳng bao lâu, một mùa xuân vĩnh viễn của con người được giải phóng nở trên núi đồi trợ trụ này. (13 giờ).

Ngày 6-4

7 giờ sáng. Còn 20 hôm nữa là hội nghị Giơ-ne-vơ họp. Giải quyết được Điện Biên Phủ, sẽ thắng lợi lớn về ngoại giao.

Hôm qua lại bão to nhưng mưa nhỏ, may cho anh em thương binh. Thương binh tiếp tục về. Tiếng súng bớt dần. Máy bay ít hoạt động buổi sáng. Chúng sợ cao xạ của ta. Bão trời thuộc về ai, vấn đề đã rõ rồi. Ngồi ở lán chuẩn bị mổ. Tiếng suối cứ ào ào bên tai. Những tia nắng dịu lướt qua các cây chuối cao, rừng chuối ở đây rất nhiều. Nghĩ đến lúc về: Chắc khó khăn lắm với trời mưa lũ đường, máy bay của địch sẽ tập trung để quấy rối.

Bây giờ 12 giờ, im lặng, không có máy bay, không nghe tiếng súng. Như ở một cảnh tu tiên, ở tiền mà nhớ trần, trông dòng suối chảy mà nhớ ai xa. Sau nhà đào hầm trước nhà đào hang. Chắc địch đã nhận ra rằng mặc dù chúng tuổi xuống chúng ta hàng tấn bom nổ, hàng tấn bom napan vẫn không cản được sức người. Nhờ các anh các chị dân công ra tiền tuyến, quần nâu áo vải, người lo lắng, người vui cười nhưng ai cũng xanh xao, có người từ Phú Thọ, có người từ Thanh Hoá, hàng vạn người tiến ra tiền tuyến mà địch không cản được.

Chuẩn bị đi mổ. Đã nắm được hết cả tình hình các vết thương sọ não của anh em.

18 giờ. Vừa mổ xong. Tranh đấu giữa con người cũ hung hăng với con người mới khoan hồng, rộng rãi. Tranh đấu dữ dội, đau khổ, cả trong khi mổ. Sau dần dần dịu đi; quá khứ xấu xa không nên để ý, tình thương cũng phải xây dựng lại.

Đội mãi chưa thấy tin tức gì thêm về đối A1.

Ngày 7-4

Sáng nay, đương nằm, anh Cần cùng các anh Quân y (anh Mậu, anh Tử Giấy, anh Đan) vào thăm.

Mấy anh em bàn qua về những nhận xét của anh Cần về các đơn vị tuyến trước, xong, đánh một bức điện về báo cáo với Bác. Bộ đội đánh bám vào từng thước đất...

18 giờ. Chiều nay đưa một số thương binh đi chỗ khác. Anh em dân công khiêng qua những chặng đường dốc 45 độ. Dân công trong chiến dịch này thật vất vả, từ tiền phương cho đến hỏa tuyến, các anh chị em dân công đã vượt qua bao gian khổ, ăn đường, ngủ đất, trời mưa, trời nắng, có người thiếu cả quần áo. Dân tộc ta thật vô cùng yêu quý đất nước.

Ngày 8-4

Rét rừng, rét đến xương tủy, mặc hết cả quần áo, đắp hết cả chăn mà hai đầu gối vẫn buốt. Còn như anh chị em dân công thì sao? Có người không có áo rét, không nói đến chăn. Chịu đựng gian khổ như thế này nhất định thành công.



GS. Tôn Thất Tùng.

Hôm qua độ 8 giờ tối, họp các anh em quân y để nói về chuyên môn. Anh em trẻ tuổi hàng hải và phần khởi. Im tiếng súng, im tiếng máy bay, chỉ nghe tiếng suối chảy. Mồ nhiều ca khó về sọ não.

Ngày 9-4

Tối hôm qua, mưa bão dữ. Sáng nay khoảng 3 giờ lại mưa bão, tiếng sấm hòa với tiếng súng và tiếng bom! Có tin sáng nay cây đổ ở khu vực Đội Điều trị 5 đã gây một số thương vong, trong đó có anh Ung, đau đến quá.

Sáng nay thảo luận gay go để thuyết phục anh em làm việc theo phương pháp của mình để ra. Tại sao khi nào thảo luận mình cũng nói gay gắt? Con người chưa được thuần lắm nhất là khi nào bản về mổ xẻ.

10 giờ. Máy bay. Bom. Cụ Tùng đi thăm khu trung thương quyết tâm giải quyết vấn đề nắm tình hình thương binh. Còn có nhiều ca vết thương sọ não nữa. Cho chuẩn bị để làm đợt nữa. Máy bay cứ thả bom xuống chung quanh nhưng mổ xẻ vẫn cứ mổ xẻ. Máy bay đương bay trên đầu. Hiện nay mình đang ở hỏa tuyến.

11 giờ 30 phút. Mưa bão luôn mấy đêm làm cho anh em cũng mệt mỏi. Anh Hạp ốm, anh Quang cũng không khỏe lắm và tối qua mình cũng rất mệt mỏi và không hiểu sao khi tỉnh dậy trông ngực đánh rất mạnh.

19 giờ. Tối về, mồ xong mệt quá. Không ăn hết bát cơm. Mồ đầu, mệt vì gây tê nhiều.

Đã viết thư gửi anh Văn, anh Cần và anh Lương.

Ngày 4-5

Độ 3 giờ sáng, súng nổ vang và giòn: quân ta lại đánh. Trời mưa cả đêm, đến gần sáng, máy bay nhiều. Nóng ruột chờ tin tức. Mỗi lần súng nổ là thấy mạnh khỏe ra... Khi nằm trong giường nghe tiếng súng nổ lại thấy trời mưa, lo cho anh em thương binh trong chiến hào quá. Một thế hệ dũng cảm đã nêu cao cờ Việt Nam trên trường quốc tế.

Ngày 5-5

5 giờ 15 phút... Không dám nghĩ đến những ngày hòa bình. Chưa tưởng tượng được có thể có những ngày không có máy bay, có những ngày có thể đi chơi tự do trên con đường vắng vẻ, có thể có những ngày sống ở trên những cánh đồng mênh mông, không phải ẩn nấp dưới các bụi cây. Còn tội để quốc, dân ta, dân của các nước bị đô hộ khổ lòng mà có những ngày như vậy. Nếu muốn có những ngày hạnh phúc, phải chịu khổ, sống trong các giao thông hào, dưới mưa ác nghiệt, phải gồng đất nằm sương, phải sống len lỏi trong rừng thẳm, chống lửa, chống ruồi vàng.

... Trước kia ở Việt Bắc, bọn Pháp đi săn ta từng người, nay bộ đội lại "săn chim tía sè" bọn chúng. Cuộc đời mà hay, mà sung sướng được thấy cảnh đổi ngôi như vậy...

Bây giờ sống một cuộc đời thật giản dị: mổ, thăm thương binh, lại mổ. Bao nhiêu vui sướng trong khi thành công, những bao nhiêu đau khổ dần vất đáng hay những khi thất bại.

Hôm qua mổ cho một anh thương binh trẻ chưa đầy 20 tuổi. Anh, một người đồng hương, nói tiếng trợ trợ: "Anh đừng làm tôi đau mà tội tôi". Bụng anh thủng, ruột anh thối, cả bụng thối. Tiêm hết các thuốc, mổ cho đến cùng nhưng đã cứu được anh chưa? Nếu không có cuộc đấu tranh vĩ đại này, có lẽ không bao giờ mình rõ được tinh thần anh hùng của quân đội ta.

... Mưa dầm, sốt cả ruột. Anh em thương binh ở giao thông hào, ở trong các lán, nhưng anh mới mổ, đau đớn như thế nào!

Được báo cáo bằng băng đã vội!

Ngày 6-5

6 giờ 30 phút... Chiều hôm qua nắng, sáng nay lại ịu như mọi hôm.

13 giờ 30 phút. Chiều hôm nay anh Chiêm đến cho biết rằng chúng ta sẽ tấn công vào trung tâm. Ngồi chờ hồi hộp, sau khi lên lớp cho anh em quân y sĩ. Bây giờ tiếng súng đã nổ vang. Quân ta đang xung phong.

Ngày 7-5

21 giờ 30 phút... lúc chờ xe để đi Đội Điều trị 2, ở trong một bản chày gần cây số 64, có một đồng chí đi xe đạp qua nói với cụ Thu "Điện Biên giải phóng rồi".

Cũng có lẽ, vì từ trưa đến chiều không có một tiếng máy bay, không nghe một tiếng súng. Thật là lạ.

Khi ra đường độ 6 giờ 30 phút chiều thấy anh Chiêm ở trên đường đi xuống, anh hỏi: - Anh Tùng đây phải không? Ta đã chiếm được Điện Biên Phủ rồi!

Tôi ôm chặt lấy anh Chiêm. Cụ Tùng cũng choàng lấy cổ anh Chiêm mà hôn. Tôi hét to: "Hoan hô". Rừng cũng hét lại tiếng hoan hô của tôi vang vang.

Chiến dịch Điện Biên Phủ đã kết thúc.

Em và các con Trần, Bạch đi! Chiến sĩ Điện Biên Phủ đã chiến thắng. Một trang sử mới đã bắt đầu. Ôi Việt Nam!... Đêm nay chắc không thể nào ngủ được...



Một trạm phẫu thuật tiền phương trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

KỶ NIỆM 57 NĂM CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ

QUÁ KHỨ TRONG THÌ HIỆN TẠI

ĐẶNG THANH LÊ

NHỮNG CÂU CHUYỆN THỜI THƠ ẤU...

ĐÂY không phải là hồi ký. Bởi bóng hình quá khứ của tôi được sống lại qua lời mẹ kể. Mẹ nói hồi đó tôi khoảng lên bốn, lên năm. Đọc các hồi ký, các tư liệu, các công trình nghiên cứu về anh Văn và cả những hồi ức của anh, tôi được biết từ năm 1929 trở đi giữa anh Văn và ba tôi đã có mối quan hệ gần gũi, "ngay lần đầu gặp nhau đã rất thân thiết" như anh đã nói trong một bài phát biểu năm 2002⁽¹⁾. Tình đồng chí và tiếp đó là tình bạn bè đồng nghiệp trong công việc báo chí và nghề dạy học... Ngay lần đầu tiên từ Huế ra Vinh (1932) anh Văn đã ở trong nhà tôi và hai người cùng học chữ Hán với ông ngoại chúng tôi - cụ Hồ Phi Thống. Năm 1935, lần đầu tiên ra Hà Nội, anh Văn viết "trong thời gian Mặt trận bình dân thì tôi cũng ở nhà anh Mai". Từ sau tháng 8 năm 1945, anh đã như một người trong gia đình. Sau hôn lễ của anh Văn và chị cả chúng tôi vào cuối tháng 12 năm 1946, cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ. Anh chị đi lên Việt Bắc còn gia đình tôi tản cư về Thanh Hóa.

Hòa bình lập lại năm 1954, gia đình tôi trở về Hà Nội. Nếu tính từ những năm 1935 - 1936 thì khoảng ba mươi hăm sau tôi mới được nghe mẹ kể về câu chuyện đá bóng với anh Văn thuở đó. Lúc này, tôi đã trưởng thành, đã có gia đình, là giảng viên Đại học Sư phạm và sống trong khu tập thể của trường tại Cầu Giấy.

Tuy nhiên, vào những ngày chủ nhật hoặc các buổi về họp ở nội thành gần như tuần nào tôi cũng về căn nhà số 30 phố Nguyễn Huy Tự thăm hỏi sức khỏe ba mẹ, ăn một bữa cơm với ba mẹ.

Điều may mắn rất lớn của tôi là chính trong thời gian này, tôi đã có nhiều lần cùng mẹ tâm tình trò chuyện. Mẹ đặc biệt hay gọi lại thời thơ ấu của mấy chị em tôi. Mẹ thường nhắc đến "tình bạn vong niên" của anh Văn đối với tôi qua hai câu chuyện. Với câu chuyện thứ nhất, tôi được biết tôi đã từng là "bạn đá bóng" của anh Văn. Với câu chuyện thứ hai, tôi được biết tôi đã từng bị anh Văn "chỉnh đốn tư tưởng" vì một trò nghịch ngợm vô ý thức của tuổi lên năm. Mẹ kể:

Hồi đó, Lê mới lên bốn lên năm, ở nhà chỉ chơi một mình. Nhiều lúc không biết làm gì con cứ cầm cái búa đinh đóng guốc đi lại trong phòng, đến mỗi nơi, mỗi góc lại nện vài búa xuống nền nhà. Khi mẹ mua cho một quả bóng, Lê rất thích. Lúc đầu chỉ đá một mình. Sau đó có anh Văn mỗi khi nghỉ đọc sách lại ra đá bóng với con. Anh Văn lúc này đã là người lớn còn con da đen, người béo chắc, hơi lảo đảo nhưng có người cùng đá bóng con thích lắm, chạy rất nhanh, hò hét tợn lắm.

Thỉnh thoảng, anh Văn đứng đá bóng chỉ vào mặt con và nói:

- Lê, mắt mi lè!
Con cũng ghẹo đầu lên, chỉ tay vào mặt anh Văn nói:
- Giáp, mắt mi lè!
Câu chuyện thứ hai là một trò "độc diễn" của tôi, một trò nghịch ngợm vô ý thức của trẻ con.

Hàng ngày do vô công rồi nghề nên tôi thường vào bếp để được quần quanh gần mẹ nhưng lại bị anh bếp bảo: "Cô Lê, cô ra ngoài sân chơi đi!". Tôi vừa khóc vừa nói: "Nhưng tôi ra ngoài thì, tôi không nhìn thấy mẹ" (Thời gian này, tôi vừa ở Nghệ An ra, đây là lần đầu tiên ra Hà Nội nên tôi vẫn nói theo "thổ âm" đặc Nghệ).

Tóm lại, tôi bị dồn vào cái thế "nhân cư vi bất thiện". Thời gian này, đồng lương dạy học của ba tôi chỉ cho phép thuê một căn nhà không có máy nước riêng. Vì vậy, vào khoảng giữa buổi sáng, anh bếp thường phải đi gánh nước ở mấy công cộng ngoài phố. Hàng ngày, tôi cứ "tăm" đứng giờ đó mà "rình rập". Hễ thấy anh gánh nước về là tôi phi ra, tay ngoắc vào cái thùng tôn đầy nước trong sạch anh đã mất bao công sức thì giờ xếp hàng hứng và kiểu kị ghánh về. Trò chơi này tôi cảm thấy hay và thú vị vì anh bếp kêu ầm lên, mẹ thì van vãn dỗ dành. Chẳng ai máng được tôi, cô bé lên năm. Có thể tôi tự cảm thấy mình "oai oai khó tả"... chẳng? Mẹ lại nói: "Riêng anh Văn nếu có nhà bao giờ cũng chạy ra đe nẹt Lê".

Mẹ kể tiếp:
Hình như con cũng biết sợ nên khi nào anh bếp gánh nước về là con chạy ra, tay ngoắc vào thùng nước nhưng mặt lại ghẹo vào trong bếp hỏi to mọi người:

Thằng Giáp hẳn có nhà không bay?
Lần đầu tiên được nghe mẹ kể tôi vừa ngạc nhiên, vừa vui thích và cảm thấy tính chất ngộ nghĩnh của hai câu chuyện.

Trong gia đình, tôi có vị trí "đứa con ở giữa" (sau này khoảng lên tám, lên mười, tôi nghe mọi người gọi tôi là "la troisième" - con bé thứ ba). Nghĩa là tôi không cần có người bế ẵm chăm sóc nữa nhưng cũng chưa đủ lớn để có thể "tự lập" như các chị. Tôi không có bạn bè cùng trang lứa. Trẻ con thời ấy thường chỉ khuôn mình trong bốn bức tường của gia đình.

Tôi lêu lêu thơ thẩn một mình suốt ngày với những trò chơi "tự biên tự diễn". Cũng có thể gọi tình trạng của tôi theo một câu hát đương đại "Đời tôi có đơn nên vui chơi cũng có đơn!" Đơn phương đá bóng thì còn gì là bóng đá nữa. Đơn điệu tẻ nhạt là cái chắc!

Anh Văn là "người lớn" duy nhất đã đồng cảm với tôi, thấu hiểu nỗi niềm một đứa bé hiếu động, ham chơi nhưng không

"có bầu có bạn, có ván cơm xôi, có nồi cơm nếp, có nếp bánh chưng..." Anh đã đến chia sẻ niềm vui cùng tôi, đá bóng cùng tôi "như những cầu thủ bóng đá đích thực" và tôi có thể tưởng tượng, lúc đó tôi đã sung sướng đến nhường nào!

Như đã viết ở trên, tôi được nghe mẹ kể những câu chuyện nói trên từ khoảng hòa bình lập lại vào những năm 60.

Rồi nhiều năm tháng nữa đã trôi qua, kể từ ngày tôi còn có được hạnh phúc được ngồi bên mẹ để mẹ kể về thời thơ ấu. Từ những năm 60 ấy đến nay tôi đã đi tiếp thêm một chặng đường nửa thế kỷ trên hành trình của số phận. Và chính ở thời điểm lịch sử của hôm nay với một trải nghiệm và thể nghiệm dài lâu qua hành trình của dân tộc, qua cuộc chiến đấu vì lý tưởng, vì đất nước của anh, và qua các trang sách báo, dường như tôi đã có được một "background" để có thể cảm nhận lại và suy tưởng thêm về những kỷ niệm từ hai câu chuyện nhỏ nhỏ trong cuộc sống bình thường của một đứa bé lên năm với một nhân cách lớn trong thời đại lịch sử Hồ Chí Minh. Tôi đã ít nhiều có thể nhận thức được sự nhất quán trong phẩm cách một người con ưu tú của đất nước trong thời kỳ lịch sử hiện đại.

TRĂM NĂM TRONG CÔI...

Trong bài viết đã dẫn ở trên, anh Văn nói đến Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh. Đó là con đường của thế hệ thanh niên ưu tú đương thời, của anh và các bè bạn đồng chí hướng với anh, và sau này là của tất cả chúng ta. Là một trong những học trò ưu tú của Hồ Chí Minh, anh đã trung thành suốt đời đi theo "con đường của Bác". Thường trực trong trái tim anh là một tình yêu thương sâu sắc đối với con người, đối với nhân dân và đồng chí, đồng đội, bạn bè cũng như gia đình thân thuộc.

Tiếp nối thời quá khứ xa xưa là những kỷ niệm đẹp đẽ của tôi từ những năm 70, 80 đến nay về tình cảm họ hàng thân thuộc, đặc biệt là sự kính trọng, ân cần đối với những bậc cha chú trong gia tộc và sự quan tâm triu mến đối với các con cháu của anh.

Trong họ hàng có cháu đi học rồi đi làm ở nước ngoài hơn mười năm mới có điều kiện về thăm quê hương nhưng anh vẫn nhớ tên, nhớ người. Khi cháu đến thăm anh, anh hỏi một câu khiến tất cả chúng tôi đều cười ồ lên vì ngạc nhiên và vui thích: - Quang Canada phải không?

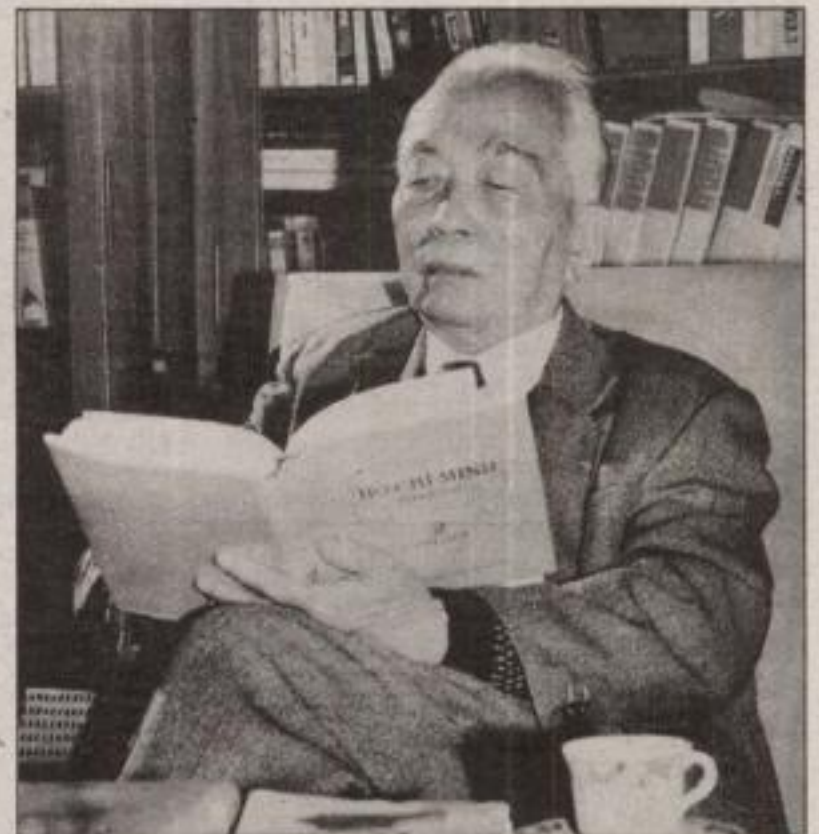
Trong dịp Tết nguyên đán khi đoàn cháu chật nhỏ nhất, khoảng từ ba đến mười tuổi đi theo hàng lần lượt đến nói lời chúc thọ, anh bắt tay từng cháu và đều có một lời chúc đi kèm: - Chúc sống lâu!

Có thể nói anh đã ứng xử với các cháu trong tư thế bình đẳng, qua phong cách đối thoại được màu hải hước trí tuệ của anh.

Gần đây, tôi được đọc bài viết *Ngôi nhà hạnh phúc của Đại tướng Võ Nguyên Giáp* của Nguyễn Thế Thanh đăng ngày 14/1/2010. Tác giả nhắc đến bài *Những âm thanh ngày mới*, của một cô gái in trên tập san *Thanh Niên*. Đó là bài viết của Phương Tâm, cháu ngoại đầu lòng của anh chị. Tôi đặc biệt xúc động về đoạn cuối khi Phương Tâm viết: "Nếu ai đó hỏi tôi muốn được ứng tuyển vào âm thanh nào nhất thì tôi sẽ chọn được nghe tiếng ông bà ngoại trò chuyện lúc sáng sớm... Đó là lúc tôi thấy được chỗ che và an toàn nhất!" Đọc xong tôi nhớ lại hồi còn năm thứ nhất Cao đẳng tiểu học tôi đã được học một bài tập đọc tuyển chọn là tác phẩm của Anatole France. Trong đoạn văn có câu "Không bao giờ còn chìm non có thể của quây một cách tuyệt diệu để chịu như khi nó nằm giữa cái tổ mềm mại lòng tơ của nó" (Jamais petit oiseau ne se frotta plus délicieusement qu'au duvet de son nid). Câu văn được từ thuở lên tám, lên mười, sau này vẫn thường trở lại trong tâm trí tôi nhiều lần.

Từ nhiều tư liệu mới⁽²⁾, tôi được biết vào khoảng thời gian 1935 - 1938 có nghĩa là khoảng thời gian có những trận đá bóng vào loại độc đáo của "lịch sử bóng đá" ấy, anh Văn đã cùng trong một thời điểm phải thực hiện nhiều nhiệm vụ trọng đại, tiến hành nhiều hoạt động dồn dập. Có thể nói, anh "ngập mình" trong công việc, vừa theo học khoa Luật Đại học Đông Dương, vừa dạy học để mưu sinh và cùng các đồng chí đảng viên khắc hoạt động sôi nổi, mạnh mẽ trong bối cảnh Mặt trận bình dân. Theo Trần Thái Bình những năm 1936 - 1937 "là thời kỳ làm báo sôi nổi nhất của nhà báo Võ Nguyên Giáp" và "có lần, cùng một lúc, các anh Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Hoàng Hữu Nam bận việc đột xuất, không kịp viết bài, anh đã ngồi từ 6 giờ chiều đến 6 giờ sáng viết kín một thếp giấy 48 trang và hoàn thành làm cả việc bố cục, trình bày trọn một số báo *Tiếng nói của chúng ta* (Notre voix) cho kịp đưa xuống nhà in. Rồi sau khi ăn điểm tâm, lại tới ngay trường Thăng Long lên lớp dạy học"⁽³⁾...

Và cũng chính trong thời gian đó, anh đã dành một phần "thời gian vàng" của anh để chia sẻ niềm vui đá bóng với một cô bé lên bốn, lên năm trong những trò chơi con trẻ của nó. Điều đó chỉ có thể xuất phát từ một trái tim trung hậu, một tình cảm yêu thương triu mến đích thực khiến anh đã có thể đồng cảm với "tâm tư đơn độc" của một đứa trẻ mà chính bản thân nó lúc ấy chưa hẳn đã tự nhận thức được một cách cụ thể, rõ ràng về điều này... Có thể nói, cùng với ba mẹ và các chị em tôi, anh Văn đã dệt nên "Thiên đường xanh của những tình yêu thuở ấu thơ" của tôi ("...le vert paradis des amours enfantines" - Charles Beaudelaire)...



Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Còn lần đầu tiên nghe mẹ kể lại "vụ bê bối" bị anh Văn mắng khi thờ tay vào ngưỡng những thùng nước sạch ở trên, tôi cứ tự hỏi tại sao tôi cần được biết anh Văn có nhà hay không lúc tôi đang dở trò nghịch ngợm.

Hàn là lúc đó về mặt cũng như lời nói của anh đối với "người bạn đá banh thân thiết" đã rất nghiêm khắc và "quyết liệt" nên tôi - con bé lên năm có cái trán đỏ phần nào cũng có thể cảm nhận được "tầm quan trọng của vấn đề" và tự thấy trong trường hợp này có "lẽ ta cũng nên dè chừng"...

Vào thời gian này anh đã trên hai mươi tuổi nhưng anh đã đứng trong hàng ngũ cách mạng từ thuở mười lăm, mười sáu tuổi trường Trung học. Từ sau cách mạng, trong thời gian 1945 - 1946 anh đã lần lượt được trao trọng trách ở hai lĩnh vực hoạt động mang đặc điểm nghiêm minh, cứng rắn: Công An và Quân đội. Đây là nền tảng ý thức hệ cách mạng đã tạo nên phẩm cách nhất quán của anh trong mọi hoạt động.

Anh Văn đã sinh ra và lớn lên từ một bối cảnh mang màu sắc sử thi thế kỷ XX của đất nước. Và "thời thế tạo anh hùng" chính bối cảnh ấy đã tạo ra một Võ song Hồ Chí Minh, để rồi "anh hùng tạo thời thế". Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dày công đào tạo cả một đội ngũ anh tài kiệt xuất - những học trò thuộc thế hệ đầu tiên và ưu tú của Đảng, của đất nước. Dưới ánh sáng của Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh họ là những người suốt đời đã cùng nhau "từ Chủ nghĩa yêu nước đi đến với Chủ nghĩa Cộng sản và... mãi mãi sau này vẫn đi theo con đường như vậy"⁽⁴⁾.

Con đường ấy, lý tưởng ấy đòi hỏi một phẩm cách đạo đức nhất quán thể hiện trong toàn bộ "bình sinh" cuộc sống của mỗi người, trên mọi lĩnh vực hoạt động xã hội, ở bất cứ cương vị trách nhiệm nào... từ tất cả mối quan hệ thân thuộc riêng tư đến mối quan hệ cộng đồng xã hội rộng lớn.

Cho đến những ngày hôm nay, mùa thu thứ mười của thiên niên kỷ mới, anh Văn bước vào tuổi thọ "Trăm năm trong cõi người ta" (Nguyễn Du). Theo như mong ước của người xưa "Đời người lấy trăm tuổi làm kỳ hạn" (Nhân sinh bách tuế vi kỳ).

Trong cuộc trường chinh vĩ đại của đất nước, anh đã hoàn thành trách nhiệm của nhân dân, của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh trao cho. Anh lại có niềm vui đón chào 1000 Thăng Long yêu dấu cùng toàn dân tộc. Anh đã đi qua "một cuộc đời xuyên thế kỷ", đã có hạnh phúc vô giá bởi tình thương yêu quý trọng của nhân dân, của đồng chí, đồng đội cũng như của bè bạn và người thân thuộc.

Còn tôi, tôi mong muốn những kỷ ức đẹp đẽ về quá khứ xa xưa sẽ là một món quà tặng của hôm nay vào dịp 100 năm ngày sinh của anh.■

(1), (4) Đã in trong Nhiều tác giả - Đặng Thai Mai và Văn học - Nxb Nghệ An, 2002, Tr.44.

(2) Trần Trọng Trung - Võ Nguyên Giáp danh tướng thời đại Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị Quốc gia in lần thứ hai, H.2010; Trần Thái Bình - Võ Nguyên Giáp trong cuộc trường chinh thế kỷ, Nxb Văn hóa Sài Gòn, 2007; Archimedes L.A.Patti - Why Viet Nam (Tại sao Việt Nam), bản dịch Lê Trọng Nghĩa, Nxb Đà Nẵng tái bản lần thứ hai, 2008; Jean Lacouture - Thuộc hiện hình Việt Nam in trong Điều tra về tác giả (Enquête sur l'auteur), Paris.1989, trích theo bản dịch Đặng Thị Hạnh - Một vài gương mặt văn xuôi Pháp thế kỷ XX, Nxb Đà Nẵng, 2000 (Tr 185 - 198)

(3) Trần Thái Bình - Võ Nguyên Giáp trong cuộc trường chinh thế kỷ, Nxb Văn hóa Sài Gòn, 2007, Tr. 101

TRẦN VŨ LONG

Tiếng vĩ cầm ở Mỹ Lai

Tặng một cựu binh Mỹ

Ông lại đến Mỹ Lai như một cuộc trở về
thay bằng khẩu súng
giờ đây...
cây vĩ cầm run run trên tay

Chỗ ông đứng năm xưa là máu đỏ
hòa tiếng khóc than

rên xiết
thét gào
lãnh lút tiếng vĩ cầm vút cao...

Hôm nay
cỏ như muốn xanh hơn
đất dung dị đón chào
lòng người rộng mở

Tôi biết ông không phải kẻ sát nhân trong đội quân hung
bạo ngày đó
những giọt nước mắt ông nói lên điều ấy
ánh mắt nụ cười của những người được ông cứu thoát
nói lên tất cả
và sự có mặt của ông trên mảnh đất này...

Khói hương trầm mặc
tiếng đàn lúc khô
lúc đục

lặng tình người
tâm linh giao thoa hiện thực
như tiếng nấc của những cung bậc
như lời xám hối
lời tiễn biệt muộn màng
là nỗi đau của cái thiện
cảnh tỉnh loài người

Thế giới đắm chìm trong quyền hành và bạo lực
trầy xước bởi những thứ dốt nát văn minh
đạn và bom
nước mắt và máu
hạnh phúc và nỗi đau
thiện và ác
cường bạo và yếu hèn
vinh quang và tủi nhục
tất cả đều được đem ra cân đong, đo đếm

Cái giá cuộc đời luôn đặt ngang cổ mỗi người
giống như một lưỡi hái
hay vòng nguyệt quế

Tiếng đàn rung lên hòa trong tiếng khóc
của ông
của tôi
và bao người đang có mặt
tiếng khóc lẫn tiếng đàn

Tiếng vĩ cầm lại run run trên mảnh đất Mỹ Lai...



TÔ NHUẦN

Trước nghĩa trang liệt sỹ Điện Biên

Hình như ngọn gió cũng lặng im
Cái nắng vàng hoe hàng hàng bía mộ
Mở ảo khói nhang
Mở ảo quá khứ
Trời Điện Biên vợ vợ tầng không...

Tôi lặng lẽ trước hàng quân - bia mộ
Không ghi bản quán quê hương
Không ghi nơi họ ngã xuống
Không ghi bộ đội, dân công...

Qui tụ về đây một tên chung
Liệt sỹ Điện Biên
Sống với Điện Biên
Với những mùa hoa Ban trắng rừng,
trắng núi...

Tôi không đi hết được những hàng bia mộ
Để thấp cho lớp cha, chú tôi mỗi người một nên
tâm nhang
Tôi không đi hết được dọc ngang Điện Biên mỗi tấc đất,
góc rừng thắm màu
Thời gian dài bằng cuộc đời tôi tóc bạc trắng trên đầu

Tôi lặng im
Ngọn gió lặng im
Nắng hoe vàng trải khắp nghĩa trang
Khói nhang lên mở ảo...

TRẦN HỒNG MINH

Tấm ảnh

Mai về cuối dòng sông
Chiến tranh không ở đây
Chúng mình sẽ cười nhau
Không ai xa ai nữa.

Em cũng quanh quẩn nhà
Vợ chồng và con cái
Hạnh phúc mãi cho nhau
Cơm ăn và áo mặc...

Tấm ảnh - trong ví tôi
Giấc mơ đề lên ngực
Cứ lúc giờ ngắm nhìn
Tưởng như là máu ứa...

Ngày xưa và ngày xưa
Tuổi mười lăm mười bảy
Bom đạn rủ nhau đi
Để mãi xa từ đây.

Người về...
Người - Không về...

HỒ THANH ĐIỂN

Khoảng không giống Trà Dền

Đã hồi nào bắp thân nhiên xanh
Thân nhiên mọc trên giống Trà Dền bom đạn
Đã về đâu cánh rừng vườn ngành
Khoảng không! Trời ơi gió bạt ngàn

Về đâu chàng trai đã quá ba mươi năm
Lửa trên đầu, dưới chân đất khô như sỏi đá
Đạn phía trước, phía sau đồng trống quá
Như kẹp vào nơi không hướng đi về

Đã hồi nào mảnh đất quê
Không còn đợt vùng đồ đông đưa sông nước
Không còn bông súng trắng chen trong cỏ xước
Từng đôi no từ thuở ban đầu

Rừng vùng, rừng tre giờ không còn đâu
Gió bạt ngàn rung rung cờ bắp
Và khoảng không! Trời ơi tít tắp
Nghe nao nao trống trải một phương lòng.

PHAN XUÂN HẠT

Vùng cấm bay

Vùng cấm bay
Là vùng trời tay
Trời cánh bay những người bị nạn.

Vùng cấm bay
Là vùng chặn tay
Người bên ngoài bay vào cứu nạn.

Vùng cấm bay
Lại tự do bay
Cho những kẻ mang tên thủ phạm.

Vùng cấm bay
Là vùng tiếp tay
Lũ kẻ cướp ôm đồm bom đạn!

VÂN LONG

Đến xứ Mặt trời mọc

Nơi có triệu mặt trời phiên bản
lộng gió sớm trưa khuya,
tôi hạ cánh.
Người chủ nhà hiếu khách
phóng lời chào đỏ tím chân mây
khi chưa giáp mặt...

Tôi - người khách bao giờ cũng muộn
Hoa dành cho người - tôi về với lá
Dây anh đào đỏ khé
triển sông Narida.
Bên cây licho vàng rực
Yulinaki trầm mặc sắc vàng đồng,
Là từng xanh ngân ngắt - cỏ Hoàng cung

Tôi say saké bên Fuji ngập nắng
Lơ thơ hồn mây trắng
Chén rượu thần úp ngược "rượu trường sinh"(*)

Đất nước đẹp như thơ sao vất vả lạ lùng!
Mấy lần trắng tay!
Mấy bận kiêu hùng!
Thay loài người, chế ngự Cuồng Phong
vấn vụ mây phòng xạ...

Gặp bạn Nhật - hơn đọc ngàn trang sách
Một tuần như một đời
Tôi biết bạn vẫn nụ cười đón hậu
Đứng lên
xốc vác
một bên trời!

(*) Núi Fuji có nghĩa núi Rượu trường sinh.

CHU NGỌC PHAN

Ươm mùa

Em gieo cây hời vào anh
Em cất hũ rượu vào anh
Em đốt lò than trong anh
Em trao điệu kèn lá cho anh

Anh tặng lại cho em
Thằng con trai
Đứa con gái...
Cả đầy ắp tháng năm những vụ mùa

Thế là giếng hai mầm ngô
Đầu hè vàng ươm hạt lúa*
Thu sang rượu cất vo vo
Bếp nhà quanh năm đượm lửa...

Anh gieo vào em
Một đời đầy hoa đầy quả
Thì đôi tay em vất vả
Thì đôi vai em thấp dần...

TRÒ CHUYỆN VĂN CHƯƠNG NHỮNG CỘT MỐC SỐNG

Tháng Ba âm lịch cả nước tung bừng trong không khí của ngày "giỗ Tổ". Nhiều chục năm nay câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh: **"Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước"** càng trở nên gần gũi sâu sắc với lễ hội và ý nghĩa hơn bao giờ hết! Cũng Tháng Ba này, nhiều trăm năm nay, cho đến tận bây giờ trên một hòn đảo nhỏ của tỉnh Quảng Nam - đảo Lý Sơn vẫn diễn ra một nghi lễ vô cùng độc đáo. Đó là nghi lễ **"Khao lề lính thế Hoàng Sa"** (nghi lễ đưa linh ra đồn, trú bảo vệ quần đảo Hoàng Sa)... Đây là một lễ hội độc đáo có một không hai trên đất nước này. Là lễ hội chung cho việc người ra giữ biên giới hải đảo. Tháng Ba âm lịch cũng tương đương với những ngày sôi sục và hào hùng của công cuộc chiến tranh giải phóng Miền Nam - Tháng Tư năm Bảy Năm. Chiến tranh đã kết thúc, nhưng công cuộc bảo vệ đất nước vẫn không một ngày ngưng nghỉ. Nhân dịp này, nhà văn Hà Nguyễn Huyền đã có cuộc trò chuyện với nhà thơ Trần Đăng Khoa - Người đã có mặt nhiều lần trên quần đảo Trường Sa, có nhiều sáng tác hay về những người lính bảo vệ đảo...

HÀ NGUYỄN HUYỀN



Nhà thơ Trần Đăng Khoa.

Hà Nguyễn Huyền: Rất nhiều người cho đến nay vẫn nhớ bài thơ này. Trải gần ba mươi năm nay ngẫm lại **"Đợi mưa trên đảo Sinh Tồn"** quả là đã có một tình "dự báo". Thế mới biết cũng như mỗi cuộc đời, mỗi bài thơ cũng đều có một số phận. Tại sao lại cứ phải **"Đợi mưa trên đảo Sinh Tồn"** mà không phải là **"Nam Yết hay Song Tử Tây"**?

TĐK: Điều gì gắn chính là hai chữ **"Sinh Tồn"** ấy! Ông biết đấy, những năm tám mươi của TK XX, thập niên cuối cùng của thời kỳ bao cấp. Đây là giai đoạn khó khăn nhất sau chiến tranh chống Mỹ cứu nước. Cả nước như thế, việc quan tâm đến lính đảo cũng có giới hạn. Nếu như hôm nay trong Đại hội Đảng cộng sản Cu - Ba đưa ra khẩu hiệu "Đổi mới hay là chết" thì giai đoạn này chúng ta cũng cần một điều gì đó tương tự. Và trên thực tế đến năm chín mươi (TK XX) chúng ta đã bước vào "thời kỳ đổi mới"!

Hà Nguyễn Huyền: Bằng nhạy cảm của một nhà thơ, một người lính, một người yêu nước, ông đã gửi tâm tư của mình vào **"Đợi mưa trên đảo Sinh Tồn"**.

TĐK: Điệp khúc **"Ôi ước gì được thấy mưa rơi"** day dứt suốt cả một bài thơ dài. Dẫu chưa có mưa nhưng chúng ta "cũng có một niềm vui đón đợi". Trong bối cảnh những năm tám mươi ấy làm sao "Cụ Diệu" dám chọn bài này mà trao giải. Hôm nay nhắc lại nếu được chọn, tôi vẫn chọn bài **"Đợi mưa trên đảo Sinh Tồn"**.

Hà Nguyễn Huyền: Vâng, người trong đất liền còn vất vả, nói gì đến lính, mà lại là lính đảo.

TĐK: Đất nước nghèo, người lính đã khổ càng thêm cơ cực. Tôi đã viết về đời sống của họ bằng rất nhiều thể loại. Thơ,

Bút ký, Truyện... nhưng ấn tượng còn lại có lẽ là cuốn nhật ký (dưới dạng tiểu thuyết) **"Đảo Chim"**.

Hà Nguyễn Huyền: Là người yêu văn chương tôi đã đọc, sau này có cảm bút tập toẹt đôi chút, ném trái nổi vất vả của người viết và bằng sự trải nghiệm của cuộc đời, tôi thấy **"Đảo Chim"** quả là độc đáo. Từ tướng lĩnh, sỹ quan, nhất là binh lính họ được giao nhiệm vụ bảo vệ quần đảo Trường Sa, quần đảo tiền tiêu của Tổ quốc. Cuộc sống ở đây nếu thiếu những trang viết của ông có lẽ không ai có thể tưởng tượng ra được. Nhiệm vụ được hoàn thành là tình yêu Tổ quốc nhưng lại được mô tả "theo kiểu Trần Đăng Khoa" nên hết sức thuyết phục. Thuyết phục bởi chính sự độc đáo! Nghĩ lại, cho đến bây giờ đất nước đã đổi mới, mọi mặt của đời sống thay đổi một cách cơ bản so với thời kỳ ông viết **"Đảo Chim"**. Rất nhiều người đã đến trường Sa. Báo chí và truyền thông làm rất tốt công tác tuyên truyền và động viên chiến sỹ... nhưng ngược lại chất lượng những bài viết chưa được như mong muốn của những người lính đảo cũng như của những người quan tâm và yêu văn chương. Trần Đăng Khoa là người viết nhiều và để lại nhiều ấn tượng những sáng tác về Trường Sa.

TĐK: Biết làm sao được. Nhưng có một điều khẳng định là cuộc sống của nhân dân và người lính trên đảo hôm nay đã được Đảng và nước quan tâm và cải thiện đáng kể so với hồi tôi ở đảo và có những sáng tác như vừa nói ở trên. Từ năm 1984 đến nay tôi chưa có điều kiện đặt chân ra Trường Sa, chẳng biết thực tế ngoài đảo thế nào?

Hà Nguyễn Huyền: Năm ngoái (2010) cũng khoảng thời gian này tôi đang có mặt

trên đảo. Chúng tôi khởi hành từ cảng Cát Lái (thành phố Hồ Chí Minh) sau hai ngày ba đêm lênh đênh trên biển. Đó cũng là khoảng thời gian chúng tôi hoàn toàn bị mất liên lạc. Điện thoại di động vốn là một công cụ quen thuộc và thân thuộc để liên kết mọi người với nhau thì bây giờ chúng bị vứt lung tung như những hòn cuội vì không sống. Rạng sáng ngày thứ ba, không biết ai là người reo lên đầu tiên mà tất cả mọi người không ai bảo ai đều thò đầu ra các cửa sổ con tàu. Trên boong chật ních người. Tất cả đều hướng về phía trước, nơi ấy có một dải mờ xanh nhấp nhô trên đường chân trời tím tấp. Đúng là tháng ba "bà già đi biển", mặt biển phẳng lì nhuốm nhòa như được phủ một lớp dầu. Con tàu từ từ tiến vào. Mặt trời chưa xuất hiện nhưng đã làm nên một khung cảnh lộng lẫy huy hoàng của một ban mai. Tôi thốt lên trong một cảm xúc dạt dào: **"Tổ quốc phía mặt trời"**! Tàu giảm tốc độ chuẩn bị cập mạn vào cầu cảng thì hầu như đồng loạt tất cả "những hòn cuội vô dụng" kia tới tấp loạt reo lên (Quần đảo Trường Sa đã được phủ sóng viễn thông). Tất cả lại nhào đến áp vào tai với đủ các kiểu loại "bản mặt" thể hiện sắc thái tình cảm vô cùng sinh động sau... "hai ngày ba đêm xa cách". Đặt chân lên đảo, sau những nghi lễ chào hỏi hình thức tôi đã nhận ra một buổi sáng bình yên. Bình yên đến mức tôi không còn cảm giác giữa mệnh mông nước trời và cách đất liền hai ngày ba đêm... trên con tàu gần một nghìn mã lực vào mùa biển lặng!

Cây cối xanh tươi hiển hoa, nước ngọt đủ để tưới cho những vườn rau của lính sau một ngày làm nhiệm vụ tuần tra canh gác. Trong khẩu phần ăn của quân dân trên đảo không đến nỗi thiếu thốn, kham khổ... Tất cả là đều nhờ vào đổi mới. "Dân giàu thì nước mạnh". Việc chi dụng cho đời sống quân dân trên quần đảo Trường Sa tốt hơn so với trước rất nhiều.

TĐK: Mưa đã rơi trên quần đảo Trường Sa chứ không phải **"Đợi mưa trên đảo Sinh Tồn"** nữa! Một ngày nữa tôi sẽ trở lại Trường Sa. Đúng ra, tôi về lại "căn nhà xưa" của mình, nơi tôi thường thì thoáng được gặp trong những giấc ngủ đứt quãng đã hơn hai mươi năm nay. Tôi biết là mình cũng đã bắt đầu già. Nhưng Trường Sa chẳng bao giờ già. Lại nhớ đến những câu thơ trẻ măng như một lời nguyện của lính Trường Sa "treo" trên bảo tường đại đội: **"Ôi quần đảo cuối trời xanh/ Vì như nằm sỏi vãi thành đảo con/ Sóng xô mãi cũng không mòn/ Ngàn năm sau vẫn cứ còn Trường Sa..."**

Hà Nguyễn Huyền: Chúc cho anh có một chuyến đi nhiều may mắn và lại có những trang viết hay về Trường Sa. Giai đoạn vừa rồi có rất nhiều bài viết phản ánh mọi mặt của quân và dân trên đảo, nhưng theo tôi những bài viết này hầu hết chỉ dừng lại ở phạm vi "báo chí". Chúng ta không nên lặp lại một điệp khúc "khô, khổ, khát...". Bởi như thế mới chỉ đúng một phần, đời sống trên đảo đã được Đảng, nhà nước và nhân dân rất quan tâm.

TĐK: Trong một bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều biến động phức tạp. Đặc biệt là trên biển. Tuy đã có **"Công ước quốc tế, có luật biển"** nhưng hoàn cảnh từng quốc gia lại có những lịch sử rất riêng. Mặt khác, chúng ta đang sống trong kỷ nguyên của biển... thì hơn bao giờ hết biên giới, hải đảo trở nên vô cùng phức tạp. Chúng ta không thể để từng tấc đất đã thấm máu của tiền nhân rơi vào bất cứ thế lực nào. Phải chăng đó là nổi vất vả, cơ cực của nhân dân và những người lính đảo. Tôi quan niệm mỗi ngày sống của họ là một ngày họ đã đóng vào biên giới lãnh thổ những cốt một sống!

Hà Nguyễn Huyền: Chúng ta có quyền hy vọng vào những tác phẩm tiếp theo được viết trên tinh thần ấy!

Hà Nguyễn Huyền: Sau chiến tranh chống Mỹ, ai đó nhìn bản đồ và vì von nước mình "Đất nước hình tia chớp" thấy có lý quá. Có lý vì gọi được ra cái "hồn cốt" của cả một dân tộc... Bây giờ thấy ông gọi "Tổ quốc" như một người mẹ, một bà già...

Trần Đăng Khoa (TĐK): Thì đúng quá đi chứ, ông cứ nhìn kỹ mà xem... Tổ quốc ta trên bản đồ thế giới trông giống một bà mẹ gầy gò đôi nón lá, lưng còng gập, có lẽ vì gánh quá nhiều sứ mệnh lịch sử. Bà mẹ ấy vẫn lặn lội thân cò, bước thập thững bên bờ sông. Tăm lưng còng gập quay ra biển Đông. Cái phen dậu giữ cho tấm lưng còng ấy khỏi lạnh chính là Trường Sa đấy.

Hà Nguyễn Huyền: Rất có lý nhưng sao cứ thấy tối tối... Bây giờ chúng ta nói về những người giữ ấm cho tấm lưng ấy. Ông là một trong số đó?

TĐK: Tôi đã sống trên quần đảo ấy từ những năm bảy mươi... của thế kỷ trước. Ở những hòn đảo nổi, mà lính gọi là "Thủ đồ Trường Sa, Hotel An Bang, Lầu đài Nam Yết. Có hòn đảo nhỏ lắm, chỉ là một vùng cát lờ phờ, to chừng một cái nong phoi thóc, vừa đủ chỗ để dựng một cái lều bạt đã chiến. Tư lệnh hải quân Giáp Văn Cương cũng đã đến đây, ngủ một đêm trên đảo này trong một chuyến đi tuần biển. Còn có những đảo chìm, sâu dưới nước ba mét. Các chàng lính trẻ của chúng ta dựng lều bạt giữa sóng gió để canh giữ, bảo vệ cái cái nôm ruột thiêng liêng của Tổ quốc. Nhiều đêm ngồi trên chòi bạt giữa một bầu mây nước hỗn mang cứ ngỡ mình đang ở thời tiền sử... Bây giờ chắc đã khác rồi.

Hà Nguyễn Huyền: TĐK là người viết đầu tiên và rất hay về Trường Sa?

TĐK: Không phải là đầu tiên nhưng viết và để lại ấn tượng thì tôi không phủ nhận. Tôi vốn là người lính "tuyên văn". Ngày ấy việc ra đảo với tôi là một nhiệm vụ. Cứ hai năm một lần "Hội diễn quân khu", bốn năm một lần "Hội diễn toàn quân"... Tôi hầu như năm nào cũng phải xuống đơn vị để tìm những tác phẩm hay, biên tập sửa chữa lại để "lính" hội thi. Một lần tôi phải viết ca từ cho một bài hát để nhạc sỹ Thế Dương phổ nhạc.

Hà Nguyễn Huyền: Ca từ đó chính là bài thơ **"Thơ tình của người lính biển"**. Bài hát của Thế Dương sau đó được mang đi biểu diễn, nhưng... hầu như không ai nhớ được. Cũng những năm ấy, nhân có cuộc thi thơ của Tuần báo văn nghệ - Hội Nhà văn Việt Nam. Tôi gửi 07 bài dự thi và một chùm 03 bài được chọn ra để trao giải nhất, trong đó có bài **"Thơ tình của người lính biển"**. Có lẽ sau khi đọc báo Văn nghệ, nhạc sỹ Hoàng Hiệp đã lấy bài này ra phổ nhạc và nhạc phẩm nhanh chóng được công chúng yêu nhạc đón nhận. Cho đến tận bây giờ tôi vẫn chưa được gặp nhạc sỹ Hoàng Hiệp.

Hà Nguyễn Huyền: Đối với những người lính hải quân, có lẽ ca khúc này là hành trang trên mọi hải trình và là niềm tự hào của Hải quân Việt Nam. Bên cạnh cái riêng mà bài hát nói hộ tâm tư người lính còn có cái hào sảng rất thời đại của Hải quân QĐND Việt Nam.

TĐK: Thì đấy, cũng là một bài thơ, hai nhạc sỹ cùng phổ, nhưng Hoàng Hiệp đã đi vào lòng người và trở thành **"Những bài ca đi cùng năm tháng"**... vậy thành công là ở nhạc sỹ chứ không phải là thơ của tôi!

Hà Nguyễn Huyền: Đó cũng là một cách nói khiêm tốn. Theo tôi nhà thơ Xuân Diệu (Chủ tịch Hội đồng giám khảo cuộc thi thơ năm ấy - 1982) không nhầm khi chọn **"Thơ tình của lính biển"** là một trong ba bài xuất sắc nhất của ông.

TĐK: Tôi vẫn cho rằng Xuân Diệu là nhà thơ có "cặp mắt xanh" đối với thi ca. Nhưng trong trường hợp này nếu được chọn tôi sẽ chọn bài **"Đợi mưa trên đảo Sinh Tồn"**... Tôi chắc "Cụ Diệu" cũng thích bài này song còn rất nhiều thứ ràng buộc nên "cụ" không dám!

NĂM LẠI VỚI HOÀNG SA

Bút ký của PHẠM ĐƯƠNG



Thả thuyền và hình nhân trong Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa tại Lý Sơn.

Ảnh: Phạm Dương

Suốt 300 năm qua, những ngư dân của đảo Lý Sơn chưa bao giờ vắng mặt nơi vùng biển của quần đảo ấy. Lúc trời êm cũng như ngày biển động, khi vắng mệnh triều đình hay lúc áo cơm hối thúc, bao giờ cũng vậy, những cánh buồm khát gió vẫn cứ ra khơi, nhằm hướng Hoàng Sa trực chỉ. Nhiều người trong số họ, đã vĩnh viễn nằm lại trong lòng đại dương. Sáu ngư phủ của đảo Lý Sơn vừa nằm lại với Hoàng Sa hồi cuối năm rồi như là sự tiếp bước của tiền nhân, cắm thêm những cột mốc trên vùng lãnh hải rộng dài của đất nước.

SÁNG ngày 13 tháng 3 năm 2011, vong linh của ngư phủ cuối cùng trong số 6 người đã tử nạn ngoài Hoàng Sa hôm áp Tết đã được người dân Lý Sơn táng thức theo tập tục của đảo. Vậy là, thuyền trưởng Võ Minh Tân và 5 thuyền viên cùng con tàu xấu số đã vĩnh viễn nằm lại giữa trùng khơi nơi vùng biển Hoàng Sa. Chị Ngô Thị Việt, vợ thuyền trưởng Võ Minh Tân vẫn còn nhớ như in bước chân của chồng mình khi ra bến. Đó là một buổi chiều mùa đông se sắt của ngày 18-12-2010, nhằm ngày 15 tháng chạp năm Canh Dần: "Ảnh bước đi mà có vẻ ngập ngừng lăm, như có điều gì muốn nói với vợ con mà không tiện nói ra". Linh cảm của người đàn bà đã từng tiễn chồng ra Hoàng Sa hàng chục năm nay đã mách bảo với chị Việt rằng, đó là chuyến đi cuối cùng của người đàn ông 50 tuổi nhưng đã có trên 30 năm dạn dày sóng gió với biển khơi.

Cụ ông Võ Hiến Đạt, "ông tử" gác miếu Hoàng Sa ở Lý Sơn đã 60 năm nay, hay tin 6 ngư dân của đảo mất tích, nói: "Chúng nó khiến chết hay sao ấy chứ! Hái rau chân vịt mà đi vào cữ đó (trước Tết) đã là không ổn rồi. Gió cấp 6 cấp 7, lại mưa rét liên tục nên làm sao mà phơi rau chân vịt cho khô được. Vì ham mang rau ướt như thế, lại xuyên gió dữ nên tàu chìm là lẽ dĩ nhiên". Trong số trên 40 tàu "xuân tết" ra Hoàng Sa và Trường Sa của ngư dân Quảng Ngãi hôm cuối năm rồi, có lẽ tàu QNg 66192-TS của Võ Minh Tân ở đảo Lý Sơn này là con tàu duy nhất hành nghề khai thác rau chân vịt - một loại rong biển có hình thù rất giống chân con vịt. Lão ngư Bùi Thượng, người được phong "vua lặn" của đảo Lý Sơn phỏng đoán: "Gần đảo Tri Tôn có một hòn đảo chìm, tên là Bạch Quy. Khi triều xuống, những rặng san hô trùng trùng

điệp điệp nổi lên. Đây được xem như vương quốc của loài rau chân vịt. Không phải lặn sâu, chỉ cần đi bộ trên bãi san hô này, dùng liềm cắt như cắt cỏ, chừng một buổi là "khảm" tàu rồi. Đừng thấy dễ khai thác mà quên đi nguy hiểm. Kinh nghiệm 50 năm đi biển cho tôi biết rằng, nên biết dừng lại đúng vào thời điểm mà bất cứ một người ham việc và tiếc của nào cũng muốn "ràng chút nữa". Tàu anh Tân là tàu nhỏ, lại có giàn phơi như phơi mực. Nếu trời nắng, rau chân vịt chỉ cần phơi một ngày trên giàn là có thể đóng bao, nhưng vào thời điểm trước Tết âm lịch vừa rồi, trời mưa liên tục, không cách gì rau có thể khô được. Thế là đành chất cả chục tấn rau ướt trên giàn và chạy vô bờ. Chỉ cần gió giật cấp 8, giàn phơi hàng tấn rau ấy vô tình trở thành cái bẫy, nhấn chìm cả con tàu". Tất cả cũng chỉ là phỏng đoán qua kinh nghiệm của những người đã từng ngang dọc Hoàng Sa, còn sự thật về cái chết của 6 ngư phủ thì vẫn còn là một ẩn số. Chỉ biết rằng, sau 3 tháng bất tin vô âm thì cũng đồng nghĩa với việc họ đã vĩnh viễn nằm lại giữa trùng khơi rồi.

Trên con tàu xấu số ra khơi hôm đó, ngoài em Hồ Văn Lâm, 19 tuổi là chưa lập gia đình, nhưng là người ra khơi lần đầu tiên và cũng là lần cuối, tất cả 5 người còn lại đều đã có vợ con. Dân Lý Sơn gọi họ là "những người cùng khổ". Như trường hợp ông Nguyễn Đăng, 68 tuổi, người thôn Tây xã An Vĩnh. Tuổi gần thất thập nhưng con còn quá bé (7 tuổi) nên ông Đăng phải ra khơi. Nhiều người còn nhớ khuôn mặt khắc khổ với mái đầu bạc phơ của người đàn ông cao niên này trong vụ tàu ông Mai Phụng Lưu bị câu lưu ngoài Hoàng Sa hơn một tháng trước đó. Ông Đăng là một trong những ngư dân có mặt trên tàu ông Lưu hôm ấy. Tôi vẫn còn lưu lại tập ảnh của mình hôm

đón tàu ông Mai Phụng Lưu cập cảng Dung Quất hồi tháng 9-2010. Ông Đăng tay ôm bó hoa một cách hững hờ từ bà Xí vợ ông tặng, mắt cứ nhìn đắm đắm vào đứa con gái còn đang học mẫu giáo mà vợ ông đang bế trên tay. Với ông, cháu bé muộn màng của đời ông ấy, chính là bó hoa ý nghĩa nhất mà suốt 2 tháng bị giam lỏng ngoài Hoàng Sa, ông luôn đau đầu mong tin. Có thể với nhiều người, thuyền trưởng Mai Phụng Lưu là một anh hùng, nhưng với tôi, ông Đăng mới là người xứng đáng để nhận mọi vinh danh và mọi phong tặng các danh hiệu. Bây giờ thì ánh mắt từng đau đầu mong ngày trở lại để gặp con của ông đã vĩnh viễn khép lại cùng với tuổi 68 của mình. Bà Xí, vợ ông, mở cuốn vở học trò đã nhàu nhĩ như chính cuộc đời khốn khổ của bà, được bà gọi là "nhật ký" gồm đủ thứ tạp pì lù: này là nợ tiền gạo, kia là nợ tiền thuốc chữa bệnh, còn đây là nợ vay ngân hàng đã đến kỳ đáo hạn. Ông Đăng ra khơi mang theo tất cả những món nợ chất chồng ấy để rồi chìm cùng con tàu xấu số.

"Người cùng khổ" trên con tàu mặt vắn ấy còn có anh Trần Văn Lan, ở thôn Tây, xã An Hải. Thấm thía với sự bạc bẽo của biển khơi, anh Lan lên tận Đắc Lắc để hái cà phê thuê. Cuối năm, anh về lại quê chăm vợ ốm, thấy rồi rồi, lại cận tết, thôi thì ra khơi kiếm thêm ít tiền tiêu tết. Như một định mệnh từ tiền kiếp, số phận của người đàn ông 45 tuổi này vẫn không thoát được lưới hái của thủy thần. Trong số 6 ngư dân mất tích ấy thì trường hợp của Trương Văn Tiến là hy hữu nhất. Sinh ra ở đảo Lý Sơn, cảm nhận được sự mịt mờ của nghề đi biển, Tiến "lên bờ", vào tận Bà Rịa-Vũng Tàu để làm rẫy. Nhưng 12 năm cuộc đất lật cổ ở xứ người, cái nghèo vẫn không buông anh. Tiền đất dẫu vợ con hồi hương. Cần nhà nơi xóm dứa ở Lý Sơn của vợ chồng Tiến vừa mới làm còn hăng nồng với vữa, ở nhà mới vốn vẹn được 3 hôm, lại lên tàu để vĩnh viễn không về. Sáu số phận trên con tàu xấu số là 6 hoàn cảnh éo le. Họ là những người cùng sống khổ, chết khổ. Thật quá xót thương!

Đã gần 3 tháng kể từ buổi chiều mùa đông se sắt ấy, con tàu cùng số phận của 6 ngư dân vẫn bất tin vô âm. Vợ con của các ngư phủ gần như cạn khô nước mắt. Gần ấy thời gian đã tát cạn lòng kiên nhẫn đợi chờ của họ. Những hình nhân bằng đất sét, những ngôi mộ gió cứ ngỡ chỉ còn trong ký ức xa xăm, nay lại tái hiện nơi hòn đảo này. Từ ngày 8-3 đến nay, lần lượt 6 ngư dân xấu số đã được gia đình và bà con xóm mạc làm lễ cầu siêu và chôn cất theo tập tục của cư dân Lý Sơn. Hai cha con ông Võ Toại-Võ Nhàn, những người chuyên nặn hình nhân thế mạng và gọi hồn về đã phải làm việc ngày đêm suốt cả tuần nay để kịp ngày đưa linh hồn của 6 ngư dân về với tổ tiên.

Hôm 13-3, linh hồn thuyền trưởng Võ Minh Tân - người cuối cùng trong số 6 ngư dân xấu số đã chính thức nhập vào hình nhân để trở về với đất. Chứng kiến ba mẹ con chị Ngô Thị Việt gào khóc giữa tiếng sóng ầm ào nơi bến nước trước biển Lý Sơn, không một ai có thể cầm lòng. Người ra đi thì đành một nhẽ, họ đã xong nghĩa vụ của một kiếp người, nhưng họ lại là trụ cột trong mỗi gia đình, những gì mà những người đàn ông này để lại là một khoảng trống mênh mông. Ở đó đang chất chồng gánh nặng của những toan lo cơm áo mà những người đàn bà cùng những đứa con thơ dại đang phải gồng gánh.

Chị Ngô Thị Việt nói trong nước mắt: "Vợ chồng chất bộp cả đời mới đóng được con tàu 400 triệu. Năm 2004, đang đánh cá ngoài Hoàng Sa, gặp bão, tàu va vào đá, trắng tay từ đạo ấy. Mới năm ngoái đây, lại vay mượn để đóng con tàu này, giờ trắng tay lần nữa. Lần trước thì còn người, lần này thì không còn gì nữa. Cháu Lê Nhật Vương đang học đại học

tận Quy Nhơn, cháu Lê Thị Thanh đang học lớp 10, nhà chỉ có vài sào ruộng tòi, tôi chẳng biết lấy gì nuôi chúng cả". Hàng trăm triệu nợ vay bà con và ngân hàng, giờ đã thành ngọn núi khổng lồ đang chờ chực ập xuống người đàn bà yếu đuối này. Ba mẹ con chị Nguyễn Thị Lôi, vợ ngư dân Trương Văn Tiến còn thể thảm hơn. Bồng bế từ Bà Rịa-Vũng Tàu về quê, ở ngôi nhà mới chưa ấm chỗ thì người đàn ông trụ cột ấy ra đi, ba mẹ con chơi với vì ngoài căn nhà vừa mới xây tạm bợ ấy, chị không có lấy một tấc đất cắm dùi! Cháu Trương Thị Nhiều, đang lớp 7 nhưng đã toan nghỉ học. Nhưng nghỉ học thì biết làm gì với cái tuổi 13 ấy, mà tiếp tục đến trường thì ai nuôi đây? Sáu ngư dân là 6 hoàn cảnh khác nhau nhưng vợ con họ cùng gặp ở một điểm: cả một gánh nặng áo cơm đang đè lên vai của những người đàn bà yếu đuối này.

Một điều khá ngạc nhiên là, trong tất cả các trường hợp tử nạn qua các trận lũ lụt thì hết đoàn này đến đoàn khác đến thăm hỏi, chia buồn và hỗ trợ tiền bạc đến gia đình các nạn nhân, còn trường hợp của 6 ngư dân Lý Sơn mất xác giữa biển thì ngoài huyện Lý Sơn hỗ trợ mỗi gia đình 5 triệu, xã 500 ngàn thì tỉnh Quảng Ngãi và các đoàn thể hầu như "quên mất" họ. Ngay cả việc lễ cầu siêu cho vong linh các ngư phủ này, ngoài ông thấy pháp và bà con xóm mạc ra, vẫn thấy vắng bóng các cấp chính quyền địa phương. Vẫn biết đây là trường hợp rủi ro khi hành nghề ngoài biển, song cái chết của những ngư dân này còn mang một ý nghĩa đặc biệt hơn. Bản thân việc xuyên gió mưa trong những ngày cận tết để có mặt tận vùng biển Hoàng Sa của họ là một việc làm vượt ra khỏi những câu thúc áo cơm. Không thể nghĩ một cách đơn thuần rằng việc rủi ro của họ chỉ là "tử nạn" mà trong một nghĩa nào đó, phải xem đó như là một sự hy sinh. Biển Đông thì vô cùng mênh mông rộng lớn nhưng mỗi lần ra khơi là một lần ngư dân Lý Sơn lại trực chỉ Hoàng Sa. Vì sao lại có những chuyến hải hành "kỳ lạ" như thế nếu không muốn nói rằng đó là đất đai, lãnh hải được ông cha ta đã cất công tạo dựng từ bao đời nay mà nhiệm vụ của cháu con hôm nay là phải tiếp tục cuộc hành trình để gìn giữ.

Hôm nay, đảo Lý Sơn lại có thêm 6 ngôi mộ gió, bổ sung vào danh sách những chất chống mộ gió của ông bà đã từng hy sinh nơi Hoàng Sa. Xác của họ vĩnh viễn nằm lại nơi vùng biển ấy và đã hóa thân thành những cột mốc biên cương lãnh hải quốc gia. Vì vậy, họ xứng đáng để được nhận sự quan tâm đặc biệt từ những tấm lòng biết yêu tổ quốc của người dân cả nước.

Tôi mang chút tiến còm xin được từ những tấm lòng của bạn đọc cả nước gửi cho thân nhân 6 ngư phủ của đảo Lý Sơn vừa tử nạn nơi vùng biển Hoàng Sa mà lòng cứ dậy lên một câu hỏi: Biết đến bao giờ chúng ta mới có được những con tàu hiện đại để có thể đương đầu với gió bão nơi Hoàng Sa, cả những "gió bão" từ những con "tàu lạ"? Là bởi, bảo vệ vùng lãnh hải thiêng liêng của tổ quốc nơi Hoàng Sa chỉ bằng lòng quả cảm của những thuyền trưởng dạn dày sóng gió như Mai Phụng Lưu, như Võ Minh Tân hay như lão ngư Nguyễn Đăng không thôi chưa đủ. Thêm một ngôi mộ gió tại đảo Lý Sơn là thêm một nỗi đau, không chỉ với những thân nhân người đã khuất mà còn của vào lòng tất cả chúng ta, những người biết yêu tổ quốc mình nhưng đành bất lực.

Những ngày giữa tháng Tư này, hai vạn dân trên đảo Lý Sơn lại tổ chức Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa tri ân tiền nhân đã từng đạp sóng ra khơi để cắm mốc chủ quyền cho đất nước từ hơn 300 năm trước. Năm nay, trong bài văn tế của mình lại có thêm 6 cái tên của ngư dân Lý Sơn vừa nằm xuống. ■

CHU CẨM PHONG

NHÀ BÁO - NHÀ VĂN - LIỆT SỸ- ANH HÙNG

(Viết nhân dịp Tưởng niệm 40 năm ngày hy sinh của nhà văn liệt sĩ Chu Cẩm Phong)

HỒ DUY LỆ

LTS: Nhà văn, liệt sĩ, Anh hùng Lực lượng vũ trang Chu Cẩm Phong là một trong những hiện tượng văn học đặc biệt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Cũng như Nguyễn Thi, Lê Anh Xuân, Dương Thị Quý, Nguyễn Mỹ và nhiều nhà văn liệt sĩ khác, trước khi hy sinh, Chu Cẩm Phong đã để lại những sáng tác đầy tính nhân văn, ghi dấu một giai đoạn khốc liệt và anh hùng của dân tộc, đặc biệt là những trang nhật ký.

Trong những số báo trước đây, VN đã đăng bài trao đổi giữa nhà thơ Bùi Minh Quốc và nhà thơ Thanh Quế về số phận cầm động và kỷ lạ cuốn nhật ký chiến tranh của ông. Sau khi hai bài báo được công bố, một bạn đọc gọi điện đến toà soạn hỏi liệu nhà văn Chu Cẩm Phong có để lại 2 cuốn nhật ký hay không? Theo nhà thơ Bùi Minh Quốc, Chu Cẩm Phong chỉ để lại 1 cuốn nhật ký do một người lính Việt Nam Cộng hoà giữ và trao lại. Chúng tôi được biết Nhà xuất bản Hội Nhà văn đang chuẩn bị xuất bản toàn tập Chu Cẩm Phong, bao gồm những sáng tác và nhật ký chiến tranh của ông. Nhân dịp kỷ niệm ngày toàn thắng và thống nhất đất nước 30-4-1975 VN xin giới thiệu bài viết của nhà văn Hồ Duy Lệ, một trong những người bạn chiến đấu gần gũi của Chu Cẩm Phong để nghĩ, để nhớ về một thời những nhà văn đồng hành với nhân dân cầm bút và cầm súng...

TRẦN Tiến, người con của Minh Hương - Hội An - Quảng Nam, sinh năm 1941. Năm 1954 theo cha tập kết ra miền Bắc. Năm 1964, tốt nghiệp Đại học ngữ văn loại giỏi, được chọn làm nghiên cứu sinh tại Trung Quốc. Trần Tiến yêu văn học Trung Quốc và cũng giỏi Hán văn. Hưởng ứng lời kêu gọi: Tất cả vì miền Nam thân yêu. Tất cả để chiến thắng giặc Mỹ xâm lược, Trần Tiến xếp bút nghiêng xung phong lên đường. Vào chiến trường miền Nam với nhiệm vụ của một phóng viên Thông tấn xã Giải phóng Khu V, sau đó là biên tập viên tạp chí Văn nghệ Giải phóng Trung Trung bộ. Bí thư chỉ bộ Tiểu ban Văn nghệ Ban Tuyên huấn Khu V. Vậy Trần Tiến lấy bút hiệu Chu Cẩm Phong, từ cảm xúc nào?

Là người học và nghiên cứu văn học Trung Hoa, Trần Tiến rất ngưỡng mộ đại văn hào Lỗ Tấn. Lỗ Tấn rất yêu mẹ nên lấy họ Lỗ của mẹ làm họ của bút hiệu. Tên thật của Lỗ Tấn là Chu Thụ Nhân. Trần Tiến muốn lấy họ của Lỗ Tấn làm họ của bút hiệu để luôn làm việc hướng đến cái thiện và đấu tranh chống cái ác, của một thần tượng mà nhân dân Trung Quốc suy tôn là Linh hồn của dân tộc.

Họ Chu của Chu Cẩm Phong cũng còn thêm một lý do nữa. Thời học sinh tiểu học ở làng Hưng Mỹ - Bình Triều, Thăng Bình, trong số những bạn học của Trần Tiến có một bạn rất thân, được tập kết ra Bắc, lại học cùng trường Trung học, rồi cùng vào Đại học, có tên là Nguyễn Hữu Chu. Mỗi lần sau những buổi học, hai bạn gặp nhau thường nhắc lại ngôi trường tiểu học trên cát lún cư hồi nhớ về quê hương.

Sau 14 năm xa, một đêm, ngày 5-1-1969, đi qua làng Hưng Mỹ, Chu Cẩm Phong ghi: "Bối hối xúc động vô cùng. Cũng những nông cát này, những hàng dương này, mỗi lần đi học mình đều chạy băng qua. Ở chỗ này là nhà một cô bạn học cùng lớp, giờ nghe nói cô ta đã có chồng. Ở quãng đường này chạy về phía phải chừng 20 bước là mộ của bé Ngọc Anh, năm đó, mỗi lần đi ngang qua, mình lại ghé vào đứng trước mộ em sững sờ. Dưới gốc cây thị kia là nhà của mình. Cây bàng ở gần sân bóng chuyển chỗ xóm cũ không còn nữa, giờ nhà cửa đổ nát hết. Đêm nay mình muốn nghỉ lại để nhận những người quen, đi lại những đoạn đường mình đã đi, đến thăm gốc mù u ở gần nhà cũ, thăm ngôi đình mình đã ngồi học nhưng không tiện. Đi khỏi Hưng Mỹ lâu lắm mình vẫn còn day dứt, luyến tiếc, bối hối. Nhất định mình sẽ về vài ngày ghé thăm".

Còn Cẩm là Đẹp. Cẩm là Cẩm Phô - Hội An quê mẹ, nơi Trần Tiến yêu quý, luôn nhớ nhung: "Mình nhớ những ngày xa xưa, tại mình còn bé xù, những buổi chiều, mình theo mẹ ngồi thuyền từ trên Phố về Cẩm Phô thăm bà ngoại. Hối đồ đất Cẩm Phô cũng mượt xanh và rất nhiều cau. Ngồi trên thuyền nhìn những hàng cau lướt lướt, mình cứ ngạc nhiên mãi: không biết tại làm sao những cây cau kia không có chân mà đi được. Về Cẩm Phô, lại nghe tiếng khung cửi tay của bà ngoại, và có những đêm ăn cơm tối, ngoài trời tối mịt, cái đĩa đèn kê ở khung cửi, ngọn đèn lay động theo nhịp thò của khổ gò. Những ngày ở đó, hai chị em mình cùng với các chị con cậu Tám, ngồi dưới gốc mít nhất là mít chơi đủ trò.

Cẩm Phô ơi, cái gốc mít ấy còn không, những hàng cau thanh tú ấy có còn không: quân thù man rợ đã làm hoen ố bức gấm lòng lấy đó ta!".

Và Cẩm cũng còn là chữ trong tên cô bạn gái Cẩm Thanh thời Đại học ngữ văn - Hà Nội. Trần Tiến đã kiên quyết dứt khoát mối tình với Cẩm Thanh để chia tay vào chiến trường, người tiếp tục học, người xông vào lửa đạn sống chết khôn lường, hy vọng không ai còn phải bận tâm nhau. Vậy mà, khi chiến trường đang vô cùng khốc liệt, lời xuôi, bằng rừng về đến cơ quan ngày 24-8-1967, nhận được thư và ảnh của Cẩm Thanh, Trần Tiến ghi vào nhật ký: "Thư của C.Th làm mình cảm động, xốn xang trong lòng. Trong mình như có một cơn đau của một vết thương. Mình có thể nào dừng đứng, mình là một con người với những cảm xúc như mọi người biết suy nghĩ. Mình từ già con người có thể nói đã dành mọi ước mơ hạnh phúc cho mình, dành trọn trái tim cho mình, mình từ già mỗi tình mãnh liệt và chân thật của C.Th như vậy có đúng không?

Mình trở lại mỗi tình của một tâm hồn trong sáng và thủy chung như tình yêu của C.Th, có xứng đáng không?

Hai câu hỏi đó làm mình day dứt mãi. Mình xem lại là thư mình viết dạo tháng 6 định gửi ra cho C.Th. Mình cứ hồ thẹn với mình. Phải chi C.Th đừng nghĩ tốt về mình như vậy mình sẽ thấy dễ chịu hơn. Mình nghĩ tình yêu phải đẹp, phải thật nguyên vẹn và trong vắt...

Cả ngày mình nghĩ ngợi, không làm việc gì, người còn mệt, chưa thoát hẳn cơn bệnh và vì tâm trạng day dứt đó".

Cuối cùng, Phong Là Phong Điền - Quảng Trị quê cha. Phong đây còn là gió, là phong ba, bão táp khi anh xung phong lao vào cuộc chiến mất còn.

Trần Tiến, với bút hiệu Chu Cẩm Phong, đã xin xung phong vào những chiến trường ác liệt nhất của Khu V. Sống hết mình và đầy trách nhiệm với công việc được giao, và tranh thủ viết. Những dòng nhật ký cuối cùng Chu Cẩm Phong viết ngày 27-4-1971:

"Mình mở mắt ra. Một ông già (hình như vậy) từ dưới hầm bước lên đang cúi nhìn mình. Mình ngồi dậy bắt chuyện. Một lát sau, một người đàn ông và một người đàn bà ở cái lều phía trước nghe tiếng nói chuyện cũng kéo sang. Ông lão nói đủ thứ chuyện... Ông quần một điều hút, còn hai điều giắt mạp tại, trông đến tức cười..."

Sau hôm đó, Mỹ đổ quân càn quét dài ngày, ngay bên miệng công sự ở thôn Vĩnh Cường, Xuyên Phú, rồi địch phát hiện công sự và xảy ra trận chiến đấu khốc liệt, không còn sức cuối cùng ngày 1-5-1971. Chính ông già ấy, ông Hồ Phong, cha của Bí thư Xuyên Phú, đã nói với Chu Cẩm Phong đủ thứ chuyện... ông già đã đưa cho anh lá thuốc thật ngon... là người kéo xác anh từ dưới suối lên, sửa chân, sửa tay anh nằm ngay ngắn, lay anh ba lay trước khi chôn anh bên bờ con suối ở Vĩnh Cường. Nhưng rồi, ông già ấy chết bởi một trái pháo, hàng trăm quả nện xuống ngay vườn nhà ông giữa chiều, lúc ông đang cuộc đất trồng khoai...

Hy sinh ở tuổi 30, Trần Tiến đã kịp viết được nhiều truyện ngắn, bút ký và hàng ngàn trang nhật ký đầy ắp thông tin và sự kiện, là những trang văn thật giản dị, chân thật, sinh động, anh ghi vội trong những phút im lặng không nhiều sau những trận ném bom, những trận pháo bầy, những cuộc bố ráp, vây càn. Đó là những trang viết bằng máu, trong mùi khói súng, lấp lánh chất người, là những trang sử của một người viết văn, viết về những người dân binh thường, đọc lên không chỉ xúc động mà hiểu hơn, yêu quý hơn những người dân đã làm nên một quê hương anh hùng.

Những người thân của anh đã tập hợp lại in thành sách, đặt tên *Nhật ký chiến tranh* - một nguồn tư liệu quý giá để cây bút Chu Cẩm Phong có thể tạo nên những tác phẩm có giá trị.

Chu Cẩm Phong không có dịp làm đơn nộp lên Hội Nhà văn Việt Nam để Hội đồng xét duyệt, bỏ phiếu, đánh giá. Nhưng bằng những trang viết để lại, mọi người tôn vinh anh là một nhà văn.

Những người thân của Chu Cẩm Phong làm một bia bằng đá đặt tại nơi anh và các chiến sỹ cùng trong căn hầm đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng để mỗi khi ai có dịp qua Mỹ Lược - Vĩnh Cường - Xuyên Phú, ghé lại thắp một nén hương.

Tác phẩm của Chu Cẩm Phong để lại, là một quyển *Nhật ký chiến tranh*, dày nghìn trang và một quyển sách, nhân một lần kỷ niệm ngày mất của anh, những người yêu quý anh đã ngồi lại nói lên những lời từ trái tim mình về anh, tập hợp lại, dày bốn trăm trang, lấy tên: *Chu Cẩm Phong sáng ngời phẩm chất nhà văn - chiến sĩ*.

Những việc làm vô tư và ân tình trên đã góp phần làm cho mọi người hiểu thêm về những đóng góp của nhà văn, Liệt sỹ Chu Cẩm Phong, và những giá trị ấy của anh đã được ghi nhận: Năm 2006, Chu Cẩm Phong được trao tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học. Năm 2010, ngày 17-3, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định 212/QĐ/CTN truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang cho Trần Tiến - Chu Cẩm Phong.

Vào tuổi bảy mươi, trên tấm bia nơi anh hy sinh mới ghi rõ: Trần Tiến - Chu Cẩm Phong, nhà báo - nhà văn - liệt sỹ - Anh hùng!

Suốt cuộc kháng chiến trường kỳ chống ngoại xâm, đây là lần đầu tiên, có một nhà báo - nhà văn được phong tặng danh hiệu anh hùng!



Chu Cẩm Phong.



Nhà văn Chu Cẩm Phong (hàng sau, thứ hai từ phải sang) và các bạn học cùng khoa Ngữ văn Trường Đại học Tổng hợp



Bia tưởng niệm Chu Cẩm Phong tại Vinh Tường.

TRUYỆN NGẮN DỰ THI

1. **T**RƯỜNG Thái Hà ở ven đô, một ngôi nhà bốn tầng cũ kỹ cất ngang ô đất khá lớn tạo thành hai khoảnh sân. Con đường đất kéo dài từ rạp hát chạy qua cổng trường, tiếp giáp với khu tập thể lụp xụp ngay bên cạnh rồi nổi thẳng với chợ. Cạnh bên kia và mặt sau của trường là đồng trống, mênh mông sen súng, ếch nhái uôm uam cả ngày.

Khu tập thể này luôn bốc lên một mùi rất lạ. Đó là mùi của rác rưởi, của cống rãnh lưu cữu, của những mụn giẻ rách giăng kín rặng cây gai, cúc tần được trồng làm hàng rào. Cũng có thể, đó là mùi hơi người của những

bụng. Ai nhờ việc gì nó cũng giúp, từ thông cống đến trộn vữa cải tạo nhà. Chẳng đòi hỏi công xá bao giờ, chỉ cần trả ơn bằng cái vỗ vai: Bảo chiến sỹ, là nó sướng rên. Bảo không đi học, mặc dù nhà nó cách trường không quá mười bước chân.

3. Nhân gần ba mươi tuổi, tốt nghiệp khoa Địa Sư phạm một năm 1978, chưa dạy ngày nào thì nhập ngũ. Đi trồng sắn, trồng khoai, đào mương đắp đập mãi đến năm tám mốt mới sang Cam Pu Chia chiến đấu. Đến tám tư thì chuyển ngành về làm giáo viên dạy Địa ở trường cấp hai Thái Hà. Suốt sáu năm quân ngũ, ngoài bắn ba phát AK bia lọ mực thời tân binh, Nhân không có cơ hội nổ thêm phát súng nào nữa. Đời lính chiến

chén rượu lạt. Bọn nhóc vác mớ rác sáng đi chiếu về là có mấy đồng, bớt lại dăm hào ăn quà giúp cho gánh hàng của bà không mấy khi ế ẩm.

Bảo khỏe mạnh như những đứa trẻ khác, nhưng mãi không biết nói. Bà chạy ngược chạy xuôi bốc thuốc mà không khỏi. Đến lúc bảy tuổi, đúng hôm giỗ ông bà đang thấp hương, Bảo chỉ lên tám ảnh nói: "Ông...ông". Bà mừng phát khóc. Những câu chuyện hằng đêm về ông cũng có tác dụng. Câu đầu tiên Bảo phát âm không phải là mẹ, bà mà là ông. Từ khi Bảo biết nói, đêm nào cũng bắt bà kể chuyện. Từ chuyện đánh giặc của ông, sang chuyện tản cư chạy loạn của bà, chuyện lấp đường của mẹ. Bà phải bịa chuyện

phá. Những lúc bọn trẻ đi nhặt rác không còn ai chơi, Bảo ôm đồng bụng phá đánh trận một mình. Nó bò từ ngoài đường vào nhà, ném gói bột phá vào gầm giường, giấu mình sau cánh cửa hét lên: "ùm...ùm". Hết gói này đến gói khác, đẩy gầm giường cũng là lúc bà ngoại tắt tả quang gánh về nhà chuẩn bị cơm nước cho Bảo. Hôm Bảo mặc quân phục xanh, đeo quân hàm đỏ đứng giữa cửa đợi bà, phải rất tinh mới thấy bà quay đi lau vội những giọt nước mắt chực ứa ra từ khoé mắt già nua xen lẫn tiếng thở dài nghèn nghẹn nuốt vội vào trong lồng ngực. Bà cười cười bảo: "Cháu bà ra dáng lắm". Miệng cười thế thôi nhưng lòng bà đau như xát muối. Bảo khỏe mạnh, mặt mũi sáng sủa, sao nữ bị ông trời hành như thế. Bảo chạy ra chạy vào nhìn bà, lúc lại

Ở NƠI KHÔNG TIẾNG SÚNG

Truyện ngắn dự thi của DOÃN DŨNG

kể quanh năm bươn bả ngấp nghea trong đồng rác kiếm miếng sinh nhai. Lũ trẻ khu này đi nhặt rác là chính, học là phụ. Đứa nào đứa ấy đen nhẻm, gầy nhẳng, hôi hám, khăn khăn như xác chết phơi nắng ba ngày. Chiều chiều, trên con đường đất bụi đỏ dẫn về nhà, chúng đi thành đoàn, tay này cầm mớ rác bập bập bới bới, tay kia lết xệt kéo bao tải dứa chứa bên trong chổi cùn rế rách kiếm được trong ngày. Trẻ con khu khác nhìn thấy phải tránh đường, người lớn lờ đi như không thấy. Lối thói chúng nó ngứa tay phập cho một nhát bằng que sắt mớ rác vào lớp xe đạp mới được phân phối cũng đủ phiến toái.

2. Thằng Bảo mười bảy tuổi. Hàm hàm dở dở nhưng mà lành, không gào thét phá phách xé quần xé áo, chỉ hay đứng ở đầu khu tập thể cười ngu ngơ. Vừa rồi nó lên Phường, lúu ló o áu ập ư mà không ai đồng ý, về tự làm một bộ quân hàm. Tiết được cắt từ chậu nhựa rách màu đỏ, ngôi sao bạc tĩa từ cái thìa nhôm. Vậy là nó có đôi quân hàm binh nhì đỏ chót gắn lên ve áo bộ quân phục không biết xin được của ai. Bảo rất thích đứng ở đầu khu, đợi mọi người đi qua giờ tay chào kiểu nhà binh. Người lớn thấy nó nghiêm trang quá cũng bối rối, gật đầu đáp lễ lấy lệ rồi quay mặt đi, miết mạnh đôi bàn chân xuống pê đan cho xe qua nhanh. Lũ trẻ khoái chí lắm. À! Chào chú bộ đội... Chào binh nhì Bảo hấp... Chú bộ đội ơi giúp dân gánh nước với. Bảo rất khỏe và tốt

như thế kể cũng kém phần oanh liệt. Nhân hiền lành, ngoài những lúc đứng lớp không mấy khi thấy anh nói chuyện. Da trắng, người dong dong cao trong bộ ga-ba-đin xanh lá. Thoáng nhìn tưởng Nhân thuộc thành phần trí thức ẻo lả trời gà không chặt. Nhưng khuôn mặt vuông vức với bộ râu quai nón xanh rì được cạo sạch sẽ vẫn toát lên sự mạnh mẽ rất đàn ông pha chút gió sương. Gặp ai cũng khề cúi đầu chào khiêm nhường, miệng mỉm cười tươi tắn để lộ hàm răng trắng bóc, đều tăm tắp. Nhân chưa có vợ, ở nhờ nhà anh họ. Nhà chật người đông, giọt máu đào hơn ao nước lã nên họ cũng gắng đùm bọc lấy nhau.

4. Bảo không có bố. Mẹ nó hoang thai với một anh lái xe, để xong quãng lại cho bà ngoại, lao đầu vào tuyến lửa làm Thanh niên xung phong với hi vọng tìm được bố nó. Hai năm sau mẹ bị bom vùi chết.

Bà ngoại nuôi Bảo bằng nước cháo và bánh đa. Gánh hàng của bà chỉ có hai cái thùng. Trên bày mấy lọ ô mai, kẹo bột, bánh xốp và những thứ thì nhằng bán đỡ trẻ con. Phía dưới là bếp than hoa nướng bánh, vài chai rượu nút lá chuối và dăm ba cái chén hoa hồng. Đầu đòn gánh treo toòng teng tùm tùm bánh đa đã nướng bọc trong túi giấy bóng. Hàng ngày bà quảy ra đầu khu, ngồi núp dưới mái hiên đắp đổi rau cháo qua ngày.

Cánh đàn ông trong khu chiều nào không nhắm rượu ở nhà thì cũng ra gánh hàng của bà ngồi xồm làm

bố hi sinh dưới mưa bom khi chuyển hàng ra mặt trận cho Bảo hài lòng. Cạn chuyện của những người thân, bà đọc truyện cho Bảo nghe. Năm tháng trôi đi. Bảo nói vẫn không sôi, à uôm như đứa trẻ lên ba. Bà xin cho đến trường, Bảo bỏ học sau vài hôm vì không theo được. Bà cũng không ép. Đến lúc Bảo trở giò, bà làm cho một cái mớ rác bằng sắt phi mười uốn hình chữ L dài khoảng năm mươi phân. Một đầu tra vào cán gỗ tay cầm, đầu kia chuốt nhọn sắc bén như mũi lao. Bà bảo: "Lớn rồi, đi theo các bạn nhặt rác nhé, chúng nó nhặt gì thì cháu nhặt nấy". Bảo gật gù: "Lém iền uôi à". Đám trẻ tinh như cú vọ. Nilon, dép rách, giẻ vụn là những thứ bán ra tiền không bao giờ đến lượt Bảo. Bảo nhặt được nửa bao tải, lặc lè kéo về đổ đầy gạch vỡ ra sân, hí hả khoe: "Uốc ổ ấy, ể ánh ỏn ịch ư ông". Bà ngoại thấy thế mừng: "Cha bố anh. Cái gì mà thuốc nổ. Cái gì mà như ông." Nói rồi bà khóc, khóc xong bà bảo: "Thôi cứ ở nhà bà nuôi".

Một đêm nằm bên bà nghe đọc truyện, nó bảo: "Áu i ội ánh ặc". Bà ngoại gấp cuốn sách lại, xoa đầu nó, bảo: "Đất nước thống nhất rồi, còn giặc đâu mà đánh. Anh cứ ở nhà lấy vợ, để cho bà đứa cháu bà bế". Thằng Bảo không nói gì, nó xoay lưng lại, mắt mở thao láo nhìn vào khoảng tối vô định như thể đang suy nghĩ điều gì mông lung lắm.

Bảo dùng vỏ bao xi măng gói những viên gạch vỡ lại, lấy dây đay buộc chặt trông như những thỏi bạc

đứng nghiêm chào, tung tăng hớn hử như một đứa trẻ được mẹ mua quà bánh. Bà ngoại cứ ủa dấn. Từng ngày. Từng giờ. Bảo như cây đại, lớn vộc lên. Nụ cười tươi như hoa nhưng không mầu, không mùi, không vị.

Một thời gian sau bà mất. Bọn trẻ nhặt rác không thấy bà dọn hàng bèn sang nhà tìm. Bảo úp hai bàn tay đặt lên má, đầu nghiêng nghiêng ú ớ: "Ủ ủ". Bà có một giấc ngủ dài không bao giờ dậy. Đồng sách thừa xưa vẫn đọc cho Bảo đã được bà gói kỹ, buộc chặt rồi nhét vào hòm khoá lại như muốn mang theo mình về thế giới bên kia.

Thằng Bảo không khóc, nó bóng súng gỗ đứng cạnh quan tài bà, mặt nghiêm trang. Chiếc xe tang chậm chậm đưa bà ra nghĩa địa vào giữa trưa. Bảo vẫn bóng súng bước theo, chân đá cao và chậm, đằng sau là đám trẻ con lăm lăm với cần mớ rác trong tay, như thể những thanh gươm tuốt vỏ của đội nghi lễ.

Nắng mới oi nóng. Hơi đất bốc lên ngùn ngụt. Mùi hương trầm, mùi rác, mùi người âm, người dương quyện lại với nhau thành một mùi ám ảnh khó tả. Bảo ôm khẩu súng gỗ đứng ba ngày ba đêm bên mộ bà thì bỏ đi biệt tăm.

5.

Những năm mộ đều tăm tắp kéo dài khuất tầm mắt. Có ngôi mộ mới đắp đất còn đỏ au, có ngôi cỏ mọc xanh rì. Điềm xuyết những huyết vừa bốc, đất đen đất đỏ còn toé toét vun thành đồng bên miệng hố. Cái nghĩa

trang này cũng lạ. Tuyệt nhiên không một mẩu ván thoi vương vãi, thay vào đó là những miếng tăng vụn màu xanh bẽ bết đất. Xa xa, góc nghĩa trang là ngôi nhà vách gỗ, mái lợp tôn, nơi ở của tiểu đội mai táng. Không khí ở đây sền sệt, mùi tanh văng óc. Nó là nghĩa trang chung của cả mặt trận.

Ngày Nhân mới sang đây, tay cán bộ quân lực đọc hồ sơ của Nhân gật gù nửa đùa nửa thật: "Thầy Địa lý à? Tốt quá, về đội mai táng". Mấy năm vừa rồi đơn vị của Nhân giúp dân làm kinh tế, vũ khí chỉ có cuộc xềng, tưởng đi chiến đấu được cầm súng đánh giặc cho thoải chí tang bồng, vậy mà cũng vẫn chỉ được cấp phát xềng cuốc. Tổ chức phân công sao Nhân nghe vậy, lăm lăm xách ba lô ngược dốc nhận nhiệm vụ ở cái nghĩa trang này. Tiểu đội có hơn chục anh em. Thượng sỹ Nhân lớn nhất kể cả tuổi quân lẫn tuổi đời nên được về làm tiểu đội trưởng. Công việc chỉ có đào rồi lại bồi mà túi bụi quanh năm từ sáng đến tối vất như nhà nông.

Trời xám xám tối, Nhân vẫn đang dở tay bốc nốt chỗ mộ chôn năm trước để cho kịp chuyển bay tuần tới chuyển hài cốt về nước nghe thấy lao xao tiếng người. Cả tiểu đội mai táng ở đây gần như sống trong im lặng, lùi lại cả ngày không nói một câu đã thành thói quen, chỉ có cánh lính từ các đơn vị chiến đấu chuyển từ sỹ về mới chích choè loé xoé như thế. Mà đạo này toàn mặt trận bước vào chiến dịch, có ngày nào mà bọn Nhân vắng khách đến thăm. Như đã quá quen với những người ở đây, một cậu lớn tiếng gọi: "Ông Nhân đâu, ông Nhân đâu rồi". Nhân đang ở dưới

huyệt, hỏi với lên: "Mấy suất?" Người kia trả lời cụt lủn: "Hai". Nhân hướng dẫn: "Ông chuyển anh em đến góc đằng kia. Đây, chỗ mới đào đây. Bóc tấm tăng ra hộ tôi nhé".

Người lính trẻ ngồi xổm bên cạnh tử sỹ vừa khiêng đến, định đưa tay lên bóc lớp tăng quần chật như kén tằm, nhưng lại thôi. Tay cậu ta run run, đôi mắt ầng nước, bảo: "Đừng bóc ông Nhân ạ, tội lắm". Nhân không ngẩng lên, trả lời: "Sợ à? Vào kia làm nốt thủ tục đi, để đây cho tôi".

Lúc này trăng cũng đã lên.. Bóng

mấy người lính lúi lúi đi về phía ngôi nhà vách gỗ cuối nghĩa trang.

"Ông có đau không? Hộp sọ của ông bay mất non nửa. Chắc là dính mảnh cối hả? Chịu khó một lát đi, tí tôi tắm rửa sạch sẽ cho ông. Tấm này thay nhà cho ông là hơi sớm, nhưng ở quê nhà mọi người mong ông lắm. Tuần tới ông được về rồi. Ông có mừng không?" Tiếng Nhân thì thào với bộ hài cốt nghe như gió thoảng. Lũ côn trùng bồng rúc lên bài ca ni non nghe như tiếng khóc thê lương.

Ngày nối ngày, tháng đến tháng, năm tiếp năm, công việc của Nhân cũng chỉ có vậy. Mùa khô từ tháng mười năm trước đến tháng tư năm sau là mùa chiến trận, cả tiểu đội huyệt đến tối lại kín bấy nhiêu. Nhiều lúc không xuể, tử sỹ nằm xếp hàng la liệt đợi đến lượt. Đội mai táng làm thuê đêm, có khi mệt quá ngủ lịm dưới huyệt. Mặt mày nhợt nhạt, áo quần lấm lem, nhác qua cũng chẳng khác tử sỹ là mấy.

Mùa mưa ít mộ mới, họ lại lao vào bốc mộ cũ. Lúc nào trong căn nhà gỗ

cũng có vài chiếc ba lô hài cốt đợi chuyển ra sân bay. Nước đen rỉ rỉ thấm qua lớp vải bố, lênh loáng trên sàn. Mùi tử khí nơi này đậm đặc đến nỗi phá hỏng khứu giác của con người, tịnh không bao giờ biết mùi hôi là gì.

6.

Nhân đã thôi không đứng lớp. Người ta không sắp lịch dạy cho Nhân nữa. Ngày ngày Nhân ngồi ở phòng Hội đồng uống nước chè vật. Giờ ra chơi, các đồng nghiệp cũng xuống đó, ngồi cạnh như chẳng ai biết nói chuyện gì với Nhân. Vợ ông anh họ lại đẻ thêm đứa nữa. Nhà đã chật lại càng chật hơn. Ông anh thương Nhân lắm nhưng cũng không còn cách nào khác đành hỏi khéo: "Chú sắp được phân nhà chưa". Hỏi để thăm dò ý Nhân chứ thừa biết mục thất Nhân mới được cấp nhà. Nhân ngồi lặng yên trên chiếc ghế đầu, nhìn xéo lên trời qua ô cửa sổ. Ánh trăng rơi xuống khuôn mặt Nhân xanh lè. Một lúc lâu, Nhân mới chậm rãi nói, giọng rất thành thực: "Hồi ở bên ấy, thỉnh thoảng em vẫn ngủ dưới huyệt. Bác có thể cho em xin một khoảnh dưới gầm giường. Đủ nằm thôi". Anh họ nghe thấy thế ôm lấy Nhân khóc: "Để anh làm thêm cái gác xếp cho chị".

Đêm ấy Nhân không ngủ. Nhắm mắt lại nghe thấy thỉnh thoảng như tiếng cuốc đất. Nhân chợt nhận ra, hình như mình đã là người của quá khứ.

Hôm sau Nhân bỏ đi, không một lời tạm biệt. Cũng như thằng Bảo, chẳng ai biết Nhân đi đâu.

7.

Tôi sẽ không kể câu chuyện này vì nó giống như hàng trăm câu

chuyện vụn vặt khác mà tôi từng chứng kiến trong đời, nếu như không có một ngày tình cờ tôi gặp lại Nhân, năm *chín mươi*, trên đường trở về đơn vị. Chiếc xe khách già nua ọc ạch nghỉ trưa ở một thị xã trung du. Đây là chỗ nghỉ đầu tiên cho các tuyến xe lên mấy tỉnh phía Bắc nên rất tấp nập. Bến xe trên một quả đồi thấp, xung quanh được quây kín bởi hàng quán và nhà trọ.

Tiếng lão sấm mù ở góc bến xe vắng vắng.

"Mùi lao đi qua, máu đổ người đổ
Bình đao qua đi, lòng người mới đổ"

Những đứa trẻ cầm cây kiếm gỗ
Đi đâu, về đâu?

...

Một người đàn ông cời trần quần đùi, có mái tóc dài bạc nặng che phủ gần hết khuôn mặt, cộng thêm bộ râu quai nón rậm rịt nên chỉ nhìn thấy ánh mắt thấp thoáng sau làn tóc lơ xoã. Ông ta bước vào quán, nơi tôi đang ngồi ăn trưa, đưa cho bà chủ chiếc can nhựa. Bà chủ bán hàng như đuổi khách, xa xă: "Tưởng phu huyệt phải thừa rượu uống chứ! Có tiền trả không đây?" Người đàn ông nọ móc tiền quần ở cạp quần, chia ra rồi nở nụ cười hiền lành lộ ra hàm răng trắng bóc đều tăm tắp. Tôi sững người, bỏ bát cơm xuống, hỏi: "Thầy Nhân phải không?" Người đàn ông như không nhìn thấy tôi, khế cúi mặt xuống, cầm lấy can rượu rồi quẩy quả bỏ đi. Dưới ánh nắng trưa, làn da rám nắng sạm đỏ vẫn không che được màu trắng thừa ban đầu. Không thể sai được! Tôi vội trả tiền, khoác ba lô rảo bước theo người đàn ông nọ.

Xuyên qua dãy phố thị nghèo, qua một cánh đồng lúa rồi vòng lên quả đồi trọc đỏ au. Ở sườn bên kia của quả đồi, một nghĩa trang dần hiện ra trước mắt. Người đàn ông chui tọt vào túp lều được ghép bằng những tấm ván thoi, lên nước màu đen kịt. Tôi theo chân bước vào, giữa trưa mùi ván bốc lên lờm lợm.

Người đàn ông lặng lẽ ngồi một chỗ trong góc lều. Gắn đấy dựng đồng cuốc xềng, đất bám vào lưỡi mai sẫm màu chưa khô. Tôi đặt ba lô xuống, ngồi cạnh, định nói với thầy Nhân một câu gì đó nhưng lại thôi. Có tiếng trống thùng thùng xen lẫn tiếng thanh la nào bạt vọng lại khi mở khi tỏ của một đám ma ở đằng xa. Một bóng người nhảy lên từ một lỗ huyệt mới đào, chạy lại phía túp lều, lấp ló đôi quần hàm màu đỏ nơi cổ áo sờn rách - ba sao một gạch vàng ở giữa. Ài chà, thượng sỹ rồi cơ à! Bảo chiến sỹ! Nó đứng nghiêm chào khi nhìn thấy tôi trong bộ quân phục, rồi chỉ vào cái ba lô, miệng líu ríu: "Ấy uất?" Tôi cười phá lên: "Không có suất nào đâu". Nó ngáy mặt ra một lúc rồi lại cười ngu ngơ, đầu gật gật mừng rỡ.

Bên ngoài, nắng như thiêu như đốt. Mùi hương trầm thoang thoang, lan lan theo gió bỏ chậm chậm lên đồi. ■

D.D



Minh họa của PHẠM HÀ HẢI

NHỮNG SỨ GIẢ CỦA HÒA BÌNH

Chiến tranh đã lùi xa hơn một phần ba thế kỷ. Trong khoảng thời gian đó, bao nhiêu câu chuyện đã lui vào kỷ niệm, bao nhiêu mối quan hệ mới đã được kiến tạo, vun đắp, bao nhiêu thành tựu đã được dựng nên. Những người trước đây từng ở hai bên chiến tuyến, giờ đã trở thành bè bạn trên con đường hướng tới tương lai tươi sáng, hướng tới cái đẹp và sự hoàn thiện. Trên con đường đó, các nhà văn của cả hai đất nước Việt Nam và Mỹ chính là những vị sứ giả hòa

binh đầu tiên đã không ngừng bước trong sứ mệnh lớn lao của mình để nói lên tiếng nói nhân văn về vẻ đẹp của con người mỗi dân tộc, để quên đi những hận thù, để bước những bước đầy khó khăn nhưng cũng đầy kiêu hãnh về tương lai, một tương lai không chiến tranh, không thù hận, một tương lai của lòng nhân ái và sự thấu hiểu, vượt qua tất cả những áp lực của một thế giới thường xuyên đe dọa chia lìa con người...

LÊ LỰU

NHỮNG BƯỚC ĐI KIÊU HÃNH VỀ TƯƠNG LAI

Cho đến bây giờ, khi Việt Nam và Mỹ đã bình thường hoá quan hệ, thì tôi vẫn phải nói thẳng là: Trước kia Người Mỹ không bao giờ quan tâm, tìm hiểu đến Việt Nam chứ không nói đến Việt Nam có một nền văn học. Họ có biết thì chỉ biết truyện Kiều của Nguyễn Du thôi. Bởi trong nhiều cuộc đàm phán ngoại giao, có những quan chức Mỹ đã trích dẫn Kiều.

Chúng ta, những người Việt Nam đã tìm hiểu người Mỹ. Nhưng người Mỹ trước đây, họ cũng hoàn toàn không tìm hiểu hay hiểu về ta. Họ chỉ nghĩ chúng ta như con thú vùng nhiệt đới, là mọi da vàng. Họ hiểu đất nước này như vậy. Họ không bao giờ nghĩ, cái đất nước ở vùng nhiệt đới nghèo đói và lạc hậu thì làm sao lại có một nền văn hoá, một nền văn học. Vì vậy những người Mỹ lần đầu tiên đến Việt Nam đã ngỡ ngàng trước đất nước này, trước con người và nền văn hoá lâu đời của đất nước này. Và tình yêu chân thành, trong sáng đối với đất nước này đã nảy nở trong trái tim họ.

Lúc bấy giờ văn học Việt Nam chưa đến được nước Mỹ và công chúng Mỹ. Lúc đó, ai nghĩ đến việc người Mỹ dịch văn học Việt Nam, giới thiệu văn học Việt Nam với công chúng Mỹ thì thực là một sự hào huyền. Nhưng rồi, với tình yêu đất nước, con người và nền văn hoá này, Trung tâm William Joiner do Kevin Bowen làm Giám đốc đã từng bước, từng bước đẩy khó khăn, nguy hiểm và thách thức để đưa văn học nói riêng và văn hoá Việt Nam nói chung đến với người Mỹ. Và cũng từ đó, một cái nhìn khác của người Mỹ về đất nước và con người Việt Nam đang mở rộng ra. Nhưng không chỉ là giới thiệu những tác phẩm văn học của các nhà văn Việt Nam đến với người Mỹ, Trung tâm William Joiner đã đưa con người nhà văn cụ thể đến nước Mỹ để cất tiếng về đất nước và nền văn hoá của mình, và để cùng nhau đối thoại về những gì đã xảy ra giữa hai dân tộc, về tương lai của cả hai dân tộc đó.

... Có một đặc điểm là những người Mỹ như Kevin Bowen, như Bruce Weigl, như Larry Heineman, như Lady Borton, như Fred Marchant... yêu con người Việt Nam, yêu nền văn học Việt Nam, họ sang tìm hiểu nhiều lần và rồi truyền bá tình yêu và sự hiểu biết cho những người Mỹ khác. Ở đâu trên thế giới này cũng vậy, các nhà văn đều là con người yêu hoà bình, nhân văn và việc tổ chức hội thảo giống như những vết dầu loang dần loang, tỏa ra. Và chính thế, các nhà văn đã trở thành những sứ giả của hoà bình.

Và trong suốt mấy chục năm sau chiến tranh, những sứ giả hoà bình của cả hai đất nước Việt Nam và Mỹ đã không ngừng bước trong sứ mệnh lớn lao của mình. Để cho đến hôm nay, chúng ta có thể cùng nhau ở đây hay ở một nơi nào đó trên thế gian này để nói về vẻ đẹp của con người dân tộc mình, để quên đi những hận thù, để bước những bước đầy khó khăn nhưng đầy kiêu hãnh về tương lai, một tương lai không chiến tranh, không hận thù, một tương lai của lòng nhân ái và sự thấu hiểu.

JOHN DEAN

BẢN TUYÊN NGÔN CHỐNG LẠI NHỮNG TÁC PHẨM CỦA BÓNG TỐI

Tôi hình dung ra cả thế giới, một thế giới của con người và mọi sinh vật, thế giới của đất, biển, trời và cả vũ trụ, như bản thân nó tự phản xét và bị phản xét, trên những chiếc cân khổng lồ. Ở một bên cân là tất cả những chiến tranh, tội ác, hận thù chống lại trái đất, sinh vật hay con người, một sức nặng khủng khiếp, một gánh nặng đáng sợ. Bên kia cân tôi sẽ đặt tất cả những gì đem lại lợi ích cho trái đất của chúng ta, về đẹp, lòng bao dung, nghệ thuật, thơ ca... tất cả những điều và việc có thể làm cho nhân loại và thế giới trở nên tốt đẹp hơn; những điều tôi gọi là "những tác phẩm của tình yêu".

Vậy là đối lập với chiến tranh, không đơn giản chỉ là hoà bình; mà là tình yêu. Giữa Việt Nam và Ireland tôi chưa biết đến một tình yêu hay sự đồng điệu thực sự nào. Nhưng trong những năm cuối thập niên 1960, ở Dublin, hàng ngàn người đã biểu tình bên ngoài Đại sứ quán Mỹ phản đối cuộc chiến ở Việt Nam. Tôi đã có mặt trong số họ. Tôi lại có mặt trong những đám đông phản đối sự xâm lược ở Iraq, Nicaragua, Afghanistan... nhưng chính phủ Ireland, bất chấp nguyện vọng của nhân dân, đã cung cấp sân bay làm trạm trung chuyển cho các chuyến bay quân sự đến Iraq. Sự thất bại của tình yêu thật hiển hiện; thành công của tình yêu không dễ thấy rõ.

Cuộc đời chúng ta chạm đến những giới hạn khi cố gắng thoát ra khỏi sự trống rỗng, như những hòn đảo mà những rìa sắc của chúng luôn kéo chúng ra xa, hoặc hướng tới, đại dương. Ngôn từ của chúng ta luôn xung đột với sự im lặng, lời nói có thể ốm yếu nhưng, đôi lúc, vẫn vượt qua được sự uy nghi và vĩnh cửu. Đôi lúc sự cam lặng chiến thắng và áp đảo ngôn từ, nhưng hy vọng của chúng ta vẫn còn đó rằng lời nói sẽ giành được sự vững vàng, về ý nghĩa và sự trường tồn. Không gian và sự cam lặng vẫn đang bao vây và hạn chế những sáng tạo của chúng ta, những tác phẩm điêu khắc và những bức tranh, những nhà vườn, những bản viết, những ấn phẩm thơ. Có thể bắt chấp sự phá huỷ của các hòn đảo, các tác phẩm, các thực vật, một sự hoà hợp sâu sắc và lâu dài vẫn sẽ mãi dai dẳng trong ý thức của con người. Hy vọng của chúng ta duy trì trong sự toàn vẹn của tính hoà hợp đó, là tiếng sóng vỗ bờ, là bầu trời mở ra trên những hàng cột, là vết dầu chúng ta hiểu phần nào để chống chọi với những nỗi đau mù lòa.

Chúng ta để lại sau lưng những vết sẹo chiến tranh; tương phản những vết sẹo đó chúng ta để lại sau lưng những ngôn từ và chiếc nhẫn đã liên kết chúng ta với nhau; chúng ta là những vị thần chưa trưởng thành, chúng ta cần một cuộc diễn tập dài để có thể làm đúng những tác phẩm của tình yêu...

NGUYỄN QUANG SÁNG

MỘT LẦN LÀ KẺ THÙ, MÃI MÃI LÀ BẠN

Độc giả Việt Nam được đọc nhiều tác phẩm cổ điển và tác phẩm hay của các nền văn học nước ngoài như nền văn học Pháp, Nga, Anh, Trung Quốc, Đức, Nhật Bản và nhiều nước trên thế giới, được vậy là nhờ đội ngũ dịch thuật Việt Nam rất hùng mạnh (có thể nói như vậy), biết nhiều ngôn ngữ văn học của nước ngoài và được vậy là nhờ bạn đọc Việt Nam rất khao khát văn học nước ngoài. Ngược lại văn học Việt Nam ra nước ngoài rất hiếm hoi.

Mùa hè năm 1989, tôi có dịp sang Paris, tôi được biết văn học Trung Quốc được dịch sang tiếng Pháp rất nhiều, rất phong phú, vì người Hoa ở Pháp có một nhà xuất bản, là cái cửa rộng cho văn học Trung Quốc; còn người Việt ở Pháp chỉ có một tạp chí tiếng Việt, đó là cái cửa hẹp của văn học Việt Nam khi muốn đến bạn đọc Pháp.

Cũng mùa hè năm 1989, tôi sang Mỹ, đến Boston dự cuộc hội thảo "Nhìn chiến tranh từ hai phía" với các nhà

văn, nhà thơ cựu chiến binh Mỹ.

Người đầu tiên tôi gặp là nhà thơ Kevin Bowen (và tôi ở luôn trong nhà của anh - Anh là tác giả của bài báo "Một cuộc chiến tranh khác trong lương tâm người Mỹ").

Mười lăm năm qua, tiếng súng đã tắt, nhưng tâm hồn của người lính Mỹ vẫn chưa thoát ra khỏi cuộc chiến tranh, họ muốn quên đi cuộc chiến tranh mà mỗi ngày họ mỗi nhận rõ thêm sự phi lý, sự vô nghĩa và tội ác họ đã gây ra ở Việt Nam, nhưng cuộc chiến đã không buông tha họ. Từ đó, sau một thời ngui lạnh, mấy năm gần đây để tài chiến tranh Việt Nam bỗng rộ lên trên nền văn học Hoa Kỳ, những thiên hồi ký hoặc tự truyện của các cựu chiến binh Mỹ, viết bằng tim óc và xương máu. Như Bruce Weight, tác giả của tập thơ "Bài ca Napan", nói: "Từ nỗi đau của cuộc chiến tranh Việt Nam, tôi trở thành nhà thơ". Báo chí nước Mỹ viết về những tác phẩm của các tác giả cựu chiến binh Mỹ như sau: "Đó là những hồi ký trong cái ý nghĩa hoàn toàn văn học của từ ngữ đó. Các tác giả cựu chiến binh Mỹ đã viết với nỗi đau đớn và đam mê về thực chất của chiến tranh. Tác phẩm của họ có thể trên thực tế là những tác phẩm vĩ đại, có thể so sánh với *Người trấn trướng*, *Người chết và từ đây đến Vinh Hằng* của đệ nhị thế chiến. Tác phẩm của cựu chiến binh Mỹ đã gợi lên một cách lặng lẽ và tài tình cuộc sống thường ngày của những người lính Mỹ trên đồng ruộng, trong hố cá nhân, gợi lên một cuộc chiến tranh mù quáng, sai lầm và ngớ ngẩn. Họ viết về cảm xúc về chiến tranh, là sự sợ hãi đến chết khiếp và những kẻ điên khùng. Là những tác phẩm gây ám ảnh, và nhanh gọn như một vết điện đò của viên đạn M16 xẹt qua đêm tối Việt Nam. Bạn đọc ao ước tác giả cựu chiến binh Mỹ từng viết hay đến như vậy, vì tác phẩm làm người đọc không thể nào quên được sách của họ. Người đọc sẽ còn đọc nhiều lần trong nhiều năm nữa, nó sẽ còn có một sức mạnh khủng khiếp, khiến người đọc phải nhớ lại không thể nào quên".

Qua những cuộc gặp gỡ thân tình đó, chúng tôi còn muốn hiểu nhau hơn, sâu sắc hơn qua tác phẩm văn học. Cũng từ đó, đôi bên cũng lần lượt dịch tác phẩm của nhau.

Với tôi, trung tâm William Joiner là một cánh cửa rộng để văn học Việt Nam đến bạn đọc thế giới. Là một công việc lâu dài đầy hứa hẹn.

NGUYỄN DUY

NHIỆM VỤ CỦA LƯƠNG TÂM

Sau năm 1975, quan hệ Việt Nam - Mỹ trở nên rất căng thẳng. Phía Việt Nam, bất cứ ai có liên hệ với Việt Kiều đều bị đặt câu hỏi nghi vấn, chứ đừng nói đó là người Mỹ, đặc biệt là cựu chiến binh (CCB) Mỹ. Bản thân phía Mỹ cũng tương tự như vậy. Nhưng những CCB Mỹ lại là những người đầu tiên tạo ra mối quan hệ hữu nghị giữa Mỹ và Việt Nam sau chiến tranh. Bởi họ đã từng, không ít thì nhiều, tham gia vào cuộc chiến tranh Việt Nam, nên họ mang trong lòng những mặc cảm tội lỗi về việc đã dẫn thân vào một cuộc chiến phi nghĩa và giết hại nhiều người dân vô tội. Chính vì thế, họ muốn tìm cách để cứu chuộc lại lỗi lầm của họ. Những CCB Mỹ ấy rất chân thành và chủ động, họ tìm cách trở về Việt Nam để tìm cách xóa bỏ vết thương và hàng rào chiến tranh giữa hai dân tộc.

Trong chiến tranh, chẳng người lính nào yêu thích sự đổ máu, bom đạn và chết chóc, nhất là những anh lính làm thơ, làm văn nghệ, nhưng vì hoàn cảnh, chúng tôi buộc phải cầm súng chiến đấu. Như tôi, trong suốt cuộc chiến tranh, dù luôn chiến đấu hết mình, nhưng tôi lúc nào cũng chỉ nghĩ đến hòa bình, lúc nào cũng mơ cái ngày được về quê hương thanh bình của mình, sống một cuộc đời bình thường, yên ả. Những người lính là những người ở gần với cái chết nhất hơn tất cả những ai đang sống trên thế gian này. Không một ai trong những người lính ấy, kể cả tôi, biết ngày mai, hay thậm chí là hôm nay, một giờ nữa, một phút nữa, mình còn sống hay đã chết. Những người lính chúng tôi - vì luôn cận kề với cái chết nên luôn nghĩ về sự sống, hướng về sự sống. Chúng tôi ở với bom đạn nên thường mơ ước về hòa bình. Theo quan điểm của tôi, nghĩ cho cùng thì những người lính Mỹ cũng chỉ là nạn nhân của cuộc chiến tranh phi nghĩa đó mà thôi, nên trong ý nghĩ của một anh lính, đặc biệt là ý nghĩ của một người lính làm văn chương như chúng tôi, luôn nghĩ và mơ ước về sự hòa thuận, không chỉ là sự hòa thuận của đất nước mình, dân tộc mình, mà còn là sự hòa thuận của cả nhân loại. Khi nhận được cái



Nhà văn Lê Lưu ký tặng bạn đọc Mỹ cuốn tiểu thuyết *Thời xa vắng* sau khi cuốn sách này của ông vừa được ra mắt tại nhà xuất bản Cubstone

bắt tay của một nhà văn Mỹ, tôi tin, họ cũng có tâm trạng như những người lính chúng tôi. Tôi nhận ra, chúng ta đã sống khốn khổ, đau đớn trong bao nhiêu năm, vì thế chúng ta thù hận. Nhưng tư duy thù hận, theo tôi rồi sẽ trở thành tư duy không bình thường, nó đi ngược lại với sự nhân văn của con người. Tư duy bình thường phải là tư duy của sự hòa thuận, sự thân ái. Việc quan hệ giữa nhà văn – CCB Việt Nam và nhà văn – CCB Mỹ như thế là bình thường, phải như vậy mới là bình thường. Và cái gì chính trị không giải quyết được hoặc chưa giải quyết được, thì chúng ta hãy giải quyết bằng văn hóa.

Rất thú vị là những cuộc đọc thơ, đọc văn ở Mỹ, có những người trước đây, trong chiến tranh đứng ở hai bên chiến tuyến, giờ lại ngồi đây, cùng đọc thơ, đọc văn với nhau, cùng ca ngợi hòa bình, theo tôi đó là một hình ảnh và một câu chuyện đẹp. Trong lần sang Mỹ đầu tiên đó, tôi được mời đi đọc thơ tại Los Angeles, nhân ngày Mỹ ném bom Hiroshima, tại một vườn thơ ở Los Angeles, người ta đã tổ chức một buổi đọc thơ có ba người đọc, Bruce Weigl, tôi, một nhà thơ nữ người Anh di tản. Người dịch nghĩa cho thơ tôi từ tiếng Việt sang tiếng Anh là Vũ Huy Quang – Đại úy pháo binh của quân đội Việt Nam Cộng hòa, còn người dịch thơ cho tôi là Bruce Weigl. Đó là một buổi đọc thơ rất kì lạ, một người lính Việt cộng, một người lính Cộng hòa, một người lính Mỹ, những người đã từng một thời không đội trời chung, lại đang cùng nhau làm nên một buổi đọc thơ vô cùng sôi động, cố gắng giúp đỡ nhau truyền tải những ý thơ đẹp nhất, nhân văn nhất đến với độc giả. Nhà thơ nữ người Anh di tản đã nhờ ông Vũ Huy Quang dịch và nói với tôi một câu nói mà đến giờ tôi vẫn nhớ: "Chúng tôi còn nợ Việt Nam một lời xin lỗi". Tôi đã thấy những người Mỹ ở đó cảm động thực sự, và từ đó, tôi nhận ra sức mạnh phi thường của văn học, sức mạnh hóa giải hận thù và hàn gắn những đau thương. Sau buổi đó, ông Vũ Huy Quang có viết một bài "Chiến tranh và thi ca" tả lại buổi đọc thơ đó.

Sau 1975, có những người Việt Nam muốn vượt biên sang Mỹ, đương nhiên bị Nhà nước ta cấm. Sau đó, nếu bản thân những người này có nguyện vọng về thăm quê, chúng ta cũng cấm. Không phải Nhà nước ta khó. Đây là một việc tất yếu. Về phía Mỹ, họ cũng có những cái khó khăn tương tự với người Việt. Nhưng những giao lưu văn hóa của hai bên, một cách dần dần, từng chút một, tác động đến chủ trương chính sách của Mỹ. Dần dần, các tổ chức của Mỹ đã có những sự thông hiểu hơn về Việt Nam, những giới chức cao hơn của Mỹ cũng bị tác động mạnh hơn trong việc thúc đẩy quan hệ hai nước. Bản thân mối quan hệ Việt – Mỹ cũng bớt đi một chút nghi kỵ, bớt đi một cái nhìn xấu, một tia hận học. Và dù không nhìn thấy rõ ràng, nhưng những điều tôi nói ở trên chắc chắn là có vai trò không nhỏ của những người mở đầu, những người đã tạo ra nhịp cầu nối đầu tiên ấy. Bởi để bình thường hóa quan hệ giữa hai nước, chắc chắn phải có rất nhiều yếu tố, nhưng văn hóa luôn là một yếu tố quan trọng, vì nó tác động lên phần tâm hồn, phần tình cảm, tác động lên những cái gì thuộc về trái tim con người.

FRED MARCHANT

CHUYẾN PHÀ TRÊN SÔNG KINH THẮY

Trong vài năm, trung tâm Joiner đưa các nhà văn Việt Nam sang thăm Mỹ và những cuộc viếng thăm này đã cho ra đời một loạt các dự án dịch thuật được tiến hành tích cực vào năm 1994. Tôi đã được mời tới hội thảo này để đọc thơ và phát biểu, nhưng kết cục tôi lại dành toàn bộ 2 tuần của hội thảo để tìm hiểu về thơ Việt Nam. Lý do là bởi tại trung tâm Joiner mùa hè đó có 4 nhà văn xuất sắc của Việt Nam. Họ là nhà thơ Phạm Tiến Duật, Nguyễn Quang Thiều và Trần Đăng Khoa, cũng như tiểu thuyết gia Tô Nhuận Vỹ. Những nhà văn này đã tới hội thảo dịch thuật Martha Collins và đều tham gia những buổi đọc thơ. Chúng tôi nhanh chóng trở thành bạn và vì vậy đã bắt đầu một cuộc thảo luận nghiêm túc và đầy hữu ích với tất cả những nhà văn này, đặc biệt là với Trần Đăng Khoa.

... Có lẽ kỷ ức sống động nhất về cuộc tiếp xúc đầu tiên của tôi với nền thi ca Việt Nam là ngôn ngữ đó vang đến tai

tôi mới đẹp làm sao. Tôi không hiểu ngôn ngữ, nhưng chính sự tưởng tượng thì ca đã giúp tôi cảm nhận được âm điệu mới, những nhịp điệu, trong âm kỳ lạ và cả những vòng cung cảm xúc ngập tràn. Nhưng lắng nghe âm thanh mới chỉ là bước khởi đầu. Đó cũng là trường hợp của tôi và Trần Đăng Khoa. Dù tôi và Khoa không ai nói được ngôn ngữ của nhau nhưng chúng tôi vẫn có thể nói chuyện với nhau nhờ Chung. Khi chúng tôi bắt đầu nói về việc dịch một số bài thơ của Khoa sang tiếng Anh, Chung đã dịch từng từ một theo nghĩa đen của những bài thơ này. Khi tôi bắt đầu biến những những bản dịch thô này thành thơ tiếng Anh thì Chung lại giúp tôi đánh giá xem bài thơ trong ngôn ngữ mới đã đạt đúng độ của nguyên bản hay chưa. Trong vòng 2 tuần, tôi đã cố gắng làm việc mỗi buổi chiều với Chung và Khoa, "thảo luận" về cách thức dịch hai bài thơ nổi tiếng của Khoa trong những năm tháng chiến tranh: *Con cò và Thư gửi mẹ*. Cả hai bài thơ này tôi đều đưa vào tập *Full Moon Boat*.

... Nhưng chắc chắn rằng những vấn đề thời thơ ấu của Khoa đã dạy cho chúng tôi về cuộc đấu tranh chống thực dân. Những bài thơ này đã khẳng định sức dẻo dai của dân tộc Việt Nam, những dự cảm rằng những kẻ xâm lược nước ngoài cuối cùng sẽ phải rút chạy, và rằng có những điều trong cuộc sống tồn tại lâu hơn bom và máy bay. Tóm lại, qua những vấn đề thời thơ ấu của Trần Đăng Khoa và thông qua sự chỉ dẫn nhiệt tình của Nguyễn Bá Chung, tôi đã được nhìn thấy những đặc tính cơ bản của dân tộc Việt Nam.

LÊ MINH KHUÊ

MÙA HÈ Ở BOSTON

Tôi gặp các nhà văn cựu chiến binh Mỹ năm 1990, khi lần đầu tiên những nhà văn ở phía bên kia cuộc chiến tranh đến Việt Nam dự hội thảo văn học. Ngày ấy mọi người ở hai bên còn ở tư thế thăm dò, tìm hiểu. Một cuộc chiến tranh khốc liệt vừa qua đi trên đất nước tôi với sự tàn phá khủng khiếp, không dễ gì quên được. Nhưng cuộc sống luôn luôn phải tiếp tục, và trong sự tiếp tục đó có sự tha thứ, có điều phải nhận nhượng hoà giải. Cuộc gặp gỡ của các nhà văn cựu chiến binh hai bên ngày ấy là khởi đầu cho các mối quan hệ giữa những người đã từng cầm súng và sau này là những nghệ sĩ sáng tạo cái đẹp trong cuộc sống.

Tôi đã gặp Larry Rottman, tác giả tiểu thuyết *"Đại bàng Mỹ"*, từng ở sư đoàn 25 Củ Chi và Tây Ninh. Gặp Philip Caputo – từng phục vụ trong lực lượng lính thủy đánh bộ Mỹ đóng ở Đà Nẵng, tác giả cuốn *"Âm vang chiến tranh"*, cuốn sách tự thuật nổi tiếng ở Mỹ đã được chuyển thành phim truyền hình nhiều tập. Tôi cũng có ấn tượng rất tốt khi gặp William D.Ehrhart, lính thủy đánh bộ chiến đấu ở Huế, ở Hoi An. Ông có tiểu thuyết *"Trở về"* và tập thơ *"Tiếng chuông mùa đông"*. Ở Mỹ ông là nhà thơ rất nổi tiếng, được nhiều giải thưởng văn học có giá trị. Và Larry Heinemann, phục vụ trong sư đoàn 25 Tây Ninh, tham gia chiến trận ở Suối Cát. Những cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của ông là *"Giáp lá cà"* và *"Câu chuyện Paco"* được giải thưởng sách quốc gia. Một nhà thơ đa diện rất ấn tượng, Josef Komuniakaa. Ông tham gia chiến trận ở Việt Nam với tư cách là chuyên gia thông tin. Tập thơ *"Điện cái đầu"* và những tập thơ khác đã khiến ông nổi tiếng ở Mỹ và nhận Giải Pulitzer cho thơ năm 1994. Cũng là nhà thơ nổi tiếng, đã từng phục vụ trong đoàn kỵ binh bay thứ nhất ở đường 9 và trại Evans là Bruce Weigl, tác giả tập thơ *"Bài ca Napalm"* trong đó có những âm ảnh không dứt về cuộc chiến tranh ông vừa trải qua.

Ngày ấy tôi còn gặp David Hunt, giám đốc trung tâm William Joiner thuộc trường tổng hợp Massachusetts. Tôi cũng đã trò chuyện vài ba câu với George Wilson, cựu phóng viên mặt trận. Ông ở Việt Nam với tư cách là phóng viên của tờ Washington Post giai đoạn 1968-1972. Ông là tác giả cuốn sách viết về những người lính Mỹ sa lầy ở Việt Nam, về hăng tuyền mộ lính Mỹ và tình cảnh lính Mỹ khi trở về...

Và Kevin Bowen, cựu binh, đồng giám đốc trung tâm William Joiner, giáo sư sử học trường tổng hợp Massachusetts. Nói tới Kevin, tôi rất thích bài thơ *"Chơi*

bóng rổ với Việt cộng" của ông. Tên bài thơ thật hay. Và bài thơ tràn ngập tình cảm chân thành khi ông gơ bàn tay muốn bắt tay những con người trước kia là đối thủ mà ông từng e dè khi gặp lại. Trở lại Việt Nam, Kevin thường làm thơ về những địa danh ông đi qua, những con người ông đã gặp. Ông là người tổ chức ra những chuyến đi qua Mỹ và những chuyến từ Mỹ đến Việt Nam của các nhà văn cựu binh hai phía. Căn nhà của ông ở Boston đã đón rất nhiều các nhà văn Việt Nam...

Đã 17 năm kể từ mùa hè năm 1993. Những người bạn ngày đó giờ đã nhiều tóc bạc, nhưng những ấn tượng về ngày đầu gặp gỡ là không thể phai mờ. Các nhà văn cựu chiến binh của cả hai phía thực sự là người mở đầu cho những trao đổi văn học của hai nước. Nhiều người tiếp tục sáng tác và có nhiều thành tựu mới.

Có lẽ trong số chúng tôi ngày ấy, nếu không có mùa hè ở Boston đáng nhớ, chúng tôi không thể có thêm năng lượng để dành cho công việc của mình.

KEVIN BOWEN

TỪ HÀ NỘI TỚI BOSTON

Việc dịch thuật đã được so sánh như một chuyến đi, một hành trình người dịch mang vào ngôn ngữ và văn hóa của một dân tộc khác, một nơi khác và đôi khi là cả một thời gian khác. Người dịch phải chịu trách nhiệm vượt qua biên giới để thâm nhập vào lãnh thổ mới, đồng thời phải mang về một kho báu, một viên kim cương, một vật thể đẹp để mang lại một tầm nhìn xuyên suốt vào lịch sử sống, những chân lý chung và tìm kiếm một thế giới mà con người chưa được biết đến trước đó.

Khoảng 20 năm trước, David Hunt, một đồng nghiệp của tôi và tôi đã ngồi trong một văn phòng nhỏ ở Hà Nội với Vũ Tú Nam và Chính Hữu, khi đó là giám đốc Nhà xuất bản Hội Nhà văn. Với một sự tin tưởng hẳn là lớn lao vào thời điểm đó, họ đã trao cho chúng tôi một bản thảo được đánh trên một thứ giấy mỏng mảnh ngả màu. Đó là bản thảo sau này trở thành tập thơ Mountain River (Dòng sông núi), tuyển tập những bài thơ về chiến tranh của Việt Nam. Cả David và tôi đều không biết tiếng Việt nhưng chúng tôi đã hứa là sẽ tìm cách chuyển dịch tập thơ này. Nhìn một cách thực tế, lời hứa này lúc đó có vẻ là một sự bông bột. Nhưng tất cả chúng tôi khi đó đều hăng hái và nhiệt tình, một người chống chiến tranh và một học giả, một cựu binh và một người yêu thơ.

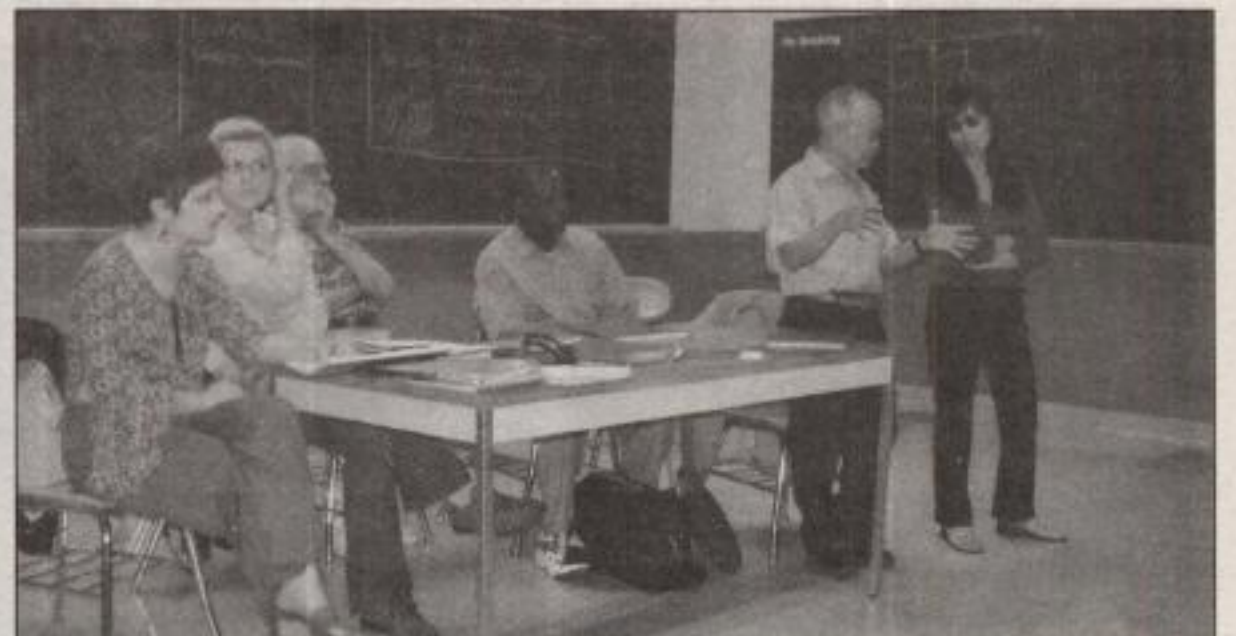
Nghĩ lại, những thách thức của việc này thời điểm đó rất đáng nản lòng. Lệnh cấm vận của Mỹ vẫn còn. Việc công dân Mỹ tới Việt Nam thực tế là bất hợp pháp. Các hãng du lịch không thể tổ chức các chuyến đi tới Việt Nam mà không vi phạm luật của Mỹ. Không có sự kết nối nào qua điện thoại, fax hay đường bưu điện. Không có internet hay điện thoại di động. Các du khách đến từ Mỹ phải bay đến Bangkok để xin visa vào Việt Nam và khi đã đến được Việt Nam, họ lại không có phương tiện liên lạc với phần còn lại của thế giới. Đối với dịch giả, rào cản ngôn ngữ là rất lớn. Lệnh cấm vận tồn tại có nghĩa trên thực tế sẽ không có một chương trình học tiếng Việt nào ở Mỹ và sau chiến tranh, cũng ít người ở Việt Nam học tiếng Anh. Rất hiếm người Việt Nam ở Mỹ muốn "hợp tác với kẻ thù" bằng cách tham gia vào dịch các tác phẩm Việt Nam hiện đại. Nguyễn Bá Chung, là một trường hợp người Việt ở Mỹ rất hiếm hoi tham gia cùng chúng tôi đến tận bây giờ. Ông đã gặp rất nhiều nguy hiểm khi giúp chúng tôi hiểu về một nền văn chương, một thứ ngôn ngữ và một nền văn hóa mà chúng tôi không hiểu biết gì mấy.

Mặc dù vậy, những khó khăn này không hề khiến chúng tôi chùn bước. Chúng tôi đã được thắp lửa qua những cuộc gặp gỡ với những nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ vĩ đại mà chúng tôi mắc nợ rất nhiều.

Những chuyến đi lại giữa hai nước diễn ra đều đặn kể từ chuyến đầu tiên, tôi có thể kể ra đây mãi. Cũng chính vì những giây phút khám phá này mà chúng ta sống, mà chúng ta đã đi xa đến vậy, mà chúng ta đã chọn những con đường đi đôi khi là bông bột. Những khoảnh khắc này rất cực đã định hình nên tình nhân văn chung giữa chúng ta, đã kết nối chúng ta bất chấp những áp lực của một thế giới thường xuyên đe dọa chia lìa chúng ta. ■



Các nhà thơ Phạm Tiến Duật và Nguyễn Quang Thiều tham gia định nhà văn Narry Heinenman tại thành phố Chicago



Nhà văn Nguyễn Ngọc trong buổi nói chuyện về văn hóa Việt Nam tại trường Đại học Massachusetts

Tôi không có cơ may gặp Vũ Hữu Đình vì khi tôi lên Pleiku thì anh đã ở Đà Nẵng. Hồi ấy vô cùng khó khăn mà tính anh lại

Tôi, đã từng trong một phút ngả lòng cách đây gần mười năm, định rời nơi đây. Điều ấy rồi đã không xảy ra, nhưng bây giờ nghĩ lại cứ như người mắc nợ. Trong nhiều lý do để ở lại, có một lý do là xấu hổ, bởi cuộc ấy nếu mà có thật, nó như một sự trốn chạy, như lừa dối, phản bội bạn bè và cả mảnh đất mình đã gần toàn bộ tuổi trẻ đây. Khát khao ước mơ, cái đoạn đường đẹp nhất mà cũng cực kỳ nhứt của cuộc đời mình vào đây. Lửa chúng tôi lên đây giờ còn lại không nhiều. Ấy là cái lửa lên đây từ đầu

Một chiều mưa tầm tã cách đây gần hai chục năm, một chàng trai trẻ tìm đến nhà tôi khi ấy đang ở trên đường Trần Hưng Đạo. Người ấy là Nguyễn Xuân Hoàng, đang học năm thứ 4 khoa văn Đại học Tổng hợp Huế. Trước đây tôi về quê, gặp Hoàng, em nói vu vơ: Em sẽ lên Pleiku gặp anh. Thế mà rồi tôi lên mới chưa được một tuần, Hoàng đã xuất hiện. Tôi đưa Hoàng đi uống cà phê cóc buổi sáng via hè Hùng Vương, tôi khuya vào quán bánh xèo góc Nguyễn Văn Trỗi, Nguyễn Thái Học bày giờ uống rượu với bánh xèo thay cơm chiều. Quán nghèo, đèn dầu và những cơn ngái ngủ. Chúng tôi đọc thơ và trầm ngâm chuyện. Sau đây Hoàng về lại Huế và viết: "Những cơn phở nhỏ Pleiku thường rục rỏ trong ánh nắng đầu mùa. Phở vốn nhiều bụi đỏ chuyển sang màu hồng phấn và ẩm lên trong sương lạnh. Những cơn nhá gió dưới nắng như tơ ra và nở bung những cánh cửa nhỏ nhiều màu. Tôi vẫn thường đứng ngắm góc hàng giờ dưới nắng để ngắm thứ ánh sáng đẹp như pháo hoa nổ rục rỏ trên trời cao. Nắng như lửa cháy mà không phải là lửa cháy, cứ trôi dưới mây trời thành từng vạt lớn mềm mọng. Nhìn những vạt nắng mà lòng thắc thỏm như chân đang đi đến chốn hẹn hò, đang chờ đợi một điều gì đó kỳ diệu sẽ hiện ra sau màu nắng mới ngọt ngào như mật ong kia"... Thì ra Hoàng đã có một thời tuổi thơ sống ở Pleiku. Bây giờ thì Hoàng đã thành người thiên cổ ở Huế sau một cơn đột quỵ, đúng lúc tài hoa đang phát tiết. Sau Hoàng tôi mới phát hiện ra rằng, Pleiku đã từng là nơi chốn đi về, lưu giữ kỷ ức và cả tuổi trẻ, tuổi thơ của khá nhiều tác nhân mặc khách. Ai đi khỏi đây rồi cũng đều đau đau trở về, nhớ thế mà tôi đã có những buổi cà phê sáng sương mù ướt vai via hè với nhà thơ Hoàng Trần, giờ là cán bộ giảng dạy đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, đêm salon với bác sĩ nhà thơ Đỗ Hồng Ngọc mà khi xung tên lên chắc chắn rất nhiều người biết. Tôi cũng từng cộng ly với nhà thơ Lê Nhục Thủy, thư ký tòa soạn báo Thanh Niên, đắm đuối với nhà văn Trung Trung Đĩnh, giám đốc nhà xuất bản Văn học và rất nhiều người tài hoa khác khi họ về với Pleiku, về với một thời khốn khổ họ từng trải qua ở đất này nhưng đầy lãng mạn và trong trẻo, để bây giờ họ vẫn coi những tháng ngày ấy là đẹp nhất, có ý nghĩa nhất trong đời cay bứt của họ.

Pleiku còn là nửa khi tôi biết, ngay từ ngày trước giải phóng, khi đô thị này còn đang của Mỹ Ngụy chiếm đóng, lính đồng hơn dân, đã có hai anh Việt Cộng, sau này là hai nhà văn nổi tiếng, vào tận trung tâm thành phố, ngủ ngon lành ở đấy, dù là ngủ dưới cổng Hội Phú như Trung Trung Đĩnh, ngủ đầm say một đêm rồi sáng mai đóng khoé đeo gùi vật dao ngậm tẩu cười ngụng theo đồng bào dân tộc thoát ra ngoài, hay ngủ đàng hoàng trong nhà công vụ như anh lính tình báo kỹ thuật chiến lược Trương Vĩnh Tuấn hàng nửa tháng trời rồi tự nhiên... mất hút. Thế nên mỗi lần hai ông này vào lại Pleiku là một cuộc trở về, tươi non và hào sảng, như kỷ ức không cần nơi neo đậu, cứ ủa về như nắng tháng tư giữa ngút ngàn trời xanh mây trắng với nao nao đã quy bùng sớm...■

Anh : LNA

CHUYỆN VĂN CHUYỆN ĐỜI

VÀI KỶ NIỆM
VỀ NGUYỄN

VŨ PHẠM CHÁNH



Từ trái qua phải - họa sĩ Bùi Xuân Phái, nhà văn Nguyễn Tuấn và nhạc sĩ Văn Cao.

T RÊN đất nước này có bao nhiêu nhà văn, nhà thơ họ Nguyễn, nhưng nếu chỉ nói đến "Nguyễn" thì những người thích đọc bao giờ cũng nghĩ ngay đó là Nguyễn Tuấn. Thì cũng như người dân Trung Quốc nói đến Lý, Đỗ vậy. Còn một điều lạ nữa là nhắc đến Nguyễn Tuấn, người ta thường nghĩ đến những chi tiết trong cuộc sống đời thường của ông mà ta nhớ được qua những lần gặp gỡ với nhà văn, chứ chẳng ai nói đến văn ông, các tác phẩm của ông, vì hầu như có một mặc định là những ai đã yêu thích ông thì đều đã đọc hầu như tất cả những gì ông viết. Mà những cái ông đã viết, dù có đọc đến thuộc lòng rồi thì cũng không dễ gì tóm tắt mà kể lại. Văn của ông là thể. Nó cuốn người ta đọc, hồi hộp dõi theo từng dòng chữ, từng con chữ để rồi thở phào nhẹ nhõm sau những phát hiện mới mẻ về ý tứ, về ngôn từ... và rồi không thể nhớ được mọi tinh tiết, nhưng lại có cảm giác như mình vừa nhặt thêm được những đồng xu bằng vàng quý giá cho đời sống của mình...

Tôi cũng không nhớ rõ là tôi đọc Nguyễn lần đầu là vào năm nào, tuổi nào? Chỉ nhớ mang máng là vào giữa những năm học trung học cấp 2 trong một ngôi trường sơ tán trên Việt Bắc thời kháng chiến chống Pháp, lũ học trò mười bốn mười lăm tuổi chúng tôi ngày đêm chúi mũi vào những cuốn sách kiếm hiệp, tiểu thuyết trinh thám hay sách của Tư Lực văn đoàn, của văn thơ lãng mạn trước cách mạng... trước khi những cuốn sách này được tập trung đem đốt ở sân trường. Tự nhiên sau đó không biết ở đâu ra những bài Tùy bút trong "Vang bóng một thời" lại xuất hiện trong cặp sách của lũ chúng tôi, chúng tôi lại truyền tay nhau đọc "Chém treo ngành", "Chữ người tử tù", "Cái ấm đất", "Chùa Đàn"... và hàng chục tùy bút khác, trước khi các cuốn sách Kháng chiến đến với chúng tôi, như *Tùy bút Kháng chiến* của Nguyễn Tuấn, *Thơ của Bút Chiến Đấu* (Tủ Mỏ), tiểu thuyết *Xung kích* của Nguyễn Đình Thi, truyện vừa *Đôi mắt* của Nam Cao, truyện ngắn *Làng* của Kim Lân, các bài thơ *Phá đường*, *Bầm ơi*, *Cá Nước* của Tố Hữu, *Đống Chi* của Chính Hữu... Thế rồi những con chữ của Nguyễn Tuấn cứ chập chờn bám theo tôi cho đến khi về Hà Nội tiếp quản...

Thế mà cơ hội đến, như một quả tặng trời cho. Đầu năm 1964, tôi ghi tên học một lớp *Viết ký sự báo chí* do Hội nhà báo mở, ở lớp này người ta đã mời thêm các nhà văn chuyên nghiệp như Đào Vũ, Bùi Hiến và Nguyễn Tuấn đến giảng bài như những hoạt động ngoại khóa. Lớp chỉ có hơn mười nhà báo trẻ của nhiều tờ báo ở Hà Nội ngày đó, hằng tối đến tụ tập tại một căn gác nhỏ của ngôi nhà số 65 trên đường Nguyễn Du... Nguyễn Tuấn đến lớp, gây ấn tượng ngay với chúng tôi với cái vẻ ngoài hơi bạt mạng, chiếc mũi nhòm mồm, hàng ria mép cộng với đôi mắt nhỏ nheo nheo sau cặp kính lờ trông thật hóm hỉnh và gần gũi. Thật sự không ai nghĩ ông đã ngoài năm mươi. Lũ chúng tôi chỉ bằng nửa tuổi ông, nhưng cứ tự nhiên gọi ông lúc là anh, lúc là bác, thân tình. Ông vào lớp đặt túi tài liệu lên bàn, gấp người cúi chào chúng tôi thật thấp rồi ngẩng lên: "Xin phép cho tôi được điểm danh?" - đúng như một thầy giáo chính hiệu. Ông gọi tên từng người theo thứ tự trong sổ điểm danh mà Hội Nhà báo đã lập: Ngón tay ông dơ theo từng dòng, rồi ông dừng lại ngược cặp kính lên gọi: "Vũ Phạm?" Tôi đứng lên đồng đáp: "Thưa... tôi có mặt!" Nguyễn hỏi: "Anh... người làng Đôn Thư?" - "Vâng, tôi quê Đôn Thư, Hà Đông..." tôi ngạc nhiên ngập ngừng đôi chút, chờ đợi. "Thế thì... anh có họ hàng gì với Thám hoa Vũ Phạm Hàm?" - "Dạ, thưa tôi là cháu nội của ông Vũ" Nguyễn hơi mỉm cười, hàng ria mép rung nhẹ, nét mặt giãn ra, rồi như đùa, như thật, ông phẩy tay nói: "Thế thì anh ... về đi, không phải học nữa! Về, về!"

Mãi sau này có dịp cùng đi một chuyến công tác với ông, tôi tò mò hỏi lại Nguyễn: "Sao hồi đó bác lại đuổi tôi không cho học?" Nguyễn cười: "Thì anh là cháu nội Vũ Phạm Thám Hoa có học hay không thì anh sẽ vẫn có thể viết được, nếu anh không viết được thì có học cũng bằng thừa... Mà sau đó anh có học không, tôi chỉ đến lớp ấy có một buổi nên không biết" Tôi cho ông biết là hồi đó, dù có bị ông "đuổi", tôi vẫn học những giờ khác, học cho hết khóa và cũng nhờ đó mà tôi biết thêm được những kinh nghiệm thành công của những nhà báo,

nhà văn tên tuổi. Và cũng nghĩ là Nguyễn đã dạy tôi một bài học đích đáng "Không chỉ dựa vào *gian* mà còn phải dựa vào sự *dây công học hành*"...

Dịp sau mà tôi được đi cùng với Nguyễn để nhắc lại chuyện cũ đó là vào cuối năm 1964. Khi đó ngành Giao thông tổ chức cho các nhà văn, nhà báo ngược sông Đà bằng tàu thủy, tôi được đi tháp tùng đoàn, gồm có Nguyễn Tuấn, Văn Cao, Thành Thế Vỹ, Bùi Hạnh Cẩn, Bảo Đình Giang, nhà nhiếp ảnh Nguyễn Chính. Sự kiện tàu thủy ngược sông Đà là sự kiện mới, sau gần 2 năm phá thác dọn ghềnh đoạn từ Chợ Bờ lên đến phía trên Tạ Khoa vài chục cây số, để có thể khai thác đường thủy tuyến sông Đà, chở hàng lên cho đồng bào và các công trường Tây Bắc, đỡ đòn cho con đường quốc lộ 6 gặp ghềnh hiểm trở. Chuyến đi này là chuyến đi đầu tiên để "nghiêm thu" tuyến đường sông đã nạo vét chỉnh trị xong xuôi.

Gọi là tàu thủy, nhưng chiếc tàu chở đoàn hôm ấy chỉ là chiếc canô chở khách có máy 135 mã lực, với nhóm nhà văn nhà báo đi thực tế trên Sông Đà, thì đã là thú vị lắm, vì từ trước các ông chỉ ngược Tây Bắc bằng đường bộ. Chạy được hơn một giờ thì đã đến gần bến phà Chợ Bờ. Thuyền trưởng Tuyệt ghé bến yêu cầu đoàn khách lên bờ đi bộ, nghỉ ngơi, chờ anh cho tàu vượt Thác Bờ. Đây là một cái thác không cao lắm nhưng dài. Đội công trình đường sông đã phá hàng ngàn mét khối đá giữa lòng sông, hạ dốc, tạo luồng cho tàu kéo sà lan vài ba chục tấn có thể ngược được thác. Vì đây là chuyến đi nghiêm thu nên thuyền trưởng không muốn để đoàn khách ngồi trên tàu, để đảm bảo an toàn...

Chiều tối hôm đó chúng tôi ngủ tại Bến Vạn Yên. Đây là một bản người Thái nhỏ ngay bên bến phà, còn thị trấn huyện lỵ Phù Yên thì ở cách đây những hơn mười kilô-mét. Trước khi rời tàu lên bờ, ông Bình Tâm, trưởng đoàn, dặn dò: "Tôi nay các bác lên nghỉ nhà sàn Thái trên trấn Vạn Yên, các bác không phải mang theo đồ lễ gì cả..." Nguyễn Tuấn lùi lại sau tay túm lấy Văn Cao, liếc mắt nét mặt rất hóm hỉnh tìm tìm nói nhỏ: "Này, họ bảo không phải mang đồ lễ gì lên cả, nhưng ông nhớ mang theo cái ấy... lên nhé..." khiến Văn Cao đỏ cả mặt. Cái chất hóm hỉnh của Nguyễn đã theo ông suốt cuộc đời văn nghiệp, làm nên sự lung linh của những con chữ...

Lại nói đến sự sáng tạo chữ nghĩa của Nguyễn, cũng trong cái đêm hôm ngủ nhà sàn Thái với Nguyễn với các bác nhà văn nhà thơ, tôi rụt rè nói với ông: "...Trong *Sông Đà* của bác, em thấy có một chữ bác

dùng rất lạ, rất hay, rất hình ảnh. Nhưng với cảnh cầu đường lục lọi chúng em thì chữ ấy lại là một lời trách móc..." "Chữ gì?" Nguyễn hỏi. "Đó là cái chữ "*Hoa lốp*" ấy là bác nói về những hằn vết bánh xe, những vân lốp của *ta lốp* xe ô tô tãi khi chạy trên mặt đường cấp phối mới tinh trên con đường quốc lộ 6 hồi nào. Những *hoa lốp trên đường*! đẹp quá phải không bác. Nhưng về kỹ thuật làm đường thì như vậy là chúng em mắc lỗi. Mặt đường cấp phối sau khi lu lèn đủ tiêu chuẩn xong phải được như mặt sân đất nện ở quê ta. Nếu xe đi qua mà để lại vết là coi như chưa đạt yêu cầu..." Nguyễn Tuấn cười xòa xòa, nói: "Thì ra mấy cái anh lục lọi này cũng lắm chuyện thật! Thế sau khi đọc bài ấy, cấp trên của anh có kiểm điểm anh không? Không hả, thế là *hoa lốp vẫn cứ là hoa lốp trên đường, đẹp thật đấy chứ, phải không? Vì có hoa lốp chứng tỏ con đường làm xong đã có xe đi, nếu chẳng có xe đi thì đường còn ý nghĩa gì?*"...

Sáng hôm sau ngủ dậy, ông kéo tôi ra trạm bưu điện Vạn Yên. Sau khi cúi đầu vào ghisê chào cô nhân viên bưu điện, Nguyễn thò tay vào trong chiếc túi vải lấy ra một cuốn sổ tay, mở ra trang mới rồi trình trọng nói: "*Nhờ đồng chí đóng cho tôi một cái dấu tròn của Trạm Vạn Yên ngày hôm nay, cái con dấu mà vẫn đóng trên thư bưu chính ấy, và đồng chí ghi tên họ đồng chí bên dưới, chỉ là để cho tôi làm kỷ niệm mình đã đến Vạn Yên thôi mà!*" Nguyễn để đất Vạn Yên in dấu lên cuốn sổ của ông, và ngược lại ông cũng in dấu một nhà văn lớn lên kỷ ức một cô gái bưu điện trẻ trung ở một vùng đất hẻo lánh giữa núi rừng Sơn La xa lắc.

Chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ trên miền bắc, tôi ít được gặp ông. Ông mãi mê đi và viết, có thể ông đã đi tới mọi nơi mà đang có tiếng súng đánh trả máy bay giặc, bảo vệ đồng bào. Rồi tôi được đọc đến đâu *Sông tuyến, Hà nội ta đánh Mỹ giỏi*... Rồi ông đi họp hội nghị hòa bình thế giới ở Hensinky. Chẳng biết ông viết *Phở* hồi nào, mà tôi lại đọc bài ấy đúng vào cái lúc hội nghị Hensinky đang họp. Thế rồi ông về Hà Nội. Tôi lại có dịp gặp ông đúng ngày 21-12-1972, khi máy bay Mỹ đánh bom Ga Hà Nội. Vừa dứt tiếng bom, ông đã có mặt ngay ở ngã ba đường Phan Bội Châu - Trần Hưng Đạo. Ông đứng như trời trồng giữa đường, chiếc mũ lá cầm tay, nhìn về nhà ga chỉ còn là một đống gạch vụn. Phải mất đến vài mươi phút như thế, ông mới chậm chậm quay về căn gác nhỏ trong ngõ Vạn Kiếp, ngôi lý trong nhà. Rồi ít ngày sau

đó, ông lại leo lên con tuần mã - chiếc xe đạp Sterling đàn ông, ghi đồng ca rê, và chiếc túi vải bạt, đập hồi hả về phía Tây. Gặp ông trên đoạn đê La Thành, ông dừng xe, một chân chống xuống đất gặt đầu ra hiệu đáp lại cái chào của tôi rồi ghé tai tôi nói nhỏ: "Tôi lại đi anh à!" Vâng ông lại đi, như ông đã từng xé dịch suốt hơn nửa thế kỷ nay rồi... Tôi biết ông lại đến một chỗ nào đó không định trước và để lại những dấu ấn với những con người bình thường ở mỗi góc đất của Tổ quốc mình...

Nhìn ông cầm cúi đạp xe với cái lưng hơi gù gù tôi chạnh lòng cảm phục. Đạn bom thời chiến, rồi rủi ro cạm bẫy của con người có động tới được cái khối đá quý là ông, nhà văn vô cùng yêu quý của chúng tôi? Rồi đây ông sẽ trở về con ngõ nhỏ, ông lại tự mình đào ra từng vẩy đá lấp lánh là những con chữ để trình trong bày lên trang giấy cho chúng ta thưởng thức và góp nhặt, làm giàu...

Nhớ có lần liêu đến nhà thăm ông, vào đến phòng, liếc mắt lên bàn của ông có đến hai cuốn sổ giấy khổ rộng gấp đôi giấy tập học trò, một tập ông để "*Tôi Đọc*" còn cuốn kia "*Tôi Viết*". Không dám hỏi, chỉ nghĩ "Cái mỏ quặng đá quý trong đầu ông bao giờ mới khai thác hết?"... Nhìn ông ngồi rung đùi đọc báo một cách ung dung không vội vàng, lại nhớ một hôm tôi từ tòa soạn bất ngờ lững thững ra Thủy Tạ uống bia hơi (lúc đó bên ngoài nhà Thủy Tạ có một quầy bia hơi bán kèm lạc rang) chợt từ xa đã thấy bóng Nguyễn ngồi một mình một cốc bia và đĩa lạc. Vừa sán đến chào ông, và một câu hỏi tự nhiên bật ra: "Bác có khỏe không ạ?" Ông nghiêm nét mặt, hỏi ngay lại: "Không khỏe mà tôi lại chịu được đòn từ sáng tới giờ à?" - Tôi ngơ ra không hiểu, lảng lảng lấy một cốc bia ngồi xuống bên ông, chẳng dám hỏi câu gì nữa. Mãi sau này mới biết, hôm đó ông phải trấn tĩnh trước sự phê phán thiên tùy bút *Tinh Rừng* của mình. Ông bực mình thật sự vì sao mà họ nghĩ hẹp như thế? Sao họ không hiểu được tấm lòng nhân ái mệnh mông của ông? Bây giờ cứ mỗi lần thấy cảnh rừng bị tàn phá, lũ lụt hủy hoại bao tài sản và cuộc sống của người nông dân nghèo khổ, tôi lại cứ nghĩ đến Nguyễn với *Tinh Rừng*.

Nhớ quen biết Nguyễn mà tôi mới biết thêm nhiều văn nghệ sỹ khác và hiểu tình bạn trong sáng công bằng và không vụ lợi của các ông. Họa sỹ Lê Chính là một nghệ sỹ trình bày báo *Văn Nghệ* một thời, vợ chồng ông ở trong một căn phòng của chung cư 96 phố Huế, nơi ở của nhiều văn nghệ sỹ trước đây, như Lưu Quang Thuận, Phan Thanh Nam, Ngô Huỳnh... Có khoảng tám ba người hay đến chơi và là bạn thân của ông Chính. Đó là Văn Cao, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Tuấn, Nguyễn Sáng, Nguyễn Tư Nghiêm, Sĩ Ngọc... Các ông chơi với nhau như cách của những người bạn rượu, vì thế không mấy khi họ có mặt được cùng một lúc. Lúc này đây, khi người khác. Nguyễn thường đến một mình và không hay ngồi lâu, dù lúc nào ông đến cũng mang theo một bi đồng Trung quốc hai lít rượu gạo. Câu đầu tiên Nguyễn hỏi ông Chính cũng là: "*Vua độ này thế nào?*" ấy là Nguyễn hỏi thăm về Văn Cao. Ông Chính giải thích. Lê Chính bảo Nguyễn Tuấn văn thường gọi Văn Cao như thế. Chẳng ai dám hỏi Nguyễn là do căn cứ gì? Hôm tình cờ gặp Nguyễn Tuấn ở nhà Lê Chính, cũng đã lâu lắm, Nguyễn đã dành cho tôi một đặc ân là nhận xét về tôi. Nguyễn nói với Lê Chính: "Cái anh này - ông hất hàm chỉ tôi - được đấy. Anh có nhớ cái truyện ngắn mà anh trình bày cái tit đẹp mê hồn trên báo, truyện *Đêm Trăng Rằm* không? Truyện cũ rích về tình yêu, nhưng cách viết của hân thì đáng nể, chẳng có tên của anh của ả mà chi tiết tâm tình thì ngôn ngôn, nhất là viết như thế thì chẳng thể kể lại được. Đúng không?" Thì ra ông nhà văn lớn Nguyễn Tuấn cũng đọc cả cái truyện ngắn đầu tay của tôi đăng trên báo Văn Nghệ hồi 1962, đọc và nhớ. Thật là một bộ óc đồ sộ. Như trên tôi đã nói, bộ óc của ông giống như một khối đá quý có mặt độ vô cùng đậm đặc.

Nguyễn Tuấn mất đến nay đã được hơn hai mươi năm rồi, nhưng những kỷ niệm về ông của tôi lúc nào cũng long lanh như những con chữ của ông trong những thiên tùy bút có một không hai của nền văn học nước nhà.■

C HÙNG tôi xuống sân bay Cà Mau đã gặp gió. Gió lồng lộng. Mùa xuân với mưa rắc phần lên hoa đào ở Hà Nội đã là chuyện cổ tích với nơi đây. Tôi nghĩ mùa xuân ở Cà Mau chắc chỉ là một mốc thời gian còn đất trời chẳng nhiều thay đổi cho dù, như người ta nói, Tết đến, xuân về... Với lại, tôi về Cà Mau không phải đi đón mùa xuân. Trong lòng tôi chỉ một niềm mong mỏi: Về Đất Mũi.

Đây là nơi mà người Việt Nam nào cũng ước ao một lần được đến, được đứng dang tay trước sóng gió đại dương mà cảm nhận hai tiếng thiêng liêng: Tổ Quốc! *Tổ quốc ta như một con tàu/ mũi thuyền ta đó Mũi Cà Mau!* Hai câu thơ của một người tốt cùng thi sỹ đã ám ảnh ta từ những ngày thơ bé. Con tàu Tổ Quốc ta đang neo đậu ở một bến bờ được nhiều người mơ ước, nhiều kẻ thêm khát nhòm ngó và đồng thời, có một điều thật kỳ diệu: Đất Mũi vẫn đang lặng lẽ không ngừng tiến về phía trước, tiến về phía biển với một tốc độ rất ấn tượng: 80 đến 100 mét mỗi năm. (Nếu so với tốc độ trôi giạt lục địa, mỗi năm Nam Mỹ và châu Phi xa nhau thêm 3 cm, thì đây là một tốc độ vũ trụ!). Cho nên, nếu năm nay bạn về thăm Đất Mũi có nghĩa bạn đang đến mảnh đất chót mũi của Tổ Quốc mà mới năm trước thôi còn chưa được sinh thành. Cho nên tôi gọi chuyến đi của mình là một cuộc hành hương về tương lai. *Tôi theo em về Đất Mũi/ hành hương về tương lai/ đất mới sinh và rừng mới mở...*

Chiếc xuồng cao tốc như một mũi tên bay trên mặt nước đưa chúng tôi từ thành phố Cà Mau về Đất Mũi vượt qua thủy đạo ngoằn ngoèo 60 km trong khoảng một giờ. Như đang được tham gia trò chơi cảm giác mạnh, chúng tôi rất nhiều lần phải thót tim ở các khúc quanh, trước những con thuyền ngược chiều cũng đang bay với tốc độ ghê người hay trước một rừng cọc lười... Tuy thế vẫn có đủ những khoảng bình yên để ngắm nhìn phong cảnh hai bên bờ sông Gành Hào. Sông do con thuyền cao tốc tạo nên đuổi nhau rồi ào ạt vỗ vào những bờ cây, những cánh rừng ngập nước xanh rì. Cây mắm, cây đước mọc ken dày trên những bộ rễ vững chãi hình cái nơm là hình ảnh biểu

VỀ ĐẤT MŨI

Ghi chép của NGHIÊM HUYỀN VŨ

trưng của Đất Mũi, nơi con người bám chặt vào bùn đất mà tạo nên làng xóm, quê hương... Sông nước ở đây như những con đường, con phố trên đất liền, cũng ngã ba, ngã tư, cũng cua trái, quẹo phải... Màu xanh nối tiếp, nhà cửa san sát, cũng hàng quán hai bên: cửa hàng điện thoại di động, shop thời trang, tiệm cắt tóc, quán nhậu, vừa cá, cửa hàng xăng dầu, trại thu mua tôm... Chỉ có điều trước mỗi căn nhà ven bờ nước là một chiếc "cầu tàu", bên cạnh cầu buộc một hay một vài chiếc xuồng máy như cách trước nhà ở phố thị có dựng mấy chiếc xe máy Honda vậy. Xuồng máy bây giờ cũng là vật dụng có giá, mỗi chiếc phải đến cả trăm triệu đồng. Cũng như trên kênh rạch của Nam Kỳ lục tỉnh, giờ đây không thấy cảnh các má, các em gái chèo xuồng hay thuyền ba lá như trong các câu ca, chỉ thấy các bà, các chị lái xuồng máy lướt sóng băng băng. Xuồng máy chở rau, chở gạo, chở cá, chở cả trẻ em đến trường...

Phong cảnh ven "đường" không có gì giống với nơi tôi đang ở nhưng thật lạ kỳ, có điều gì làm tôi ngỡ ngàng thật. Lúc đầu tôi không nhận ra nhưng càng đi tôi càng hiểu nổi bằng khuỷu của lòng mình. Thì ra màu nước đang đẩy thuyền đi ở đây cũng cùng màu với nước sông Hồng! Những hạt phù sa đã hoá thân thành châu thổ bên dòng sông Cái không chỉ làm nên một nền văn minh, làm nên cội nguồn của một Đất Nước mà còn làm nên nỗi nhớ trong lòng những cư dân bình dị như tôi trong mỗi chuyến đi xa. Còn hạt phù sa nơi đây đang bồi đắp nên một mũi đất huyền thoại, một mũi đất mới sinh thành nhưng đã mang rất nhiều ước vọng. Ở hai đầu đất nước lòng tôi bồi hồi trước sắc đỏ phù sa. Cái sắc đỏ phù sa đầy sức sống ấy làm nên sắc máu của mảnh đất hình chữ S bên bờ một đại dương

sóng gió. Tôi càng có thêm nhiều minh chứng cho điều vừa suy nghĩ khi bước chân xuống mảnh đất thiêng, Đất Mũi. Đất ở đây hồng tươi như da thịt con người. *Hạt phù sa vừa mới rụng chân/ mà bùn non đã màu cổ tích/ ở đâu cũng gọi nhớ sông Hồng...*

Bạn sẽ hỏi làm sao để bùn non vừa mới được bồi lên lại có thể thành khuôn hình Đất Mũi trước muôn trùng sóng gió? Thưa rằng nhờ những lá mắm! Đầu tiên là cây mắm, một loại cây đặc trưng, gắn liền với lịch sử khẩn hoang ở Cà Mau. Mắm là loại cây có rễ bám sâu dưới đất mặn, không chỉ giữ cho đất không bị lở và còn làm giảm phèn, rửa mặn. "Mắm trước, đước sau", tiếp đến là đước, tràm và sú, vẹt... đưa nhau mọc lên khiến bãi bồi ngày càng chắc chắn. Trái đước khi già rơi cắm xuống đất rồi nảy mầm, mọc thành cây và cứ thế sinh sôi nảy nở, hình thành nên khu rừng ngập mặn lớn nhất của Việt Nam, khu dự trữ sinh quyển độc đáo của thế giới.

Trong rừng rễ cây ngập mặn chằng chịt là cả một thế giới động vật thủy sinh. Chúng tôi lập tức được thưởng thức một trong hai đặc sản nổi tiếng của Đất Mũi đó là ốc hương cùng với các đặc sản biển và của vùng nước lợ như tôm, sò, cua, ghe, ốc, cá... trong nhà hàng thủy toạ càng xây dựng thật ấn tượng trên mặt biển. Còn đặc sản thứ hai là con ba khía. Ba khía thuộc loại cua, có càng và ngoe, sống vùng nước mặn. Ba khía nhỏ hơn cua, gần giống như con sạm, con còng, con cày ở miền Bắc. Con ba khía màu "sậm sệt" như màu đất bùn, trên mai có khía nên ai đó đã đặt tên là con ba khía. Trái cây mắm chín rụng làm mỗi nuôi ba khía. Ba khía Cà Mau có tiếng ngon là nhờ ăn trái mắm. Tới mùa trái mắm rụng, người địa phương chèo ghe vô rừng bắt ba khía. Rửa sạch từng con một, cho

vào lu nước muối. Độ 7 ngày thành ba khía muối, sau mới có tên là mắm ba khía. Mắm ba khía Cà Mau đã trở thành một thương hiệu nổi tiếng, ăn với với cơm hay trộn thêm gia vị chanh ớt, ăn với thịt phay, bún, rau sống... rất ngon.

Trên đất bồi rừng đã mọc, con chim, con cá về làm tổ, con ong về làm mật và sau hết là con người. Đứng trên đài quan sát có thể thấy xóm Mũi với những mái nhà lúp xúp nằm giữa vùng rừng cây xanh mát, đây là vùng đất có cư dân sinh sống cuối cùng phía Nam của đất nước. Tổ quốc sinh thành thật là kỳ diệu nhưng cũng vô cùng giản dị!

Ta thấm cảm ơn những người đã đến đây từ những ngày phôi thai của đất, của rừng. Trên nền lá xanh rì là những lá cờ thắm đỏ phấp phất bay trong gió mặn. Những cột mốc chủ quyền mềm mại và sinh động được cắm hồn nhiên xuống mảnh đất này trước khi các nhà trắc địa sửa lại đường viên trên bản đồ Tổ Quốc. Cái tượng đài bằng bê tông có hình con thuyền đang căng buồm lướt sóng - đồng thời là một tấm bia, ngày tôi đến có ghi: *Mũi Cà Mau, 8 độ 34' vĩ Bắc, 104 độ 43' kinh Đông* chắc đến hôm nay đã "lùi" xa hơn vào "đất liền" thêm mấy trăm mét. Đất ở đây đang nở, một điểm lành mà ta không cần phải hoài nghi.

Tôi đứng trước mệnh mông trời biển Cà Mau mà lòng mãi nguyện như vừa được đến miền đất hứa. Không ở đâu trên Đất nước mình, ta được đứng trước ba bể biển mệnh mông sóng gió đầy thách thức và sau lưng là một miền rừng bạt ngàn mãi mãi nguyên sinh. Ở đây mặt trời lên từ sóng và rồi lặn vào trong sóng. Biển Cà Mau đón và tiễn mặt trời, biển ấm áp cho đất lành sinh nở. Bãi bùn non mềm mại, mượt mà trải dài trước mặt tôi như mời gọi. *Tôi cùng em lội xuống bãi bồi/ bao nhiêu nắng cho em hồng như đất/ để lòng tôi thấm một màu mới.*

Tất cả những gì non tươi, mơn mớn, sinh sôi nảy nở đều gọi mùa xuân và tôi đã gặp mùa xuân trên Đất Mũi, *ngón chân cái chưa khô bùn vạn dặm...*

PHẠM DẠ THUY

Thơ gửi Hà Nội

*Hà Nội vắng tôi
trống một chỗ ngồi
Nhưng đầy thêm ngàn lần nỗi nhớ
Hồ Hoàn Kiếm
vắng bước chân bờ ngõ
Sẽ xôn xao con sóng nhỏ đẹp, buồn?*

*Phút chia tay nghẹn đắng trong hôn
Không dám nhìn nhau
không nói lời tạm biệt
Không hẹn sẽ quay về
không cầm tay lưu luyến
Bão dậy trong lòng
Im ắng một trời đêm*

*Hà Nội thu về
vắng tiếng gió êm
Trái tim đập buồn
như nước mắt
Xin đừng nói những lời trách móc
Đừng người đừng
đừng cay đắng thế mà*

*Phố biển Nha Trang
một lần người xa
Thêm giàu có tình yêu Hà Nội gửi
Hoa sữa đâu rồi không cùng tôi bồi rồi
Không cùng tôi thơm thêm nữa cho người*

*Thời tôi về
neo bến đợi đời tôi
Học cách bình yên vô tư như hoa cỏ
Gửi Hà Nội niềm yêu thương, nhưng nhớ
Gửi đến người lời khát nọ*

Mùa sau...

Gửi gió

*Em nhận từ anh
những câu thơ như lửa
những lời yêu như nước
những hẹn thề như gió
những yêu chiều ru dỗ như mây*

*Em lớn lên bằng tình yêu ấy
nuôi ảo ảnh mong manh
nuôi đợi chờ vô vọng
cuộc chiến kết thúc
tình yêu chia xa*

*Em đứng giữa ngã ba
anh rẽ về ngã bảy
chúng mình lạc nhau từ đó
và từ đó mất nhau*

*Bình yên bên bờ vai vững chãi
tiếng khóc trẻ con tay thức từng ngày
tổ ấm nhỏ bằng bàn tay
bằng bàn tay em vun bồi tổ ấm
nhưng tự thấm sâu ký ức
thơ anh
đêm dài...*

*Đáp lại tiếng gọi vô thanh
em làm thơ
gửi chiêm bao tận chân trời xa tắp*

*Anh nhận từ em
năm tháng tươi non tình yêu tươi non
và anh đã hiểu
đầu ngày không còn xanh
đầu cái nắm tay mãi là mơ ước
em vẫn là Hoa mười bảy tuổi thuở nào*

*Anh bây giờ lãng đãng như mây vô hình như gió
lung linh giọt sáng tình đầu rỏ xuống hôn em
để em trở thành nhà thơ
đến cuối đời vẫn say viết thơ tình gửi gió*

NGUYỄN DỊCH LONG

Cây gạo xù sao không trổ bông?

*Những ngày chùa Hương vào Hội
Bên đường xuân gạo ra hoa
Những ngày lúa xanh con gái
Bóng giăng sợi trắng la đà.*

*Mùa này tôi miền đất ấy
Đầu còn thấy gạo phơi bông
Bơ vơ bờ hoang mưa rắc
Cây khô đen thẫm mặt đồng.*

*Nghìn năm gạo xù đứng đó
Chờ nghìn mùa xuân trở về
Nghìn năm đốt mình gom lửa
Cháy nghìn năm đỏ hốn quê.*

*Giờ qua có gì trống vắng
Đầu xưa lặng lẽ đi rồi
Bỏ lại khoảng trời đầy nắng
Đường chiều hun hút sương rơi.*

Ông lão đánh xe ngựa

*Bánh xe lăn lặc khặc
Đường sông trâu gồ ghề
Ông lão đánh xe ngựa
Oằn lưng dưới nắng hè*

*Ngựa rạp mình lê bước
Vò lửa mài tõe bay
Gió trốn đi đâu biệt
Cây lạng buồn không lay*

*Ông hoá người vô cảm
Vùng roi quất ngựa già
Xe chất đầy củi sắn
Đường gập ghềnh nẻo xa...*

NGAY từ đầu tháng 4 năm 1975, không khí chiến trường đã hết sức sôi sục, với chiến dịch "đánh nhanh thắng nhanh" (lúc đó chúng tôi mới chỉ biết gọi chiến dịch Hồ Chí Minh bằng những từ ngữ như vậy). Ở tòa soạn báo Văn nghệ Giải phóng, nhiều cán bộ, phóng viên đã bắt đầu chuẩn bị tinh thần để tham gia. Ngày 19-4-1975, anh Hoài Vũ, người phụ trách báo khi đó, phân công tôi, nhà thơ Hà Phương và nhà sử học Phùng Đức Thắng đi về miền Tây. Thoạt đầu anh Phùng Đức Thắng không chấp nhận chúng tôi trong đoàn vì cả hai đều là nữ, lại cùng không biết bơi. Nhưng sau thấy cả hai đã chuẩn bị tinh thần rất sẵn sàng để đi mặt trận, nên anh cũng đành chấp nhận.

Nghe tin mũi đầu tiên của báo xuống đường, lại là đi miền Tây, nơi vẫn được gọi là cửa tử, nên anh em trong cơ quan



VĂN NGHỆ GIẢI PHÓNG VÀ CUỘC ĐỒNG HÀNH LỊCH SỬ

TRẦN THỊ THẮNG

đến chia tay rất đông: Vũ Ân Thi, Cao Xuân Phách, Lê Quang Trang, Dương Trọng Dật, Trần Đức Cường, Phạm Quang Nghị, Nguyễn Văn Lịch, Bùi Hồng Việt, Nguyễn Quốc Cự... Trước nhà chúng tôi ở là nhà của vợ chồng nhà thơ Diệp Minh Tuyên, anh chị cũng chạy sang dặn dò chúng tôi cách đi lại cẩn thận, cách tránh giặc càn tới... Khi ban bè về hết, tôi và Hà Phương mới bắt đầu chuẩn bị đồ đạc. Đi miền Tây điều quan tâm nhất trong hành trang là bình tông và áo mưa để khi cần làm phao bơi vượt sông. Trước đó, vào đầu tháng 3-1975, nhà văn Nguyễn Đình Thi cũng đã xuống miền Tây, khi ấy miền Tây đã giải phóng liên hoàn một số nơi, sau đó ông trở về miền Bắc viết nhiều bài cổ vũ cho dân quân miền Tây một cách hào sảng, trong đó có bài thơ Lá đỏ, như một sự dự báo Sài Gòn sắp giải phóng...

Sáng hôm sau, 20-4-1975, các anh Lê Quang Trang, Dương Trọng Dật, Trần Đức Cường chờ chúng tôi bằng xe đạp ra bến Da, cách chợ hơn ba mươi cây số đường cát bụi. Trời vừa tối, chúng tôi chia tay nhau, đoàn lên xuống đi theo dòng Vàm Cỏ, còn các anh trở về cứ chuẩn bị cho chiến dịch "đánh nhanh thắng nhanh" của báo Văn nghệ Giải phóng tiến vào Sài Gòn...

Mũi miền Tây của đoàn đi theo bộ đội áp sát lộ 4 suốt cả chục ngày, vừa đi chuyển vừa chiến đấu. Ngày nào cũng vậy, trên đầu máy bay của địch quần đảo, bắn phá, kêu gào quyết tử thủ miền Tây, kêu gọi chúng tôi đầu hàng... Sáng sớm 30-4, cũng như mọi ngày, chúng tôi được nhận ba nắm cơm cùng muối quệt để chuẩn bị cho một ngày bầm dập. 11 giờ 30 phút trưa, khi chúng tôi vẫn còn đang ém quân trong rừng thì Sài Gòn đã giải phóng. Lúc đó trên con kênh Nguyễn Văn Tiếp, nghe đài thấy Dương Văn Minh, Tổng thống ngụy quyền Sài Gòn tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, bà con xung quanh đã treo cờ nổ máy cho xuống chạy ào ào rộn rã dọc kênh mà reo mừng, mà vui cùng Sài Gòn... Trên bờ, chúng tôi vén lá cây nhìn xuống dòng kênh nghe rộn ràng mà lòng vui sướng trào nước mắt...

Những giọt nước mắt của chúng tôi khi ấy có sự vui mừng của dân chúng, có sự mất đau thương tưởng nhớ đến những đồng đội đêm qua đã hy sinh trên lộ 4 khi mà bốn tiểu đoàn của ta đánh áp sát vào, gặp phải sự kháng cự cuồng điên của kẻ thù, buộc chúng tôi phải rút ra làm công tác thương binh và tử sĩ... Nước mắt lúc này còn có cả trách nhiệm và lòng quyết tâm phá nốt căn cứ Ngụy cuối cùng ở đồng bằng miền Tây...

Bốn giờ chiều ngày 30 tháng 4, đoàn nhà báo chúng tôi đã phải áp sát Cai Lậy để cùng tiểu đoàn tiên phong chờ giờ xuất phát. Mười một giờ 30 phút đêm, chúng tôi đã tiến công vào đồng dinh Chi khu trưởng miền Tây... Kể mới buổi trưa còn hô tử thủ, thì giờ này đã mang vợ con và của cải bỏ chạy. Viên sỹ quan chỉ huy tiểu đoàn sau khi đầu hàng đã đưa chúng tôi tới dinh của viên Chi khu trưởng, nói với chúng tôi: "Ông ta đầu sao còn dám hô tử thủ, còn bọn tướng lĩnh ngoài kia thì đã treo cờ hàng từ lâu rồi..."

Ăn vội bát cháo nóng do người đầu bếp của dinh Chi khu trưởng nấu để đón đợi quân giải phóng vào, chúng tôi vừa đi vừa chạy lên sở chỉ huy Chi khu, nơi đã treo cờ trắng, xung quanh là những tiếng rên la của đám ngụy quân bị thương nằm lại. Máy y tá, bác sĩ của ta đã băng bó vết thương cho họ. Đồng quán áo ngụy cỡi bỏ lại vút thành đống cao ngất, những thùng gạo sứt xẹp từng lỗ, anh em quân giải phóng đang sơ ra nấu tạm cho cả bộ đội ta lẫn đám hàng binh cùng ăn, sau đó một số được các chiến sỹ nữ vận phát tiễn cho về quê...

Chúng tôi được ủy ban Quân quản của thành phố Mỹ Tho đón về nơi tập kết, hai ngày hôm sau thì được đưa về Sài Gòn. Chiều tối ngày 3-5-1975, nhà thơ Hoài Vũ, Lê Quang Trang, Trần Đức Cường, và bảo vệ Đặng Văn Dũng tìm đến số nhà 190 đường Công Lý (Đường Nam kỳ Khởi Nghĩa ngày nay), là nơi được phân tạm làm trụ sở của báo, mở khóa để vào. Mở không được, bảo vệ Dũng dùng súng bắn vào ổ khóa. Nghe tiếng súng, các chiến sỹ Quân quản chạy đến. Sau khi nghe nhà thơ Hoài Vũ giải thích, đặc biệt là khi biết tên ông, họ lặng lẽ rút lui để cho đoàn báo Văn nghệ Giải phóng vào ở và làm việc...

Sau khi tạm thời ổn định nơi an nghỉ, nhà văn Trần Bạch Đằng giục chúng tôi làm thật nhanh số báo chào mừng ngày giải phóng. Số Văn nghệ Giải phóng cuối cùng in trong rừng là số 48. Giờ muốn in được số báo tiếp theo giữa lòng thành phố Sài Gòn vừa giải phóng, nhà thơ Diệp Minh Tuyên đã phải lao ngay xuống nhà in tìm người giữ kho giấy, mời thợ sắp chữ quay lại làm việc. Trong khi đó, chúng tôi ngồi quây quần trên gác bầy làm báo. Tôi làm phần văn xuôi, nên được cử đi gặp nhà văn Vũ Hạnh để xin bài. Đến khu nhà ông ở, nhà văn Vũ Hạnh tiếp tôi rất lịch sự vì biết tôi là phóng viên được báo Văn nghệ Giải phóng cử đến, và ông nhận viết bài ngay, ít hôm sau ông mang bài đến tòa soạn đưa cho nhà thơ Hoài Vũ. Nhà văn Nguyễn Văn Bổng thì cử một chiến sỹ trẻ mang bài mới viết của ông tới báo với nét chữ viết nắn nót trên giấy in báo Liên Xô

khổ A4 xen gọn gàng (đó là giấy của nhà in báo Nhân dân ngoài Hà Nội). Người lính trẻ nằng nặc đòi phải viết giấy biên nhận là đã nhận được bản thảo...

Mặc dù đã hết sức cố gắng, nhưng loay hoay mãi đến tận ngày 19-5-1975 chúng tôi vẫn chưa thể ra được báo vì lý do chưa tìm thấy giấy phép, mực in chưa lấy ra được khỏi kho (Dù đã làm đến 48 số báo, nhưng đây là số báo Văn nghệ Giải phóng đầu tiên in ấn theo quy trình chính quy, với những nguyên tắc và công nghệ rất quy chuẩn, chứ không như thời ở R...). Nhà báo Trần Bạch Đằng hết sức sốt ruột. Mãi sau khi chúng tôi khấp được những khẩu bíp núc của công đoàn in ấn, ngày 28-5-1975, số báo Văn nghệ Giải phóng đầu tiên sau ngày miền Nam giải phóng ra đời là số 49, khổ rộng 28cm x 40cm, in offset, dày 24 trang. Trang bìa in ba màu, hình Bác Hồ giơ tay chào, tay trái cấp cặp, cẳng trần cả trang báo. Bìa khẩu hiệu dàn ngang: "Nhiệt liệt chào mừng cách mạng giải phóng miền Nam toàn thắng". Trang ba in kỷ họa màu nước: "Chợ Bến Thành 2-5-1975" của họa sỹ Thế Vinh, sau đó là ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh bắt nhịp bài ca kết đoàn; ảnh Nhân dân Sài Gòn đón chào ngày 30 tháng Tư; Xe tăng tiến vào Sài Gòn, Diễu hành lớn của nhân dân Sài Gòn đón ngày giải phóng... Nội dung tờ báo in 8 bài thơ và một truyện ngắn của Bác Hồ, một bài Xã luận của nhà báo Trần Quang (Trần Bạch Đằng), Trang thơ của các nhà thơ đương thời: Toàn thắng về ta (Tố Hữu); 1975 Năm và Ngày vĩ đại (Chế Lan Viên), và các tác giả Giang Nam, Thu Bốn, Viễn Phương, Chim Trắng, Ý Nhi, Nguyễn Bá... Về văn xuôi có chùm bài với nội dung Viết theo chân vào Sài Gòn, gồm ký của Nguyễn Văn Bổng, Phan Tứ, Nguyễn Trung Thành, Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng, Lê Văn Thảo, Đình Quang Nhã... và các ý kiến phát biểu của Lưu Hữu Phước, Lý Văn Sâm, Thanh Nghị, Á Nam Trần Tuấn Khải... Từ thủ đô Hà Nội cũng có những bài viết rưng rưng nước mắt của các nhà văn Nguyễn Công Hoan, Tú Mỡ, Nguyễn Xuân Khoát... gửi vào. Nhà thơ Thế Lữ còn có bài thơ đầy xúc động: "Giang Nam đi từ thuở/ Anh khò, nước Cửu Long Giang sông dậy./ Cửu Long Giang rạo rạo/ Thấy thơ anh không còn chỉ nước nổi"... Trang sau có bài của nghệ sỹ Thanh Đình, kể về chuyến công diễn của đoàn Văn công Giải phóng tại Liên Xô... Đây là số báo đầu tiên được thực hiện tại 190 Công Lý. Báo in xong chuyển về 12-14 Cao Bá Nhạ, được chị Chín Nhiếp tập hợp sinh viên đến đóng gói rồi gửi theo xe về Cà Mau, Trà Vinh, Cần Thơ, Mỹ Tho... vượt ra miền trung đến Bình Thuận, Phú Yên, Đà Nẵng,

Huế... một phân chuyên ra miền Bắc. Một lực lượng khác thì đi tới các bến xe, ngoại thành giới thiệu báo Văn nghệ Giải phóng. Nhiều nhà trí thức Sài Gòn đã tới sạp báo mua tờ Văn nghệ Giải phóng đầu tiên... Sau này chúng tôi chuyển địa điểm phát hành sang đường Tự Do (Nay là 43 Đồng Khởi), nguyên là trụ sở Việt Nam Magazine của ngoại trưởng Sài Gòn Trần Văn Lâm. Địa chỉ 43 đường Tự Do thời ấy dần dần trở thành nơi các trí thức Sài Gòn thường ghé qua mua báo Văn nghệ Giải phóng, cũng như họ ghé mua tờ Văn nghệ sau này...

Văn nghệ Giải phóng Số 49 ra ngày 28-5-1975 đánh dấu một dấu son trên mặt trận Văn hóa Văn nghệ, tập hợp được đông đảo đội ngũ văn nghệ sĩ tinh túy của cả nước. Sau số 49 là những số báo tiếp theo 50, 51, 52, 53, 54... ra hàng tuần. Phụ trách chung của tờ báo

lúc này là các nhà văn Trần Bạch Đằng, nhà thơ Giang Nam, nhà văn Hoài Vũ... Lực lượng phóng viên, biên tập viên của báo ngày mới giải phóng gồm có: Ban thơ: Lê Giang (trưởng ban), Diệp Minh Tuyên (phó ban), Hà Phương, sau này có thêm Trần Mạnh Hào, Nguyễn Duy, Trang Nghị. Ban văn: Thạch Cương (trưởng ban), Trần Thị Thắng, Trần Đức Cường, Phùng Đức Thắng, sau có thêm Trần Ninh Hồ, Văn Lê. Ban Lý luận phê bình: Lê Quang Trang (trưởng ban), Dương Trọng Dật (phó ban), Mai Quốc Liên, Hà Công Tài. Ban nghệ thuật: Nguyễn Khắc Thuần, Khuynh Diệp, Lê Thị Bi... Ngoài ra Văn nghệ Giải phóng cũng đã tập hợp được sự cộng tác của nhiều tác giả nổi tiếng trong cả nước như các nhà văn, nhà thơ Nguyễn Tuấn, Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Hồng, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Huy Cận, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Văn Bổng, Tế Hanh, Bùi Hiển, Anh Thơ, Đoàn Giỏi, Giang Nam, Anh Đức, Viễn Phương, Nguyễn Khoa Điềm, Thanh Hải, Lê Anh Xuân, Lê Văn Thảo, Thanh Thảo, Chim Trắng, Xuân Quỳnh, Ý Nhi, Phan Thị Thanh Nhàn... Ngày chúng tôi làm lễ kỷ niệm ra số báo 100, là một cuộc hội ngộ tưng bừng giữa thành phố Hồ Chí Minh của anh em văn nghệ sỹ cả nước quanh tờ báo. Từ số báo đầu tiên (Số 1) ra đời ngày 15-1-1961 tại chiến khu, với số lượng in chỉ có 100 bản, khổ 22 cm x 16cm, đến số báo 100 đã có lượng in 10 vạn bản, phát hành trên cả nước...

Đến tháng 4-1976, bắt đầu có chủ trương sát nhập hai tờ Văn nghệ Giải phóng và Văn nghệ thành một tờ báo, nhà văn Hoài Vũ lúc đó đã được cử giữ chức Tổng biên tập, sau là Lý Bích Quang. Nhà thơ Giang Nam khi đó làm Phó Tổng thư ký Hội Văn nghệ giải phóng miền Nam. Nhà thơ Giang Nam cùng nhà văn Trần Bạch Đằng là những người đã xây dựng phương án sát nhập hai tờ báo...

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, báo Văn nghệ Giải phóng là đơn vị tham gia sớm và đi sâu vào từng mũi nhọn của chiến dịch. Khi vào Sài Gòn, báo cũng là tờ báo năng động gõ cửa nhà in sớm nhất để ra báo kịp thời, với nhiều bài hay, in đẹp, phát hành sớm trong cả nước. Số Văn nghệ Giải phóng cuối cùng là số 135, in ngày 20-1-1977, kết thúc mười sáu năm, năm ngày với cương vị là một tờ báo độc lập. Sự về vang của nó chính là lý tưởng sống của cả một thế hệ các nhà văn, nhà báo, các nghệ sỹ và trí thức gắn với cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Nhiều nhà văn đã sống, trưởng thành và sáng tạo với tất cả tài năng và tâm huyết của mình cùng lịch sử cho đến tận hôm nay...

TRUYỆN NGẮN DỰ THI

Hồi ấy tôi làm cần vụ cho tướng Nông Văn Khờ. Phải nói lúc đầu tôi rất sợ. Sợ vì một thằng lính binh nhì, ít tuổi nhất binh đoàn lại phải sống cùng với một vị tướng, vừa cấp to, lại vừa nhiều tuổi. Nhưng quân lệnh như sơn, tôi phải chấp hành vô điều kiện.

Ngày buổi đầu, ông bảo kê giường nằm cùng phòng với ông, tôi gần như van vì "Xin thủ trưởng cho em ở nhà dưới". Nhà dưới tức là nhà bếp kiêm nhà ăn của tướng Khờ. Ông chỉ nói một câu "Không được". Tôi hiểu đó là mệnh lệnh nên rầm rập kê chiếc giường cá nhân của mình trong phòng ngủ của thủ trưởng, đối diện với giường ông qua một cái bàn viết nhỏ.

Nhiệm vụ của tôi là phục vụ thủ trưởng, dọn dẹp nhà cửa, nấu ăn, đun nước và cả giặt giũ nữa. Trợ lý quân lực và trưởng ban hành chính đều dặn dò tôi rất kỹ lưỡng là phải chịu khó, chăm chỉ ra sao để thủ trưởng thoải mái an tâm làm nhiệm vụ to lớn của một vị chỉ huy. Tướng Khờ chỉ là cấp phó, trên ông còn hai vị tướng nữa là Tư lệnh và Chính ủy. Tư lệnh An người Kinh Bắc, to béo, trắng trẻo và nghiêm khết tiếng. Chính ủy Huy thì lại cao, gầy, đáng thương sinh, nói năng nhẹ nhàng, có nụ cười nửa miệng.

Tướng Khờ trông chẳng có tướng chút nào, người ông thấp bé, da ngăm ngăm, lại ít khi đeo quân hàm, quân hiệu đầy đủ, nên cứ như một lão nông tri điền. Mà ông vẫn thường nhận mình là nông dân, hay kể chuyện thời làm ruộng ở nhà.

Hôm đầu tiên ở với ông, ông lại xuống đơn vị suốt ngày, đến tối mới về. Tôi vẫn chờ cơm ông vì không thấy ông bảo "Cát cơm". Hóa ra ông chưa ăn thật, ông rửa mặt, rửa tay qua rồi ngồi vào bàn ăn, trông thấy món măng luộc ông thích thú cười khà khà và gấp ăn liền mấy miếng. Sau này tôi biết món ăn sở trường, khoái khẩu nhất của ông chính là măng, các loại măng, nhưng khoái nhất là măng đắng. Măng đắng chấm muối ớt, nhấm với rượu nút lá chuối. Toàn những thứ đắng cay cả, thế mà ông thích được mới kỳ. Ông uống rượu bằng cốc, mỗi bữa một cốc, bữa nào cũng vậy, và chỉ thích mỗi loại rượu nút lá chuối, tức là rượu gạo nấu lấy. Các loại rượu tây, rượu vang, rượu Sâm banh các nơi cho để đấy tử nhưng ông không đụng đến bao giờ.

TẮM TIỀN

Truyện ngắn dự thi của
TRẦN NHƯ ĐẮC

Thấy ông thay quần áo để ra chậu, tôi nhanh nhẩu bê ra giềng định giặt, ông liền nói như ra lệnh "Đề đấy". Tôi nghệt ra không hiểu. Ông nói "Đề đấy tí nữa tớ khác giặt". Tôi nghĩ hay là thủ trưởng sợ mình giặt không sạch, liền nói "Thủ trưởng yên trí, em sẽ giặt cẩn thận ạ". "Không phải thế, quần áo ai, người ấy giặt, cậu nhớ lấy". Rồi như sợ tôi làm, thủ trưởng liền ra giềng múc nước, đổ ngập chậu quần áo, sát xà phòng từng cái một. Nhưng ông không rửa ngay mà để đấy, chuẩn bị tắm.

Tôi lại kinh ngạc lần nữa. Thủ trưởng Khờ cởi áo dài, áo lót để vào chậu rồi cởi luôn cả quần dài lẫn quần đùi đang mặc. Ông múc nước và xối ào ào vào người, về khoan khoái. Trời mở mở tối mà mặt tôi đỏ lựng, nóng bừng. Trước mặt tôi là một người đàn ông trần trụi, khỏe mạnh, rõ từng múi thịt ở ngực, ở bắp tay, bắp chân. Tôi không dám nhìn vào chỗ ấy, nhưng cũng thoáng thấy nó có vẻ sung mãn lắm. Tôi định chạy vào nhà thì thủ trưởng gọi giật "Lại đây kỳ lưng cho tớ mấy". Tôi lưỡng lự nhưng rồi vẫn phải tiến lại, kỳ lưng cho thủ trưởng. "Kỳ mạnh vào, đấy đấy... chỗ bả vai ấy. Chà. Sướng quá". Tôi được nhìn kỹ từng thớ thịt, nước da của thủ trưởng, đúng là nước da nông dân, rám đen nhưng săn chắc. Ông đổi cách xưng hô "Mày cũng cởi quần áo ra tắm luôn cho mát". Tôi lúng búng nói: "Để em tắm sau thủ trưởng ạ". Ông Khờ cười lớn: "Lúc này đừng gọi tao

là thủ trưởng. Thôi cởi ra đi". Rồi ông lột hộ tôi cái áo: "Cởi cả quần nữa, tắm tiên mới sướng". Thì ở nhà tôi vẫn tắm tiên. Tôi vẫn cùng mấy thằng bạn hay ra suối bản Bo tắm trổng thỏa thích, làm mấy đứa con gái xấu hổ chạy mất dép. Ông Khờ nói: "Hồi tao học ở bên Nga, ở nhà tắm công cộng, chúng nó cũng tắm tiên thế này, có ai nhìn ai đâu, bọt xà phòng trắng xóa, khoái lắm. Nào, quay lưng lại đây, tao kỳ lưng cho. Tắm mà có người kỳ lưng là sướng nhất trần đời". Tôi khoan khoái thấy bàn tay thủ trưởng miết đi miết lại trên lưng, ông khen: "Thằng này khỏe, đúng là thanh niên dân tộc miền núi có khác. Chịu khó rèn luyện vào nhé, cứ ở với tớ một năm rồi khắc cho xuống đơn vị mà tung tẩy, chứ làm cần vụ bó buộc lắm phải không?". Chà, thủ trưởng nắm đúng thóp lính, có ai làm lính mà lại thích làm cần vụ cơ chứ.

Sáng hôm sau, thủ trưởng bảo tôi chuẩn bị ba lô để đi công tác cùng ông. Là lính nên ba lô tôi lúc nào cũng sẵn sàng, có lệnh báo động di chuyển là đi được ngay. Tôi định xếp ba lô cho thủ trưởng nhưng ông bảo: "Ba lô của tôi cũng sẵn sàng rồi". Tôi nhìn chiếc ba lô cóc của thủ trưởng căng phồng gọn ghẽ mà thấm phục. Tôi định khoác cả hai chiếc ba lô mang ra xe, thì một mệnh lệnh nữa: "Cứ để đấy cho tôi". Thủ trưởng Khờ xốc ba lô thành thạo như một người lính, ông cùng tôi đi ra xe con.

Tuy là thời bình, nhưng vì đơn vị ở vùng núi, nên lúc nào cũng phải sẵn sàng làm nhiệm vụ. Các thủ trưởng vẫn quan tâm nhiều đến đơn vị ở phía trước. Hôm nay thiếu tướng phó tư lệnh đi kiểm tra tiểu đoàn bốn ở sát biên giới. Cùng đi có trợ lý tác chiến và trợ lý chính trị, tôi được khoác thêm khẩu súng AK.

Đến đơn vị, thủ trưởng Khờ và các trợ lý làm việc với ban chỉ huy tiểu đoàn, tôi tranh thủ gặp mấy cậu lính cùng quê. Quá trưa, ăn uống xong, tôi đang sắp giường cho thủ trưởng nghỉ thì ông bảo: "Đề đấy, đi theo tớ". Thấy ông nai nịt gọn gàng, tôi làm theo rồi đi theo ông lên rừng. Ông bảo: "Ở rừng này lắm măng đắng lắm, phải kiếm lấy món về ăn dần". Vào rừng, ông nhanh nhẹn như thanh niên, leo dốc thoăn thoắt, vạch cây đi thành thạo và dẫn tôi đến đúng nơi có nhiều măng. Hai thầy trò thỏa sức bẻ măng, chẳng mấy chốc lấy được một gùi đấy. Đến một đoạn suối sâu, có một cái thác nước chảy tung bọt trắng xóa, ông bảo: "Thích chưa, hôm nay mới thực là tắm tiên nhé". Ông cởi hết quần áo và nháy tôi: "Còn đợi gì nữa". Tôi đặt gùi măng xuống bờ suối và cởi quần áo.

Giữa rừng già xanh um, tiếng suối nước reo vui như một bài ca bất tận, những hòn đá nhẵn bóng vì được nước chảy bào mòn. Thủ trưởng Khờ và tôi như lạc vào cõi tiên. Tôi thấy thủ trưởng trẻ lại hàng chục tuổi, ông để cho thác nước xối vào đầu, vào vai, rồi nâng cả hai bàn tay đón dòng nước, áp vào mặt, thịt da ông cũng nhẵn bóng màu đồng hun, khỏe mạnh. Tôi kỳ lưng cho thủ trưởng, thủ trưởng quay lại kỳ lưng cho tôi. Tôi tùm tùm liếc nhìn cái của quý, ông cũng nhìn của tôi, rồi cả hai phá ra cười. Ông bảo: "Con người ta đẹp nhất là lúc này". Tôi cãi: "Người ta nói người đẹp vì lụa chứ thủ trưởng". Ông bảo: "Nói láo. Lụa là, quần áo chẳng qua chỉ để che thân, để bảo vệ cho con người khỏi ốm đau, bệnh tật, nhưng nó lại che hết cả vết xấu lẫn vẻ đẹp của con người. Chỉ có thể này mới thật là người".

Nước mát làm cho tôi sảng khoái, tỉnh táo và sạch sẽ. Chưa bao giờ tôi thấy gần gũi và yêu quý thủ trưởng Khờ như lúc này. Hai thầy trò tắm xong, thoải mái mặc quần áo đi về đơn vị.

Tối đó, đơn vị bắn được một con gấu ngựa nặng gần một tạ (Hồi đó chưa có lệnh cấm săn bắn thú rừng quý hiếm). Tiểu đoàn cho mổ thịt, chia cho mỗi đại đội một ít, còn thủ và bốn cái chân nấu một nồi cháo lớn, lòng gan để nhấm rượu. Quan quân được một bữa xi xụp thật vui vẻ. Thủ trưởng Khờ ngồi cùng bộ phận đi săn nói chuyện rôm rả. Tiểu đoàn trưởng lại gần, hai tay đưa trước mặt thủ trưởng một gói nhỏ, nói trịnh trọng: "Có cái mật, xin kính biểu thủ trưởng ạ".



Minh họa của VŨ HUYỀN

Thủ trưởng Khờ đang vui chuyện dừng lại, nhìn cái mặt gấu rồi nhìn người cán bộ cấp dưới, ông trừng mắt hỏi: "Cậu làm gì thế này? Biểu thủ trưởng cái mặt gấu à?". Tiểu đoàn trưởng vẫn lễ phép: "Vâng ạ! Để thủ trưởng dùng bồi dưỡng sức khỏe. Thủ trưởng mạnh khỏe còn lãnh đạo đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ ạ". Ông Khờ đứng bật dậy, mặt đỏ bừng, ông quát lớn: "Thủ trưởng...thủ trưởng...thủ trưởng là cái quái gì chứ. Sao cái quý nhất lại cứ phải cho thủ trưởng?". Ông gạt bàn tay tiểu đoàn trưởng đang cầm chiếc mặt gấu, nói tiếp: "Cái này, một là để cho người nào bắn được con gấu hôm nay, không thì để chỗ bộ phận quân y, ai ốm đau thì được dùng, không có thủ trưởng nào ở đây cả."

Tiểu đoàn trưởng mặt đỏ rừ, không nói được gì, vội lùi về chỗ. Tướng Khờ thấy vậy, cầm lấy một bát rượu giơ lên: "Thôi nào, tiếp tục cuộc vui, chúc mọi người khỏe". Ông làm một hơi cạn giữa tiếng vỗ tay ràn rạt của lính.

Tướng cái mặt gấu ấy sẽ về đúng chỗ như lời nói của thủ trưởng Khờ, ai ngờ, một tuần sau, cậu Hòa, lính cán vụ thủ trưởng Huy thì thăm với tôi: "Thủ trưởng Huy vừa mới được biểu cái mặt gấu to lắm nhè". Tôi hỏi: "Ai biểu?". "Tiểu đoàn bốn" - Hòa nói thêm: "Mày phải giữ mồm tao mới nói nhè. Thủ trưởng Huy nghe nói tiểu đoàn bốn săn được con gấu to, liền đi xe xuống kiểm tra công tác, nhân tiện hỏi thăm chuyện con gấu, tiểu đoàn biết ý, biểu ngay chiếc mặt". Tôi hỏi: "Thế thủ trưởng có nhận không?" "Sao không nhận, mặt gấu quý lắm mà tiểu đoàn thành tâm quá". Tôi không dám hé chuyện này với thủ trưởng Khờ, nhưng sự quý mến tôi trong lòng tôi với thủ trưởng Huy cũng giảm đi nhiều.

Thằng Hòa, cán vụ của thủ trưởng Huy, cùng quê với tôi, cùng nhập ngũ một ngày, cùng được làm cán vụ cho hai vị tướng, nên chúng tôi càng thân nhau. Hai đứa thường trao đổi thực phẩm cải thiện được để nấu ăn cho các thủ trưởng. Có điều, món thịt gà thì thủ trưởng Khờ không thích, còn món măng đắng, măng chua, thì thủ trưởng Huy lại chê. Hai vị chỉ cùng thích cá, nhưng thủ trưởng Huy thích cá rân chấm nước mắm gừng, thủ trưởng Khờ lại thích cá kho với riềng. Hòa không nằm ngủ cùng phòng với thủ trưởng như tôi. Thủ trưởng Huy bảo ban hành chính làm cho riêng nó một gian cạnh bếp, thành ra nó tha hồ tự do bày biện. Phòng của nó chẳng thiếu thứ gì, nó khoe với tôi: "Các đơn vị biểu cái gì cho thủ trưởng đều đưa qua tao". Nó còn khoe: "Thủ trưởng Huy bảo tao cứ phục vụ tốt sau này sẽ cho đi học sĩ quan. Mày cũng nên để đạt nguyện vọng với thủ trưởng Khờ đi. Tội gì không lợi dụng cơ hội này, cứ phục vụ các thủ trưởng thật tốt là được". Tôi bảo: "Thủ trưởng hứa sẽ cho tao xuống đơn vị". Hòa "xi" một cái như để chê tôi. Tôi lảng sang chuyện khác: "Thế thủ trưởng Huy có tấm tiên bao giờ không?". Hòa cười rừ: "Mày ngốc lắm. Thủ trưởng là tướng, ai lại đi tấm tiên như lính tráng chúng mình". Nó kể: "Tuy ở rừng núi, nhưng thủ trưởng Huy bao giờ cũng rất lịch sự. Phòng tắm của thủ trưởng như ở Hà Nội nhè, có vòi hoa sen, có đủ khăn bông tắm, xà phòng thơm. Tao phải đun nước rồi pha nước tắm cho thủ trưởng, xong đâu đấy, mời thủ trưởng vào tắm, thủ trưởng đóng kín cửa, chẳng biết có tấm tiên hay không". Nó khuyên tôi: "Các cụ là tướng, mình chỉ là lính tráng làm cán vụ, phải biết kính trọng, lễ phép. Như tao đây này, chưa bao giờ dám nhìn thẳng vào mặt thủ trưởng". Tôi cười không nói gì. Hòa khoái chí, hân hoan: "Ngay cả khi ăn cũng vậy, tuy cùng ngồi ăn với thủ trưởng, nhưng phải lo phục vụ thủ trưởng ăn trước, mình chỉ ăn dè dặt thôi. Thủ trưởng ăn xong, mình lấy khăn lau tay, lấy tăm, giót nước cho thủ trưởng rồi mới quay lại tiếp tục ăn. Lúc ấy thì mới ăn thả cửa".

Đúng là tướng nào, quân ấy, Hòa cũng sạch sẽ đóm dánh, nói năng nhỏ nhẹ, đi đứng khê khàng, mắt bao giờ cũng nhìn xuống, thủ trưởng bảo gì thì "ạ, vâng" lễ phép. Chỉ khi nào thủ trưởng Huy đi vắng thì Hòa mới lại là Hòa ngày trước, nhanh nhàu, nghịch ngợm. Có hôm nó còn gọi tôi sang, lấy chai rượu Tây uống dở, rót cho tôi một ly, bảo: "Uống đi. Uýt ky chính hiệu đấy". Tôi

nhắm thử, thấy hăng hắc như mùi bọt xít, lắc đầu bảo: "Không ngon bằng rượu nút lá chuối của ta". Hòa lại "xi" chê tôi ngốc.

Những lần thủ trưởng Huy về thăm nhà, thằng Hòa tất bật chạy đi, chạy lại, lo đóng gói những thứ quà biếu của thủ trưởng nó vẫn giữ lâu nay, rồi qua quân nhu, quản lý mua thêm bao nhiêu thứ để thủ trưởng mang về cho vợ con, chất lên xe con thủ trưởng. Tướng Huy hài lòng lắm.

Còn tôi có giống thủ trưởng Khờ của tôi không nhỉ? Ngồi ăn với thủ trưởng, thấy tôi dè dặt, ông toàn gấp thức ăn cho tôi, bảo: "Cứ ăn thoải mái, không phải giữ ý". Hôm nào có món ngon, ông còn cho tôi uống một ly rượu, ông bảo, thức ngon mà không có rượu thì giảm cái sự ngon đi một nửa. Tôi thường ăn xong trước thủ trưởng, định ngồi để tiếp ông thì ông xua: "Lên nhà uống nước đi, mặc tở". Tôi học tập Hòa, lấy khăn lau, lấy tăm, bung nước mời thủ trưởng ông lại xua tay bảo: "Vẽ", rồi tự rót nước uống.

Thủ trưởng Khờ không có quà biếu. Nghe nói trước đây cũng nhiều người đến biếu thứ này thứ khác nhưng ông không nhận hoặc có nhận thì lại gọi trưởng ban hành chính bảo đem sử dụng cho cơ quan, thế là chẳng có ai dám biếu nữa. Thủ trưởng đi phép cũng gọn nhẹ, chỉ có ba lô quần áo và mấy gói kẹo mang về chia cho

trẻ con. Quân nhu, quản lý có gợi ý bán cho thủ trưởng một số hàng giá ưu tiên nhưng ông không lấy. Nghe những người đã đến nhà ông kể lại, quê ông Khờ còn nghèo lắm. Nhà thủ trưởng Khang trang nhưng vẫn là nhà cấp bốn lợp ngói, ba gian, hai buồng, vợ ông vẫn làm ruộng. Giá ông chịu ra thành phố xin cấp một xuất đất thì có tiền tỷ ngay, nhưng ông chỉ muốn ở quê cho yên tĩnh. Có người bảo: "Đúng là...tướng Khờ!"

Cuối năm ấy, cả hai thủ trưởng đều giữ đúng lời hứa. Hòa được đi học trường sĩ quan chính trị, tôi được xuống đơn vị chiến đấu. Hòa diện bộ quân phục mới cứng, là phẳng phiu, trông rất đẹp mắt, từ cái thắt lưng đến đôi giày, đều chọn lựa kỹ càng, đúng cỡ số, quân hàm binh nhất thôi nhưng đã ra dáng học viên trường sĩ quan lắm. Thủ trưởng Huy hài lòng khen: "Được, quân đội chính quy phải như thế".

Tôi toại nguyện xuống đơn vị để được thử thách những công việc lớn hơn, nhưng lại luyến tiếc phải xa thủ trưởng Khờ. Thấy tôi bịn rịn, thủ trưởng vỗ mạnh vào vai tôi: "Là chiến sĩ, phải cứng rắn lên chứ". Rồi ông nói vui: "Về tiểu đoàn bốn có suối Nách ở bản Dao đẹp lắm, tha hồ mà tắm tiên nhè". Tôi cười theo. Bất chợt lại nhớ đến những lần tắm tiên cùng tướng Khờ, nhớ rõ cả cái nốt ruồi đỏ ở một chỗ kín trên người thủ trưởng.■

T.N.Đ

NGUYỄN THỊ ÁNH HUỲNH

Hội An

Sông Hoài không chịu chảy vô thế kỷ mười tám
lừng lơ với thế kỷ Chùa Cầu
thế kỷ Đàng Trong
tràng Minh Hương
gió Phù Tang
buồm Tây dương
mây ngang trời muối trắng
ngôi cổ nằm phơi tiếng thở dài
những bờ rêu không muốn thành hiện tại
phố cổ cò
phố thất cổ chai
phố ruột ngựa
phố bờ vờ
chỉ là bàng xê dịch
phố u u
giò nuốt cánh diều

học tốc chạy từ Trường Sơn
Thu Bốn kênh ra
ngủ với biển
Cửa Đại
sóng vẫn vi
hồn Chúa Sãi, Chúa Hiến
nghe ngoài Cù Lao Chàm
còn nguyên ba thế kỷ
biển toàn quá khứ
sóng ấy còn hôm qua
hoàng hôn lặn vô ngàn chiếc đèn lồng
bong tối cổ kính
Tây ba lô cổ kính
đêm Hội An
ai cũng thành lịch sử

Miệt vườn

Mà chôn cuống nhau em
vào tiếng cuốc
đêm miệt vườn gió khoai
lạc trong cây
đêm bị thương bởi tiếng đòn cò
chú Tư vượt
ánh trăng thành tiếng nấc
miệt vườn
gan ruột ai xuống xé cầu vồng cổ
khách thương hổ
li rượu bốc mù sương
ma đưa lối
tiếng vạc sành xe thổ mộ
nhịp hồn xưa
gỗ mõ suốt canh trường
quầy sao trời
cá lim kim nức nở
không ai là người dưng
khắc làng cũng lối xóm
quảng mây thành bà con
người khuất mặt khuất mày tiên tổ
ổ chim trên bàn thờ
li rượu uống tàn nhang
miệt vườn
cổ hương của nỗi niềm vạn cổ
ai chưa biết thưởng thức nỗi buồn
cò đi tới tận cùng châu thổ
cũng không tìm thấy miệt vườn
em là miệt vườn
anh bỏ quên
ngoài cửa sổ !

Cáp treo Bà Nà

Em rơi ngược lên trời
rơi nằm cây số
ón quá
lên tới đỉnh Bà Nà
mời dầm mồ mắt
cáp treo dài nhất thế giới
em còn phải rơi xuống đất
bằng cáp treo nghiêng nhất thế giới
đừng ớn
em đang học cách tin tưởng vô sắt thép
như em đã tuyệt đối tin tưởng vô một đồng sắt thép
một đồng sắt thép trôi trên trời
trôi không có dây cáp
mây bay
anh ơi

đừng để em hồ nghi anh
anh hãy phắn đầu bằng sắt thép
để em tuyệt đối tin tưởng
rằng anh là sợi dây cáp
không đứt
sợi dây cáp vô hình
kéo em lên đỉnh
hạnh phúc
như cáp treo Bà Nà
kia trái đất
không buộc vô sợi cáp nào
vẫn bay
trái đất chỉ rơi vô lỗ đen
nếu sợi cáp vô hình giữa đôi ta
bị đứt.

BÀN TRÒN VĂN HỌC

ĐỐI CHIẾN – MỘT CHUYỂN ĐỘNG CỦA

(Về cuốn tiểu thuyết của Khuất Quang Thụy, NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội 2010)

Nhà văn Khuất Quang Thụy có nhiều tác phẩm về đề tài chiến tranh cách mạng. "Đối chiến" là cuốn tiểu thuyết thứ 5 của anh vừa được xuất bản đã có nhiều ý kiến khác nhau và chúng tôi coi đó là dấu hiệu đáng mừng của văn học. Một lý do nữa để Văn nghệ mời các nhà văn nhà phê bình Nguyễn An, Nguyễn Chí Hoan, Cao Việt Dũng, Văn Chính, Sương Nguyệt Minh, Đỗ Tiến Thụy tham dự cuộc tọa đàm nho nhỏ

hôm nay, là chúng ta sắp kỷ niệm 36 năm Ngày 30 - 4, ngày kết thúc cuộc chiến tranh ác liệt lâu dài; đây cũng là dịp để chúng ta nhìn lại, tìm kiếm những dấu mốc trong quá trình văn học đồng hành cùng sự kiện vĩ đại này. Trong lời dẫn cuộc tọa đàm, nhà văn Nguyễn Trí Huân, Tổng biên tập báo Văn nghệ đã nói như vậy. Và ông mời nhà văn Khuất Quang Thụy phát biểu trước.

KHUẤT Quang Thụy: Trước hết, có lẽ tất cả các anh đều biết đến ngày hôm nay tôi vẫn đang mặc áo lính. Tôi nhập ngũ tháng 3-1967, đến nay đã gần 45 năm phục vụ trong quân đội, trong đó có trọn vẹn 9 năm tham gia chiến đấu tại các chiến trường, và đặc biệt, 9 năm đó tôi chỉ phục vụ tại sư đoàn 320, một trong những sư đoàn cơ động quan trọng nhất của quân đội ta. Nhà văn Nguyễn Minh Châu khi đọc những trang viết của tôi đã nói rằng: "Các cậu có cái may mắn lớn là được nhìn chiến tranh bằng 'mắt thường' chứ không phải qua cặp kính của nhà văn đi thực tế. Cậu sẽ còn viết được nhiều vì vừa đi đánh nhau, vừa biết xem người ta đánh nhau; chứ tớ với ông Khải là đi xem người ta đánh nhau, còn một số người lại chỉ biết đánh nhau chứ không biết xem, cũng khó viết hay". Nếu có sự khác biệt giữa trang sách của lớp nhà văn chiến sĩ chúng tôi với các nhà văn viết về chiến tranh lớp đàn anh thì có lẽ đây là lý do xác đáng nhất để lý giải.

Độ lùi của thời gian đã giúp chúng ta hiểu rõ hơn những gì đã xảy ra trong chiến tranh, trong đó có cả nhận thức về hình thái cuộc chiến được thể hiện trong từng giai đoạn. Độ lùi thời gian đã giúp tôi có điều kiện tìm hiểu kĩ càng những gì đã xảy ra ở bên kia chiến tuyến khi Mỹ tiến hành chiến lược Việt Nam hóa, thời gian cũng giúp tôi hiểu rõ hơn về những người lính phía bên kia, được người Mỹ dùng để "thay màu da cho các xác chết" trên chiến trường. Độ lùi thời gian cũng đã giúp tôi có cái nhìn bình tĩnh khách quan hơn về những con người được coi là đối thủ của mình trên chiến trường; hiểu rõ hơn **những vấn đề có tính xã hội học chiến tranh** và nhất là thời gian đã giúp chúng ta hiểu rõ hơn về những con người bị cuốn vào vòng xoáy từ hai phía của chiến tuyến. Cùng với độ lùi thời gian, tôi còn có những mảng kí ức lạ lùng trong chiến tranh, mà có lẽ chỉ có trong cuộc chiến ở Việt Nam. Đó là năm 1973, khi Hiệp định Pari về chấm dứt cuộc chiến tranh Việt Nam có hiệu lực, trên chiến trường Tây Nguyên những người chỉ huy quân đội từ hai bên đối chiến đã nghĩ ra cách lập ra tại những khu giáp ranh một "Nhà hòa hợp", là nơi để binh lính, sĩ quan hai bên hàng ngày gặp gỡ nhau, tiếp xúc với nhau, cùng trao đổi, trò chuyện để xây dựng niềm tin, tạo nền tảng cho một quá trình "hòa hợp dân tộc" mà tôi được cử ra trực nhà hòa hợp hợp thị xã Pleyku. Đó là những ngày tôi có cơ may được trò chuyện, được quan sát những binh lính, sĩ quan phía bên kia khi họ vẫn còn đầy đủ danh dự sĩ quan, danh dự người lính của một quân đội đối địch, chứ không phải khi họ đã trở thành tù binh. Tôi đã ghi chép được rất nhiều, trong đó có không ít những câu chuyện họ kể về gia đình, làng xóm, hậu phương, kể về các trận đánh của họ, kể về các sĩ quan và nhất là được nghe họ nói rất thật về thái độ của họ với nước Mỹ, người Mỹ, quân đội Mỹ, về các tướng tá và cả các chính khách của chính quyền Sài Gòn nữa. Là các sĩ quan được đào tạo "rất Mỹ", nên họ rất tự do, họ nói thẳng, nói hết những ý nghĩ của họ, những phần nộ của họ về cuộc chiến, không hề có sự

ngại, cảnh giác, dằn đo "uốn lưỡi ba lần trước khi nói" như thói quen của chúng ta. Tôi đã ghi được hàng trăm trang về những cuộc trò chuyện ấy và nó giúp tôi viết "Đối chiến". Giờ sách đã xuất bản, hay dở tùy các anh phân xét. Nếu có phần nào chưa thể thở phào nhẹ nhõm là còn một thực tế hết sức đáng buồn là cho đến tận ngày hôm nay giữa những con người từng ở hai bên chiến tuyến dù không khác nhau nhiều như chúng ta tưởng, nhưng đến hôm nay vẫn tồn tại những cuộc "đối chiến" về tinh thần, tư tưởng mặc dù trên lý thuyết cuộc "đối chiến" ấy đã ngã ngũ từ ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Văn Chính: Cái khía cạnh xã hội của cuộc chiến tranh mà ông tìm được là đặc biệt quan trọng, nó là cơ may của hết thầy chúng ta. Khi chiến tranh chỉ được phản ánh từ góc nhìn chính trị, nó sẽ bấy ra những thiên kiến, nó đơn giản hóa chiến thắng cũng như cả cái ác cái thiện; nó cắt nghĩa tại sao văn học của ta thì ta tốt địch xấu, ta thắng địch thua còn ở miền Nam trước 1975 thì có hình tượng nổi tiếng "người khổng lồ không tim." Nhưng cái gốc xã hội ông nói nó còn giúp cho nhân vật bên kia trong "Đối chiến" có hậu phương của nó; có gia đình, người yêu hay thậm chí có cả những màn kịch đàn "em gái nhỏ hậu phương" kỳ thực là gái điếm được trực thăng Mỹ đổ xuống nơi đóng quân. Hiệu quả là các nhân vật bên kia hiện ra là gần với chính họ hơn. Có thể ví dụ mỗi tình không thể nói là không đẹp của Út Cúc với đại úy nguy quân Huỳnh Xuân Thời được báo chí Sài Gòn phong thành "Anh hùng Mũ Đỏ." Cúc yêu Thời bất vụ lợi dù biết anh đã có vợ con, là dân ruộng còn cô là nữ sinh Huế con nhà giầu; cô cũng bất chấp ý anh trai không tiếc lời miệt thị Thời, giữ bằng được cái thai nhi dù tương lai của nó là khá mờ mịt. Trong mỗi tình có cả thách đấu với ít nhiều phim cao bồi miền Tây này, đối sánh với mối tình của Nhài - Đông một sĩ quan quân giải phóng khá thú vị: Nhài cũng yêu Đông dù biết anh

đã có vợ con, cô cũng khư khư giữ cái thai như Cúc; chỉ khác ở chỗ Nhài không dám công khai vì sợ "ảnh hưởng" đến bước đường tiến bộ của Đông và đó là khác về mặt xã hội học. Cái chết của Đông và Thời về sau cũng để lại nhiều ẩn dụ.

Khuất Quang Thụy: Đông muốn bảo vệ tù binh - thương binh của đối phương nên bị một tù binh sát hại còn Thời thì chết như một người lính tại trận. Xét về kiểu chết, Đông cũng khác Thời. Đông không dám công khai khai mỗi tình, vì nếu công khai, anh ta sẽ bị kỷ luật và sẽ tự loại mình ra khỏi cuộc chiến. Đó là những ứng xử mang tính xã hội học.

Văn Chính: Như đã khác Thời ở tính mạch lạc trong tình yêu và nhờ vậy, thằng con trai duy nhất của anh ta có tên bố trong giấy khai sinh. Còn đứa con của Nhài, chẳng nói thì ai cũng rõ, nó sẽ chịu quá nhiều thiệt thòi, bị ghẻ lạnh dẫu là con liệt sỹ đích thực. Về điểm này, nếu Đông quả có nghĩ như anh Thụy nói, chứ không "bỏ của chạy lấy người" thì cần góp cả vào cái giá để chiến thắng.

Quan sát văn học đề tài chiến tranh, thấy nó đã chứng lại qua thời kỳ nở rộ sau 1975 nhưng tôi thấy thêm thế này: Có lúc chúng ta phê phán tiểu thuyết tả trận mà không có sức khái quát phát hiện, tôi thì tôi hiểu rằng chúng ta đã tả trận chưa hay; chứ văn chương tả trận trong *Tam quốc diễn nghĩa*, trận Xích Bích chả cuốn hút chúng ta suốt tập 7 và nửa đầu tập 8 đấy ư? Trận Waterloo, trận Borodino trong *Chiến tranh và hòa bình*, mỗi trận chả trên dưới 200 trang đấy thôi, ta đã đọc không sót một chữ nào. Ý này tôi nghe được từ nhà văn Bùi Bình Thi - một nhà văn nói không hề dễ nghe.

Nguyễn Chí Hoan: Tôi nghĩ chúng ta nên tập trung làm rõ điều anh Thụy vừa nói, đó là sự lựa chọn thời điểm có ý nghĩa của tiểu thuyết: câu chuyện diễn ra vào năm 1971, năm Mỹ bắt đầu tiến hành Việt Nam hóa chiến tranh. Tôi cũng

thấy khác anh Văn Chính, tiểu thuyết rất ít tả trận, mọi tình huống, sự kiện tác giả để cập đều chỉ nhằm nêu bật con người. "Đối chiến" có cái mới là các nhân vật phía bên kia rất sống động, chẳng hạn như nhân vật Đại tá Sơn Đường. Một câu nhân vật này phê phán thực trạng tướng tá Sài Gòn tại thời điểm này, theo tôi, đã nói rõ cái thực tế của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và đây là một hàm ý của cuốn sách - khẳng định lại một thực tế là cuộc chiến tranh của người Mỹ, do người Mỹ quyết định. Nhân vật Đại tá Sơn Đường nói: "Các tướng tá của ta nhiều ông bắn súng sáu chưa nên hồn, bản đồ đọc chưa thạo, nói gì chỉ huy xe tăng, pháo binh. Khi lâm trận cứ loạn ù cả lên. Rồi mấy ông cố vấn Mỹ ra là chẳng biết lối mả mà lần." (tr.414) Như vậy, cùng với câu chuyện về toàn cục chiến dịch, những tình tiết cho thấy việc quân đội Sài Gòn lúc đó không tự mình quyết định được cả đường lối và qui mô chiến cuộc, từ cấp chiến lược cho đến cấp chiến dịch-chiến thuật đều dựa vào người Mỹ, cuốn tiểu thuyết này phản bác những quan niệm coi cuộc chiến như là một thứ "nội chiến",...

Văn Chính: Anh Hoan đã hiểu rất hay từ một nhận xét trung thực của Huỳnh Văn Thời. Đây cũng là điều làm mũi lòng, khiến liên tưởng đến thân phận kẻ lệ thuộc. Nhưng hình như anh Hoan hiểu khái niệm tả trận với nội hàm nào đó của một thời nên không thấy "Đối chiến" là tả trận chăng? Tôi thì tôi hiểu nó thậm chí chỉ tả một trận, là trận Đường 9 - Nam Lào mà bên kia gọi là chiến dịch Lam Sơn 719. Và qua trận đánh, các nhân vật cứ hiện dần lên, càng ác liệt càng bộc lộ tính cách, cá tính và trí lực của họ.

Nguyễn An: Từ một cách nhìn khác về chiến tranh, tiểu thuyết đã có một tư tưởng nghệ thuật độc đáo. "Đối chiến" có cấu trúc chặt chẽ, có tính chất hô ứng quen thuộc của cấu trúc tiểu thuyết thuộc dòng sử thi truyền thống đã được chia thành bốn phần: Phần 1 - *Điểm tạm*



Buổi tọa đàm tác phẩm Đối chiến của nhà văn Khuất Quang Thụy tại báo Văn nghệ

Ảnh: HỮU ĐỒ

VĂN HỌC VIẾT VỀ ĐỀ TÀI CHIẾN TRANH

dùng; Phần 2 - Bãi đáp; Phần 3 - Đối chiến trên đường lửa; Phần 4 - Nghệ thuật giành chiến thắng. Nó không có sơ hở, dù xoay ngang xoay dọc và thử bỏ một khúc là lập tức khác biệt. Do nhà văn dày công nghiên cứu và có đời sống thực nên ngôn ngữ nhân vật của ai ra người nấy, không có kiểu chỉ là "mặt nạ" phát ngôn trực tiếp cho nhà văn. Tôi muốn nói gọn, như một ghi nhận về thành công đầu tiên của bút pháp thể loại khi mô tả chiến tranh ở tiểu thuyết này là: nhà văn đã làm chủ được ngôi bút. Khi thì tỉ mỉ, khi thì khái lược, nhiều trang như kĩ sự trực tiếp về diễn biến trận đánh của một phóng viên đang tường thuật tại chỗ, lúc khác lại chỉ kể và dựng, nhấn nhá, theo một giọng văn tỉnh táo, bình bình, có đoạn hơi đùa đùa nhộn nhộn mà người đọc tự hiểu ra nhân dạng nhân cách và cả ý nghĩa của mỗi hành động, mỗi lời nói tưởng như bột phát, song lại thể hiện thật rõ tầm vóc suy tư cùng sự cao đẹp của phẩm chất tâm hồn bên trong nhân vật... Nó đã tạo nên ba yếu tố khác biệt cho dòng văn học viết về chiến tranh:

1- Đặc sắc của tiểu thuyết "Đối chiến" là nhà văn đã dựng lên những cặp nhân vật đối xứng. Nếu như trong lực lượng quân giải phóng miền Bắc vào có tiểu đoàn trưởng Kiều Bá Thịnh, trung đoàn trưởng Đồng Duy Tiên, trưởng ban tác chiến Nguyễn Hải Đông, trợ lý tác chiến Lê Hoài Dân... thì phía đối phương có các đại úy Huỳnh Xuân Thời, đại úy Ngô Thanh Vân, trung úy Trần Thiện Khanh, các tướng Du Quốc Đống, Lê Quang Trưởng, rồi các đại tá Sơn Đường, Nguyễn Văn Thọ... Tất cả, hai dàn nhân vật này, ở mỗi người đều có cá tính và thói quen riêng; họ đều là người lính thực thụ, đều có những phẩm chất rất chuyên nghiệp như đã được đào tạo bồi dưỡng có bài bản, khả năng phán đoán tham mưu, vào trận thì vừa quả quyết như mãnh hổ, vừa thực sự linh hoạt uyển chuyển như báo như mèo. Chỉ có điều, các nhân vật bên ta bị quen, dù không giống với bất cứ nhân vật, chi tiết nào của ai hay của chính Khuất Quang Thụy; nhưng chúng vẫn bị quen. Còn các nhân vật phía bên kia thì lạ và sống động.

2- Phải chăng góc nhìn xã hội học về cuộc chiến là khác với khía cạnh thuần chính trị?

Khuất Quang Thụy: Đúng thế. Lâu nay văn học ta mới chỉ quan tâm đến ý thức hệ, đến chính tả, sai đúng, đúng cảm hy sinh chứ chưa mấy chú ý đến yếu tố nền tảng làm nên số phận và tính cách nhân vật; có xã hội học thì chân dung tinh thần của thời đại mới ảnh xạ vào các nhân vật. Chẳng hạn khu gia binh quân đội Sài Gòn ngày nào cũng có tang ma lính chết trận mà tôi đã miêu tả trong sách. Cái đó tác động đến tinh thần của binh lính dai dẳng và âm trầm. Về điểm này khác hẳn với các trường hợp báo tử của chúng ta, kéo dài hàng năm và bao giờ cũng tính toán thời điểm - hoàn cảnh rất chi tiết khi tiến hành. Ca nhạc và văn chương cũng vậy. Một bên thì hào sảng háng hái; một bên thì rên rỉ, ỉ eo, hờn oán.

Nguyễn An: Như các anh vừa nói, nhân vật phía bên kia sống động, nhờ sự hiểu biết đầy đặn của tác giả. Nhưng ở đây tôi ngờ ngợ: Phải chăng cái nhìn của nhà văn là tôn trọng người bên ta, cái đó thì đã đành; nhưng cũng còn tôn trọng người của bên kia nữa. Và nếu thế thì thật nhân văn, ta với họ đâu sao cũng là tình nghĩa đồng bào.



Điều cuối cùng, tôi muốn coi "Đối chiến" là một đài tưởng niệm chiến công, thêm một sự chiêu tuyết cho những cái chết không đáng, dù có oanh liệt, của một cuộc chiến tranh bất đắc dĩ. Và vì thế, tôi đang hình dung đến một mai không xa lắm, khi công chúng trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam có tâm thế đọc bình tâm hơn, thì chắc là tiểu thuyết này lại có dịp tái bản.

Sương Nguyệt Minh: Tôi nghĩ các nhà văn Sài Gòn trước 1975 viết về chiến tranh cũng rất sinh động. Truyện của họ thật, rất người, buồn và đau đớn. Sau đó thì tôi nghĩ chúng ta đã dùng văn học để kể chuyện chiến đấu. Đến "Đối chiến" này vẫn nằm trong dòng ấy, nhưng tác giả đã vượt qua. Anh dựng truyện và bày binh bố trận rất đầu cuối với những trang về đời thường chân thực, hấp dẫn. Hai hệ thống nhân vật đều có lý do để chiến đấu thực thụ, không hề ngong nghịu. Tôi thích hệ thống phía bên kia hơn. Cảm giác chung là vẫn dài, vẫn có thể nếu cô đặc lại thì hay hơn. Tôi ước có những trang tả trận đấu trí như *Tam quốc*.



Văn Chinh: Thực ra, chỉ là chậm hơn nhưng trong "Đối chiến" có nhiều trang thật và đau đớn; có lẽ do thói quen "uốn lưỡi ba lần mới nói" đã thấm vào máu như anh Thụy vừa thú nhận nên cái thật không sắc sảo, đập ngay vào thị giác. Còn cái mưu trí của *Tam quốc* cũng đầy trong "Đối chiến"; chỉ có điều nó không thành hình tượng cụ thể như Khổng Minh, Cutudov. Nhà văn đã ẩn giấu nó ở các đoạn rút quân ra, nói to lên là để chống trả Mỹ Ngụy đổ quân từ biển vào Quảng Bình, nhưng lại ngoặt sang giấu quân sẵn ở nam Lào. Hay ở đoạn mây đổ quân ông cứ đánh cầm chừng, chỉ duy nhất giữ một chỗ trên điểm cao, nhưng khi mây rút thì ông mới nện tới bởi cho trực thăng không dám hạ cánh để hót quân, hàng vạn quân vón cục lại trong thế mã hồi và bị đánh cho tan tác. Có lẽ tác giả sợ nếu đem cái trí mưu ấy gán cho tướng X thì tướng Y giận chàng? Dù sao thì những Gia Cát Lượng, những Cutudov, Napoleon... của cuộc chiến tranh vừa qua cũng còn chờ đợi và giao khoán cho những Khuất Quang Thụy, chứ ai vào đây nữa?

LỜI BÀN THÊM CỦA NGƯỜI GHI CHÉP:

Thực ra, không phải đến "Đối chiến" của Khuất Quang Thụy tình trung thực khách quan khi miêu tả đối phương mới được điều chỉnh và làm rõ. Trong tiểu thuyết "Thượng Đức" (2007) của Nguyễn Bảo cũng có cặp nhân vật rất hay, viên thiếu tá quận trưởng Hùng trong những ngày cố thủ bảo vệ cứ điểm thậm chí đã chuẩn bị hệ thống bom nổ chậm hẹn giờ để phòng khi nó rơi vào tay bên kia thì cần cứ sẽ bị tấn rượt thuốc nổ sát hại toàn bộ những người sẽ hoan hỷ mừng chiến thắng. Nhưng rồi Hùng đã chỉ cho nổ trái mìn nhỏ hơn, vừa đủ để thân xác mình thành cát bụi cùng cứ điểm mà y có trách nhiệm cố thủ, làm tấm chắn thép cho Đà Nẵng và Sài Gòn. Không phải vì lương tâm y thức tỉnh, mà chỉ vì, y chợt nhớ ra rằng vợ con y đều còn trong Đà Nẵng nay mai sẽ rơi vào tay đối phương. Đánh nhau với những kẻ và không hoàn toàn mất nhân tính như thế, tôi nghĩ, người chiến thắng sẽ vinh quang hơn.

Chúng ta cũng cần tôn trọng lịch sử văn đề: Ngay từ đầu đối mồi, các nhà văn Nam bộ, viết về vùng đất chiến trường xưa thành mảnh đất sống chung của hai phía hôm nay, đã từng xây dựng những nhân vật bên kia (cả binh lính sỹ quan lẫn gia đình người yêu của họ) khá chân thực: Phạm Trung Khâu, Hồ Tĩnh Tâm, Hào Vũ, Nguyễn Đức Thọ, Lê Văn Thảo... Truyện ngắn "Chờ đợi" của Hồ Tĩnh Tâm kể út Kiều chờ đợi Hai Đức từ trại cải huấn trở về trong khi kẻ chiến thắng là Tư Đen kiên quyết đòi trả mối thù cũ bởi út Kiều chỉ yêu Hai Đức; vụ oan giả họa đòi chặt đầu anh ta mà lại nhân danh chính quyền cách mạng. Đó, cùng với "Thượng Đức" và "Đối chiến" hôm nay là những trang văn rất cần làm sáng lên, đưa lại cận cảnh, để làm đẹp hơn "chân dung tinh thần" (chữ của Khuất Quang Thụy) của người chiến thắng.

Nguyễn Chí Hoan: Các anh hay bàn về cái "giả như", nghệ thuật tiểu thuyết không phải ở chỗ các sự kiện nó kể đến có hay không có trong đời sống. Về cái mưu trí anh Minh nói, tôi thấy nó được giấu rất kỹ ngay ở những trang đầu, nó nằm trong đặc trưng của ngôn ngữ tiểu thuyết. Xin mời anh Cao Việt Dũng.

Cao Việt Dũng: Lựa chọn của tác giả là Chiến dịch Đường 9-Nam Lào (tức Lam Sơn 719), lựa chọn đó vừa dễ cho tác giả vì tác giả là người trong cuộc, nhưng cũng gây khó khăn: kết cục trận chiến đó thì ai cũng biết rồi, việc này làm giảm yếu tố hồi hộp ở người đọc. Ý đồ tiểu thuyết đã lộ rõ ở nhan đề: "Đối chiến"; từ đó mà có tính chất "đối diện" (quân miền Nam và miền Bắc đối mặt với nhau) và "đối xứng" của tác phẩm. Cuốn tiểu thuyết có sơ đồ đối xứng nghiêm ngặt, từ đối xứng giữa dung lượng dành cho hai bên (quân miền Bắc và quân Việt Nam Cộng hòa) lẫn những đối xứng nhỏ hơn: lực lượng tương đương, cấp bậc tương đương. Căn cứ vào tính chất đối xứng này, người đọc thấy ở phần thứ nhất có câu chuyện tình yêu éo le (Dân-Miền và Đông-Nhai) đã đoán được là ở phần thứ hai cũng sẽ có chuyện tình yêu éo le tương tự (chuyện gia đình đại úy dù Huỳnh Xuân Thời). Tính chất "công bằng" này, tuy thế, vẫn bị vi phạm: khi tác giả miêu tả bộ đội miền Bắc thì giọng văn không ẩn ý, nhưng khi quay sang lính Việt Nam Cộng hòa thì đôi khi xen vào các nhận xét nhiều mỉa mai. Tính đối xứng cũng không phải luôn luôn được giữ vững, thể hiện rõ nhất ở cách miêu tả các nhân vật nữ: trong khi các nữ dân quân được miêu tả theo lối là lý tưởng hóa, thì những câu chuyện về "em gái hậu phương" mà đại úy Ngô Thanh Vân bên Việt Nam Cộng hòa nghe được lại đầy chua chát, mang tính "vạch trần sự thật". Tôi cũng đồng ý với các anh là các nhân vật Huỳnh Xuân Thời, Ngô Thanh Vân, Sơn Đường ở bên kia chiến tuyến là khá thành công, nhưng cũng thấy rằng tác giả có hiểu biết hạn chế về cuộc sống con người phía bên kia, dựng cảnh nhiều, hay sử dụng các đối thoại dài thể chỗ cho những miêu tả chi tiết (nhất là đoạn cuối của phần hai, cuộc trò chuyện giữa hai viên đại úy và hai viên trung úy Việt Nam Cộng hòa). Do có ít vốn, nhà văn cứ loay hoay với những ít ỏi mình có, ví như câu "lính dù kiểu dưng" cứ bị lặp đi lặp lại tràn lan khắp tiểu thuyết.

Đỗ Tiến Thụy: Tôi đến hội thảo này với tư cách nhà báo (*Tạp chí Văn nghệ Quân đội*) nên chỉ xin phát biểu dưới góc độ bạn đọc. Đọc "Đối chiến" có cái thú vị như được xem đánh cờ, xem đánh phỏm được nhìn cả hai bài. Nó thật bổ ích vì lớp trẻ chúng tôi sẽ hiểu rõ, hiểu sâu hơn lịch sử. Chẳng hạn tác giả đã cắt nghĩa lý do thua của địch là vì cứ máy móc hóa chiến thuật quân sự của Mỹ là kẻ chi tiến và vũ khí cho cuộc chiến. Tôi cũng đồng ý với Cao Việt Dũng, tác giả viết về phía ta, mặt đời thường của phía ta hoạt hơn.

Khuất Quang Thụy: Xin cảm ơn những khen chê và cả những đòi hỏi góp ý chân tình của các anh, cảm ơn báo Văn nghệ đã tổ chức cuộc tọa đàm mini này. Về phần mình, tôi chỉ xin nói gọn là "Đối chiến" ít nhất đã trung thực với nhận thức của tôi. ■

PV thực hiện

Hồi rất nhỏ, bố thường kể, nhà mình còn có họ ở phương Nam đấy. Phương Nam hồi đó, trong trí tưởng tượng của mình thật xa xôi. Không biết vì điều gì, ông nội đã lưu lạc vào tận mảnh đất ấy, với cái tên nghe cũng kỳ kỳ, là lạ, Long Bình Điền. Một xã của huyện chợ Gạo, Tiền Giang.

Mình chưa khi nào gặp ông nội. Khi mình một tuổi, ông đã đi xa. Chỉ nhớ về ông qua lời kể của bố, đã thức suốt đêm, đứng bên cửa sổ nhìn ra ngoài phố, khi chấm xong lá số tử vi cho mình, Giáp Tý, giờ Dần...

Mình nghĩ, không biết bao giờ mới tới được một phần họ hàng thân thuộc ở một nơi xa xôi như thế. Gần hai ngàn cây số.

Thế rồi mười năm sau. Mười chín tuổi, lần đầu tiên lặn lội một mình tới đúng địa chỉ của nhà ông nội. Khi đó bố đã mất, và có lẽ các cô chú cũng không thể nào nhớ hay hình dung nổi một cô cháu sinh sau đẻ muộn như thế nào.

Một trưa rất nắng, sau hai ngày ngồi trên tàu từ Hà Nội vào Nam, mình xách một cái túi xách lớn và một chiếc vali nặng trĩu quần áo, bước vào sân nhà. Thấy ông chú đang đứng lom khom ở bếp nấu đồ ăn, suýt nữa tưởng nhầm là bố. Chú giống bố như đúc. Và nói cháu là Minh. Chú nhìn mình ngơ ngàng, xa lạ và quen thuộc và nói một câu thật nhẹ tênh: Vào nhà uống nước cho đỡ khát. Chú có một cung cách hiền lành, chất phác khác với bố rất nhiều, bố hào hoa và khẳng khái.

Giữa một ngôi nhà, toàn người miền Tây, giọng bắc kỳ của mình sang sảng, chua chua, cứ chồi lòi khua khoắng giữa ba gian. Bà nội ngồi trên giường, nói nhỏ nhẹ: Con nhỏ này, nói giọng y như bố mày.

QUÊ NỘI VÀ MÙA CÚC VÀNG RỰC RỠ

LÊ NGUYỆT MINH

Ngày xưa, khi vào đây thăm ông bà, có lẽ bố cũng sang sảng và lưu loát nói chuyện quê nhà ngoài Bắc.

Thế nào đó, tự nhiên như một định mệnh, mình đã ở phương Nam được một quãng thời gian dài. Đôi khi lại về thăm quê nội. Ban đầu, thấy thật lạ lẫm, rồi cứ thành quen, thành quen. Hôm chủ gọi điện nói bà nội mất rồi. Lúc ấy, mắt cay xè vì ăn hận.

Mình không bao giờ quên được, lần cuối cùng gặp bà, vì mãi đi chơi quá, bỏ bà ngồi tận sâu sau cửa, đưa tay chơi với gọi mình quay lại, mà chân cứ lao đi vui chơi với hai người bạn. Sau này, nghĩ cứ ân hận mãi, không biết đó là lần cuối cùng được nhìn thấy bà.

Hôm rày, sáng cuối năm, khi những tình yêu cùng mình chạy xe từ thành phố về quê nội. Không còn thấy bà ngồi sau cửa như mấy năm trước nữa. Bà đã theo ông đi rất xa. Chỉ còn chủ vẫn đứng bán hàng và nấu nướng trong sân, và cô quanh năm có cái bản thân buồn buồn, và thím thì cười hiền lành, một nụ cười dịu dàng dễ mến, và con cún con năm nào, vẫn sủa inh ỏi mỗi khi thấy người mới. Tất cả mọi thứ cứ chậm chậm trôi đi, trôi đi. Minh sao vẫn trẻ con, bỏ mặc thím đứng làm bánh xèo cho mấy đứa sau gian bếp đầy lửa, còn mình thì leo

lên chiếc xe đạp điện của đứa em, đòi những tình yêu chụp ảnh, chụp ảnh nào không thương tiếc.

Ta có thể lớn khôn ở đâu đó, nhưng trở về nhà, ta vẫn chỉ là đứa trẻ nhỏ tình nghịch phải không? Khi Phương vừa đọc sách, vừa thở hắt ra: làm ơn lớn lên đi cho thiên hạ nhờ!

Bây giờ đã sang năm mới, khi mình chạy xe loanh quanh ngắm phố phường Sài Gòn, những con đường rợp hào hoa, ánh sáng chói lòa, sao mình chỉ nhớ con đường mấy chục cây chạy xe về quê nội hôm trước. Con đường đã vắng những đoàn xe về quê hương ăn Tết. Chỉ nhớ ngòm ngòm mai vàng, mai đầy những góc chợ nhỏ nhỏ hai bên đường. Mai nở bung cánh vàng, tươi rói bên hiên những ngôi nhà quay ra mặt phố. Đầu cũng mai. Đầu cũng cúc. Cảm giác như trời đất đã hóa thân vào trong cái màu vàng của tết, của mai, khỏe khoắn và mộc mạc, nhưng vẫn đa tình. Tình yêu bảo: Hoa mai phải là quốc hoa chứ? Nhưng sao lúc ấy, lòng chỉ nhớ đào hoa xứ bắc, rực rỡ, kiêu kì trước đông phong.

Anh trai bảo: Hồi anh đi lính, cứ tết đến, ở phương Nam, bọn tao thường rất thích cài một cành mai lên ngực áo.

Em rất nhỏ tuổi, không hình dung ra

những thời khắc lãng mạn ấy.

Bây giờ, khi có dịp, chạy xe máy mấy chục cây số, băng qua mùa xuân đầy nắng, băng qua những khoảng màu sắc tươi tắn, hân hoan của mai của cúc, mới cảm nhận được cái tết miền Nam thật mênh mông và chói chang. Không lạnh lạnh, se se và ẩm cúng kiểu như mùa đông ngoài kia.

Nhất là khi ta chạy xe qua một ô ruộng, thấy người ta trồng cúc đang nở, vàng rực lên, từng chậu từng chậu một. Cả một khoảng vuông không gian nho nhỏ đấy, toàn cúc là cúc. Lúc đó, nếu có cái màu giàng hồ anh chị nhiều lên một chút, chắc sẽ nhào vô cái thửa ruộng kia và "chôm" ngay một chậu, bỏ lên xe, chạy về tận nhà chú.

Thật kỳ lạ, đi thêm đoạn đường ngắn nữa, mình thấy cả một đám sen, những bông sen đã đi vắng, ngủ quên đầu đó, trả lại mặt ruộng cái màu lá xanh củ ừ ừ ảm đạm, hắt lên trời một tình ý với vợi tiếc nuối. Lúc đó mới vỡ ra hai câu Kiều:

Sen tàn cúc lại nở hoa

Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân

Bây giờ, lòng mới chợt nhớ sen, nhớ cúc. Mới chợt hiểu, có những thứ, phải đợi thời khắc làm cho vỡ ra, mới hiểu, mình đã khờ khạo quá lâu!■

NGUYỄN HOA

Thơ gửi những người cha nước Mỹ

I

Các anh ơi

Thế là nó không về

Bắt đầu từ cái năm 1965 tử tuyệt

Bao đứa con của nước Mỹ không về...

Rất muộn mằn nhưng có thể vẫn còn chưa muộn

Những người cha vẫn còn những đứa con

Đứa con trong vòng tay tình yêu, đứa con có thật

Nó mặc bao nhiêu bộ quần áo chật

Đôi vai rộng vạm vỡ tràn cao giống cha

Bước chân nó nhảy múa trên quả đất

Ngán xa...

Thế là nó không về

Bao đứa con của nước Mỹ không về!

Nó chơi trò chơi đốt lửa những ngôi nhà

Những bộ quần áo trong tủ

Những con vịt, con gà

chiếc cần câu cá

Nó đốt luôn cả tranh thành đang thờ.

Thế là

nó không về

bao đứa con của nước Mỹ không về?

Đáng lẽ nó được ngủ ngon trong những ngôi nhà Việt Nam

sau khi đã liên hoan phá cỗ cùng trăng

đáng lẽ nó được tắm trên các dòng sông mát rượi

của vàng rừng nhiệt đới

đáng lẽ...

Thế là

nó không về

bao đứa con của nước Mỹ không về

hoặc là nó về

trong những quan tài nhựa...

Như thế là

nó làm ta mất đi

cái gậy ta chống

khí về già!

Ồi! Cái khoảng trống

không lấp đầy

ta mất nó...

Anh và những người làm cha nay nai không muốn cho nó đi.

(Như bao đứa con của nước Mỹ không

Bởi có nó

nguồn ánh sáng, nguồn sinh sôi

niềm vui có cánh...

Bởi nó có thật trên đời hơn tất cả chúa trời, thần thánh

Bởi nó là máu ta, nó thay ta tồn tại trên đời

Có nó ta không chết đi như một sự tuyệt vời

Tôi gửi những dòng này

Vi lẽ đời

II

Các anh ơi

Thế là chúng nó về...

Từ cái năm sau Việt Nam

Bao đứa con của nước Mỹ đã về

Chúng nó về thật kia

nào Jôn, nào Jắc

mẹ ôm chúng nó nước mắt như mưa

ướt vai áo lính

Những người cha cố kìm không để nước mắt rơi

Trời xanh xanh Oa-sinh-tơn, Niu-yoóc...

chúng nó đã về!

Chúng tôi - những người cha

Biết là chúng nó, vừa chơi trò chơi đốt lửa những ngôi

nhà

những cánh đồng lúa nước

vàng trăng bóng bẽnh

tuổi thơ mơ ước...

ở Việt Nam.

Giờ thì chúng nó hôn tôi

đâu vị se tê đầu lưỡi

Cô-ca-cô-la

khởi ngày thuốc xì gà

hoàng hôn tìm sân trường Hà Vớt!

Chúng nó về thật kia

Nào Jôn, nào Jắc

Chúng nó lạ cây đàn ghi ta thuở bé

bàn bi-a từng chơi...

Ồi! Niềm mong chờ

mỗi mắt những năm trời đằng đẵng..

chúng nó đấy

những Jôn, những Jắc...

trước cổ máy ngõ ngang

bàn tay ngõ ngang vườn cây trái quá
bàn chân ngõ ngang cánh đồng lúa mi
bên sông Mít-xi-xi-pi
trước thần Tự DO nước Mỹ...

Các anh ơi

Làm sao lại có thể không tin

Chúng nó về kia - về thật kia

Những Jôn, những Jắc...

quen chơi trò đốt lửa

chúng nó nghiêng chiến tranh

như nghiêng bạch phiến

Biết nói với các anh thế nào nữa

từ cái năm sau Việt Nam.

Chúng tôi yêu Jắc, yêu Jôn...

như các nhà thơ yêu trái đất như quả cam

yêu con người đẹp!

Bây giờ còn kịp

những người cha, người mẹ của nước Mỹ chúng tôi

phải chặn ngay những bàn tay đang cầm lửa để chơi

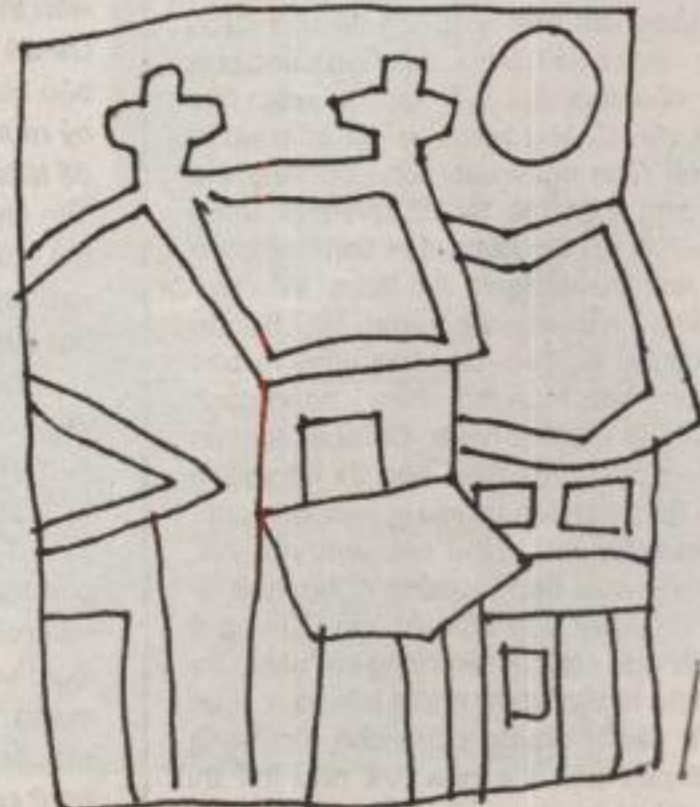
ngôi nhà trái đất!

Cùng các anh với cả loài người còn kịp

Tất cả chúng ta còn kịp

chặn ngay những bàn tay đang cầm lửa để chơi

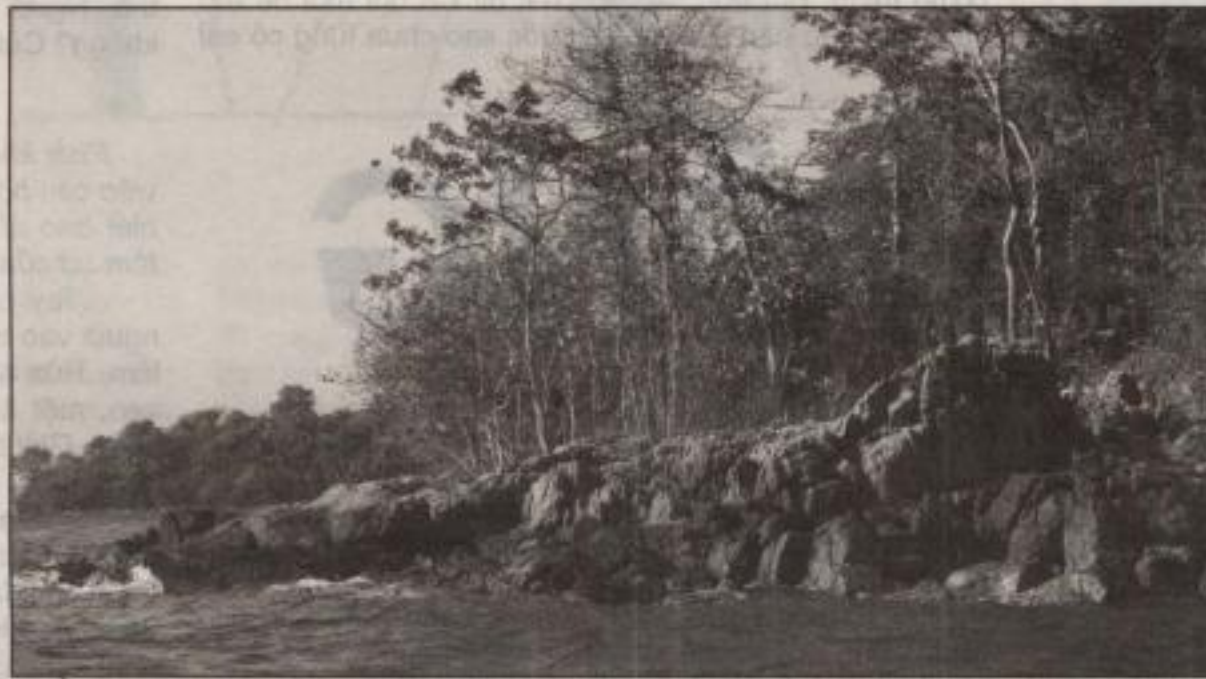
ngôi - nhà - trái - đất!



QUẦN ĐẢO HẢI TẶC

Bút ký của HỒ TĨNH TÂM

Chưa có chuyến đi nào, mà tôi lại háo hức đợi chờ, như chuyến thâm nhập quần đảo Hải Tặc lần này. Suốt một tuần lễ trước đó, gần như ngày nào, tôi cũng dành khoảng một tiếng, lên mạng sục tìm tư liệu về quần đảo Hải Tặc. Té ra nguồn tư liệu về quần đảo miền Tây biển hải của tổ quốc cũng không nhiều lắm, và hình ảnh thì lại càng ít. Điều đó khiến tôi rất ngạc nhiên, bởi lẽ một quần đảo rất gần với đất liền, lại có tên gọi rừng rợn, đầy hấp dẫn, vậy mà không hiểu vì sao, có rất ít nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nhà nhiếp ảnh phản ánh về nó như vậy... Vậy là tôi tự lên cho mình một kế hoạch thật chi tiết về việc khám phá quần đảo lần này...



Hải Tặc biển Tây Nam. Đến mãi những năm 2002 - 2004 của thế kỷ này, nạn cướp biển vẫn còn hoành hành kinh khiếp, đến mức ghe tàu đánh cá, nhiều khi phải neo kín trong vù biển Hà Tiên, không dám ra khơi buông lưới...

Anh Chin, một thợ lặn lâu năm ở đảo, nói với tôi, dân xứ Hà Tiên, trước đến giờ, vẫn quen gọi Hòn Đốc là Hòn Tre, hay Hòn Tre Lớn, để phân biệt với Hòn Tre Vinh, Hòn Tre Nhỏ, vì đảo này thời hoang đảo tre mọc thành rừng. Những cư dân đầu tiên đến đảo Hòn Đốc, là vào khoảng năm 1950. Thời bấy giờ hải tặc còn lộng hành, việc đi lại giữa quần đảo và đất liền rất nguy hiểm. Nếu gặp mùa biển động, có khi hàng tháng trời, dân quần đảo không thể trao đổi sản vật hàng hoá với ngư thuyền, để đổi lấy lúa gạo vài vốc, dân tình chỉ còn nước lên núi đảo măng rừng về ăn thay cơm. Bởi vậy, mới gọi đảo Hòn Đốc là Hòn Tre. Còn đứng ra, tên từ thời xa xưa của ông bà, vẫn gọi là Hòn Che, nghĩa là che chắn cho cả quần đảo, và che chắn luôn cho vịnh Hà Tiên; bởi đảo Hòn Đốc là đảo lớn nhất của quần đảo, có núi cao, có lũng rộng, có sức che chắn gió và sóng biển rất lớn. Nhìn từ trên cao xuống, đảo Hòn Đốc trông gần giống như cái thước thợ mộc, là nơi hiện nay đang cư trú gần 500 hộ dân, là trung tâm hành chính của cả quần đảo, là nơi có bến cảng sầm uất nhất của xã quần đảo Tiên Hải, việc giao thông với đất liền rất thuận tiện, bởi đảo chỉ cách thị xã Hà Tiên 18 cây số. Còn nhìn chung cả quần đảo, các hòn lớn nhỏ xúm xít quây quần với nhau, hợp lại như một mũi tàu nhọn hoắt, bằng bằng rẽ sóng, lướt vun vút giữa trùng khơi...

Ngày hôm sau, trong khi bao thuyền đi thăm khắp quần đảo, tiếp xúc nhiều với anh Chin (tục danh ở đảo gọi là Chin Đỉ) chủ tàu, chuyên nghề lặn biển, anh Hai thợ thả dây lặn và anh Thanh thợ lặn, tôi biết thêm được rất nhiều chuyện...

Trước hết là chuyện ông già "Chúa Đảo" Ngô Văn Nhân (Ba Nhân), năm nay đã 81 tuổi, ra đảo từ năm 1951, cùng với vợ và bảy đứa con nhỏ. Mới đầu ông tá túc ở đảo Hòn Đốc, lúc đó chỉ mới lơ phơ vài nóc gia. Người dân vừa bám đảo, vừa bám biển để sống. Lúc thì lên núi mới đất cặm hom khoai mì lấy củ, tía bắp lấy hạt làm lương thực, lúc thì xuống biển câu cá, mò cua mò

ốc để ăn; lặn hồi dư dả chút đỉnh thì mua ghe thuyền đi cào, đi câu, đi thè mực; khá lên chút nữa thì cất nhà, trụ vững một chỗ để làm ăn sinh sống. Khi Ba Nhân đủ tiền mua ghe, ông kéo róc cả bảy đàn thè tử, tiến về Hòn Ụ, vợ chồng chung lưng đấu cật, đổ mồ hôi sôi nước mắt khai khẩn, biến đảo hoang thành đảo dừa, đảo xoài, đảo chuối. 14 người con ông khi lớn lên, ai có chồng có vợ cũng đều bám đảo và chia ra nhiều đảo để sống. Bởi vậy mà Ba Nhân thành danh chúa đảo, với đàn con cháu đông tới cả trăm người...

Tiếp đó là chuyện "Robinson" trên đảo Hòn Gù. Ông tên thật là Lê Văn Lành, có tục danh Bảy Chuồng Heo. Vào khoảng năm 1977, ông Lành cùng vợ là bà Nguyễn Thị Bông, đào bồng bốn đứa con thơ ra Hòn Đốc lập nghiệp. Không cửa không nhà, vợ chồng con cái phải mượn chuồng heo của một người dân đảo để tá túc làm ăn. Đến năm 2001, khi các con đã lớn, đã có chồng có vợ, Ba Lành quyết chí chuyển ra Hòn Gù mong một cuộc đổi đời. Hòn Gù còn có tên là Hòn Kiến Vàng, nên cuộc chiến đầu tiên của vợ chồng ông là cuộc chiến với những bầy kiến vàng to lớn, hung hăng, lúc nào cũng chực lặn xả vào người cắn xé, như quyết tâm đánh đuổi cho kì được hai kẻ ngoại đạo dám xâm phạm giang sơn của chúng. Thế nhưng cuộc chiến thứ hai mới dai dẳng và gian khổ hơn nhiều. Đó là cuộc chiến với nỗi buồn u ám triền miên trên hoang đảo, nhất là vào mùa biển động, mưa gió sấm chớp, biển gào thét suốt ngày suốt đêm, lúc nào cũng như sắp cuốn phăng, nhận chìm hai cư dân cô độc. Chỉ nhờ vào ý chí và bản lĩnh của con người từng trải nắng gió trùng khơi, vợ chồng Lê Văn Lành mới trụ vững nơi đảo hoang, biến đảo Kiến Vàng thành đảo đu đủ, đào xoài, đào chuối, đào sao đầu, thui liu, đào nuôi ốc cỡ có tiếng...

Ở Quần đảo Hải Tặc còn có câu chuyện về bà Mười Gái, năm nay cũng đã ngoài 81 tuổi, hiện trụ trì chùa Sơn Hoà Tự. Bà Gái chính là con gái Tư Văn (Nguyễn Thanh Văn), một tướng cướp lừng danh của nhóm hải tặc cánh buồm đen khét tiếng một thời. Sau một thời tung hoành, ông đã ngộ ra chân ngã, về sống ẩn dật tu tâm ở Phú Quốc, còn bà thì trở thành một trong những người đầu tiên đến Hòn Đốc lập nghiệp. Tư tay bà đã xây nên ngôi chùa trên núi, để

nguyện cầu an hoà cho muôn dân. Đây cũng là ngôi chùa Phật giáo duy nhất trên đảo...

Biết bao nhiêu chuyện, biết bao nhiêu kỉ tích của con người bám đảo, nhưng quanh đi quẩn lại, cuối cùng vẫn là chuyện cướp biển, để quần đảo đẹp như tranh vẽ nơi vịnh Hà Tiên thơ mộng, mang "chết" cái tên dữ dằn là quần đảo Hải Tặc, mặc dù bây giờ biển đảo đã bình yên...

Vịnh Hà Tiên là vịnh biển cạn, độ sâu trung bình chỉ vào khoảng 5 đến 10 mét nước, vì vậy nước biển ấm quanh năm, phù du sinh vật phát triển rất mạnh, kéo theo hàng đàn tôm cua, cá mực về đây, biến cả nơi đây thành một ngư trường giàu có. Anh Chin Đỉ nói với tôi, với sức của anh, mỗi ngày lặn biển bắt ốc, kiếm khoảng triệu bảy, triệu tám là chuyện bình thường; ngày nào gặp may, gặp được bãi ốc quần tụ, anh có thể kiếm được từ năm đến sáu triệu đồng. Còn chị Út, người có chồng theo nghề cào bai, mỗi chuyến đi biển kéo dài cả chục ngày. Ở nhà ngồi không cũng buồn, chị xoay sang nghề nuôi cá bóp lông bẹ. Lồng của chị chỉ nuôi chừng trăm con cá bóp. sau tám tháng, mỗi con trên dưới mười kí, theo thời giá hiện tại, mỗi kí trên dưới một trăm mười ngàn đồng, tính hết mọi chi phí, chị cũng kiếm được sáu bảy chục triệu...

Giờ thì không ai còn sợ hải tặc, người ta bắt đầu âm thầm sợ những thứ khác đang tràn đến, khi mà nền công nghiệp du lịch, sẽ lôi kéo mỗi ngày hàng trăm hàng ngàn du khách đến nơi này xả rác. Chẳng nói đâu xa, khi chúng tôi đặt chân lên một hòn đảo rất gần Hòn Đốc, đã thấy người ta cấm biển quy hoạch cả hòn đảo thành một tổ hợp du lịch, với đủ trò vui thú của thời đại. Còn ngay tại Hòn Đốc, đất đai đang đội giá lên trời, bởi những quy hoạch du lịch biển đảo, lên tới hàng chục, hàng trăm héc ta.

Út nói với tôi, anh đến mùa này không gặp gió, làm sao biết mùa gió Bắc, gió Nam mạnh đến chừng nào. Gió giật ầm ầm như bão, cây trên rừng còn đổ, huống nữa nhà dân cất tạm bợ bằng tre lá. Gặp mùa gió Bắc hoành hành, bà con phải giở nhà chạy về Nam đảo nương náu. Đến khi trời chuyển sang gió Nam, dân tình lại đi riu riu chạy về Bắc đảo. Quanh năm, người và nhà, và gia cầm gia súc, phải chạy xoay vần theo gió để nương thân. Phải mấy chục năm quật sức gây dựng cơ nghiệp, mới có được ngôi nhà tạm tạm, đủ sức trụ vững giữa thiên nhiên hà khắc.

Còn anh Hai thì kể về những hoang đảo lúc nhúc rắn độc, kiến vàng, nhiều tới mức, không một ai dám đặt chân lên đảo, bởi đặt chân lên là cầm chắc mạng sống không còn... Dữ dằn đến khủng khiếp, nhưng cũng yêu thương đến cùng tận...

Huyền thoại và sự thật của quần đảo còn nhiều lắm. Người ta bảo đảo Hòn Đốc còn có kho vàng chôn giấu. Ấy là vào năm 1981, dân trên đảo phát hiện một cái bobo lạ được kéo lên giấu trong rừng, liền về báo cho công an xã tổ chức truy lùng, bắt được hai người nước ngoài có quốc tịch Pháp và Mỹ, mang theo bản đồ, la bàn, cuộc xằng, đang ngủ khênh trong rừng, sau một cuộc đào bới có lẽ đã thấm mệt. Họ khai rằng, cha ông họ để lại cho họ tấm bản đồ, ghi nơi giấu vàng bạc châu báu ở Bắc đảo, giữa thung lũng của ba ngọn đồi, bởi vậy mà họ mò đến kiếm tìm...

Đảo Hòn Đốc là đảo giàu vàng hay ngọc ngà châu báu, điều đó tôi không quan tâm, tôi chỉ biết, cả quần đảo Hải Tặc này, đích thị là một quần đảo vàng. Vàng của một ngư trường rộng lớn. Vàng của tình người biết mấy thương yêu... Ngày đầu tiên đặt chân lên Trại ra đa 625 của tiểu đoàn hải quân 551, tôi đã cảm nhận ngay ra điều đó, khi tôi trò chuyện với thiếu tá Phạm Văn Đan, với thượng úy Vũ Hồng Thám. Rồi thì anh Sơn, anh Học, anh Phương, anh Toàn, anh Muộn... Tiếng Bắc, tiếng Trung, tiếng Nam, tiếng của ba miền tổ quốc, tụ họp thân thương trên đỉnh cao canh gác biển trời của tổ quốc...

Từ trên đỉnh cao Hòn Đốc, nhìn ra cả quần đảo, tôi vẫn rộn ngợp cái cảm giác quần đảo nhọn hoắt như một mũi tàu đang xé sóng chồm ra biển lớn.

CÀNG gần tới ngày lên đường tôi càng hồi hộp. Đêm trước ngày lên đường là đêm thức trắng. Đến hai giờ sáng, Văn Quốc Thanh ở Hội Văn học Nghệ thuật Vĩnh Long đã gọi điện cho tôi, nói rằng anh em đã quây quần đông đủ ở Hội. Thì ra không phải riêng mình mà anh em trong đoàn ai cũng vậy...

3h10' sáng, chúng tôi khởi hành. Xe chạy một lúc, mọi người bắt đầu tựa vào nhau ngủ gà ngủ gật. Đến khoảng 4h 30 thì qua phà Vàm Cống, từ đó tôi thức luôn đến sáng, bởi đây là vùng chiến trường xưa sư đoàn tôi từng tác chiến. Cứ mỗi đoạn đường lại gợi nhớ về biết bao kỉ niệm. Khó khăn chiến tranh, máu xương đồng đội... Đây là nơi Hoành năm xuống, kia là nơi Thăng hy sinh... xa kia là nơi tôi và Phương bị lạc cả đêm giữa đồng nước nổi, khiến cả ngày hôm sau phải chui vô rừng tràm, trốn trực thăng và bobo tuần tiễu. Còn tít tận nơi xa thăm ấy, Trần Oanh bạn tôi, bị đứt một phần ba gân Asin, đã lạc suốt mười ba ngày trong bụng biển ngút ngát, phải nhờ từng con đung, bắt cua bắt ốc mà ăn sống... Mỗi đoạn đường đi qua, kỷ niệm lại dội về... Những năm tháng ấy làm sao quên...

Đúng 9 giờ sáng, chúng tôi đến cảng Tô Châu - Hà Tiên. Tàu Hàng Nga 2 đang lễ đã đến giờ khởi hành, nhưng nhờ anh em hải quân đảo Hòn Đốc đã điện vào, dặn chờ đoàn chúng tôi vài chục phút, bởi vậy mà con tàu, dù đã đông đủ hành khách vẫn còn neo đợi. 9 giờ 20 phút sáng ngày 11 - 4 - 2011, tàu kéo còi. Chuyến hải trình ra quần đảo Hải Tặc trực chỉ vịnh Hà Tiên lên đường. Đến khoảng 11 giờ trưa thì cập bến cầu cảng Bãi Nam đảo Hòn Đốc. Nhìn lên bờ đã thấy có rất nhiều người ra đón, trong đó có cả các chiến sĩ hải quân của Trại ra đa 625. Nét mặt ai ai cũng hoan hỉ, thân thiện... Riu riu ra riu riu, cười cười nói nói, tinh thần như ruột thịt, dù rằng chỉ mới gặp nhau lần đầu.

Con đường vành đai của đảo chạy vòng theo sát mép biển, sơn thủy hữu tình tới nao cả lòng. Bên phải là triền núi, là rừng. Bên trái là vịnh, nước biển xanh biếc một màu xanh ngọc bích; dừa và bàng mọc dầm chân ra tận mép sóng. Thỉnh thoảng lại thấy một vài chiếc ghe câu, ghe cào, ghe thà, neo đậu, lác lác chòng chành trên lướt sóng. Phong cảnh yên ả thanh bình đến mức, không ai có thể hình dung ra được, nơi đây từng một thời là sào huyết nường náu của hải tặc, của cướp đoạt và cường hiếp trên biển đến rợn người.

Tiếng ve vãn râm râm râm râm. Giữa màu xanh bát ngát của rừng trên triền núi, thi thoảng lại bật lên màu tím nhợt của bằng lăng, màu đỏ chói của hoa phượng... Đang chìm giữa bạt ngàn màu xanh cây lá, mắt tôi chạm vào không biết bao nhiêu bông lau, bông sậy... Một chút gì đó rưng rưng, như bất gặp thuở hồng hoang trên đảo, như trong câu thơ mình từng viết ngày nào:

... Thuở xa xưa không một bóng người
Đảo vắng chạnh lòng bông lau bông sậy
Nắng tuổi mưa giăng bốn bề chỉ thấy
Biển quây tròn rậm rạp đảo trùng khơi...

Quần đảo Hải Tặc nay thuộc xã Tiên Hải, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, có tổng diện tích lên tới 11.000 héc ta, với 16 hòn đảo lớn nhỏ (có tài liệu nói là 14 hòn), trong đó 7 hòn đã có cư dân sinh sống, số còn lại là hoang đảo.

Từ cuối thế kỉ XVII sang đầu thế kỉ XVIII, do địa thế thông thương về buôn bán đường biển trên vịnh Thái Lan, lại thêm có nhiều hòn đảo hoang vắng, nên quần đảo Hà Tiên đã sớm trở thành sào huyết ẩn nấp và chôn giấu vàng bạc của bọn cướp biển. Hải tặc Campuchia, hải tặc Thái Lan, cũng chọn vùng biển hiểm trở này làm nơi tung hoành cướp bóc. Sang thế kỉ XX, cướp biển dựa vào thuyền máy cao tốc và súng đạn, lại càng ngang nhiên lộng hành, chúng không tha bất cứ một con tàu nào đi qua đây, dù là tàu buôn, tàu khách, hay tàu đánh cá. Nếu là tàu buôn, thì chúng đánh chiếm để thu gom vàng bạc châu báu và của cải. Nếu là tàu khách, thì chúng trấn lột tiền bạc và hăm hiếp đàn bà con gái. Nếu là tàu thuyền đánh cá, thì chúng giam giữ tra khảo để đòi tiền chuộc. Tội ác tày đình, nhưng trời cao biển thẳm cũng không làm gì được, thế cho nên cả vùng quần đảo đẹp như tranh vẽ, đã thành vùng "biển chết", với cái tên ai nghe cũng hãi hùng: quần đảo

TRUYỆN NGẮN DỰ THI

TẤM lửa. Những ánh vàng ánh đỏ lay đêm trong cuộc tắm lửa của những người đàn bà ở Mật khu A2 luôn ám vào người tôi. Tôi chợt nghe được cả bầu âm thanh rạo rực, tiếng người thì thảo đứt quãng, tiếng củi lửa lép bép. Tôi chợt nghe cả quãng lặng kì vĩ mà đơn đau trong trường canh nóng rực của khúc nhạc núi rừng ngày nào. Tôi chợt cảm nhận được mùi người, mùi chồng, mùi vợ đậm quện trong mùi khói lửa, mùi đất cát, ngổ như cái mùi ấy trước mũi chứ không phải đâu xa. Khi Mật khu bị bao vây rào riết, những giọt nước ít ỏi trở thành những giọt vàng. Người ta chỉ được quỳ gối ngửa cổ lên chạm vào bi đông thấm liếm làn môi nứt nẻ khi cơn khát đến độ là người.

Đêm ba mươi tết, tiếng súng tạm yên, cái bóng rình rập của chết chóc tạm thời rút lui. Những người đàn bà ở Mật khu bỏ ra khỏi hầm. Những khẩu súng AK đầu gấu lưỡi lê đặt chum lại theo hình tháp. Những khúc củi khô cũng đặt chum đồng dạng. Họ đốt lửa ngay giữa lòng suối khô. Mười người đàn bà cời hết quần áo ngồi chồm chồm quanh đồng lửa. Mặt nghiêng bên này, nghiêng bên kia. Đứng lên. Xoay vòng. Chầm chậm ưỡn người. Chầm chậm vận vẹo. Ai đó bị khét, mùi khét của

mồn một, còn bây giờ chúng lại bỏ mình mà đi. Minh có hàng trăm điều để viết ra nhưng khi cần quy tụ chúng thì lại là việc quá sức. Bác sĩ khuyên mình nên viết tất cả ra. Con trai mình nói "Vi con, má hãy viết tất cả ra trang blog này. Má không cần đọc lại. Chỉ đơn giản là má gõ bàn phím để chữa bệnh. Nghĩ gì viết nấy nghen má!".

Rõ ràng mình bệnh mà vẫn rất sáng suốt, mình biết về tình trạng mê loạn của mình. Mùa Thu mê loạn, nghe thật buồn, thật thương. Tối qua, mình đã cố nhắc người dây đi kiểm tra cái bếp gaz. Minh nghĩ đại là có ai đó đang cố giết mình bằng cách xả gaz ra. Minh đã đi xuống bếp hàng chục lần. Biết chắc chắn là cái van đã khóa mà mình vẫn ngồi bật dây và xuống bếp lần nữa. Lần này thì mình không phân biệt nổi kéo qua phải là khóa hay kéo qua trái là khóa, cứ thế mình đứng hàng giờ, hết kéo qua phải lại kéo qua trái.

Đêm hôm khuya khoắt, mình lại để cái nhìn của mình dán nghiêng qua cái vòm giếng trời của căn nhà. Một vùng bàng bạc, đen không ra đen, trắng không ra trắng. Minh thêm có anh lúc này biết bao. Anh à, anh có tin bàn tay em đang biết thở không? Nó thở. Nó đòi cử động, đòi bám siết vào đầu đó. Em đang sợ bàn tay của chính mình. Em ước sao nó chết đi! Cả đôi môi hé mở của em cũng nên chết đi. Em ước sao chưa từng có cái

mơ, giấc chấp chờn thao thức. Buồn run người. Giận run người. Buồn giận nhưng bất lực, chỉ tội cho con mình. Bao nhiêu năm trôi qua, sự chịu đựng đã quá sức của một con người. Nhưng rồi cũng phải sống, im lặng sống, sống không phải vì ta nữa mà là vì những người ta thương yêu.

Em bằng lòng, mãn nguyện, mừng vui với những thứ anh đưa về ngày càng chật nhà chật cửa? Cũng có đấy! Em là đàn bà mà. Nhưng em thì sống trong nghèo khổ thiếu thốn mà không bị bỏ rơi. Người đàn bà, dù là bỏ rơi trong mây móc tiền nghỉ, trong biệt thự nguy nga thì vẫn là bị bỏ rơi, thậm chí còn tuyệt vọng hơn. Ngụp lặn và cảm lạnh. Nhà của chúng ta chỉ có con cưỡng bồng trong lồng kia là còn nói tiếng người. Chúng ta không còn gì để nói với nhau nữa sao? Bóng ma anh bước dài, trôi đi. Bóng ma em co lại ẩn dật. Em cứ nghĩ mãi rồi chưa chát cười một mình: Đi qua cuộc chiến tranh, ai người ta cũng bị ám ảnh bởi chết chóc, mất mát, còn chúng ta lại bị ám ảnh bởi điều chúng ta đã từng có được, bởi cái mùi đã quện chặt lấy anh và em. "Khốn nạn!" Em thường day nghiêng như vậy phải không? Em nanh nọc, độc ác với anh? Cũng có đấy! Thường thì anh đi rồi em cứ ngồi ngẩn ngơ. Không hiểu sao mình lại như thế. Người ta có thể sống với một tâm hồn đã chết không? Cũng có đấy! Là em. Và có lẽ cũng là anh.

Phải khó khăn bao phen tôi mới làm quen được với viên cán bộ địa chính này. Khi đã quen nhau, qua không biết bao nhiêu cuộc nhậu lên bờ xuống ruộng, những tâm sự của anh ta mới được chấp nối lại với nhau.

...Tay bác sĩ dằng dấp bề bề, vừa khó khăn đưa người vào xe vừa dặn đi dặn lại: Canh hoa hiên, để nấu lăm. Rửa sạch ba mươi gam hoa hiên, mười gam hạt sen, một ít táo đỏ, hầm nhừ xong đổ mật ong vào là xong. Giải buồn trừ uất cực kỳ hay. Mười lăm ngày, mười lăm thang. Xong.

Tôi đánh xe đưa bác sĩ về. Tay bác sĩ thở dài hạ giọng: Vợ trầm uất là thử thách mà tạo hóa đã nhả tâm dành cho đàn ông. Tôi ậm ừ cảm ơn. Tôi biết tay này nói để tôi dẹp lòng, lẽ nào một bác sĩ mà không lơ mải hiểu rằng chính đời sống gia đình tôi, chính tôi là nguyên nhân của căn bệnh. Mà có khi tay này nong cạn thật, ai trong chăn mới biết chăn có rận.

...Bao năm qua, để trả thù những tủi nhục và cay đắng của một thời tuổi trẻ, tôi đã bất chấp, cố tạo ra sự vượt trội. Khi đủ đầy biệt thự sang trọng, xe hơi đắt tiền thì cũng là lúc tôi nhận ra mình đã mất tất cả. Vợ con trở nên xa lạ. "Phải để cho chị nhà xả hết nỗi lòng ra thì mới đỡ bệnh. Bệnh của chị là bệnh không bệnh. Một cái máy tính nổi mọng. Xong." Tay bác sĩ leo lẻo.

Tôi vừa lái xe vừa nghĩ đến liệu pháp vừa được gợi ý. Kể chưa tin lắm, nhưng đến nước này, coi như cứu lửa gần. Tôi từng nghe nói một người quen nhờ say mê internet mà quên bệnh nhưng tôi không ngờ vợ tôi lại lúc phải chữa bằng phương pháp này. Những chi chiết, than vãn, lăm lăm ngày càng dày lên của cô ấy đã làm tôi kiệt sức nhưng sự bất động chẳng thêm ăn uống còn làm cho tôi quá lo lắng mà kiệt sức nhanh hơn. Tôi đã chọn cho mình giải pháp sống trong chiếc xe nhiều hơn ở nhà. Từ căn bản đời sống, mặc dù tôi nghĩ mình là người hy sinh cho gia đình nhưng càng ngày tôi càng thấy mình là kẻ bất hạnh. Đôi lúc tôi trở nên thù hận cuộc đời này, cuộc thù hận kiểu căng, có khi với chuyện không đâu tôi lại nổi đóa đùng đùng, lại bốc lên cơn nóng máu âm ỉ. Cả ngày, tôi đã pha trộn hàng chục phản ứng trái ngược nhau.

Mọi cố gắng vun vén, đánh đổi, chịu đựng nhục nhã của tôi đã đổ ào xuống vực thẳm. Tôi ngỡ ngàng với những rã rượi trong tâm hồn của hai vợ chồng. Cái thứ tâm bệnh này đồn ngả con người ta rất nhanh. Tôi biết làm sao đây khi mà chính mình cũng không còn là mình nữa. Khuôn mặt giả nói giả cười giả tươi giả vui của tôi như một thứ vấy đóng trên vết thương ngàn cho khỏi xì mủ mà thôi. Tôi ngáp, một tay tì vô lăng, tay bóp mạnh xương quai hàm giữ chặt cho khỏi treo. Ngáp thành tậ. Tật mệt mỏi của thời đại tôi đang sống. Một loại tật bệnh đang được tôn vinh.

Từ ngày khánh thành nhà đến nay, tôi mới ngồi trước hồ bơi này lâu đến vậy. Tôi nhìn chăm chăm vào làn nước xanh trong. Hồ này được tôn tạo sửa sang trong sân vườn cũng chỉ làm cho sang chứ nhà có ai bơi lội tắm tấp hay nuôi cá nuôi tôm gì đâu. Chiếc Benz E300 gắn bó với tôi nhiều hơn cái chỗ này nhà nữa biệt thự này. Tôi suốt ngày lượn xe đi chỗ này chỗ kia. Điều thuốc đồ lố, hai sợi khói trườn ra mũi, mơn man lượn lên trán lên tóc. Từ ngày hình thành khu du lịch này, rồi khánh thành cáp treo, cuộc đời tôi đã trôi đi như sợi khói này, thấy thì đang bốc lên nhưng kì thực là xiêu dạt. Điều thuốc lại đồ lố khi cái tàn chưa kịp thành tro. Thật ra là người đàn bà ngũ đoan ấy thay đổi cuộc đời tôi là chính mà ta chứ những nguyên nhân khác chẳng là cái đình gì. Cái giá phải trả của người ra nước sâu chỉ một mình

MÙI CHỒNG

Truyện ngắn dự thi của NGUYỄN HIỆP

lồng tóc cháy. Tiếng khúc khích lan ra một thoáng, những nét mặt lại nhanh chóng giãn mềm, lại chăm chú xoay trở, lộn vòng cho cơ thể nóng đều. Càng lúc họ càng áp gần lửa hơn. Mắt bắt đầu hực say. Đường cong bắt đầu lượn say. Da thịt bắt đầu căng say. Say lửa. Một cơn say nóng ran trong những cơ thể thanh tân, những trái chín căng mọng. Lửa hùng hực từ bên ngoài. Lửa hùng hực từ bên trong. Mồ hôi tuôn tủa. Họ bắt đầu kì cọ. Khuôn mặt. Tay chân. Bụng ngực... Mười người chợt quay thành năm cặp, họ kì cọ cho nhau. Những bàn tay mơn trớn. Những cơ thể áp lưng vào nhau uốn lượn, chà xát lên xuống, xuống lên. Những cặp tâm hồn đã trở nên đồng điệu, sẻ chia. Mồ hôi, đất bụi quện quện trườn chảy thành dòng trên da thịt. Trong ánh lửa bập bùng, thân hình những người đàn bà vàng bóng nhuê nhại trông như những khối đồng đang nóng chảy. Mùi đậm dần. Mùi con gái. Mùi đàn bà. Mùi thơm phức trình nguyên. Mùi khát khao mơn mõi. Mùi của họ thấm đậm vào nhau, thân thuộc, kháng khí. Họ lau khô cho nhau bằng chiếc khăn rằn quăn cổ hàng ngày. Khi cả cơ thể chỉ còn một khối da thịt ửng hồng, rạo hoảnh, khi tất cả đã mát thơm trong chiếc áo bà ba hàng khét mùi thuốc súng thì cái mùi của họ vẫn còn trong nhau nồng nàn.

Người nữ cựu chiến binh ấy chỉ cho tôi ngôi biệt thự lớn nhất khu thị trấn và nói đó là "tổ ấm" của người đồng chí, đồng đội đã từng bắt cặp tắm lửa ngày xưa. "Sau này, cô ấy còn tắm nhiều lần nữa nhưng với người yêu, với chồng bất chấp lệnh "Ba khoan" của tổ chức..." Giọng nói của người nữ cựu binh có vẻ buồn buồn, hờn dỗi. Quay mặt đi một thoáng, cô ấy lại trở nên nhiệt tình, sôi nổi trở lại: Tôi nhớ hồi chống đi học tận Hà Nội, cô ấy có khoe với tôi về gói bưu phẩm đặc biệt vừa nhận được. Chồng gửi cho vợ yêu một chiếc áo thun mặc lót hàng ngày. Người vợ ấy đã ôm chầm vào người, hít lấy hít để, hôn quỳnh hôn quui trong nước mắt giàn giụa, những giọt nước mắt nhớ nhung, hạnh phúc. Cô ấy còn khoe đã áp chiếc áo ấy vào mặt vào bụng mà ngủ hàng đêm. Không có mùi chồng làm cho cô ấy cứ thao thao thức thức, canh cánh nỗi lo sợ, nỗi thiếu vắng mơ hồ, chưa một lần giấc ngủ được bình yên.

Theo chỉ địa chỉ mạng người nữ chiến binh cung cấp, tôi dễ dàng tìm được trang blog Mùa Thu, trang có câu đề từ rất ấn tượng: Kì ức ơi, xin ngủ yên! Tôi đọc say sưa từng entry và biết rằng nhờ trang blog này mà sau ba mươi bảy năm, câu chuyện của người đàn bà tắm lửa được kết nối.

Entry 01012010

...Rỗng. Lạnh. Minh là người đàn bà sáu mươi mênh mang nên thật sự là mình thích cái tên Mùa Thu. Không phải vì "Mùa Thu" lười biếng đến nỗi môi má chảy xệ xuống, không buồn nói, không buồn ăn, không buồn nghĩ ngợi mà vì "Mùa Thu" là một con bệnh.

Mới sáng sớm mà sao ý tưởng để viết ít dòng đã bay biến. Khi mình nằm thì bao tâm tình khóc hại hiện rõ

mùi anh trong máu thịt em, chưa từng có cái mùi yêu thương ấy trên đời này!

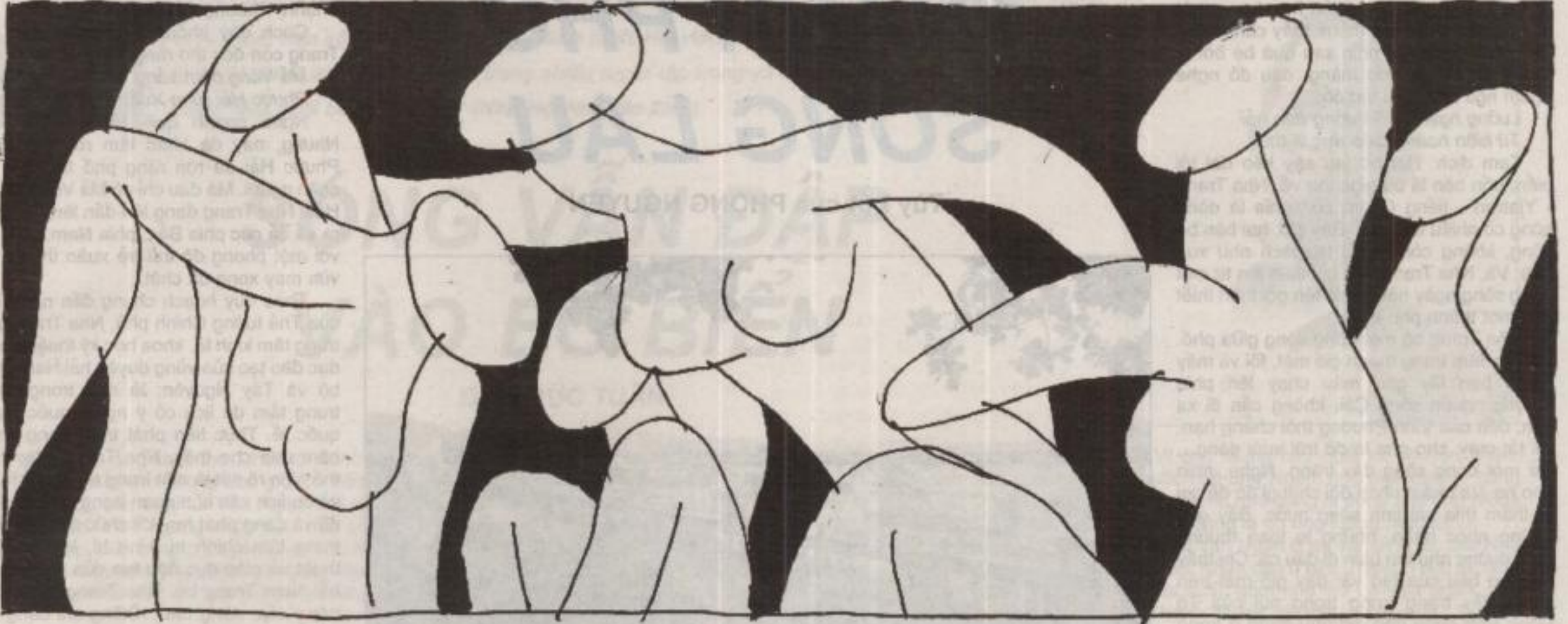
Em cố nén người mình lại một cách mệt mỏi. Hai chân cứng đơ, em cố lún sâu cơ thể mình xuống nệm. Hơi lạnh tích tụ từ chiếc nệm bốc lên. Chiếc nệm lông màu hổ phách hâm hấp phần trên, lưng, gáy, tim, gan vẫn lạnh. Tắm ra trải giường như da người phơi khô, mỏng tro và vô hồn. Em mệt mỏi quăn hai tay mình lại với nhau, em quăn đến mức đã hình dung các đốt xương cọ lún vào nhau. Em hít mùi lạnh chết, mùi sơn nước, mùi bê tông, mùi bức tường, mùi của vòm giếng trời đen không ra đen, trắng không ra trắng. Em đếm từng hơi thở rã rời của mình. Em muốn thở hắt ra thật mạnh nhưng không đủ sức, lồng ngực cứng đơ, hai bầu vú em đã xẹp xuống, teo lại, đã chết.

Entry 02012010

Hôm nay, xe chở về cái máy giặt hiện đại. Minh chẳng còn hào hứng gì lắm với những máy móc tiện nghi càng lúc càng đầy nhà. Nhớ ngày sắm chiếc máy giặt đầu tiên, mình phải giặt riêng áo quần của ông chống mình ngoài thau. Minh ngồi vô vô mân mê hết cái này lại cái kia mà không sao cầm được nước mắt. Minh cố bám víu vào chút mùi ít ỏi của chồng mà mình cảm nhận được để biết mình còn gắn kết với chồng, để biết mình còn có chồng. Anh ấy loảng thoảng về nhà rồi loảng thoảng ra đi, chiếc xe êm ru lướt đi lướt về như một cái bóng. Minh chỉ còn biết bám víu vào những thứ sót lại trên quần áo sau một ngày của anh ấy. Mùi chống mình bây giờ vốn đã quá mơ hồ vậy mà chiếc máy giặt đã nở cất đứt những sợi dây mỏng manh ràng buộc cuối cùng. Quá buồn. Quá giận. Minh bưng thau quần áo đổ ào vào máy giặt rồi lao về buồng, nước mắt ướt nhem mép gối...

Entry 03012010

Xe lại lần bánh, "chiếc bóng" đi rồi. Sao càng ngày mình càng cạn kiệt tinh kiên nhẫn. Minh đã bao nhiêu lần rút chiếc nhẫn cưới ném xuống nền nhà. Nhẫn nhện này! Nhẫn nhục này! Chẳng còn gì luyện tiếc. Chỉ tội thằng con. Không có nó mình chẳng sống nổi trong ngôi biệt thự này. Thoảng nghĩ lại mình lồm cồm chui xuống gầm giường. Tìm được mình lại mừng. Nước mắt ướt đầm. Minh vừa cười vừa khóc như Trời vừa nắng vừa mưa. Đêm. Đầu mình nặng như chì. Ngày nào cũng mang chì như một thợ lặn. Chỉ khác là khi hụt thở thì người thợ lặn bung đồng chỉ ấy ra mà ngoi lên, còn mình thì không thể, chỉ đã dần dính vào từng tế bào, từng hơi thở, từng tấm khung kí ức nóng rất. Tối, mình nằm mơ thấy mặt con búp bê nhựa màu hồng cũ kĩ, gầy chần trái, món đồ chơi yêu thích, gắn bó với mình suốt thời thơ ấu. Khóc như cha chết, mình quấy tìm. Minh lao theo cái gì đó mơ hồ nửa quen nửa lạ. Minh chạy mãi, vừa la khóc vừa chạy cho đến khi té lao đầu xuống vực. Tim muốn vọt khỏi lồng ngực. Giật mình, mồ hôi ướt lạnh hai bên thái dương. Ngồi bật dậy giữa đêm, dụi mắt hồi lâu mình mới hiểu ra có lẽ do cô đơn lạnh lẽo mà mình đã mang cả những mất mát, chia cắt vào giấc ngủ, giấc



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

tôi biết, bước chân xiêu dạt chỉ một mình tôi biết, sống mà thật ra đã chết bao nhiêu lần rồi chỉ một mình tôi biết.

Điều thuốc lại đỏ lóe. Hôm qua, dự cuộc tiệc của dân làm ăn và những tay cán bộ lãnh đạo huyện. Rượu quá nhiều đã làm tôi không kềm chế với mụ ta. Tôi kéo mụ ta ra ngoài, nói thẳng:

- Cô đã dùng cái gọi là lòng tốt, sự cao đạo mở cửa tôi, có được tôi rồi cô lại ném cái chìa khóa ấy đi. Sự quá!

Mụ ta quay nghiêng đầu cười hắt ra rồi mềm giọng:
- Cả tiền bạc nữa chứ cưng yêu. Không có tiền sao mở được cửa? Cùng nhìn hết những người ở đây đi, có ai sống bằng sự cao đạo mãi không. Đây, họ đây, có ai "lý tưởng" bằng họ không? Bây giờ, cái gì họ cũng chỉ vào túi. Luật đời mà!

- Càng ngày tôi càng thấy rõ mình bị sập bẫy.
- Sao hôm nay ra về văn chương chữ nghĩa dữ hà? Sến! Mà này, cũng nói thẳng thì tôi cũng chỉ thẳng cho cùng thấy sự sòng phẳng: Tôi cho cùng giàu sang, cùng bù đắp tình yêu cho tôi. Có gì lạ đâu? Ai cho không ai? Biết chứ. Xe hơi. Trên trời rơi xuống hả? Bẫy biết chứ. Bẫy xe hơi. Bẫy tình. Giống nhau hết à cưng. Tôi đưa cùng lên được thì hạ cùng xuống được. Tôi chọn cùng. Cùng có được chọn không? Giờ thì không. Không bao giờ được quyền từ chối, nghe chưa. Nói cho mà biết, kẻ nào chống tôi kẻ ấy thân tàn ma dại.

- Cô đừng hù dọa tôi. Tôi biết tổng là cô rửa tiền chứ giúp đỡ gì tôi.

- Thôi mà cưng! Chuyện đó đâu phải chuyện cùng quan tâm... Nói vậy thôi chứ em nỡ lòng nào làm cho cùng bị tổn thương...

Tôi hơi lạnh xương sống khi nhìn thấy đột ngột người đàn bà ngũ đoản quát mắt lên, nghiêng rằng: "Em chỉ búng tay một cái là cùng để tang vợ con ngay. Đừng để em phải xuống tay!

- Chết thì chết hết...
- Ấy chết! Cùng làm cho em thành người lảm lời rồi. Bản tính em đâu có vậy, phải không?

- Chết thì chết hết...

Nói cứng nhưng tôi hôm sau thấy điện thoại rung: "Cùng ơi, cùng à", tôi lại đánh xe vòng vèo rồi cuối cùng xe lượn vô công nhà trọ. Mụ ta khóa trái cửa, vút cái khăn tắm trắng tinh xuống nền nhà, mắt mụ đại si ép tôi vào tường, mụ xà vào kéo khóa quần, rút sợi dây nịt. Phải hơn mười phút sau, mụ mới đẩy tôi xuống giường. Tôi nằm bật ngửa ra nhắm mắt chịu đựng, mụ ta muốn vật vã tôi thế nào cũng xong. Nỗi nhục chất ngất trong lòng đã làm tôi dơ ra chẳng phản ứng gì được nữa. Tâm hồn tôi chỉ tràn ngập nỗi ế chế của một thằng điếm nhận tiền trước, một gã mặt hạng "bán lúa non" để bây giờ bấm gan tím ruột mà trả nợ. Sút tôi càng ngày càng kiệt đi, hai đầu gối lỏng xịch lỏng xạc, có lúc lên xuống xe đã muốn khuỵu chân, rã rời. Tôi thường chua chát tự hỏi: Lần này là lần thứ mấy trăm? Có đủ "lúa" để "đong" hết đời cho con dâm nữ này không?

Những lúc thấy lòng trống rỗng tôi thường đạp ga cho chiếc xe lao đi bất định trên con đường quốc lộ hun hút tối. Thường tôi tắt máy lạnh, mở cửa cho những cơn gió núi xoắn giạt khô khốc quét rơi vào mặt. Nhớ lại ngày đầu nhận cuộc hẹn với mụ ta, lòng tôi vui mừng biết bao. Là một cán bộ địa chính, cuộc sống kha khá cũng đã chuyển được màu chàm đỏ trên khuôn mặt tôi trở nên hồng hào hẳn ra. Vợ tôi thì mỗi ngày đều là ngày

vui, cứ giao một quyển sổ đỏ tại nhà bao giờ cô ấy cũng nhận được quả cáp gì đó. Chính sự đủ đầy kiểu hốt văng đó cũng góp phần thôi thúc khát khao vượt trội, khao khát trở thành đại gia trong tôi. Người đàn bà ngũ đoản nhìn thẳng vào mắt tôi, rằng mỗi không hở, chỉ nghe từ đó một giọng nói lơ lửng: Cùng đẹp trai, phong độ thật! Cùng rất xứng đáng được tôi chọn lựa để đặt niềm tin. Tôi nghe mà mở cờ trong bụng và biết mình đang cầm cơ hội đổi đời trong tay. Chuyện lo cho mụ vài chục mẫu đất rẫy gần khu du lịch là chuyện trong tầm tay của tôi. Chỉ thế thôi mà tôi sẽ nhận được hàng tỷ đồng, một khoản tiền mà trước đây, ngay cả trong giấc mơ tôi cũng không dám nghĩ tới. Giấc mơ tỷ phú đã khiến tôi nhấc tâm hất đi bát cơm của bao người, lúc lửa phình, lúc dọa nạt những người nông dân khố rách áo ôm mà có được những mảnh đất liền canh mênh mông. Hổ sơ giấy tờ, sổ đỏ sổ hồng là chuyện nhỏ khi tôi là một cán bộ địa chính đầy uy quyền ở cái thị trấn này.

Thời gian trôi người thật như ngựa chạy tên bay, mới đó mà đoạn đường trượt dài như nhuốc của tôi đã đi qua năm thứ năm. Tôi ngồi nhìn chằm chằm làn nước trong cái hồ bán nguyệt trước nhà. Tôi suy nghĩ mông lung rồi thành tâm ao ước một con đường hóa giải nào đó, một con đường mà đi vào đó tôi có thể giữ bỏ, tẩy sạch hết những sai lầm, những tội lỗi của mình. Tôi chợt rùng mình, thoát đầu cứ ngỡ có cơn gió lạnh. Ở đây, gió núi thường bất chợt như thế. Tôi vội đưa tay khép cổ áo. Nhưng rồi những cơn dạn lạnh lại lên tiếp ve vuốt sống lưng. Tôi định đứng lên nhưng có một sức hút kì lạ nào đó đã kéo ghì, không thể nhúc nhích. Nước hồ dường như đang dâng lên lao xao, tiếng nước vỗ vào thành hồ ngày càng mạnh. Một khung sáng chợt hiện hình dưới đáy nước, nó từ từ sẫm dần lại, tôi thấy rõ ràng nơi đó có sự chuyển động kì bí khó hiểu. Dường như có một vách ngăn vô hình giữa cái khung vuông đó với làn nước xanh kia nên sóng nước bên ngoài cứ lao xao mà không tràn vào được. Tôi dụi mắt mấy lần, nhịp tim như nhịp trống trong lồng ngực. Mắt tôi căng hết cỡ muốn rách cả mí, tôi đang bị một sức hút ghê gớm nào đó khống chế. Từ cửa sổ ấy, một đốm lửa hiện dần, to dần rồi nguyên hình mồn một là đồng lửa lớn hình tháp. Tôi kinh ngạc thấy cặp nam nữ trần truồng đang kì cọ cho nhau, mắt họ long lanh mê mẩn với nhau. Da thịt họ ửng hồng, bập bùng. Một trái pháo nổ tung đất đá, chém rạt cây rừng. Chỉ dùng lại một thoáng, đôi bàn tay người đàn ông lại mơn trớn chạy lướt khắp cơ thể người đàn bà. Đôi tay mềm nữ tính cũng như là bàn tay biết nói, chỉ nói bằng thứ ngôn ngữ riêng mình, lúc miết nhẹ, lúc mân mê, lúc quấn rết, lúc mềm dầy leo, lúc căng cáp thép. Đôi mắt họ dờ dại, khép lại. Hai cơ thể đã hòa quyện thành một một xương một thịt. Họ lại giang ra. Hai cánh mũi hồng hồng của người đàn bà miết hít, xoay vòng trên đôi ngực đá tảng của người đàn ông, càng lúc hai cánh mũi ấy càng quỳnh quíu dịch chuyển, lần lên má lên môi, đột ngột lặn xuống bụng, nhanh nhẹn nhập xuống giữa hai đùi người đàn ông. Mái tóc dài bung ra lác lác, bóng bính.

Không hiểu sao chính tôi, một kẻ đã lạnh giá lâu rồi, nay thấy cảnh tượng ấy cũng nhanh chóng mang lại cái cảm giác dễ mê tột đỉnh của ngày nào. Ngay lúc tôi vẫn mình muốn bay lên thì người đàn ông trong khung cửa đầy hồ cũng xoắn người lật phắc trong cơn cuồng mê đồng bão. Những chiếc lá rừng như những con mắt bị thôi miên bất động. Rừng yên. Trời lặng. Khi những cơn

sóng thôi không còn vỗ vập thì đôi mắt người đàn bà nửa quen nửa lạ ấy lại hiện ra long lanh, đen láy. Lời thì thảo khe khẽ rót vào tai người đàn ông: Em yêu anh... Em nghiện mùi anh mất rồi...

Tôi bàng hoàng dụi mắt, kì lạ thay, cơ thể đang co giật từng cơn, tôi không còn kiểm soát mình được nữa, tôi mơ hồ nghĩ tới căn bệnh thượng mã phong. Tất cả cứ trào ra ướt nhem. Tôi cố giữ, cố kềm lại như đang cố níu kéo sự sống chính mình nhưng tất cả cứ đang trào ra, vọt ra, cảm giác nhơm nhớp khắp cơ thể. Tôi yếu dần nhưng cơ thể vẫn chảy, tôi mất cảm giác nhơm nhớp, mất cả các loại cảm giác. Cơ thể tôi lạnh. Chỉ đầu óc chợt nóng ran, lóe sáng, tôi hiểu từ trong miền sâu thẳm của tâm hồn mình cái nguyên nhân bị kịch gia đình tôi, nguyên nhân căn bệnh của tôi. Tôi ngã vật ra ngay trên bờ hồ, tê lạnh dần cho đến khi trút hơi thở cuối cùng.

Blog Mua Thu.

Entry cuối.

Minh tỉnh ngủ giữa khuya và bắt gặp ánh mắt êm ái căng thẳng của chồng. Khép hờ chờ đợi. Bàn tay anh ấy vòng sang. Minh khẽ hít thật sâu, cố tìm lại hơi hướm của chồng ngày nào. Vẫn một mùi xa lạ. Mùi một người đàn bà nào nó thấm đẫm trong da thịt anh ấy đã làm cho mình tự dưng dị ứng. Cơ thể mình khép lại, cứng đờ, lạnh lẽo. Có gì lan ướt hai khóe mắt. Ước gì mình khóc nức lên được, mình gào thét lên được như mưa gió ngoài kia.

Minh quá đau đớn, quá bất ngờ vì đó là đêm cuối cùng của vợ chồng mình. Tan nát. Trống rỗng. Một kết thúc khi đang sống không con người nào dám nghĩ đến. Nó đã đến với mình. Người ta xì xào về sự ra đi khó hiểu của anh ấy. Minh vốn mệt mỏi càng thêm mệt mỏi. Minh nghĩ đến cửa chùa. Chỉ có cửa chùa là chốn nương náu cuối cùng của mình. Minh không cần đến trang blog này nữa. Vĩnh biệt tất cả! Minh biết rất rõ tình trạng mê loạn của mình. Biệt thự. Xe hơi. Tiện nghi. Để mà làm gì khi con người không còn là chính mình? Minh không chịu nổi cuộc sống này. Mâu mê. Mê như chồng mình rồi cũng ra về tay không. Cái mình cần nhất ở anh ấy thì lại không còn nữa. Cái mùi chồng, mùi vợ, mùi người của những ngày tắm lửa với nhau chỉ còn trong giấc mơ, trong xa mù kí ức.

Minh lên chùa thật. Lần đầu tiên mình sai người sắm hoa quả lên chùa. Khói nhang nghi ngút. Minh phải dụi mắt liên tục mà vẫn cứ cay sè. Minh cúi đầu khấn nguyện rồi bước vòng phía sau chánh điện. Tượng ông ác đen xì, nhe nanh đe dọa ở bên trái. Tượng ông Thiện trắng trẻo có nụ cười bao dung hiền từ bên phải. Minh đi thấp nhang cho tất cả. Không biết loay hoay thế nào mà mình cứ lòng vòng, như là bị ma đưa lối quỷ dẫn đường, không trở ra cửa được mà đi qua hướng khác cũng không được. Minh cứ luẩn quẩn chẳng biết do con đường phải trái đã đổi chỗ hay do chính ông Thiện, ông ác đã đổi thay. Mồ hôi lạnh hai bên thái dương cứ tuôn tủa. Minh quy xuống nghĩ đại rồi lại ước sao nguyên nhân chỉ đơn giản là thuộc về mình, chắc quá kiệt sức, quá mệt mỏi nên đầu óc chập choạng đó thôi.■

Trại sáng tác HỘI NVVN- Đà Lạt, 3/2011

N.H

THÀNH PHỐ SÔNG LAU

Tùy bút của PHONG NGUYỄN

HỒN. Dòng sông Cái Nha Trang như ảo huyền hơn trong một màu chiều tím thẫm. Mấy cánh chim nhỏ chao nghiêng, nhìn sao quá bé bỏng. Trong khói sóng mờ màng, đầu đó nghe ngậm nga mấy câu thơ cổ:

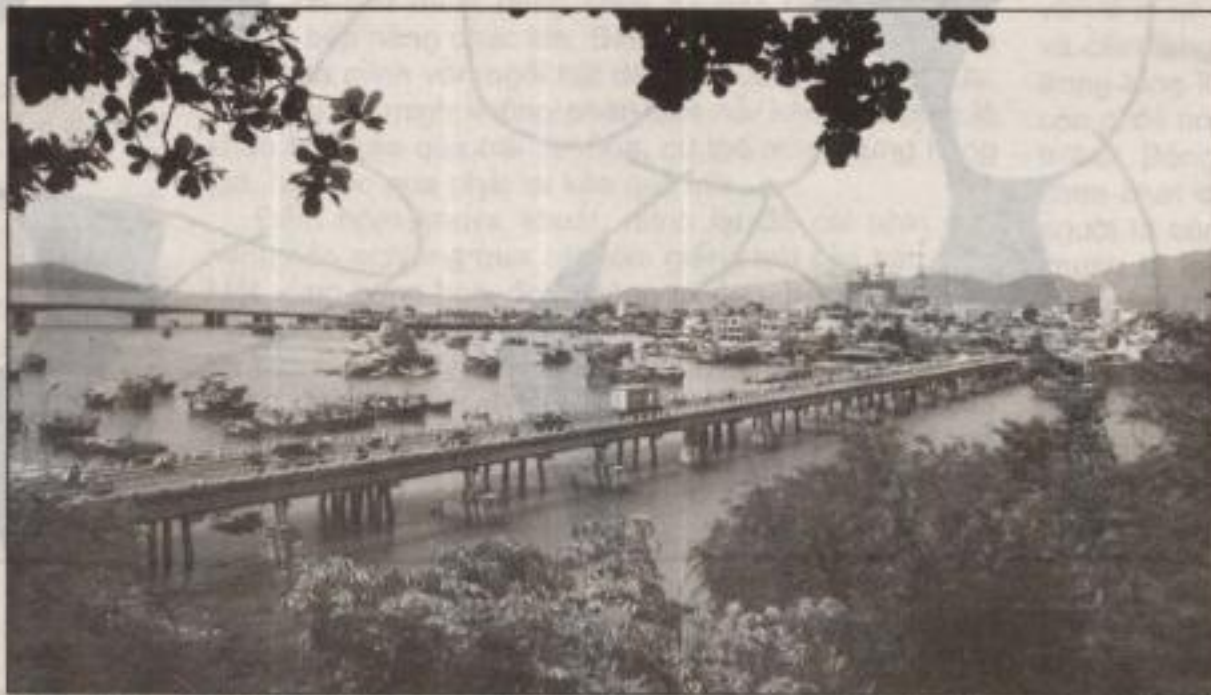
*Lưỡng ngạn vi lô trường đảo hải
Tứ biên hoàng điệp dục vi thu.*

Tạm dịch: Hai bờ lau sậy kéo dài tới biển; bốn bên là ủa giục thu về. Nha Trang - Yjatan - tiếng Chăm có nghĩa là dòng sông có nhiều lau lách. Bây giờ, hai bên bờ sông, không còn nhiều lau lách như xưa nữa. Và, Nha Trang, tên gọi thiết tha từ một dòng sông ngày nào giờ là tên gọi thân thiết của một thành phố trẻ.

Nha Trang có một dòng sông giữa phố. Những đêm trăng thanh gió mát, tôi và mấy người bạn lấy ghe máy chạy lên phía thượng nguồn sông Cái, không cần đi xa lắm, đến cầu Vĩnh Phương thôi chẳng hạn, rồi tắt máy, cho ghe lơ dờ trôi xuôi dòng... Cả một dòng sông đầy trăng. Nghe, nhìn cho no. Và nhấm nháp đôi chút gì đó để gọi là thắm thía cái tình sông nước. Bây giờ, những nhọc nhằn, những lo toan thường nhật dường như tan biến đi đâu cả. Chỉ thấy cái kho báu của tạo vật đầy gió mát trên sông, đầy trăng trong trong núi của Tô Đông Pha ngày nào giờ như đang ở trong tay; cứ liệu đó mà tiêu xài cho thỏa chí!

Tôi gọi đó là một Nha Trang sông. Hương đồng. Gió nội. Những nếp nhà xưa ngói phủ rêu xanh; im ắng, thấp thoáng dưới mấy rặng tre già. Đây đó, có mùi ngai ngái của rơm rạ cũ, của phân trâu; có hương thơm thoang thoang của lúa đương trổ và hoa cau đương nở. Và, tôi nghe xa đưa mấy khúc ru ơ hờ, hòa cùng tiếng kéo kệt vồng đưa trong mênh mang những tiếng gà trưa.

Nhưng, theo thời gian, dòng sông Cái Nha Trang ngày mỗi đổi thay tâm tính. Cầu gắt và đông đúc. Bởi nó mang nặng trong mình những vết thương; do khai thác cát quá mức, do cư dân sống trên sông, xả rác tràn lan... May mắn thay, tỉnh Khánh Hòa đã sớm nhận ra điều đó. Và khôi phục dòng sông Cái là một quyết tâm lớn của tỉnh. Dự án chỉnh trang đô thị ven bờ sông Cái được coi là khâu đột phá trong việc khôi phục dòng sông; vừa tạo cảnh quan đô thị cho thành phố du lịch vừa mở rộng thành phố ra phía Bắc và phía Tây. Trong tương lai, khi hoàn thành, dự án sẽ khoắc cho dòng sông Cái Nha Trang một chiếc áo mới long lanh. Sẽ không còn những căn nhà chơ nhếch nhác, không còn rác rưởi trên dòng sông đen nặng chẩy. Dòng sông rồi sẽ trong xanh; rồi sẽ khàng trang hơn xưa, và sẽ đóng góp một phần nhỏ bé của mình vào công cuộc phát triển kinh tế địa phương theo hướng cơ cấu dịch vụ, du lịch - công nghiệp - nông nghiệp.



Bên dòng sông Cái - Nha Trang

Nha Trang là thành phố biển. Điều ấy đã hằn. Biển xanh. Cát trắng. Nắng vàng. ấy là những sắc màu đầy sức gợi cảm của Nha Trang. Nhìn mồn một vậy, mà sao vẫn cứ lung linh, huyền ảo. Đã bao nhiêu lần rồi, đã bao nhiêu lần rồi, biển Nha Trang dịu dàng ghi dấu kỷ niệm của khách viễn phương; và cũng sẽ chia sẻ những ấm lạnh, hàn huyên cùng người bản xứ.

Những lần đi xa về, bước chân xuống sân bay Cam Ranh, tôi luôn cố hít vào một hơi thật sâu. Để nghe trong không gian thân quen một cảm xúc thật nhẹ nhàng, thật dịu dàng. Chẳng biết có phải bởi xuất phát từ những cảm xúc nhẹ nhàng, dịu dàng ấy chăng mà người dân Nha Trang dường như không mấy khi vội vã. Nhìn người đi trên phố, thấy cứ khoan thai, thư thả mà nghe lòng thật bình yên.

Yến sào Hòn Nội

Vịt lội Ninh Hòa.

Câu ca ấy lưu truyền đã lâu lắm, nhiều người thuộc. Yến sào, tức tổ yến. Chim yến lấy nước dãi của chính mình để làm tổ nuôi con. Thứ nước dãi vô ngần quý giá ấy Đông y gọi là "tâm dịch" hay "ngọc dịch", có tác dụng làm sạch cơ quan hô hấp; cân bằng

các quá trình trao đổi chất; bổ huyết; tăng cường kích thích sinh trưởng cho trẻ bào...; giúp con người tăng cường sinh lực, chống lão hóa, tăng tuổi thọ. Còn thịt vịt Ninh Hòa thì ngon khỏi phải nói. Chao ôi, cháo vịt nghi ngút khói, rắc bên trên chút hành tiêu. Rồi một chút thịt vịt chấm mắm gừng mà ngồi nhâm nhi mấy cốc rượu bên đường trong đêm lạnh... Về Nha Trang, khách có thể nhâm nhâm tôm hùm. Con tôm còn sống, lấy "tiết" pha rượu, mình tôm lấy một ít để sống, quăn cải xanh chấm mù tạt, phần còn lại cho lên bếp than hồng. Nhiều quý ông đi Nha Trang nhắm "tiết" tôm hùm về lại được quý bà nhà tặng thưởng thêm... một chuyến về lại Nha Trang.

Quả thật, ở Nha Trang, món ăn vô cùng phong phú. Từ cao lương mỹ vị như cá, yến sào... đến bình dị, dân dã như bún cá, nem chua... thấy đều có cả.

Có ai đó nói rằng, Nha Trang là một thành phố trẻ. Tôi không lạm bàn điều ấy. Chỉ biết rằng, mãi đến giữa thế kỷ XIX, Nha Trang vẫn là một vùng đất hoang sơ, thuộc huyện Vĩnh Xương, phủ Diên Khánh. Và cho đến năm 1924, Nha Trang cũng mới chỉ là một thị trấn, với những ngôi làng cổ nhỏ

nhỏ, gồm Xương Huân, Phương Cầu, Vạn Thạnh, Phương Sài, Phước Hải.

Cách đây không lâu, người dân Nha Trang còn đọc thơ rằng:

Mả Vòng đêm vắng ma trên nguyệt

Phước Hải rừng Xuân cộp thường mai

Nghe quạnh quẽ, và tịch liêu quá! Nhưng, nay đã khác lắm rồi. Mả Vòng, Phước Hải đã rộn ràng phố thị, rậm rịch chân người. Mà đâu chỉ có Mả Vòng, Phước Hải? Nha Trang đang lớn dần lên, rộng dần ra về cả các phía Bắc, phía Nam, phía Tây với một phong độ trai trẻ xuân thì, áo mới vừa may xong đã chật.

Theo quy hoạch chung đến năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ, Nha Trang sẽ là trung tâm kinh tế, khoa học kỹ thuật và giáo dục đào tạo của vùng duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên; là một trong những trung tâm du lịch có ý nghĩa quốc gia và quốc tế. Thực tiễn phát triển trong những năm qua cho thấy, Nha Trang ngày càng thể hiện rõ nét là một trung tâm du lịch biển và du lịch văn hóa quan trọng của cả nước; đã và đang phát huy tốt chức năng là đô thị trung tâm chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật và giáo dục đào tạo của vùng duyên hải Nam Trung bộ. Nha Trang đang được nâng cấp, nâng tầm. Không chỉ bằng việc may thêm áo mới cho vừa, cho đẹp, mà Nha Trang còn đang được nâng tầm suy nghĩ, nâng tầm nhận thức của người dân và cộng đồng trong việc xây dựng hình ảnh một đô thị Nha Trang xanh, sạch đẹp; văn minh và thân thiện.

Ở trên, tôi nói về một Nha Trang sông, và một Nha Trang biển. Tôi lại còn muốn nói tới một Nha Trang nữa. ấy là một Nha Trang của những ngày vui. Vui, bởi những hội hè ngày mỗi thân quen, đầm ấm. Đồng bào, anh em mọi miền hội tụ, hân hoan chung một điệu hò, cùng một nhịp trống. Vui, bởi những cuộc trùng phùng, tay trong tay không muốn rời xa. Những màu da khác nhau, những ngôn ngữ khác nhau từ bốn phương gặp nhau ở đây mà sẽ chia, mà trao nhau bao nhiêu thông điệp về cái đẹp, về cái thiện đầy ấp nhân văn. Rồi đây, khi được tập trung xây dựng thành nơi chuyên tổ chức các sự kiện chính trị, văn hóa, thể thao, du lịch... mang tầm cấp quốc gia, quốc tế, những ngày vui trên Nha Trang sẽ được tiếp nối cho dài thêm, dài mãi; để niềm vui cứ vậy mà nhân lên, mà ngập tràn, òa vỡ cùng sóng biển xôn xao...

Những ngày tôi xa Nha Trang, cứ nhớ những buổi chiều. Có chút nắng quái tình nghịch, cười vui trên nón lá người em gái bên đường. Có chút gió phồng phồng về từ khơi xa, nghe nồng nàn phong vị biển cả. Và có những dáng người khoan thai trên phố. Vừa lạ. Vừa quen.■

SỔ TAY THƠ



*Cơm đã chiến nấu bằng bếp điện
Rau muống xanh như hái tự ao nhà
Trời còn đầy ắp hoa và pháo
Nhìn nhau chưa vội mở vung ra*

*Màu xanh - sân cỏ xanh mãi miết
Quây quần đông đội đến vui chung
Hàng cây so đũa cùng ta đó
Ăn bữa cơm ở địch cuối cùng*

*Khách thường: thương mấy anh nhà báo
Theo táng bằng đốc mấy mươi ngày
Sáng chiếu núi Bồng, chiếu Cửa Thuận
Vượt đèo Phước Tượng buổi chiều mây*

*Tàng vắn dần theo hình chiến đấu
Xích còn vương đỏ đất Phan Rang
Vừa mới vào mâm, anh nuôi bận
Chia thêm tổng - thống - ngụy - đầu - hàng*

*Kìa gấp đi anh, ai nấy giục
Có gấp chi đâu, mãi ngậm trời
Tự do xanh quá, mệnh mỏng quá
Vượt mấy ngàn bom mới tới nơi*

Bỏ lại đằng sau bao trận đánh

BỮA CƠM CHIỀU TRONG DINH ĐỘC LẬP

*Kịp vào thành phố sáng tên Người
Độc lập theo tầng vào cổng chính
Cờ treo trên đỉnh nước non di!*

*Ta trẻ như cờ ta trẻ lắm
Ta reo trời đất cũng reo cùng
Ta no cười nói, say đôi mắt
Bát canh ngày hẹn cũng mênh mông*

1975

HỮU THỈNH

Lời bình của NGUYỄN NGỌC PHÚ

NGÀY Đại thắng 30-4-1975 còn âm vang mãi đến hôm nay. Những bức ảnh lịch sử, những thước phim nóng hổi, những bài ca hào hùng, những trang ký sử chiến tranh còn vương mùi khói đạn. Nhà thơ Hữu Thỉnh - người lính trực tiếp cầm súng với tư cách là phóng viên mặt trận đã có mặt tại dinh Độc Lập và ghi lại "Bữa cơm chiều trong dinh Độc Lập" thật độc đáo và cảm động trong giây phút thiêng liêng ấy. Góc độ quan sát của nhà thơ như một ống kính thu nhỏ đến từng chi tiết nhưng góc mở của tâm hồn thì nở rộng. Bài thơ viết thật giản dị với sự phát hiện tinh tế khi anh nhận ra "Hàng cây so đũa cùng ta đó". Với tâm trạng thăng thớt "Trời còn đầy ắp hoa và pháo - Nhìn nhau chưa vội mở vung ra". Giữa chói lọi sắc hoa chiến thắng trong bữa cơm đã chiến nấu bằng

điện nhà thơ bất chợt phát hiện ra "Rau muống xanh như hái tự ao nhà". Chỉ một câu thơ ngắn đã lấy ra được phía sâu thẳm của tâm hồn người lính thi sĩ. Cái gạch nối giữa chiến trường và hậu phương được rút ngắn lại. Đó cũng là nét đặc trưng thuần Việt của anh lính cụ Hồ. Giữa bốn bề chiến trận chỉ mấy phút hạ nhanh nhà thơ Hữu Thỉnh đã dựng dậy được thần thái không khí cuộc chiến thật ác liệt "Tàng vắn dần theo hình chiến đấu - Xích còn vương đỏ đất Phan Rang" và "Độc lập theo tầng vào cổng chính" - một tư thế hùng dũng của người thắng trận. Lại nữa, ống kính tâm hồn của thi sĩ đã thu được một cận cảnh rất giá trị thật hóm hỉnh bất ngờ "Vừa mới vào mâm, anh nuôi bận - Chia thêm Tổng - thống - ngụy đầu hàng". Bữa cơm chiều 30-4 tại dinh Độc Lập thật đặc biệt có đủ các thành phần từ anh lính bộ binh, thiết giáp đến phóng viên nhà báo và có cả kẻ bại trận là Tổng thống Ngụy. Bài thơ có nét trầm tĩnh đầm sâu vừa đầm say bay bổng: "Có gấp chi đâu, mãi ngậm trời - Tự do xanh quá, mệnh mỏng quá". "Tự do xanh quá" gợi lên cho ta cái khát khao sự sống tự do của vòm trời xanh, sân cỏ xanh mãi miết của màu quân phục xanh. Hữu Thỉnh không nên được niềm vui quá lớn, anh đã reo lên: "Tự do xanh quá" là sức xanh trội dậy từ tâm hồn người lính trẻ. Chỉ tiếng reo thôi đã cất nghĩa được vì sao chúng ta chiến thắng không cần phải lý giải nhiều lời, tất cả đều được ghi lại bằng cảm giác ẩn tượng của tâm hồn. Đó chính là chất thơ lung linh lan tỏa từ hiện thực khắc nghiệt của đời sống. Nếu không có cái thăng thớt ấy thì bài thơ giống như một ghi chép báo chí giảm hẳn sức truyền cảm thuyết phục. Khổ cuối cùng là khúc vĩ thanh đến cao trào tưởng như không dứt ra được thì đột nhiên từ thơ lắng lại bằng câu kết thật tâm trạng: "Bát canh ngày hẹn cũng mênh mông" - chan chứa thêm niềm đầm say nhân hậu trong ngày vui chiến thắng...■



Nhà thơ Lê Văn Ngân sinh năm 1944 ở làng Niêm Phò, xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế; hiện sống tại TP Quy Nhơn, Bình Định. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, nguyên Phó Chủ tịch Hội VHNT Bình Định. Thơ in trong nhiều tuyển tập trong và ngoài nước nhưng chỉ có một tập riêng "Viết dưới bóng quê nhà" (NXB Hội Nhà văn-2008).



SÓNG VẦN ĐẬP VÀO EO BIỂN

ĐÀO ĐỨC TUẤN

TÔI ĐÓ RẰNG khúc thơ Từ đó tôi dành niềm tin / Cho các nhà thơ không bao giờ lớn tiếng là một tuyên ngôn của thi sĩ Lê Văn Ngân. Bởi cả trong chuyện "khai báo" trích ngang cuộc đời - tác phẩm trong các tuyển tập, ông cũng chỉ ngắn gọn "có những người bạn thân ở nhiều nơi trong nước", càng làm cho người yêu thơ ông thêm "mù mờ" với một đời thi sĩ nhiều giai thoại....

HIỆN SINH... DẪN DẪ

Quy Nhơn đầu đã 15 năm rồi. Một người bạn nói: Tí nữa Lê Văn Ngân tới. Tôi khắp khởi hồi hộp trước một tên tuổi đã biết "nhàu nát" qua sách báo, và thơ ông đã góp "gia tài" chúng tôi một thời sinh viên khốn khổ. Lê Văn Ngân là một tiếng thơ vang dội, lừng lừng trong phong trào học sinh-sinh viên yêu nước trong các đô thị miền Nam trước 1975 và từ bấy đến giờ vẫn tá xung hữu đột tinh khôi trên văn đàn...

Rẽ chiếc xe đạp cà tàng vào quán nước trước Bến xe Bình Định là người đàn ông với nước da nâu, gầy rảnh rỗi, nét mặt nửa như hờn nửa như trầm tư. Nhà thơ Nguyễn Thanh Mừng nói: "Thi sĩ Lê Văn Ngân đó!". Hồn hậu một cách dễ chịu, nhà thơ nhẹ nhàng cười chào, ngồi xuống và nâng ly, xoa khoảng cách tuổi tác ngay từ đầu. Thi sĩ có giọng thơ cực kỳ hiện đại lại mộc mạc như một lão nông vừa dưới quê lên... Sau này, bao lần gặp nhau, Lê Văn Ngân vẫn dáng đạp xe chầm chậm khỏe, nửa chú ý nửa lơ đãng; về mặt nửa khắc khổ, nửa như chả gì quan trọng... Nói chung, đi đâu ông cũng chỉ xe đạp, bởi... không thích xe máy.

Tôi vẫn còn nhớ như in cái cảm giác tươi mới trong những ngày sinh viên Đà Lạt khi đọc thơ Lê Văn Ngân. ấy là những bài thơ ông "gửi cho đồng vui" (như sau này ông tâm sự) dự thi thơ Tuổi báo Văn Nghệ 1990 - 1991 và sau đó đoạt giải nhì. Đây là một trong những giải thưởng hiếm hoi của ông "bị lộ diện", bởi ông không thuộc tạng thích đem tác phẩm đi thi thố, kể cả in tập; trong lúc, thơ ông khá nổi tiếng với nhiều bạn đọc, nhiều người hỏi thúc sản phẩm bỏ tiền tài trợ để ông in; mãi đến khi bước sang tuổi 65, ông mới chịu cho in tập... công khai "Viết dưới bóng quê nhà" với 46 bài trong hàng ngàn thi phẩm của mình. Khi tôi hỏi về những tập thơ của ông mà đó đây vẫn nhắc, như "Vào một thời in bóng", "Thư về Hà Nội", "Trên đồng bằng", "Sóng vỗ vào eo biển",... thì quả thật: "ừ, mình nhớ tập này có, tập kia... cũng có. Nhưng toàn là in "chui" thôi, nghĩa là đồn thổi lại, in roneo phát bạn bè đọc chơi...". Chính xác, nếu là thơ in có phép thì cho đến nay ông chỉ mỗi tập "Viết dưới bóng quê nhà"...

"Già" Ngân tác lược: "Thơ của thi sĩ thuộc về người đọc, thơ hay thơ dở chỉ cần "lộ" ra một tí là thiên hạ biết ngay! Chỉ cần in báo, in mấy tuyển chung với anh em... kiểm tra nhuận bút cá phê là đủ rồi...". Đã có ngàn lần thơ rớt rớt đến quyết liệt, nhưng bản tính lạnh lẽo vẫn là dấu ấn lớn nhất của đời ông, khiêm nhường cả trong lúc... say! Giọng Huế rất rí, dấu ấn trọn cuộc đời sống xa quê. Những dòng thơ xuôi theo tâm tưởng, không một chút vấn vế nhưng đầy nhạc tính...

Nhà thơ Nguyễn Tường Văn, người sát cánh với Lê Văn Ngân trong phong trào học sinh, sinh viên yêu nước tại Đà Lạt, nói: "Lê Văn Ngân thực sự là một "huynh trưởng" trong những ngày đầu tranh cam go ở Đà Lạt. Những bài thơ rực lửa của anh trên các tờ Đối diện, Trình bày, ... đã góp phần kích thích tinh thần yêu nước, sẵn sàng xả thân vì dân tộc ngay trong lòng đô thị luôn bị bóp rập của Mỹ - Ngụy...". Nguyễn Tường Văn còn cho hay: Hồi những năm 1970 - 1973 ở Đà Lạt, có lúc buộc phải khoác áo lính nguy "quên", Lê thi sĩ luôn mặc kiểu xộc xệch "lộn trên lộn dưới"; ví như lấy cả vật làm dây nịt... thò ra lòng thông, trông rất "ba gai", khiến cho đám chỉ huy thời đó ngó mãi cũng... ngán...

Anh em văn nghệ miền Trung vẫn lưu truyền nhiều giai thoại về tính đàng trí của Lê Văn Ngân. Là người gắn gũi Lê Văn Ngân nhiều năm, nhà thơ Nguyễn Thanh Mừng nhận xét: Thi sĩ họ Lê là một người hạnh phúc nếu hiểu theo cái nghĩa một nhà thơ mà khi nhắc tên, anh em thường kèm theo đó hàng loạt hàng loạt những giai thoại. Anh mây trời gió nước đến nỗi khi đi nhậu khuya về gọi cửa, anh quên mất tên bà xã mà gọi đích danh bà hàng xóm. Anh đi với tôi, gặp nhà thơ X, anh mừng rỡ luống cuống bảo: "Trời ơi, lâu quá, giới thiệu với ông đây là nhà thơ Y" là chuyện hết sức bình

thường. Đến nỗi khi gặp nhà thơ A, anh vui vẻ giới thiệu với tôi là A rồi, tôi chơi ngẩn ngơ thả vào tai anh: "Đó đâu phải anh A". Lập tức anh bắt tay lại anh A và: "Xin lỗi B nhé, hồi này mình quên nên giới thiệu là A"....

Ông nhăm người ta vô hồi kỳ trận. Nhưng hình như có "luật nhân quả", người thân của ông cũng đã có lúc nhăm trở lại. Chuyện là thế này: Hôm về Huế, một người bạn làm nha sĩ nhìn cảnh ông "hàng tiền đạo bị thể đỏ", tức "lợi một bên mà răng một bên", thương tình tài trợ cho bộ răng giả xịn, ông đáp tàu về Quy Nhơn định khoe với vợ trước tiên, sau đó mới đến khoe với anh em cơ quan. Vợ ông ra mở cửa, nhìn miệng mồm ông mới "tân trang", tưởng vị khách lạ nào, buột miệng: "Anh Ngân về Huế chưa vợ, có gì hôm khác anh lại!"...

Còn chuyện ông mê ngồi quán sô tòi "xe - pháo - mã", sợ mất xe đạp nên chạy ra khóa nhăm xe người khác cũng là chuyện... thường. Chỉ có chuyện ông "sáng chế" ra bài thuốc trị bệnh dạ dày của mình bằng cách... uống bia, thì thật khó mà có ai dám áp dụng theo!

QUY NHƠN... THÀNH PHỐ THI CA

Ở Bình Định, nhà thơ Lê Văn Ngân và nhà thơ Nguyễn Thanh Mừng hay tiếp các nhà văn từ các nơi trong nước về cũng như các nhà văn hải ngoại, như Nguyễn Mộng Giác, Tạ Chí Đại Trường... Kỷ niệm xưa ủa về trên từng góc phố Quy Nhơn, nơi những con người này, già trẻ khác nhau, nhưng đều quen thuộc từng gốc cây trứng cá, mùi nước mía, bánh xèo và bao nhiêu sự ồn ào của một vùng đô thị đối mặt với chiến tranh, từ trước 30-4-1975. Vượt lên trên những ồn ào, họ đã có những trang viết đầy bản sắc về Quy Nhơn. Một bữa, đã "tê tê" mấy chén, Lê Văn Ngân bỗng nói với tôi "mình nhớ quãng đời gian khổ mà tươi đẹp", ấy chính là... thời tán gái, thời mà bài thơ "Sóng vỗ vào eo biển" được phát trên Đài Phát thanh Giải phóng. Và "eo biển" này đích thị là cái Eo Nín thờ giữa thành phố Quy Nhơn, mà hồi xưa chủ yếu là rác, nên mỗi khi đi qua ai nấy đều phải nín thở chạy cho mau, thành tên Eo Nín thờ từ ấy. Eo Nín thờ bây giờ được cải tạo lại đẹp rồi, nhưng mỗi lần cùng anh em bè bạn ra nhậu, Lê Văn Ngân vẫn hay gọi là đi "ăn biển" để nhớ lại một thời...

Là người không thích sự ồn ào, nên ít khi thấy ông xuất hiện trong những dịp hội hè, đình đám. Ngay cả trong những đêm thơ cũng vậy. Ông thường nói đùa, rằng thà bắt ông ra tra tấn còn dễ chịu hơn bắt ông ra đọc thơ. Nhưng khi đã thương ai mến ai, thì ông lại không nề hà một việc gì. Ví như vào dịp Rằm tháng Giêng vừa rồi, theo lời rủ của bạn bè, ông đã cùng một số anh em văn nghệ sỹ trèo lên tận đỉnh ngọn núi Đá Bia kỷ diệu của xứ Nẫu. Rủ nhau trèo lên đỉnh núi cao 706 mét, hàng năm bảy tiếng đồng hồ vượt suối leo dốc, tuổi ngót nghét bảy mươi của ông cũng xem đó là việc xoàng. "Ghét thì một bước cũng không đi, nhưng quý mến nhau thì đeo dốc là chuyện nhỏ", ông nói vậy khi mái tóc bạc bóng bết trong mây, Nguyễn Tấn Tân Mỗ chinh phục Thạch Bi Sơn hùng vĩ bên xứ Phú Yên trấn biên một thời...

Ở Bình Định, nếu hỏi Lê Văn Ngân đang ở đâu, muốn như câu rượu, bia, hay cà phê giờ nào... thì có Nguyễn Thanh Mừng biết. Hồi còn làm chung ở Hội VHNT Bình Định (Ngân "phó", Mừng "chủ"), hai ông này hay rủ nhau đi "trốn thơ". Lý do là ở Hội văn nghệ vốn có nhiều vị khách tóc tai bù xù, sáng sớm đã triu hơi men, kẹp chai rượu và cuốn sổ tay, tới tìm hai người để "đọc bài thơ mới làm hồi hôm, hay lắm..." tràn giang đại hải không có dấu hiệu dừng. Quá mất thì giờ, hai ông rủ rí tìm diệu kế. Vậy là về sau này, hễ khách vào ngồi phòng Nguyễn Thanh Mừng thì năm mươi phút sau có Lê Văn Ngân gọi sang báo lên ủy ban... họp. Hễ khách vào phòng Lê Văn Ngân thì cũng năm mươi phút sau Nguyễn Thanh Mừng gọi lên ủy ban ... họp. Thực ra hai ông gọi giải vây cho nhau, rồi cùng kéo ra... quán.

Ở Quy Nhơn, Lê Văn Ngân, Nguyễn Thanh Mừng và một số anh em tâm đắc vẫn thường ngồi tâm sự mọi thứ trên đời, trừ... thơ. Riêng câu "Quy Nhơn thành phố thi ca / Ăn cơm thì ít, bê-tô (BIA) thì nhiều..." được coi là ngoại lệ... Có lần hai ông bị mấy hội viên bắt quả tang, họ vạch mặt ngay, thậm chí còn lan truyền đồn đại là "kiêu", coi thường anh em. Hai ông đồng tước vô Tuy Hòa, gọi mấy chiến hữu cũ, nhậu từ chiều đến khuya để giải sầu. Bữa đó Nguyễn Thanh Mừng tự kiểm điểm rằng có Nguyễn Thanh Mừng ở đâu, Lê Văn Ngân bị tai bay

và gió ở đó. Vì ông Mừng hay ngồi kể chuyện "thâm cung bí sử" trước mặt ông Ngân, ông Ngân thì cứ nâng ly "ờ ờ, chuyện đó chỗ nào đúng là đúng như ông Mừng kể, chỗ nào chưa đúng là do ông Mừng hư cấu!"...

Năm ngoài, Lê Văn Ngân đi dự trại sáng tác của Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân ở Nha Trang. Thực ra, Nhà xuất bản mới ba suất, gồm nhà thơ Lê Văn Ngân, nhà thơ Nguyễn Thanh Mừng và một người nữa. Sau đó duyệt lại, họ gọi ông Mừng bảo chỉ hai suất, ông Mừng phải rút để người thứ ba kia khỏi thất vọng. Nhưng ông Ngân chỉ muốn đi với ông Mừng. Ông Mừng bèn chiều ông Ngân bằng cách cứ để ông Ngân và một nhà thơ khác dự trại Nha Trang, rồi nửa chừng trại, ông bí mật từ Quy Nhơn vô "cuỗm" đồng chí Lê Văn Ngân lên Đà Lạt. Cái vụ Đà Lạt cũng vui, trước đó mấy anh em hội viên Bình Định lên trước, nhà điêu khắc Phạm Văn Hạng, bạn thời trước 1975, tới hỏi có anh Ngân lên không, họ trả lời không có anh Ngân trong danh sách, đương nhiên không lên. Phạm Văn Hạng hỏi tiếp có anh Mừng lên không, họ bảo anh Mừng mai lên khai mạc. Ông Phạm Văn Hạng nói chắc mẫm: Mai thế nào cũng có anh Ngân lên. Quả đúng thế thật! Bữa đó ông Mừng ngồi nhậu với ông Ngân, ông Hạng ở nhà hàng Thủy Tạ bên hồ Xuân Hương, râu tóc bạc phơ, toàn nói chuyện cười...

THƠ ĐOẠT GIẢI CŨNG CHƯA BẰNG LÒNG

Cách đây gần hai mươi năm, tôi thuộc lòng bài "Quà tặng", đầu không phải là tác phẩm vô giải năm đó của ông: Anh gửi tặng em tiếng chuông đồng hồ điểm / để ở hai nơi cách xa nhau, chúng ta cùng thức dậy giữa đêm khuya / thăm hỏi về những tháng năm đã sống / Hạnh phúc thường đến kèm theo những nỗi sợ hãi... Còn một trong hai bài được trao giải Văn Nghệ là "Xa Đà Lạt" thì vẫn khiến ông day dứt: "Đà Lạt, nơi chứa đựng nhiều kỷ niệm sâu sắc, giờ nghĩ lại xấu hổ vì những điều mình nói trong thơ cho thấy mình chưa hiểu bao nhiêu về con người của miền đất ấy...". Thế là ông dứt khoát không đưa vào tập thơ "công khai".

Xuề xoa trong cuộc sống nhưng quá khắt khe trong sáng tạo; nặng lòng với người quen thân và những vùng đất của kí ức đã làm nên một miền tương tư trong những việc làm, những cuộc hàn huyên của ông. Và rồi ông lao động chữ... Nói như ông Dương Tường, người ta không thể trở thành nhà thơ - hoặc anh là thi sĩ, hoặc anh chẳng bao giờ là thi sĩ. Lê Văn Ngân thuộc vào trường hợp chẳng bao giờ có làm nhà thơ, bởi trong máu và cả đời ông là thi sĩ; quả thật, tôi cảm nhận ông chỉ cần nhủ mảy, hắt hơi một cái đã là... thơ!

Trò chuyện nhiều lần, mãi rồi Lê Văn Ngân mới chịu "khai": năm học đệ thất (lớp 6 bây giờ) ông từng có thơ in trên Báo Phụ nữ Thứ bảy - Sài Gòn. 18 tuổi, ông viết bài "Người phu xe": Cha đã lần cho con những vòng xe / mớ hôi chầy xuống lấp lánh mặt trời / độ sức cùng thiên nhiên! (...) Sao mà những nếp nhăn / sao mà khuôn mặt héo...; bài thơ này đã làm Thái Ngọc San (nay đã mất) và nhiều bạn bè khác xúc động khôn xiết!

Thiếu sinh viên (khóa 3, năm 1964-1966) ở trường Sư phạm Quy Nhơn, ông đã từng in roneo tập thơ có tựa "Trên đồng bằng". Năm 1972 Đài Tiếng nói Việt Nam và Báo Văn Nghệ phát đi bài thơ "Sóng vỗ vào eo biển", tờ Thống Nhất đăng bài "Đất của những người bất phục" khiến tên tuổi Lê Văn Ngân được kể sĩ Bắc Hà chia sẻ như một đồng chí trên cùng một chiến tuyến...

Sở với nhiều bạn bè tài hoa cùng thế hệ, tên tuổi Lê Văn Ngân lặng lẽ hơn rất nhiều, nhưng cái lặng lẽ đó mới để thành một giọng điệu lắng mạn đến tận cùng, hiện thực đến tận đáy, làm sứt se cả thi đàn hiện đại. Ngoại trừ một số bài thơ thuở đôi mươi và ứng khẩu trả đũa hậu, thơ Lê Văn Ngân như nhất một giọng văn-xuôi-không-vấn-đầy-nhịp-điệu của một bản năng thi sĩ luôn tự biết làm mới mình qua từng cơn chữ...

Trong đời gặp gỡ và cảm nhận về các nhà thơ, tôi thấy Lê Văn Ngân là một người hiếm hoi "sống gì mình viết nấy" và ngược lại. Nói như nhà thơ Ngô Thế Oanh, "thơ Lê Văn Ngân thấm vào ta những cảm xúc bao giờ cũng chân thực, chân thành và với một thứ nhạc điệu, nhịp điệu nội tại, nội tâm một nét rất riêng trong nghệ thuật thơ ca mà không dễ nhà thơ nào cũng có được. Một bản lĩnh thơ rất hiện đại nhưng xa được những lý thuyết ồn ào. Thơ Lê Văn Ngân chính là con người, cuộc đời anh".■



TỔNG QUAN VĂN HỌC ĐÔNG NAM Á TỪ SẢN PHẨM CỦA NỀN VĂN MINH NÔNG NGHIỆP

VŨ TUYẾT LOAN

NỀN văn minh nông nghiệp với sự phát triển của văn học dân gian đã làm cho văn học thành văn của Đông Nam Á ra đời muộn. 10 thế kỷ đầu sau Công nguyên, các nước ở Đông Nam Á chưa có chữ viết riêng, trong khi đó tôn giáo Ấn Độ và Phật giáo du nhập, phát triển khắp vùng. Tiếng Pali, Sanskrit, tiếng Hán không những đóng vai trò ngôn ngữ trong truyền giáo mà còn đóng vai trò ngôn ngữ văn học ở các quốc gia Đông Nam Á. Ban đầu, các thể chế đều vay mượn trực tiếp các chữ viết của Ấn Độ, Trung Quốc. Sau đó cư dân Đông Nam Á mới dựa trên những mẫu chữ đó để sáng tạo ra chữ viết riêng của mình. Những thứ chữ viết này chủ yếu dùng trong công việc hành chính ở các quốc gia cổ đại Đông Nam Á.

Từ xu hướng bản địa hoá các tác phẩm văn học cổ Trung Quốc, Ấn Độ, tiến đến dân tộc hoá nền văn học viết, đó cũng là đặc điểm chung của văn học Đông Nam Á. Quá trình này diễn ra từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII khi văn học Hồi giáo Ả Rập- Ba Tư, văn học châu Âu thâm nhập vào các nước này, đặc biệt ở Philippines, Indonesia, Malaysia...

Trước thế kỷ thứ X, các dân tộc ở Đông Nam Á chưa có chữ viết, thường phải sử dụng tiếng Pali, Sanskrit, chữ Hán. Các chính thể đã mượn các mẫu chữ trên để sáng tạo ra kiểu loại chữ viết của riêng mình... Có nhiều nhà ngôn ngữ học cho rằng, các dân tộc Đông Nam Á biết đến chữ viết từ thế kỷ III, IV hoặc có thể ở thế kỷ V, VI, nhưng mãi đến thế kỷ X họ mới sử dụng trong văn học.

Thời kỳ đầu của văn học thành văn (khoảng thế kỷ X- XV), tiếng Pali, Sanskrit, Hán đóng vai trò ngôn ngữ văn học. (Ví dụ: văn học thế kỷ XII-XIII ở Mã Lai-Indonesia lấy Sanskrit làm ngôn ngữ thơ ca. Trong khi đó tiếng Mã Lai cổ, tiếng Giava chỉ dùng trong công việc hành chính và trong sinh hoạt).

Như vậy có thể thấy điểm mốc văn học viết của Đông Nam Á bắt đầu khoảng thế kỷ XII-XIII, tuy có nước văn học viết xuất hiện sớm hơn hay muộn hơn đôi chút. Nhưng nói Đông Nam Á thực sự đã tạo ra nền văn học viết thì phải tính từ thế kỷ XIV trở đi.

Văn học viết thế kỷ XIII-XVIII nói chung là văn học cung đình, vẫn còn rơi rớt ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc (riêng Indonesia, Malaysia chịu ảnh hưởng của văn hoá Giava và văn hoá Hồi giáo từ thế giới Ả Rập- Ba Tư. Cá biệt như Philippines đã tiếp thu ảnh hưởng của văn học châu Âu sớm hơn cả- thông qua sự xuất hiện của những nhà thực dân Tây Ban Nha, vì thế sau này, văn học Philippines cách tân sang thời kỳ hiện đại sớm hơn các nước khác trong khu vực).

Văn học viết truyền thống ở Đông Nam Á bao gồm dòng văn học viết bằng tiếng và chữ vay mượn ở ngoài và dòng văn học viết bằng chữ viết dân tộc.

Bộ phận văn học viết bằng ngôn ngữ vay mượn lúc đầu có ưu thế trội hơn, vì ngôn ngữ vay mượn chuyển tải văn học được xem là cao quý, bác học. Dần dần văn học viết bằng ngôn ngữ dân tộc chiếm ưu thế, trở thành phương tiện biểu đạt đời sống tinh thần của cả dân tộc, cộng đồng. Về phương diện nội dung, văn học truyền thống các nước Đông Nam Á lúc đầu còn đi vào những đề tài xa lạ với đời sống thực tế của dân tộc; những câu chuyện văn chương

thường nói tới những xứ sở xa xôi, những nhân vật thần thoại, hoang đường.

Văn học trung cổ Đông Nam Á phần nhiều mang tính chất nửa lịch sử, nửa nghệ thuật. Truyền thơ giai đoạn này là phổ biến, và thường là truyện thơ khuyết danh (ở Việt Nam có các truyện thơ nôm khuyết danh; ở thế giới Melayu có các Hikayat...)

Thế kỷ XV, XVII, XVIII, văn học Đông Nam Á phát triển mạnh (ở Indonesia, vào thế kỷ XV, văn học Giava nở rộ, xuất hiện những tác phẩm lớn, hoàn toàn đoạn tuyệt với văn hoá Ấn Độ). Tác phẩm Pararaton-nghĩa là sách của các ông vua viết vào thế kỷ XV là một ví dụ. Tác phẩm này viết bằng ngôn ngữ Giava trung cổ, gần gũi với ngôn ngữ sinh hoạt hàng ngày của nhân dân. Sự cai trị của vua Giava, sự hưng thịnh của nhà nước Magiapaht được phản ánh rõ nét. Trong văn học chung tiểu vùng Malay-Indonesia xuất hiện tác phẩm nổi tiếng: **Truyện về Hang Tuak** viết vào thế kỷ XVII.

Ở Thái Lan, văn học phát triển nở rộ hơn cả cũng ở thế kỷ XVII, nhất là dưới thời vua Pra Narai. Vua Pra Narai đã tập hợp các nhà thơ tài năng xung quanh mình. Họ

Lan thế Klon 8, ở Indonesia thể Pantun 4 câu đều được các nhà thơ sử dụng rất điêu luyện. Do sử dụng hình thức đó mà thể loại truyện thơ phát triển mạnh tạo tiền đề cho tiểu thuyết ra đời khi tiếp cận được với văn học phương Tây ở thế kỷ XIX, XX.

BA NGUỒN LỚN: DÂN GIAN, LỊCH SỬ, VÀ NƯỚC NGOÀI.

Thế kỷ XIX-đầu thế kỷ XX, văn học Đông Nam Á tiếp thu ảnh hưởng của văn hoá phương Tây.

Cuối thế kỷ XIX, việc xuất hiện các nhà in, các cơ quan báo chí ngôn luận đã dần tạo thành một môi trường xã hội thuận lợi cho văn học phát triển. Văn học khai sáng và những nhân tố của chủ nghĩa hiện thực dần hình thành trong văn học. Thời kỳ này, nhiều tác phẩm sao phỏng được công bố, in ấn và phát hành rộng rãi ở Đông Nam Á. Tầng lớp tiểu tư sản trí thức đã đóng vai trò quan trọng trong việc làm quen với văn học phương Tây, hình thành nên những thể loại mới, hiện đại ở các nền văn học Đông Nam Á như tiểu thuyết, truyện ngắn, truyện vừa.

Hơi sớm hơn một chút, từ thế kỷ XVI, Philippines bị Tây Ban Nha xâm chiếm. Kể

ĐẦU THẾ KỶ XX, VĂN HỌC ĐÔNG NAM Á BƯỚC SANG THỜI KỶ HIỆN ĐẠI

Văn xuôi chiếm ưu thế trong văn học và đó là điều mới mẻ trong tiến trình văn học. Thể loại hình thành sớm nhất là thơ ca và từ xưa đến nay, thơ ca luôn "ngự trị" trong văn học Đông Nam Á. Hiện tượng văn xuôi nổi lên chiếm ưu thế có thể thấy rõ trong văn học Thái Lan và trong một số nền văn học khác. Ở Philippines, tiểu thuyết xuất hiện rất sớm vào những năm 1877 (cuốn **Urbane và Phelisa** viết bằng tiếng Tagan của Modesto de Kasta) và 1887 (cuốn **Đừng đụng vào tôi** viết bằng tiếng Tây Ban Nha của nhà văn nổi tiếng Hose Rizal).

Nhìn chung, những năm 20, 30 của thế kỷ XX, thể loại tiểu thuyết ra đời hầu hết ở các nền văn học Đông Nam Á. Ở Indonesia, cuốn **Bất hạnh và đau khổ** của M.Siregar xuất hiện năm 1921; ở Việt Nam năm 1925 thấy **Tổ Tâm** của Hoàng Ngọc Phách... Sau những mốc thời gian đó, tiểu thuyết nở rộ, hàng loạt những tác phẩm gây tiếng vang làm cho tiểu thuyết trở thành thể loại tiêu biểu trong những năm 20, 30 của thế kỷ XX.

Cùng với tiểu thuyết, thể loại truyện ngắn cũng ra đời vào cuối thế kỷ XIX, đầu XX. Tuy ra đời muộn hơn các thể loại khác, nhưng là thể loại phát triển mạnh từ sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai. Từ đó trở đi, truyện ngắn luôn luôn là thể loại thường trực, xung kích trong văn học hiện đại Đông Nam Á.

Văn học Đông Nam Á phản ánh những vấn đề về đấu tranh giải phóng dân tộc, vấn đề độc lập, tự do, dân chủ. Đặc biệt trong thể loại văn xuôi, vấn đề đấu tranh chống ngoại xâm, đấu tranh vì nền dân chủ, chính nghĩa, tự do xã hội, bình đẳng để có quyền sống làm người là nội dung tư tưởng trong các sáng tác của đa phần các cây bút chuyên và không chuyên. Có thể nói đến thời kỳ hiện đại, Đông Nam Á đã gần như hoà nhập hoàn toàn vào khu vực châu Á và quốc tế, nhất là trong giai đoạn toàn cầu hoá như hiện nay. Sự hòa nhập đó làm thay đổi toàn diện, sâu sắc, từ nội dung đến chức năng của văn học, từ hình thức đến thể loại, và cuối cùng là ngôn ngữ văn học.

Văn học hiện đại Đông Nam Á phát triển trên con đường quanh co, khúc khuỷu, luôn luôn phải đấu tranh để xác định chức năng của văn học. Đó còn là cuộc đấu tranh giữa truyền thống và đổi mới, cuộc đấu tranh giữa yêu cầu thống nhất toàn quốc và tính hẹp hòi địa phương, cuộc đấu tranh giữa dòng văn học cách mạng và dòng văn học phản động...

Do hoàn cảnh đặc biệt ở Đông Nam Á, người ta có thể nói đến một nền văn học cách mạng trong thời kỳ hiện đại.

Văn học hiện đại Đông Nam Á đã góp phần quan trọng vào việc, làm cho tiếng nói các dân tộc trong vùng thích ứng với đời sống của thế giới hiện đại.

Đông Nam Á trước kia vốn quen với sân khấu múa và sân khấu hát, vào thời kỳ hiện đại bắt đầu tìm thấy trong kịch nói một khả năng mới, giúp chuyển đạt những vấn đề xã hội đương thời đến đông đảo quần chúng. Cùng với những hoạt động báo chí, các ngành phê bình văn học, nghiên cứu văn học, lý luận sáng tác văn học là những bộ phận không thể thiếu được của đời sống văn chương, tạo nên một bộ mặt hoàn chỉnh của cả một nền văn học Đông Nam Á hiện đại. ■

(Theo tieulun.hopto.org)



ĐÊM LÀ CẢ NGÀY

TRẦN TRUNG ĐẠO

TRONG khoảng 10 năm gần đây văn học Malaysia đã xuất hiện những nhà văn được chú ý như: Rani Manicka với hai quyển *Mẹ Lúa và Đất Cầm*, Tash Aw với quyển *Bản Hòa Âm của Xưởng Dệt Lụa*, và Tan Taw Eng với quyển *Tặng Phẩm của Mưa*. Mới đây nhất, vào tháng 7-2008, nữ nhà văn Malaysia gốc Ấn Tamil Preeta Samarasan vừa cho ra mắt quyển tiểu thuyết *Đêm là Cả Ngày* (Evening is the Whole Day), và lập tức thu hút được sự chú ý của người đọc ở những xứ dùng tiếng Anh, và được các nhà điểm sách ở Mỹ, Canada, và Ấn khuyến khích, khen ngợi.

Preeta Samarasan gốc Ấn Tamil, sinh ở Malaysia, sang Mỹ du học khi mới trên mười tuổi, tốt nghiệp trung học ở Chicago, vào học trường chuyển tiếp United World College USA, sau đó vào Hamilton College ở New York. Hiện Preeta Samarasan ghi danh cấp tiến sĩ âm-nhạc-học ở trường Âm nhạc phương Đông (Eastman School of Music) thuộc viện đại học Rochester với đề tài về âm nhạc lễ hội của dân du mục Gypsy ở Pháp. Preeta Samarasan cũng tốt nghiệp cao học ngành sáng tác ở đại học Michigan và chính trong thời gian học ở trường này cô đã hoàn thành bản thảo tiểu thuyết vừa nói. Quyển tiểu thuyết đầu tay này đã được trao giải Avery and Jule Hopwood Award và giải truyện ngắn của Tạp chí Nhà văn Á-Mỹ. Preeta Samarasan hiện sống cùng chồng ở miền trung nước Pháp.

Tựa đề sách được trích từ bài thơ số 234 trong cuốn thi tuyển cổ điển Kuruntokai: "Ánh sáng nhạt dần rồi lại tàn và trời sập đổ, nỗi đau đớn tăng lên rõ rệt. Rồi đêm tối tới khi hoa nhài nở rộ... và đêm tối là cả ngày đối với những kẻ không có người yêu ở bên." Preeta Samarasan kể chuyện nhà Rajasekharans ở thành phố Ipoh, một gia đình gốc Ấn vào hàng giàu có quý phái ở Malaysia. Gia đình Rajasekharans cư



Preeta Samarasan

ngụ trong một biệt thự sang trọng, tác giả gọi là Nhà Lớn, ở đường Ngự Vương, thành phố Ipoh, gồm ông bố là Appa Raju, con trưởng của Tata vốn được cha cho đi du học bên Anh, tốt nghiệp ở Oxford, và hiện là một luật sư nổi tiếng; bà mẹ Amma Vasanthi; cùng với ba người con là Uma con gái lớn mười sáu tuổi, Suresh con trai 11 tuổi ra đời đúng vào lúc cuộc nổi loạn chủng tộc xảy ra năm 1969, và út gái Aesha 6 tuổi. Theo truyền thống, bà nội Paati cùng ở với con trai Appa. Bà nay đã già yếu bệnh hoạn nhưng tính tình rất quá quắt. Ngoài ra cùng cư ngụ trong ngôi Nhà Lớn này còn có người em trai của ông bố, bọn trẻ đặt cho cái tên là Chú Đại Sảnh, vốn là một thanh niên lêu lổng rong chơi, tài bất cập

chí, ưa khôi hài giễu cợt, là một vũ công vốn sinh sống ở Âu châu. Chủ nhân cũ căn Nhà Lớn này là ông McDougall đã bán lại cho Appa, cũng chính là nơi người tình của ông đã nhận tội giết chết một thiếu nữ trẻ đẹp vì ghen tuông và hờn ma người thiếu nữ bị bức tử này vẫn quanh quất khắp các xó xỉnh. Gia đình cũng nuôi một người làm là một thiếu nữ gốc Ấn nghèo khổ tên là Chellam để săn sóc bà nội Paati.

Preeta Samarasan mô tả tính cách những nhân vật trên khá sống động, sắc nét. Tuyến tự sự của truyện không theo đường thẳng mà quá khứ và hiện tại xen kẽ theo sự sắp đặt mỗi chương sách vì vậy quyển tiểu thuyết có nhiều lớp, nhiều tầng chồng lên nhau. Tác giả cũng nhân việc kể chuyện riêng của một gia đình để đưa vào những biến cố lịch sử ở Malaysia trong những thập niên từ 1960 đến 1980, những nét đặc thù của xã hội văn hóa đa chủng của xứ sở này. Người đọc cũng dễ nhận ra chủ ý của tác giả: muốn nhấn mạnh vào hai tính cách nhân vật thiếu nữ Uma và Chellam để gợi ý thúc đẩy giới trẻ Malaysia hướng về tương lai, chủ động ý thức hoàn cảnh lịch sử và có hành động tích cực nhằm thay đổi thực trạng chính trị xã hội hiện nay. Trong những mô tả các biến cố xảy ra trong gia đình, tác giả mượn góc nhìn quan sát của bé gái Aesha, nên tạo được một không khí vừa lóng lánh vừa huyền hoặc, một thế giới quý ám vương vất những hồn ma. Chẳng hạn vào ngày bà nội Paati từ trần, Aesha nói nó nhìn thấy một con bướm đen có cái đuôi "dài thướt như giọt nước mắt" và cánh bướm viền những hạt ngọc màu xanh. Trong gia đình của bé Aesha, quả thực có khá nhiều chuyện bí ẩn và những

bí mật này được tác giả hé lộ dần dần. Bí ẩn về vụ ngoại tình với một phụ nữ Trung Quốc đã có gia đình của ông bố Appa, bí ẩn về cái chết của bà nội Paati trong buồng tắm, bí ẩn về cái tội Chellam bị gán ghép.

Có lẽ cuộc đời và tính cách của người đầy tớ gái Chellam gây được nhiều xúc động nhất cho người đọc. Chellam là một số phận hẩm hiu điển hình của một thiếu nữ nghèo khổ ở Malaysia: bị xã hội khinh khi, cha rượu chè be bét lường gạt cả vợ con, nhẫn nhục chịu đựng những hành vi điên rồ của chủ nhân, và là nạn nhân không tiếng nói. Số phận bị bạc đãi của Chellam được xếp đối diện với số phận đầy ưu đãi của Uma: Dụng ý rõ ràng của tác giả ở đây là muốn nói lên độ lệch quá đáng bất công về số phận người phụ nữ Ấn Độ nói riêng và của toàn thể phụ nữ nói chung trong xã hội Malaysia hiện nay. Cuộc đời thời còn trẻ của Amma cũng rất tương tự với cuộc đời hiện tại của Chellam, cùng xuất thân từ những gia đình nghèo khổ tan rã, nhưng dù Amma được đời nhờ lấy chồng giàu có quyền quý, cả Amma lẫn Chellam đều không có hạnh phúc, đều là những số phận không tự chủ và bị hủy hoại. Về ngôn ngữ, Preeta Samarasan đã đưa vào trong sách rất nhiều tộc ngữ Malay, pha trộn tộc ngữ bản xứ với Anh ngữ, tạo nên những mẫu đối thoại thật độc đáo. Người đọc nếu không biết tiếng Malay cũng vẫn có thể đoán được nghĩa những chữ này trong văn cảnh của câu văn. Chúng ta thấy việc cố ý đưa bản ngữ vào văn bản viết bằng ngoại ngữ là một nét chung của những nhà văn trẻ trong mảng văn chương di dân thế giới hiện nay.■

Theo Gio-o.com

KHÁT VỌNG SỐNG THÊM MỘT NGÀN NĂM!

NGUYỄN THANH TÙNG

NGƯỜI đọc biết đến Chairil Anwar qua những trang viết về văn học sử Indonesia, người được mệnh danh là "nhà cách mạng văn học" hay "người lãnh đạo Angkatan 45", người mà tên họ của ông từng được dùng để gọi tên cho một thế hệ văn chương - "Thế hệ Chairil Anwar".

Chairil Anwar sinh ngày 26-7-1922 ở Medan, Bắc Sumatra trong một gia đình Minangkabau. Ngay còn trên ghế nhà trường, ông đã bắt đầu sáng tác, nhưng không có gì nổi bật và cũng chẳng nhiều tư liệu ghi chép về giai đoạn này. Đến rồi, một ngày năm 1943, như một siêu tân tinh bùng nổ giữa khoảng không, Chairil Anwar đột ngột bước vào nền văn học Indonesia với thứ ánh sáng tỏa ra gay gắt bạo liệt. Nhà nghiên cứu văn học H.B. Jassin, người chứng kiến sự khởi đầu đó, đã kể lại:

"Một ngày năm 1943 anh ta (Chairil Anwar) đến tòa soạn tạp chí *Pandji Pustaka*, một thanh niên mảnh khảnh, nhợt nhạt với dáng vẻ luôn thuộm. Đôi mắt đỏ ngầu và khá hoang dại, nhưng toát lên một vẻ trầm ngâm, anh cử động chậm rãi như kẻ chẳng quá bận tâm đến nhiều điều."

Viết không nhiều, với Chairil Anwar, việc sáng tác không hề dễ dàng hay hơi hợt, mà ông viết rồi viết lại, chỉnh sửa từng con chữ. Gia tài Chairil Anwar để lại cho văn học Indonesia sau bảy năm sáng tác: tổng tất cả những bài thơ, cả sáng tác lẫn chuyển dịch và phỏng tác, cùng vài đoạn văn xuôi được H.B. Jassin thống kê trong quyển *Chairil Anwar - Pelopor Angkatan '45* chưa đến con số 94, và phần lớn các tác phẩm ấy chỉ đến tay người đọc thời gian sau ngày ông mất. 94 không là con số đáng kể so với số lượng tác phẩm đồ sộ của nhiều tác giả khác, tuy nhiên, mỗi sáng tác của ông hoàn toàn là một cuộc cách mạng trong ngôn ngữ và hình thức, biến đổi tiếng Indonesia thành một thứ ngôn ngữ văn chương mới lạ. Chairil Anwar hiểu rõ vai trò của ngôn từ trong sáng tác và luôn nhận thức được trách nhiệm của một nhà thơ là phát triển tiếng Indonesia thành thứ ngôn ngữ thơ ca đẹp đẽ. Trong thơ Chairil Anwar, ngôn ngữ ông sử dụng là thứ ngôn ngữ đầy sức

manh và ông gần như kiểm soát nó.

Chairil Anwar viết tuy không nhiều, nhưng khó rút ra một điểm đặc trưng trong sáng tác của ông, dù là một đặc tính chung, một tâm trạng chủ đạo, một chủ đề trung tâm, hay một triết lý toàn diện. Luôn có sự thay đổi trong mỗi bài thơ, khiến chúng chỉ mang tính chất "tạm thời". Điểm chung duy nhất có thể tìm thấy trong sáng tác của ông là niềm xúc cảm, là nỗi trăn trở của nhà thơ về cuộc sống từ mọi hình thức và mọi khía cạnh, và cũng vì vậy mà câu thơ mang nặng ưu tư về cái chết.

Suốt cuộc đời mình, Chairil Anwar đã "Tiến lên. Tấn công. Đột kích. Đánh". và tạo ảnh hưởng đến cả một thế hệ văn học. Có đủ mọi ý kiến từ những người xung quanh về thái độ sống, quan điểm sống, tầm nhìn nghệ thuật, và sáng tác của Chairil Anwar, cả lúc ông còn sống lẫn sau khi đã mất. Có đối nghịch và ủng hộ, có ủng hộ một phần và đối nghịch một phần. Có người chối bỏ tất cả mọi điều từ Chairil Anwar, bởi tính cách "loài hoang thú" không thể nào thuần hóa. Có người nhìn nhận ông như hiện thân nguyên sơ nhất của con người với tư cách cá nhân. Có người khước từ Chairil Anwar vì chủ nghĩa cá nhân của ông, nhưng cũng có người đón nhận điều đó như những khám phá về bản chất các giá trị cuộc sống.

Nói chung Chairil Anwar có nhiều bạn hữu, nhưng cũng lắm kẻ thù, tìm được sự đồng cảm đồng thời với những ác cảm. Và những ý kiến đối nghịch lẫn ủng hộ này cho ta thấy được thật nhiều khía cạnh khác nhau của Chairil Anwar. Ông có những lý tưởng của riêng mình về nghệ thuật, về người nghệ sĩ và về cuộc sống, và không chỉ thể hiện nó trong các sáng tác mà còn trong cả cuộc đời của mình.

Chưa từng một lần ngừng kiếm tìm những đổi mới cả trong nội dung lẫn hình thức, Chairil Anwar như một ngọn núi lửa phun trào sức sống mạnh mẽ, như ông đã từng viết:

Vết thương, sẽ mang theo tôi chạy
Chạy
Đến kiệt cùng nỗi đau
Đầu quan tâm, càng sẽ chẳng bận tâm



Tượng nhà thơ Chairil Anwar tại vườn Monas, Thủ đô Jakarta- Indonesia

Tôi muốn sống một ngàn năm thêm nữa

Không ai sống được đến ngàn năm, và với Chairil Anwar thì thêm mười năm sống cũng chẳng thể, ông qua đời trong cô liêu tại bệnh viện Jakarta lúc ba giờ chiều ngày 28-4-1949, sáu năm sau khi viết những vần thơ này. Nhưng như ông từng nói: "một lần có ý nghĩa, sau đó rồi chết". Chairil Anwar thật sự đã sống một cuộc đời ý nghĩa và có được 'ngàn năm sống' của riêng mình. Sau khi mất, ảnh hưởng của Chairil Anwar lên sự phát triển văn học Indonesia vẫn còn đó, khi các sáng tác, cũng như quan điểm nghệ thuật và thái độ sống của ông vẫn thường xuyên trở thành đề tài tranh luận gay gắt. Chairil Anwar đã "chạy đến kiệt cùng nỗi đau" nhưng những tư tưởng của ông vẫn tiếp tục đập nhịp hồi hã trong đời sống văn học Indonesia, nơi có một tượng đài Chairil Anwar được dựng như đã có lần ông nói: "Hôm nay chỉ vài người hiểu và trân trọng thơ tôi, nhưng khi tôi chết, thân xác tôi sẽ được tiễn đưa bởi nhiều người, tri thức lẫn những người lãnh đạo nhân dân, và vì tôi, họ sẽ dựng tượng đài."■



Minh họa của TRẦN NGỌC QUY

TRUYỆN NGẮN DỰ THI

CUỐI ĐỒNG XA

Truyện ngắn dự thi của VŨ XUÂN TỬ

NẮNG nhạt dần. Cuối đồng xa, sương chiều lảng bâng hiện ra. Trên nền trời bạch bạc, những cánh chim mai miết bay về tổ. Đứng trên thửa ruộng của đời mình, Thỏ đứng tay cào, gỡ nón phe phẩy. Lúa thì con gái mơn mớn, nhìn mát mắt. Theo hàng sông, cô thẳng bàn chân, lội ra đầu bờ. Những cọng cỏ lênh phển dạt vào hàng tay, như đám lính thất trận vội né mình, nhường lối cho nữ tướng chiến thắng. Thỏ không phải là nữ tướng, nhưng đã trở thành kiện tướng thủy lợi, đi đầu phong trào. *Vết đất ra nước, thay trời làm mưa*. Khi nghe xuống danh lên nhận bông hoa hồng kết bằng lụa đỏ, cài ngực, cô nhớ lại tên mình. Cái tên thời con gái đã gói lại, khi cô cấp nón về nhà chồng, trở thành cô Cát.

Thửa ruộng nhất đẳng điền mà ông lý mua cho con gái rượu làm của hồi môn. Trong thời bão tố nổi trên đất bằng, ông lý bị vu cáo là đã toa rập với quân phản động. Ông lý đi đời ông lý. Thửa ruộng cũng bị chia năm xẻ bảy. Đạn sau, ông lý được minh oan cũng là lúc sang cát. Chuyện đó không can hệ, nhưng có điều huyền diệu, là khi đầu ông Lý được lấy lên, thì chứng đau đầu của Thỏ cũng tự dừng mất hẳn. Ngoài đồng làng, thửa ruộng cô Thỏ lại về với cô Thỏ. Thửa ruộng ấy, từ khi vào hợp tác xã nông nghiệp, thì gộp thành ruộng chung. Cô Thỏ được mang tên xã viên hợp tác xã nông nghiệp. Tuy ruộng đã thuộc quốc gia công thổ, nhưng nỗi nhớ ruộng thì đã cắm rễ trong cô. Khi rảnh rỗi, cô lại nhào ra thăm chăm bẵm, vẫn coi như của riêng vậy.

Nghe tiếng bước chân lướt trên cỏ, Thỏ biết ngay là Cát lại ra đón cô về.

- Lại bị cơn nghiện ruộng dày vò à?
- Phải.
- Tôi có giấy gọi rồi, mình ă.

Thỏ vội dỡ cái cào cỏ, đánh bỏ cái nón. Cơn gió giải nồng bốc cái nón bay chấp chới như cò phải bão. Thỏ giấu giọt nước mắt vào tay áo, chống cào đứng đợi, Cát đang khề khàng lội xuống ruộng nhặt nón. Như người có lỗi, Cát lạng lẽ lẳng quay nón vào cán cào, rồi vác lên vai. Cả hai, bước thấp thỏm theo bờ đê, về làng.

Bọn trẻ con, chạy nhong dưới rặng tre, ngẫu nhiên hát treu:

- Hai vợ chồng
- Chồng vợ hài
- Lấy cái gai
- Gài là mít...

Cát hắng giọng, nghiêm mặt dọa, không để chúng cất câu bậy bạ. Bọn trẻ chạy tán loạn vào các ngõ. Bỗng dưng,

Thỏ bật cười rình rích mà trào nước mắt. Hai vợ chồng đã mấy năm đầu gối tay ấp mà vẫn còn son. Bọn trẻ con hát chế, ngang bằng so vợ chồng cô với các đôi còn đang tìm hiểu không bằng.

Cô trở về ngôi nhà thời con gái của mình, gỡ cái tên đã gói lại gói chực năm trời. Những cái tên thương ngày của cô, nào cô Cát, nhà Cát, thím Cát, nào Cát-Thỏ... để lại nhà chồng, cùng với giấy bảo tử của Cát. Người làng thương tình bảo, thằng Cát phận bạc, về với đất rồi, may không thể đầu được với cái tổ quạ cái ấy nữa đâu.

Mở tóc đuôi gà đỏ hoe nắng gió của Thỏ, chấp chới cùng cánh muồm, bay nhảy trên đám gốc rạ ngổn ngang đơn lúa. Ông lý chop được con muồm, nhẹ nhàng như lấy gói thuốc lòn trong túi áo cánh. Ông lý đưa tặng muồm cho con gái, rồi lại cầm cúi khua vôi hái vào khóm lúa. Thỏ hờ hởi cười. Con muồm đập càng gai vào tay nhức buốt, nhưng Thỏ vẫn thích thú, ngắm cái mồm đỏ, răng ngọc ngậy như hai lưỡi hái, cánh tỏ ra xanh lơ, phớt hồng như tà áo mỡ ba, hai cái râu ngẫu nhiên ngào như vôi hái. Thỏ đặt con muồm lên vai áo nâu non. Thoảng chút ngỡ ngàng, rồi nó bật cang, đập cánh xè xè bay vào hoàng hôn.

Khi trở lại nhà mình, Thỏ nhớ lại cánh muồm thuở nào. Nó bay về hoàng hôn và ngủ đầu trên đồng lúa mà chờ đón bình minh. Hình bóng của nó dẫn Thỏ bay về tuổi thơ, rồi chấp chới trên trường đời. Một cuộc đời dang dở chuỗi ngày cô đơn, rồi cuối cùng lại trở về nơi mình sinh ra, lấy lại tên cúng cơm; như kiếp con trâu, lại quay đầu làm vụ mới.

Chân trời dựng mây thành. Ánh chớp loe lóe, mờ nhạt như đốm lửa tàn. Tiếng sấm mơ hồ vọng lại. Mờ ám thanh yếu ớt ấy, lại khiến Thỏ đau nhói trong lòng.

Thường ngày, Thỏ vẫn đưa cơm ra ngoài đình cho bố. Nhưng một hôm, Thỏ toan cấp cơm ra ngoài đình cho bố. Nhưng một hôm, Thỏ toan cấp cơm ra ngoài đình cho bố. Nhưng một hôm, Thỏ toan cấp cơm ra ngoài đình cho bố. Nhưng một hôm, Thỏ toan cấp cơm ra ngoài đình cho bố.

Ngày trưa hôm ấy, khi tỉnh dậy, cô đã biết số phận của bố. Nhưng lớn lên, cô mới hiểu sự tình. Những tiếng đi đòp khắc sâu vào tâm trí cô, như nhát dao chém vào cột nhà. Những tiếng nổ mơ hồ ấy chạm vào nỗi đau của cô. Nhưng

ông trời không thấu, vẫn cứ dựng mây thành để người ta đánh lẫn nhau, tự phương trời xa lơ xa lắc nào đó.

Cát có ngã xuống ở cái nơi dựng mây thành ấy không? Những tiếng nổ chỉ đi đòp như tiếng súng phốc bắn quả đay của trẻ con, nhưng đã cướp đi của cô những người thân yêu nhất. Những tiếng nổ luôn từ trời vọng lại, bởi nó được làm ra bởi trời. Trời sai quan binh vác súng, cầm gươm ra trận. Đêm đêm, Thỏ thường thấy ác mộng, thần chiến tranh tóc rậm râu xồm, thét ra lửa. Những tiếng nổ ừng ừng oàng khiến Thỏ giật mình thon thót, thì ông ta lại cười rặng ngồi gương mặt, tươi rói con mắt. Ông ta phàn, đánh giết trước, sung sướng sau. Nhưng nhiều người, không bao giờ thấy cái đận sau đó cả.

Dưới thùng đấu, những hòn đất cắt kéo nom như những ông đầu rau, to như cái chĩnh, quật lên vai Thỏ. Cô chạy bâng bâng lên đê, trong tiếng trống ếch rộn ràng, màu cỏ đỏ rạo rực. Mả Thỏ đỏ hây hây, mồi hôi trộn lẫn bùn đất, chảy chan hòa trên vầng ngực trinh nữ. Cánh thanh niên cũng đua với Thỏ. Cát có ý cắt hòn đất nhỏ hơn, dành cho Thỏ, nhưng cô phản đối. Điều đó, khiến ai nấy đều cảm phục và suy tôn cô là kiện tướng.

Nhưng chính cái nghĩa cử ấy của Cát, khiến Thỏ xiêu lòng. Vốn cô không biết mật mẹ. Ông lý gà trống nuôi con. Cô thiếu thốn tình cảm khi mồ côi cả cha lẫn mẹ. Mọi cử chỉ chăm sóc, yêu thương đều làm cô mù lòng. Cát say cô về sắc, lại thêm mền cái tính cương cường. Thế rồi, cả hai phải lòng mặt từ lúc nào không hay.

Mảnh trăng liếm lặn lợi giữa những đám mây, ừn ừn bay trên bầu trời, như chiếc thuyền nan, nổi nênh giữa mặt sông đầy bèo rác.

Thỏ ngồi trên cái chông tre, rót bát nước chè xanh sủi tăm, rồi ôm cái cái ấm ủ vào lòng. Ánh trăng ẩn hiện trong bát nước, như những quầng kỷ ức ảo mờ. Ngày xưa, bố hay ngồi hút thuốc lòn, cũng nơi đầu chông này. Cát sang tìm hiểu, cũng ngồi nơi đầu chông này. Đội trưởng sản xuất xách đèn chai sang cho đối chiếu công điểm, cũng ngồi trên đầu chông này. Thỏ bé thơ, lúc nào Thỏ cũng ngồi ôm ấm ủ, rồi rót nước chè cho bố. Khi trở thành thiếu nữ, Thỏ lại rót nước chè cho Cát. Nhưng khi định rót cho đội trưởng sản xuất thì anh ta, tay vỗ ấm ủ, tay luồn khoắc khua như rửa bèo cầu ao, rồi tiện tay dặt bỏ, vỗ lên ngực nữa, miệng còn dấm dớ, vù đàn bà quả đàn ông.

Ngày xưa, khi lấy chồng, cô và Cát định về nhà mình, nhưng bên đảng nội không chịu, bảo, thằng Cát yếu tướng, ở bên ấy, khác gì chó chui gầm trạn. Có người ta xui bán quách đi, kiếm lưng vốn, nhưng Thỏ không dám bán ngôi nhà của bố, nên đã cho hợp tác mượn làm nhà tré.

Việc đầu tiên, khi trở lại nhà mình là nhờ bà con anh em sửa sang lại nhà cửa cho khang trang. Bàn đi tính lại, nát nước. Cụm đội trưởng bảo:

- Chừa nhà nát, tốn không kém gì làm nhà mới. Ta chỉ cần xây tường con kiến, bố trụ, quắc ngói, thế là trọn đời.
- Có người lại phân vân, nói:
- Liệu cơm gạo mồm thôi, bới dờ ra, rồi oằn lưng trả nợ, chỉ cần có chỗ chui ra chui vào cho tươm tươm là ổn.
- Tôi cũng chỉ vật mui dút miệng, dư dả gì cho cam. Hoàn cảnh thế vậy, không biết xoay xở sao đây? - Thỏ ghen ngào phân bua.
- Cụm đội trưởng gạt đi:
- Đã quyết làm thì đừng có bàn dừn. Công thì anh em bà con giúp, chỉ cần rổ khoai lột dạ với ấm chè xanh thôi. Vật liệu thì gạch, ngói vay hợp tác, người ta cho mượn nhà hàng chục năm trời, mà không biết điều sao? Còn khoản cầu phong, li-tô với đồn tay, cửa rá thì cây xoan cổ thụ kia xuống, khéo còn đủ làm gian bếp không chừng.
- Phải, một người lo bằng kho người làm, cụm đội trưởng già giờ có khác, tính toán như thần.

Thỏ nhìn cái gì cũng thấy có hồn như người vậy. Con đom đóm to như ngọn đèn, về đậu bàn thờ đêm vào nhà mới, Thỏ cảm thấy sự linh ứng lúc cô khẩn bố ban chiếu.

Vụ gặt, con muồm xanh bay ngang, gợi nhớ hình bóng mơ hồ của mẹ, áo mỡ ba duyên dáng. Thỏ rất sợ muồm ma màu nâu xám. Hình như muồm xanh thấu hiểu, nên luôn gắng sức đánh đuổi muồm ma trên đồng. "Mẹ ơi!" Thỏ đứng chôn chân trên ruộng, mắt đỏ hoe, khẩn vọng về phía chân trời.

Thỏ trở thủ cuộc, đập bộp vào hòn đất to như quả bưởi, khiến nó vỡ vụn như quả cam, quả táo, kéo theo những hạt bụi đất nhỏ li ti, lảng bâng bay lên. Rồi Thỏ lại cuốc, lại đập, cứ như vậy, tạo nên một vầng bụi trên đồng, dưới ánh mặt trời rực rỡ, nom như nàng tiên giữa đám bụi sao.

Thỏ nhớ, thuở đồng chưa làm thủy lợi, bố đi cày về. Thỏ ngồi thuyền câu bơi theo. Bố và trâu lội l ồm trong đồng nước. Cứ sau mỗi đường cày, Thỏ lại chuyển về làm cũ cho bố nhắm theo mà giục trâu.

Khắp trong làng ngoài xã, không ai có thể ngờ, con ông

lý lại thành kiện tướng thủy lợi. Người đời còn xi xào, cơ chừng vợ khỏe chống yếu, nên cưới nhau những mấy năm mà vẫn son rỗi, chứ như người ta, con bế con bồng ấy chứ. Nhưng chỉ có Thỏ mới hiểu và gắng sức vượt lên hoàn cảnh. Điều đó mới là kiện tướng, nhưng không ai thấu hiểu, người đời chỉ thương thân phận, hoàn cảnh cô mà thôi. Ông thầy tướng số qua làng, phán rằng, nếu cô có người đương ngôi cao mà phù trợ, thì hẳn là nữ tướng chứ chẳng chơi.

Khi biết tin Cát ngã xuống nơi phương trời dưng mây thành, thì Thỏ sụp hẳn, không còn biết bầu vùi vào đâu nữa. Không biết ám khí lưu cữu từ khi nào trong xương tủy của cô, nay mới hòa nhau kéo ra và vật đổ cô xuống, các khớp xương nhúc nhối như thể bị dấn bằng sống dao vậy. Người thì bảo, thời làm thủy lợi, cô vác đất quá sức đẩy mà. Kể thì mĩa, thuyền đưa thì lái cũng đưa, đàn bà con gái đến kỳ đến tháng, mà vẫn cố dầm mình dưới bùn nước, làm gì chẳng bị nhập tâm, lúc có tuổi nó mới hành chứ... Thỏ biết cả, nhưng ai có thể hiểu cho hoàn cảnh, thân phận cô kia chứ. Người ta phải gắng công gồng sức để có đường sống.

Nhức nhắc được chân tay, cô bèn vác cuốc ra đồng mà cuốc cuốc, đập đập. Lam lam khiến cô lấy lại sức.

"Rối con gái mười tám còn phải xách guốc cho mà xem".

"Rõ là cây khô cây lại đâm cành nở hoa"

Nghe những lời mát ruột mát gan như vậy, còn hơn cả những thang thuốc bổ. Có lẽ, chính liệu pháp tinh thần làm cô nhanh chóng thay da đổi thịt chăng?

Hòa trong tiếng máy cày cạch cạch trên đê, có tiếng gọi vọng lên:

- Cô Thỏ ơi, ngày mai, bố cháu làm đất cho cô đấy!

Thỏ dừng cuốc, thốt lên:

- A, anh cu con ông đội trưởng già.

Chợt nói đến cụ đội trưởng, khiến má cô ửng hồng. Giá mà ngày ấy, cứ để cho lão ta tý tẩu tý mẽ, thì có lẽ được thăng cu ngắn này rồi cũng không biết chừng. Thỏ ngượng, đánh trống lảng:

- Có đồng nào thuốc thang hết rồi, chẳng thuê ai được đâu. Thôi, cứ túc tắc gà què ăn quần cối xay.

- Cô nói câu chuyện tiền nong mà làm gì? Đấy, con đề kiện tướng làm nên, đang đổ mấy cây của nhà cháu đấy. Trả công cho cô còn chưa xong nữa là.

Anh cu liền thoáng, giỏ nhà ai quai nhà ấy, cũng hoạt khẩu và khéo tính toán như bố vậy. Nhà có của ăn của để, mua được cả mấy làm đất cày bừa, máy bơm tưới nước. Khôn ngoan cũng có nói, có giống.

- Bố cháu bảo, thời xưa, ruộng cô Thỏ nhất đẳng điền. Bây giờ, ruộng cô Thỏ lại trả về cô Thỏ rồi. Cái gì của Xê-da thì trả về cho Xê-da.

- Có văn hóa có khác. Cử nhân mà sao không lên thành phố làm bàn giấy?

- Ồi dào, chạy được chỗ thom cũng tốn hàng trăm triệu đồng, mà vẫn chẳng nâng; chỉ bằng, đầu tư phương tiện máy móc làm ăn, chẳng chắc chắn hơn à? Ngày xưa, bố cháu phải lòng cô, nhỉ?

- Ai bảo thế? - Thỏ giật nảy mình, hỏi dồn.

- Bố cháu khoe thế. - Nó nháy mắt tinh quái và chép miệng. - Chuyện cũ ấy mà.

- Phải gió nhà cái lão... - Thỏ lúng búng chối yêu, chưa ngượng.

Mớ tóc lại dài chấm lưng như thời thiếu nữ. Thỏ không phải bị khăn vuông trùm đầu. Bàn chân lười ruộng ngấu đã cảm thấy mát lạnh, chứ không còn ghê nước nữa. Kéo máy gieo hạt trên ruộng, Thỏ nhớ thời đi cấy hàng sông phải chàng dầy cho thẳng, hàng tay thì dầy. Rồi cũng trên thửa ruộng này, không còn cảnh thanh niên ném bỏ mạ cho bản bùn lên, treu bọn con gái đi cấy nữa, mà quai mạ gieo sạ, phun thuốc diệt cỏ. Bây giờ thì kéo ống gieo hạt, nom xa xa, khác nào cảnh người kéo cây thay trâu thuở xưa.

Thỏ cảm cúi lằm, miên man nghĩ, chợt lão cụ đội trưởng phải gió, ở đâu tò tò dấn xác đến, ngồi xổm đầu bờ, ngang nhiên gạ gẫm:

- Ta đi lại với nhau, nhá? - Đôi mày của lão nhướng lên đầy vẻ trai lơ.

- Đi lại? - Thỏ dai giọng giễu cợt, nhưng trong lòng cảm thấy vui vui.

- Mụ già nhà tôi chả nước non gì. - Lão phàn nàn về tủi phận.

- Thì lên thành phố mà kiếm. Nghe nói, bây giờ, khách sạn dịch vụ ề hề...

- Thế thì còn nói làm gì. Nom cũng đã nhuận sắc, mà để cảnh cơm treo mèo nhịn đói mãi thôi. - Cái câu *mãi thôi*, lão nói đầy vẻ giận hờn.

- Thôi, xin kiếu, kéo mù quá hóa mưa.

- Kệ, đêm nay tôi cứ đáo sang. Không mở cửa thì cứ ngồi ngoài hè hút thuốc lào vật đến sáng cho biết tay. - Lão dõ cái giọng củ nhấy, cố dấn ăn xoi.

- Rồi lại đi kể linh ta linh tính.

Nghe Thỏ nói vậy, lão biết tông là đã xiêu lòng, liền dấn thêm:

LÊ THANH MY

Một mình giữa căn phòng rộng

Những giọt mưa vây quanh bên ngoài
Giọt mưa lên nhìn em qua ô cửa
Nốt lặng trong lòng bỗng dưng rung lên
Em ngỡ là anh đang đến!
Một mình giữa căn phòng rộng
Em càng nổi nhớ ra làm màn
Mong ngóng kẻ lên làm gối
Giận hờn quần lấy làm chăn
Em biết anh sẽ quên - một lẽ rất thường tình
Như vị đắng trong ly rượu ngọt
Như thế cuộc đời mà ta biết trước
Nhưng không biết làm sao quên
Một mình trong căn phòng buồn tênh
Thế giới bên ngoài rộng mở
Hơi thở em đậm đặc mùi nhung nhớ
Chờ tiếng ai gõ cửa. Ừa về.

Đình nhớ

Nơi yên ảm có khi nào người nhớ
Một đêm mưa đổ xuống cánh rừng
Nơi ngày xưa ta cùng người hò hẹn
Từng cánh hoa tràn mang màu nắng rung rung
Ừ, ngủ đi những bông hoa lạc loài
Mang ánh mắt ta đi vào quên lãng
Hương của hoa hòa trong hương lãng mạn
Đã gửi vào hư không.
Sẽ có người nhất gió để thăm mong
Hơi thở ấy sẽ tìm về bên áo
Và một màu sen kỳ ảo
Trải lên nỗi buồn của ta.
Giấc mơ chập chờn những cánh cò trắng không nhà
Tiếng bìm bịp than giữa mùa nước cạn
Bậu xa rồi ta tìm đâu thấy bạn
Nơi đình nhớ mù sương...
Ta biết chờ ai khi đã cuối con đường
Rừng cũng bỏ ta quay về một phía.



- Thế mới gọi là kẻ hư hư thực thực. Người ta ăn nhau ở cái mưu kế.

Từ sau cái đêm khép hờ cánh cửa ấy, lòng Thỏ bồn chồn khôn nguôi, lúc nào cũng giật mình thon thót, y như thể bản dân thiên hạ đã biết tông mọi chuyện rồi. Chạnh nhớ đêm tân hôn chẳng được như mong đợi. Chồng chưa "đi đến chợ đã hết tiền", thảo nào bọn thanh niên hay treu Cát là sên dốt. Chẳng bù cho lão cụ đội trưởng chết tiết, già còn dẽ. Thôi, từ nay cấm cửa. Nhưng lão như bỏ bùa mê thuốc lú, khiến Thỏ vừa sung sướng, vừa sợ hãi, bụng bảo dạ, một lần rồi cách đến già. Thế nhưng mỗi khi gặp cái nhìn như móc vào da thịt và cái nháy mắt đầy vẻ trai lơ của lão, là đêm ấy Thỏ lại khép hờ cánh cửa.

- Làng biết thì đeo mo vào mặt.

- Lên tỉnh, sợ quái gì.

- Họa, tiền có là vỏ hến.

- Nghe nói, vùng này, trên đang đưa vào quy hoạch quy hùng dự án dự ủng cái chết tiết gì đó thì phải. Diện quy hoạch dự án thì hệ tất, đến bù bọn tiền, gấp mấy lần vỏ hến ấy chứ.

- Thế à?

Lòng rộn ràng, Thỏ mơ về chốn phố hoa đô thị, đứng nấu bếp ga, không phải ngồi cời bếp rạ. Mấy đứa đi làm ô-sin trên thành phố về kể, buống tầm người ta cũng lấp gương nhà. Có tình ý với ai, cứ việc ra thuê khách sạn, không phải dầm dúi bụi tre, bờ giậu như thôn quê. Mà kể cũng phải, ruộng của mình, cho ai cấy cấy là quyến mình

HỒ KIÊN GIANG

Điên điên hoa vàng

Đang mùa điên điên trở hoa
Cánh đồng vàng dịu như là nắng lên
Thuyền ai xuôi ngược bùng biển
Đi hoài chưa hết màu điên điên vàng

Từ nơi gò đất đồng hoang
Từ nơi bia mộ, xóm làng xác xơ
Cây ngần lủ lụi xô bờ
Màu hoa vàng đến ngấn ngơ lòng người

Vàng trong gió thổi tới bờ
Vàng trong cơn lũ ngang trời nước lên
Những năm lửa cháy, bom rền
Nhà xiêu, hoa nở trên nền đất đau...

Hoa vàng câu hát trao nhau
Yêu màu hoa nở trong màu áo ai
Bao đời như chẳng tàn phai
Nghe bình yên mỗi ban mai hoa vàng

Bắc cầu anh dắt em sang
Có dòng nước thả mơ màng về đâu
Mai ngày dòng sông đưa dâu
Vàng hoa điên điên nối cầu ta qua

Mưa đầu mùa

Mưa đầu mùa

Chợt đến

Chợt đi

Đổ trên môi những diêm dân bao vị mặn

Thấm vào lòng hơn muối mặn, mỡ hôi

Mưa đầu mùa

Sẽ qua nhanh thôi

Sau ánh chớp đỏ lòe trên cánh đồng muối trắng

Cánh chim biển lạc chiếu hoang vắng

Mưa đầu mùa

Mang dáng vóc hanh hao

và run rẩy như dáng đi của mẹ

Mưa đầu mùa như dáng hình con trẻ

Tung tăng đùa trên muối trắng tình khôi

Mưa đầu mùa

Cũng đã qua rồi

Chỉ còn lại cánh đồng đầy vị mặn

Mặn nước mắt

mặn mỡ hôi

và máu

Của diêm dân tan chảy chưa ngừng

Mưa đầu mùa

Lại đến

Bồng rung rung...

chứ, nhỉ? Nghĩ một đằng, nhưng Thỏ lại nói một nẻo:

- Nhưng, nghĩ mà tiếc thửa ruộng.

- Đám ruộng ba bờ còn chả tiếc nữa là...

Lão cụ đội trưởng úp bàn tay đầy vẻ sàm sỡ. Thỏ ngẩng ra, nói nguyệt:

- Rõ dơ. Nay, có đứa ánh ỏi gọi tôi là Lão- bà- đội-trưởng rồi đấy.

- Hay! Cái tên rất chi là chán.

Tự dưng, nước mắt ứa ra, Thỏ bật khóc tức tưởi. Cô toan vực dậy, bỗng cảm thấy toàn thân rã rời, nặng chịch như bị đá đè. Cô rùng mình nhớ lại cảm giác khi vác hòn đất to vật để khẳng định danh hiệu kiện tướng. Lúc ấy, cô sụm xuống, mắt hoa lên, mỡ hôi và dấm đĩa. Thôi chết, bây giờ cũng vậy, lại còn lạnh toát như tắm mưa đá nữa chứ.

Lão cụ đội trưởng quờ tay sang, kêu "ối" một tiếng. Ba gian nhà chợt vắng lặng và lạnh lẽo khác thường, rồi có tiếng kẹt cửa và tiếng bước chân xa dần, xa dần...

Thỏ thấy con đom đóm to như bóng đèn đậu sáng cả bàn thờ. Con muỗi xanh mặc áo ba mớ nữa kia. Ai đang bước xuống từ đám mây thành đó nhỉ? Phải anh Cát rồi. Thỏ nháy quờ lên reo hò, nhưng lại bị chìm chìm trong thùng đầu.

Quanh thửa ruộng cô Thỏ, ai đó chẳng những tấm ni-lông trắng che sương giá, y hệt dải băng tang khổng lồ. Hai mẹ con nhà muỗi, mặc áo mớ ba bay qua lượn lại, nom như những nàng tiên bé xíu, làm cho sương giá cũng tan dần. ■



ĐIỀU này hẳn không mới, nhưng chắc chắn luôn có được cái thể năng của sự mới mẻ: Thơ là gì đối với một thiền sư?

Trong tiểu luận "Thử bàn về cái tính và cái không" nhân dịp ngắm lại một bài viết của Tuệ Sỹ bình thơ Tô Đông Pha, Sư trưởng nói rõ: "Thiền sư không thể là thi sĩ! Đã là thi sĩ thì không thể là thiền sư! Yếu tính thiền, cốt tuỷ thiền thì ở ngoài thế giới khái niệm, ước lệ - không có loại ngôn ngữ nghệ thuật nào, thậm

là giữa bối cảnh xã hội nở rộ các biểu hiện phục cổ đồng thời là/với quá trình này nở đa tạp văn hoá như ngày nay?

Một câu hỏi như thế dễ dàng mở ra nhiều ngã tranh luận. Nhưng chính Sư trưởng Huyền không Sơn thượng đã gợi ý một hướng luận bàn có chỉ giới hợp lẽ, như trong bài viết bình luận về cuốn "Minh triết phương Đông và triết học phương Tây" của Francois Jullien (Chủ biên: Gs Hoàng Ngọc Hiến & Gs Lê Hữu Khoá, Nxb Đà Nẵng, 2004) - bài *Phật giáo có thể đóng góp gì cho minh triết Việt*.

Sư trưởng xuất phát từ điểm phê phán quan niệm của F. Jullien coi "minh triết phương Đông" chỉ bao gồm các truyền thống Khổng-Mạnh và Lão-Trang;

quan đó.

Như vậy cũng có nghĩa là một phê bình không thể được quan niệm bên ngoài các liên hệ tương quan của phê bình ấy, tức phê bình Phật giáo không thể được quan niệm bên ngoài các liên hệ cụ thể tương tục với thế gian.

Đây là một trong những điều thấy Huyền không Sơn thượng nhiều lần trở đi trở lại trong những bài viết này, chẳng hạn, một cách rất thi ca, như trong bài ký "Thấy Châu Lâm và tôi", với câu: "Áo nhập thế. Hạnh xuất trần"(tr.142)

Không nghi ngờ gì, cái tuyệt đối là "Hạnh". Và yếu lĩnh cũng như cực trị mang tính lý thuyết của phê bình này nằm ở đó.

Tức phương pháp của phê bình này

cầm..... trong khi cái tri kiến theo Thiền Phật thì không gán bó hay đeo bám vào bất cứ thứ gì có hình tướng hay vô hình tướng thuộc về cái "thực tại đang trôi chảy" kia.

Tri kiến ấy không thể đạt đến chỉ bằng học hỏi, mà phải bằng đạo hạnh, cho nên mới có thể nói đạo hạnh như là phương pháp, theo đó và trong đó tri hành là một, không tách rời, không phân biệt.

Ý niệm về "bất nhị" như thế đưa ta trở lại điều khẳng định của thầy Đồng Chấm tôi đã dẫn ở trên: thiền sư không thể là thi sĩ....

Đương nhiên đó cũng chỉ là một điều nửa thuộc về cách nói - và ai cũng biết rằng ta không nên, mà thực ra ta hầu

MỘT PHÊ BÌNH PHẬT GIÁO

(Đọc "Tiếng hú trên đỉnh có phong", tập tiểu luận & bút ký của Minh Đức Triều Tâm Ảnh - Sư trưởng Huyền không Sơn thượng Đồng Chấm (Hương Trà, Huế), Nxb Văn Học, 2010)

NGUYỄN CHÍ HOAN

mỹ nào có thể với tay đến..." (tr.243)

Đây là cái "yếu tính" của một phê bình Phật giáo.

Bởi đoạn văn đưa đến ngữ đoạn khẳng quyết tôi vừa dẫn ở trên là một phê phán cổ động đối với số đông trong "thế hệ thanh niên (cả tu sĩ) trước năm 1975" đã ngộ nhận về thiền, đã "để cho dục vọng đổ tràn vào cuộc chiêm nghiệm" (tr.242-243), đi đến chỗ làm cho cái "Không" của thiền đạo nhòa nhập vào "cái hư vô" triết lý bí quan kiểu Phương Tây, làm cho cái "Tĩnh" của thiền sa vào sức i mê muội của những luận đàm đông dài "đầu lảo", từ đó sinh ra một kiểu "thiền sư bụi đời, thiền sư lang thang và cả thiền sư thi sĩ nữa!" (tr.243)

Sự phê phán đó không đem lại ấn tượng giá trị hồi tố hay hồi ký, nhưng là một cuộc vấn đáp nhún nhủ với những hiện tượng hiện tình hiện tại nào đó của đời sống tu trì và thờ cúng, với các hệ lụy xã hội nhân sinh tất lẽ phải có từ đời sống ấy.

Có thể nói như vậy với tất cả những bài viết trong cuốn sách này; càng rõ hơn khi bảy bài viết về thơ và sách (trên tổng số mười một bài cả tập) đều qua phê bình sự diễn giải thơ văn và tư tưởng mà phê phán tình trạng xói mòn một phần bản sắc dân tộc - phần đóng góp quan trọng của Thiền tông và Phật giáo nói chung trong đời sống tâm linh dân Việt.

Đó thực đáng là một chuyện phải suy nghĩ nghiêm cần: "Oan uổng quá! Biết bao nhiêu thế hệ học sinh đã không thể hiểu được sức mạnh tâm linh của cha ông... - là do các bậc thầy giáo....., các nhà nghiên cứu văn học đã không tự trang bị đủ cho mình những kiến thức cần thiết." (tr.18) - Sư trưởng kêu lên như vậy sau khi diễn giải bài thơ *Ngón hoai* của Không Lộ thiền sư và chứng minh sự bình giảng văn học học đường, cả trong một số tuyển tập thơ văn truyền thống, đã hiểu sai tinh thần bài thơ ấy, và rộng ra là các chứng từ văn chương Phật giáo khác nữa.

Vấn đề nổi lên một cách xác đáng, nhưng không chỉ là một đòi hỏi về lĩnh vực văn học mà đã mở rộng tầm ảnh hưởng trên các khía cạnh khác của văn hoá-đời sống: khi nhìn nhận các di sản Thiền Phật của văn hoá dân tộc, chúng ta sẽ phải học tập đến mức độ nào những nội hàm đặc thù trong các di sản ấy, nhất

mà theo Sư trưởng, minh triết đó còn có đóng góp của "Phật Thiền và cả bản sắc văn hoá, tín ngưỡng dân gian, bối cảnh lịch sử, địa lý của từng quốc gia đồng văn nữa." (tr.52) Và như vậy, có thể xem nghiên cứu đó của F.Jullien cũng đã "bỏ quên" minh triết Việt vốn có đặc thù trong minh triết phương Đông nói chung.

Thảo luận này của Sư trưởng đưa các chủ đề nội hàm tư tưởng và tinh thần Phật Thiền vào chương trình nghị sự về văn hoá đương thời của xã hội đất nước, với điểm nhấn ưu tiên và ưu thế là vun trồng con người nhân bản - "Có hoàn thiện bản thân mới thể hiện được đời sống thân giáo- là cái gốc của giáo dục, là nhân tố quyết định cho mọi hiệu quả", để đối diện với thực trạng "Những tố chất trong lành, hiền thiện, nhân ái, bao dung, yêu thương, tín thành, chân thật, nghĩa tình, hiểu biết... càng ngày càng thiếu vắng"(tr.92), "Đạo Phật Việt Nam hiện nay cũng đang nỗ lực chạy theo phương Tây... Nói cách khác là đạo Phật đã bị thế tục hoá, rơi xuống tục đế với đủ mọi nhân danh cao đẹp... xem ra chỉ còn là khẩu hiệu khô rỗng, thiếu cái thực ở bên trong - ... đã đánh mất tinh thần minh triết Phật vậy." (tr.86-87); và đó là "do nghèo nàn tâm linh", thiếu tinh thần minh triết đến mức mê mải tô đắp chùa to tượng lớn "thiếu văn hoá bản sắc", biến Đức Phật "thành một vị thần linh, một vị thượng đế như các tôn giáo hữu thần!" (tr.88). Thực trạng đó không chỉ đi ngược lại cái căn bản "tinh thần nhả đạm, dung dị của Thiền môn" (tr.97) mà, quan trọng nhất, tổn hại đến cái minh triết vô thần của Phật giáo "*phủ nhận thượng đế và linh hồn trường cửu* - là để nhận trách nhiệm tự bản thân mình, tự mình thấp đước mà đi... nhận chân khổ đế và thực hiện đạo đế để giải thoát tất thảy khổ đau." (tr.75)

Đây cũng là cái căn bản của một phê bình Phật giáo.

Một phê bình luôn phải đặt vững trên nền tảng thực tại riêng của nó - thực tại mà nhân quan của nó làm phát lộ, cái thực tại đặc thù bởi trong cách thức đặc thù mà liên hệ đến cái thực tại nói chung tất cả mọi ý thức đồng loại cùng tri nhận được một cách tương đối như nhau - thực tại đặc thù ấy là một tương quan: "Khi ta thấy thực tại là gì thì nó đã chảy trôi rồi." (tr.23) - và nền tảng một phê bình Phật giáo ở đây nằm trên mối tương



là đạo hạnh.

"Thế gian thường tri không đi đôi với hành hoặc tri không cần hành!" và "Riêng Phật giáo cũng đâu có khác hơn. Biết suông, bàn suông là căn bệnh thâm căn cố đế; ... Và dường như ở đâu cũng bất lực, không ai dám đề cập sự hoàn thiện bản thân!" (tr.91-92)

Như ở trên đã trình bày, chủ điểm trung tâm của phê bình này là con người - con người cụ thể, nhưng không phải con người cá nhân (bởi lẽ "thực tại chảy trôi" và bản ngã là "không", vậy thì có con người mà không có "cá nhân" được) - cho nên "sự hoàn thiện bản thân" là cứu cánh thường xuyên trực tiếp của phê bình này. Đây là điểm đặc thù, độc đáo, và có lẽ rất khác thường, rất nên được nhận ra ở chỗ: tuy lời phê bình nói "tri không đi đôi với hành" song không nên hiểu trong đó có sự phân biệt tương ứng tri với hành, mà phải hiểu tri với hành là một, cho nên khi thấy có tri mà không có hành thì "tri" đó không thể "cụ túc" đầy đủ, không hoạt dụng, tức thực không phải là "tri". Tri hành là một nên hành giả là tri, bởi thế mà cứu cánh mới có thể không bao giờ xa ngoài tầm tay và thường xuyên hiện động, sẵn sàng cho thực nhận và, quan trọng hơn cả, để vượt qua: một phê bình Phật giáo là phê bình nhằm đến sự vượt qua cái-hiểu-biết.

Đó cũng vẫn là điều thuộc về cách nói, để có ý nhấn mạnh: sự hiểu biết theo nghĩa thông dụng không bao giờ tách rời những quan niệm mỗi người hiểu biết đều riêng có, quan niệm gắn với thiên kiến, tình tự, kinh nghiệm xúc

như chẳng bao giờ, coi cách nói chỉ là cách nói. Cách nói, trong trường hợp đã dẫn trên đây, trước hết làm cho minh bạch cái yếu tính, cái cốt lõi của phê bình này: điều hệ trọng đầu tiên là chớ nên lầm lẫn - cách nói như vậy gây hiệu quả làm sáng tỏ như vậy.

Ngay đoạn sau đó, Sư trưởng viết: "Cũng có thể thiền sư và thi sĩ là một - nếu thi sĩ nhìn ngắm thực tại trong chớp mắt vì vút trôi qua với tâm thái hoàn toàn trạm nhiên tịch lặng (Tĩnh). Và thi sĩ có thể buông xả tình, thức ngay khi vừa diễn đạt tình, thức mà không một tơ hào dính mắc nào; buông xả một cách tự nhiên, như nhiên như lần chớp loé hiện giữa hai sát-na sinh diệt (Không)!" (tr.244)

Sư trưởng gọi cái thơ như thế, thi sĩ như thế là thơ mang tư tưởng thiền, là nhà thơ có tâm thiền và có con mắt thiền, song dù có thể vẫn không thể không mang những nỗi niềm, những tâm trạng.

Phê bình đến như vậy xem ra đã thật rõ ràng. Nói về thơ đến chỗ ấy dường như đã đến cái điểm phải quay lại mặc lấy chiếc "áo nhập thế" rồi. Và phê bình nào mà lại chẳng đi đến cùng kỳ lý, quán triệt toàn vẹn thực tại cho mình.

Song, cũng vậy, dường như phê bình nào cũng dăng tấm lưới trời "Tuy thưa mà không lọt" mà vẫn chỉ là "lưới thưa". Năm bài tiểu luận về các kiệt tác thơ và kệ Thiền trong tập sách này của thầy Huyền không Sơn thượng thật đã vạch ra một hệ tiêu chí của thơ- thiền, và trong chừng mực truyền thống thơ Việt có thể xem như một đúc rút về thơ nói chung. Những thơ và kệ ấy, những tiêu thức về Đẹp và về minh triết toát ra hay được phê bình đúc rút từ đây có hàm ý rằng thơ tự nó là một sự vượt qua, khi và nếu ta đạt đến nó, cũng tức là nó không chỉ là "diễn đạt" nỗi niềm tâm trạng, mà còn là cái thuộc về "thực tại trôi chảy" kia.

Và điều quan hệ ở mức rộng hơn những tình, thức, ngôn từ: thơ ấy mang đến một nhân quan phê bình, cho ta có thể đưa mình vào một chiêm nghiệm, từ chỗ thấy rằng có những cảnh trí vốn để hướng dẫn tâm linh mà nay sao lại "roi rói phồn hoa, lấm lem bụi tục", vốn để dưỡng tính đi tâm mà nay lại làm cho "sao mà nguy nga và hoảng vĩ quá" (tr.113)....

Một phê bình Phật giáo là một thực hành đúng giáo huấn nhà Phật: nó là một phương diện của "Diệt đế".

ĐỌC SÁCH



BÓNG NGÀY QUA

(Nhân đọc cuốn “Chuyện cũ bên dòng sông Tô” của Mai Viên Nguyễn Công Chí - Nguyễn Vinh Lộc chủ biên).

NGUYỄN HÀ

“**C**HUYỆN cũ bên dòng sông Tô” là cuốn sách được Nhà xuất bản Văn học phát hành năm 2010. Tác giả là cụ Viên Mai Nguyễn Công Chí (Nguyên quán: Làng Hạ Thái, xã Duyên Thái, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây). Sinh năm 1906, mất năm 1988. Cả cuộc đời cụ Viên Mai hầu như sống ở Hà Nội, cuốn sách này của cụ bao quát khoảng thời gian hơn hai trăm năm (1719 – 1922). Không phải là tiểu thuyết, không phải là tự truyện, gần sáu trăm trang sách đầy âm ỉ những tư liệu về một thời kỳ lịch sử đầy biến động cuối Lê đầu Nguyễn và đặc biệt về giai đoạn Thực dân pháp đặt ách đô hộ Việt Nam - Hà Nội được coi là trung tâm đầu não của xứ Đông Nam Á.

Trước hết đây chỉ là cuốn gia phả của một dòng họ tính đến thời điểm ấy là chín thế hệ kế tiếp nhau – dòng họ Nguyễn Đình – Duyên Thái, cụ Viên Mai biên soạn và tập hợp lại. Vì là một gia phả nên ghi chép cũng mang tính chất hoàn toàn riêng tư và chính điều này đã mang đến sự thuyết phục, neo giữ người đọc.

Gần đây, con trai cụ Viên Mai là ông Nguyễn Vinh Lộc đã chỉnh sửa cuốn sách này một lần nữa rồi mang xuất bản. Qua cuốn sách ta thấy các dòng họ và các gia đình ngày trước có mối dây liên hệ với quê hương bản quán rất bền chặt. Sự bền chặt ấy không chỉ có ý nghĩa về mặt huyết thống gia đình hay tính thần cội nguồn chung

chung mà được cụ thể hoá bằng những đóng góp vật chất hết sức hữu ích và thiết thực. Việc đóng góp này không phải là việc “mua danh với làng xã” mà thực sự là những củng cố cho sự phát triển của các “đại gia đình” ở thôn quê khi có những cá nhân xuất sắc thành công ở thành thị trên đường hoạn lộ hay do buôn bán trở nên giàu có... Phải chăng, đó cũng là tinh thần chủ đạo của tư tưởng Nho giáo đã thống trị một thời gian dài, quán triệt cách sống của mỗi cá nhân “tiên vi quan, thoái vi dân”, là tiêu chí về phẩm hạnh của mỗi người trong xã hội. Điều này được thể hiện rất thuyết phục trong cuốn gia phả dòng họ Nguyễn Đình.

Đọc “Chuyện cũ bên dòng sông Tô” thấy lại một Thăng Long đến lúc ấy đã có một lịch sử tám, chín trăm năm tuổi, một kinh đô hình thành trong những cuộc chiến tranh chống ngoại xâm, và phát triển vị thế là trung tâm kinh tế chính trị của nước Đại Việt cổ. Bóng dáng đâu đây những thành quách lâu đài nguy nga tráng lệ trong những kiến trúc cuối Lê (Lê mạt) đầu Nguyễn. Sự hình thành những Phường, Hội (thủ công) trong những năm cuối TK XVIII đầu TK XIX... Đặc biệt khi thành Hà Nội bị phá huỷ và công cuộc qui hoạch cho một đô thị hiện đại mang dáng dấp châu Âu của nhà nước Thực dân. Cho đến hôm nay, di sản kiến trúc đó cái còn cái mất nhưng vẫn có thể mang lại những hiểu biết (bên cạnh những phỏng đoán có cơ sở về một đô thị

đã bị biến dạng đi nhiều) cho chúng ta.

Ở một góc độ nào đó “Chuyện cũ bên dòng sông Tô” có thể nói là một tập hợp “văn hoá dân gian” đồ sộ mà hôm nay dù có thể bỏ rất nhiều công sức cũng không dễ dàng có được. Tất cả mọi ghi chép về sinh hoạt, về đời sống văn hoá của đô thị cổ được mô tả chi tiết nhưng sinh động qua những câu chuyện trong một gia đình, một dòng họ. Từ ma chay, cưới xin, giỗ chạp, hội hè... cho đến những đám rước của những “ông Cừ, ông Nghè vinh qui bái tổ”. Việc các “sĩ tử” đỗ đạt qua các kỳ thi chờ nhà nước Phong kiến bổ nhiệm. Việc “trị nhậm” không phải hoàn toàn nghiêng về phía “bổng lộc” mà các thành viên trong dòng họ Nguyễn Đình này còn vì trọng trách đối với gia đình như khai mở ra một con đường mới, là một đóng góp về mặt văn hoá cho một vùng đất. Phải chăng, đây cũng chính là một “cái ngưỡng” trong lòng mỗi “tân khoa” trên con đường hoạn lộ. “Liêm, chính, danh dự” vì thế được gìn giữ ngay từ mỗi cá nhân.

Một mảng đậm nét nữa kể về công việc buôn bán trong các gia đình ở “Hà Nội ba mươi sáu phố phường”, cho đến ăn ở sinh hoạt hàng ngày... Tất cả đều mang dáng dấp “truyện” kể. Đây là một điều rất ý nghĩa trong giai đoạn xuất bản hiện nay. Sách, tràn ngập thị trường nhưng tìm một cuốn để đọc xong không phải thất vọng là một việc không đơn



giản! “Chuyện cũ bên dòng sông Tô” ghi chép về phong tục, tập quán của giới bình dân một giai đoạn lịch sử, rất đáng kể trong lúc chúng ta không có nhiều văn bản mang tính tư liệu. Dù có thể khẳng định đây không phải cuốn sách gây dư luận được ngay, song sẽ là cuốn sách rất hữu ích, nhất là cho những người hoài vọng một nền văn hoá “đế đô kinh kỳ” đi qua chưa xa. Đó cũng là một tiếng chuông cảnh tỉnh đặc biệt với công tác quản lý “Văn hoá nghìn năm Thăng Long” hôm nay.■

KHI PHẠM THUY VINH ĐÃ “NHOÀI RA BIỂN”

TRẦN QUANG QUÝ

PHẠM Thuý Vinh là cái tên hoàn toàn xa lạ với tôi. Nhưng khi cầm đọc **Bống nhồi ra biển**, “thấy” một cách khá rõ, thú vị về người thơ thế hệ 7X này: chị không chìm vào số đông nhờ nhờ gương mặt, hoặc rối rắm tân kì... của không ít người làm thơ thế hệ chị.

Tôi không hiểu nơi cái doi cát vào cái chiếu anh đã đứng cùng em có ý nghĩa thế nào với Phạm Thuý Vinh, để cái doi cát “bống nhồi ra biển” ấy thành tên cả tập thơ 36 bài của chị. Cũng có thể, vào một chiều ước lệ, một “anh” ước lệ nào đấy của một tình yêu thật, mạnh đến mức, người thơ không phải là “bống” (có vẻ điệu), mà là một quyết định cụ thể, vươn ra biển lớn cuộc đời vừa thi vị, vừa sống gió, vừa lấm nổi dưng dưng, nghi vấn, đắm đuối, vô lí, trách cứ, và khát vọng của tình yêu. Chị đã nhồi ra cái biển thơ.

Phạm Thuý Vinh bắt đầu từ cái đẹp. Ta thấy trong *Hoa hồng*, như trong cảm nhận của bao thiếu nữ khác, vẻ đẹp đáng yêu mang dáng dấp cổ điển. Nhưng vẻ đẹp mẫn cảm của chị đã sớm nhiều vết xước bởi những người đến tặng hoa rồi mất hút, chỉ *Em giữ lại cho mình tên anh trên môi*. Tên anh ngọt ngào đấy, giữ ở trên môi (chưa khắc vào tim) tình yêu thiếu nữ (bài thơ viết khi Vinh mới 18 tuổi), nhưng đã: *...Giờ trên tay em hoa hồng khóc bình minh/ Hoa hồng khóc vì chính những chiếc gai của nó*. Thi ảnh hoa hồng và triết lí những chiếc gai không mới, nhưng le lói từ khởi thủy một hồn thơ đậm thắm, da diết nữ tính, thâm thắc mong đợi, vị tha và hy vọng.

Phạm Thuý Vinh viết về núi, những gì gửi gắm sau hình tượng núi, nhưng cái đáng yêu lại không phải những *hẹn thề, khát vọng, hơi lên gân*, mà là *Đã bạc sương núi vẫn đứng đĩnh đạc (Núi)*, một cách dung dị. Có lẽ, những gì níu giữ lại trong cảm thức người đọc là những trực cảm thì si, những quan sát tinh tế: *Lá khô xạc xào dưới vết bánh xe/ Tiếng chiều võ bằng hoàng trong*



yên ắng/ Em đã từng yêu những điều im lặng/ Nên đã cô đơn trong ồn ã vô cùng/ Con sếu lạc bấy thăng thốt cả thình không/ Heo hút trung du, con đường bụi đỏ. Hoặc những trải nghiệm nhân bản gặp ở đây đó trong thơ chị: *Những người đàn ông mang tặng nước mắt/ Và ra đi mím môi/ Chỉ hoá đá trái tim* (Tượng đá hay người đàn bà trong hoàng hôn - Giải nhất Tác phẩm tuổi xanh, báo Tiền phong, 1996). Hay sự đồng cảm, băn khoăn thế sự, trước những thay đổi của đời sống đô thị, nơi mặt trời sinh ra không phải từ biển mà trên những ngôi nhà cao tầng, tức thay đổi cả những tầng văn hoá đã trở thành máu thịt của cư dân nông nghiệp. Và vì vậy, *Đưa trẻ theo gia đình chuyển ra thành phố/ Khóc vì đánh mất một câu chuyện cổ (Cổ tích mặt trời)*.

Vinh viết về làng quê, cái nơi nguồn cội và bóng dáng người thân không nhiều, nhưng trong thấp thoáng nhân gian ấy, vẫn là niềm khắc khoải sâu nặng, vẫn là dòng suối nhân hậu của tâm tưởng, nó dào lên trong kí ức: *Tôi gọi suốt trưa hè bóng râm/ Tháng Năm/ Bè bạn trên lưng trâu ủa đến cừu con diều mắc nạn.../ Mẹ tôi gọi mùa màng trong là chuỗi khổ/ Bầy bạn nơi cuối*

chợ.../ Làng tôi nghèo những mái rơm, mái lá/ Cửa hồi môn cho con me cũng gói trong lá cây vườn (Ký ức làng). Và vì vậy, thơ về làng, về kí ức người thân không dừng lại ở cái vẻ bề ngoài ôn nghèo khổ, nó là những giọt Người dâng mặn ở bên trong.

Phần lớn trong **Bống nhồi ra biển** là cảm hứng tình yêu, là cặp song hành anh - em, là những cấp độ dồn nén cảm xúc, trạng huống tình cảm, những quan niệm chiêm hữu hoặc nhân ái của tình yêu, tình người. Dường như, Phạm Thuý Vinh đặt cược, như là sự giằng nịt, trói buộc của số phận, của hơn mười năm sáng tác vừa qua vào những khúc quanh của mảng đề tài vừa cũ vừa mới, vừa vĩnh cửu lại vừa chứa đựng những biến ngộ của thời thế, tâm lý xã hội, những ma mị cõi nào đó của tâm linh. Và vì vậy, thơ tình thực khó, và khó làm mới nếu không “xả thân” vì nó.

Ở đây, ta gặp một Phạm Thuý Vinh thỏ thẻ: *Em sẽ mãi yêu anh bằng trái tim thiếu nữ*, rồi mạnh hơn: *Anh trói em bằng những giác quan*, rồi *Anh*, một cách thẳng thốt, *Người đàn bà đứng trên miệng vực*, và bạo liệt hơn, *Em cần sự điên rồ... Đó là tên các bài thơ*, tôi muốn nhắc đến những trường đoạn tình cảm trong thế giới anh - em của chị: *Tôi đếm nhớ bằng tiếng mưa vang tên anh sau ô cửa đã khép rồi lại mở ra phía đường ngóng chờ/ Tôi đo nhớ bằng cách cộng lại những vết nắng vàng loang thành tên anh sau bức tường rêu thẫm.../ Định nghĩa anh/Bằng những run rẩy của bờ môi tôi bống ồm lên trong môi anh/ Bằng những khát khao cồn lên như sóng/ Như thế trên đời tôi chỉ còn cơ hội duy nhất để hồi sinh*. Một cái tay Anh nào đấy, người đàn ông nào đấy trong cõi mộng của nữ sĩ, quả không ít kẻ phải ghen lên vì sao hân may mắn được nâng yêu nồng nàn, mãnh liệt đến thế. Vậy mà, người đàn bà trong trẻo, thủy chung, nóng hậu, giàu nữ tính, có vẻ hơi yếm thế, nhiều lúc phải dằn lòng: *Anh sẽ tình cờ quên nụ hôn những ngày yêu đầu/ Quên*

nắm tay em trong phút nóng nần/ Nhưng em, em vẫn sẽ hôn anh/ Bằng nụ hôn thiếu nữ (Em sẽ mãi yêu anh bằng trái tim thiếu nữ). Ở đâu đó, trong thế giới ảo, hay thế giới thật, trong những cuộc ra đi, hay cõi đắm đuối, con đường vô tâm tích... người đàn ông có biết, cái trường lực của tình yêu riết róng, sâu đậm như thế này không: *Với bầy bống hồng, em đi về phía anh, nơi ngọn nến sẽ thơm trong căn phòng ấm.../ Này tóc em, môi em và vòng tay em... những thứ thơm tho, mềm mại và ấm áp/ Cả nước mắt em, đã chất ra từ biết bao đắng ngọt cuộc đời.../ Anh ơi, em đang đi về phía anh, bằng đôi chân trần tuổi thơ trên cánh đồng nhiều nắng* (Em đi về phía anh).

Tình yêu cần một thứ men say, và vì vậy nó không thể quá rành mạch, nó dị ứng với sự tỉnh táo, toan tính, vụ lợi. Phạm Thuý Vinh đã phải kêu lên: *Sự tỉnh táo, chao ơi, chúng ta đã phải sống chung quá lâu với nó khiến anh không dễ thoát ra?/ Hay có thể vì anh yêu em trong sự mạo hiểm tỉnh táo của mình? Và người thơ đã thành thật, bày tỏ một ý nghĩ, tưởng như là quái dị để chống lại sự “tỉnh” của tình yêu: Anh ơi, có kỉ quốc không khi em nói mình cần sự điên rồ* (Em cần sự điên rồ).

Phạm Thuý Vinh biết đưa ta vào những khoảng “hẫng” của nhịp cảm xúc, lôi cuốn người đọc tham gia vào những cung bậc tình cảm riêng của chị. Giọng thơ khoẻ khoắn, giải bày, lúc cuộn chảy, khi thôi thúc; và nỗ lực làm mới mình, nỗ lực cho ý thức về giọng điệu. Tôi thấy, dù chưa thật rành mạch nhưng rất đáng khích lệ về điều đó. Nếu tình yêu cứ luận lý, diễn giải mãi thì mệt lắm. Hãy để những khoảng lặng nhiều hơn để nội hàm hình tượng và ngôn ngữ tự bày tỏ, như cô gái tuổi yêu đầu còn thỏ thẻ, thẹn thẹn, vụng về, nhưng đáng yêu hơn những lời yêu “cao đàm khoát luận”. Hãy để những khoảng lặng tâm hồn để người đọc tự ngẫm ngợi và đồng cảm.■



NGHỆ THUẬT

ĐỜN CA TÀI TỬ NAM BỘ

NGUYỄN TOÀN THẮNG

Trong đêm sông nước mênh mông, buồn man mác của Bạc Liêu, miền Tây Nam Bộ, vắng vắng tiếng đàn kim. Những âm thanh da diết, trong trẻo và buồn buồn nhưng không quá bi lụy của bài Dạ cổ hoài lang- một bản nhạc đã trở nên quá quen thuộc với người dân nơi đây- vang vang rồi như tan chìm vào vũ trụ. Tiếp đó, một giọng ca Vọng cổ man mác như một lời tự sự, ní non, nhẹ nhàng được cất lên từ một người dân ngồi trên thuyền, đôi mắt xa mờ như nhìn về một cõi xa xăm. Hình ảnh này ta có thể gặp ở bất cứ một vùng nào trên đồng bằng Nam Bộ rộng lớn. Người dân ca Vọng cổ, hát Cải lương, như một nhu cầu thường thức văn hóa, thậm chí, có thể còn hơn thế nữa. Từ vài thế kỷ nay, Đờn ca tài tử và Cải lương-bước phát triển tiếp theo của nó-đã trở thành một đặc sản của riêng Nam Bộ cũng như của cả đất nước Việt Nam...



Đờn ca tài tử.

Từ thế kỷ 17, tại vùng cực Nam Tổ quốc, những vùng đất mới không ngừng được mở rộng. Tuy lúc đó, phần lớn đất đai Nam Bộ vẫn là rừng rậm hoang vu, nhiều thú dữ, khí hậu ẩm thấp, "từ Sài Gòn trở vào, vẫn là rừng rậm đến mấy ngàn dặm, đất nhiều kênh rạch, đường thủy như mắc cửi, không thể đi đường bộ được" (theo Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú). Nhưng cảnh hoang sơ độc địa ấy cũng không làm thối chí người Việt đi khai hoang vào đến vùng này. Họ là những người dân di cư từ miền đất Thuận Quảng để tránh chiến tranh Trịnh-Nguyễn kéo dài 175 năm... Ruộng đất càng bao la, bóng lúa càng trĩu nặng, thì người dân Nam Bộ càng thấy gần bó hơn với cuộc sống. Cho nên, dù phải chịu vất vả một nắng hai sương để tạo ra hạt gạo, dù phải đương đầu với bao hiểm nguy thử thách, ai nấy đều lạc quan tin tưởng. Sự lạc quan đó được thể hiện bằng lời ca cất lên, từ chính con tim chứa chan tình người. Ngoài ra, trong những câu hát đó, còn ẩn chứa cái

khí phách ngang tàng của người Việt lưu tán, của những thành phần tộc người khác cùng cộng cư. Chính những tính chất đó, đã tạo tiền đề cho một loại hình nghệ thuật sẽ ra đời sau này- đó là Đờn ca tài tử. Cho đến giữa thế kỷ 18, khi Hát Bội phát triển mạnh, để khẳng định cái độc đáo cũng như bản sắc riêng của mình, Nhạc lễ Nam Bộ và Đờn ca tài tử bắt đầu xuất hiện. Vào những dịp đình đám lễ hội, các đình làng là nơi hội tụ các hoạt động biểu diễn ca và hát. Khi bắt đầu vào đám, ở trong đình, Nhạc lễ phục vụ cúng bái, còn ở ngoài sân đình, có dựng vũ ca để Hát Bội, không có Hát Bội thì Ca tài tử. Khách giả, ngoài tầng lớp bình dân, còn có những công chức, giáo viên và con cháu những gia đình khá giả, có học nhạc bài bản cần thận.

Trước hết, cần nói rõ về cái tên gọi tài tử. Tuy phong trào mang danh tài tử, nhưng ở buổi đầu này, đó là sự kết hợp giữa lực

lượng âm nhạc chuyên nghiệp và nghiệp dư. Do đó, tính phổ cập của phong trào là hết sức rộng rãi, còn tính năng cao thì được phát huy cao độ. Hay nói cách khác, nhạc tài tử Nam bộ vừa là nhạc dân gian ở những câu hò điệu lý, đồng thời là nhạc bác học ở những bài bản lớn như Nam, Oán, Ngự. Đó chính là nét độc đáo của nhạc tài tử. Đến bây giờ, với người dân Nam Bộ, chữ tài tử trong âm nhạc chỉ để nói lên rằng đó là người chơi nhạc không phải để kiếm sống, không thành một nghề; chứ không có nghĩa tài tử lại chơi nhạc kém hơn chuyên nghiệp...

Như chúng ta đã biết, Dạ cổ hoài lang là một bản nhạc đặc biệt, được nhạc sỹ Cao Văn Lầu sáng tác vào năm 1918 tại tỉnh Bạc Liêu, thuộc điệu thức Oán, gồm 20 câu, mỗi câu hai nhịp; giai điệu nhạc rất đặc sắc, mới nghe qua có chút gì đó của hơi Xuân (Hành

Văn), lại có chút gì của hơi Ai (Xuân nữ), rồi từng chập lại nghe hơi Dục (Tứ đại oán). Cả ba làn hơi Xuân, Ai và Dục quện lấy nhau, làm cho Dạ cổ hoài lang càng nghe càng hấp dẫn. Từ Dạ cổ hoài lang nhịp 2, sau này được mở ra nhịp 4 trong vở (mà người trong nghề gọi là Tuồng) Giá trị danh dự của Nguyễn Thành Châu-tức Năm Châu. Đến năm 1935-1936 lại mở ra đến nhịp 8, với tác phẩm đầu tiên là Vọng cổ, nhờ đó cũng được nâng lên. Từ Dạ cổ hoài lang phát triển đến Vọng cổ, là một công trình sáng tạo tập thể và dài lâu; vì thế, có thể nói ai cũng ca được Vọng cổ, nhưng chẳng ai giống ai, thậm chí ca lẫn sau không giống lẫn trước. Nhưng muốn ca cho thật hay, thì có lẽ phải phấn đấu suốt đời- để nhất danh ca Út Trà Ôn đã từng nói như vậy.

Trong quá trình phát triển cho đến ngày hôm nay, có thể nói Đờn ca tài tử là một loại hình nghệ thuật đặc sắc của đồng bằng Nam Bộ. Với hai đặc tính khép để dân tộc hoá những tinh hoa của âm nhạc dân tộc, mở rộng đón nhận cái mới cũng để biến thành âm nhạc dân tộc, và sự mở rộng kịch bản đến mọi loại đề tài; Đờn ca tài tử thể hiện đời sống văn hoá-xã hội cũng như tập quán, tính cách của người dân Nam Bộ một cách rõ nét. Người Nam Bộ tạo ra Đờn ca tài tử, và cũng khó có thể nói đầy đủ về văn hoá Nam Bộ mà không nhắc đến loại hình nghệ thuật này. Ví thế, vừa qua, Nhà nước ta đã gửi hồ sơ Đờn ca tài tử Nam Bộ lên UNESCO để nghị vinh danh là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại, là một việc làm kịp thời và rất đáng trân trọng!

CỐ ĐÔ HUẾ TRÊN ĐƯỜNG SÁNG TẠO

VÕ QUẾ

Khoảng thời gian 36 năm là đoạn dài của một đời người; nhưng với lĩnh vực văn hoá văn nghệ, thì đó chỉ là một chớp mắt. Vì thế, chỉ tính từ sau giải phóng 1975 đến nay, đời sống nghệ thuật Thừa Thiên Huế đã có nhiều thay đổi, chuyển biến mới theo dòng thời gian với nhiều sự kiện quan trọng trong các lĩnh vực nghệ thuật, thì đó là những thành quả rất đáng được trân trọng...

TRƯỚC hết là mỹ thuật- một mũi nhọn đi vào cuộc sống đương đại- đã đóng những cột mốc khá hiệu quả. Tiếp theo Trại điêu khắc Quốc tế tại Hà Nội; Thừa Thiên Huế đã mở các trại sáng tác điêu khắc quốc tế Ấn tượng Huế - Việt Nam, qua các Festival Huế (hai năm một lần từ 1988 đến 2008); với sự tham gia của các nhà điêu khắc Việt Nam và từ các châu lục, đã mang lại cho Huế nhiều tác phẩm có giá trị, tạo nên một diện mạo nghệ thuật mới cho đất Cố đô. Qua các công trình, tác phẩm đó, các tác giả đã thể hiện được cảm nhận ấn tượng Huế - Việt Nam bằng ngôn ngữ sinh động, giàu tính hiện đại với nhiều khuynh hướng nghệ thuật khác nhau. Và chính những giá trị nghệ thuật ấy, đã đòi hỏi những người làm công tác quản lý văn hoá tập trung chú ý công tác bảo vệ, gìn giữ các tác phẩm điêu khắc được an toàn; và về lâu về dài cần có một quy hoạch hoàn thiện, quy mô để đưa các tác phẩm điêu khắc vào các không gian văn hoá Huế. Về âm nhạc, nổi bật lên là việc hình thành "Học viện Âm nhạc Huế" (được thành lập ngày 26/3/2008, đây là một trong ba trường đào tạo âm nhạc bậc đại học tại Việt Nam- gồm Nhạc viện thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam). Các chuyên ngành đào tạo là Sáng tác âm nhạc, Chỉ huy âm nhạc, Biểu diễn âm nhạc, Nhạc cụ dân tộc Huế... Nhiệm vụ chính của "Học viện Âm nhạc Huế" là tập trung nghiên cứu và đào tạo âm nhạc ở khu vực miền Trung, Tây nguyên; bên cạnh việc góp phần khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị Nhã nhạc Cung đình Huế và Cố đô Huế- đây là hai loại hình nghệ thuật đã được UNESCO công nhận là kiệt tác di sản phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại. Trong khi đó, sân khấu truyền thống,

mà sự hình thành hai "Nhà hát Nghệ thuật Ca kịch Huế"(NTCK), "Nhà hát Nghệ thuật Truyền thống Cung đình Huế" (NTTTCĐ) - từ hai đoàn nghệ thuật trước đây- đã nói lên thành tựu vượt bậc của sân khấu Huế giữa lòng đất nước. Nhà hát NTCK Huế là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở VH-TT&DL tỉnh Thừa Thiên Huế; có chức năng bảo tồn, phát huy các loại hình nghệ thuật truyền thống, dàn dựng và tổ chức biểu diễn các chương trình Ca Huế, các vở diễn Ca kịch Huế, các chương trình ca múa nhạc phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ du lịch, phục vụ công tác đối ngoại và giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế, thực hiện chức năng tổ chức các hoạt động dịch vụ về biểu diễn Ca Huế trên sông Hương. Nhà hát đã quy tụ nhiều nghệ nhân, nghệ sĩ tài danh thuộc nhiều thế hệ như NSUT Ngọc Bình, NSUT Kiều Oanh, NSUT Đình Dũng, NSUT Thu Hằng... cũng như đã đào tạo lực lượng trẻ, kế thừa trên các lĩnh vực đàn, Ca Huế, Ca kịch Huế. Nhà hát NTTTCĐ Huế thuộc Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế, là một đơn vị có chức năng bảo tồn và phát huy các loại hình nghệ thuật Cung đình Huế, bao gồm Nhã Nhạc, Múa Cung đình, Tuồng Cung đình; tham gia nhiều Festival, Liên hoan nghệ thuật trong nước, Quốc tế... và biểu diễn tại các Nhà hát Duyệt Thị Đường, Minh Khiêm Đường (làng Tự Đức)... Hiện nay, Nhà hát đang tiếp tục sự nghiệp nghiên cứu, bảo tồn và phát huy di sản nghệ thuật cung đình cho các thế hệ tiếp nối các nghệ nhân Trần Kịch, nghệ nhân La Châu, nghệ nhân Lữ Hữu Thi, NSUT La Cẩm Vân... đồng thời quảng bá, đáp ứng nhu cầu thưởng thức của công chúng trong và ngoài nước. Trong lĩnh vực kiến trúc, Thừa Thiên Huế đã xuất hiện nhiều nhân tố mới. Đội ngũ kiến trúc sư ngày một

đồng đảo, đã hoạt động tốt trên địa bàn tỉnh. Một số công trình đưa vào sử dụng đã được "Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Cố đô", "Giải thưởng Kiến trúc quốc gia"... mà tiêu biểu là công trình của KTS Nguyễn Nguyên với tác phẩm Làng hành hương đã đạt giải Nhì quốc gia 2010. "Làng Hành Hương" đã thể hiện được không gian và thời gian xưa cũ lại rất gần gũi trong tâm tưởng của những người thích sự thanh thản và bình yên nơi tâm hồn. Kiến trúc này thực sự là một điểm nhấn của văn hóa du lịch Huế cho hôm nay và sẽ còn nguyên giá trị cho dù thời gian sẽ thay đổi rất nhiều nét sinh hoạt của con người trong tương lai...(Phi Tân).

Bên cạnh những thành tựu tiêu biểu trên, hiện nay lực lượng văn nghệ sĩ Huế còn bản khoăn một số lĩnh vực mà dư luận xã hội, giới truyền thông, báo chí Thừa Thiên Huế đề cập, phản ánh trong nhiều năm qua, nhưng chưa thấy được đáp ứng. Đó là tình đã quan tâm đầu tư kinh phí, nhà cửa, biên chế cho "Nhà trưng bày tác phẩm điêu khắc Điểm Phụng Thị", "Trung tâm nghệ thuật Lê Bá Đảng"; nhưng lại chưa có một bảo tàng mỹ thuật nhằm lưu giữ, bảo tồn, trưng bày, giới thiệu, phát huy các giá trị các tác phẩm nghệ thuật dân tộc cổ truyền và các loại hình nghệ thuật đương đại của các tác giả sinh trưởng, hoạt động tại Thừa Thiên Huế. Một thiết chế văn hóa khác cũng chưa được tỉnh lưu tâm chú trọng để xây dựng, hình thành- là khu triển lãm nghệ thuật-xung tầm với vùng đất Cố đô, cũng như với một thành phố festival mang tầm cỡ khu vực, quốc tế. Trong rất nhiều năm tháng qua, giới nghệ sĩ Huế thường loay hoay, lúng túng trong việc tìm kiếm các địa điểm triển lãm khu vực hay toàn quốc, khi được chọn làm đơn vị đăng cai...

Trong giai đoạn đổi mới, hội nhập trước mắt; chúng ta hy vọng cùng với cả nước, Thừa Thiên Huế sẽ có nhiều thành tựu mới trên lĩnh vực kinh tế văn hóa xã hội... để từ đó, có thể đáp ứng phần nào nguyện vọng chính đáng trên của giới nghệ thuật cũng như người dân Huế- vốn trân trọng những hoạt động sáng tạo giàu tính nhân văn của người nghệ sĩ.

PHỐ CỦA NGƯỜI VẼ PHỐ

LÊ HUY BÌNH YÊN

Đó là niềm vui chung của giới Mỹ thuật Việt Nam, cũng như công chúng yêu hội họa của Thủ đô Hà Nội và trên cả nước. Vào dịp Đại lễ kỷ niệm ngàn năm Thăng Long- Hà Nội 2010, HĐNDTP đã quyết định đặt tên phố Bùi Xuân Phái tại khu đô thị mới Mỹ Đình; để vinh danh ông- một nghệ sĩ tài hoa đã gắn bó cả sự nghiệp sáng tạo của mình với Thủ đô yêu quý. Danh họa Bùi Xuân Phái qua đời ngày 24/6/1988, đến nay vừa tròn 23 mùa xuân. Năm 1996, ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học- Nghệ thuật. Đúng như những lời tâm sự của ông trong tập sách *Viết dưới đèn dầu* vừa xuất bản năm 2008: "Hà Nội có rất nhiều vẻ đẹp mà mỗi vẻ đẹp lại thích hợp với mỗi người. Vẻ màu sắc nó mang nhiều màu thời gian... Phố cổ, những căn nhà cổ vào tranh rất dễ đẹp... Có nhiều mảng tường tường như là bẩn, không phải dấu. Nó rất đẹp đối với những đối tượng biết nhìn thấy, biết khám phá những loang lổ, những dấu vết thời gian ấy thêm vào óc tưởng tượng của người nghệ sĩ, sẽ tạo ra những cái đẹp bất ngờ"...

Có những buổi tối giao thời từ mùa thu nắng vàng óng ả đang chuyển dần sang đầu đông heo may sương mù giăng lằng lằng, thả bộ thong dong qua một góc phố cổ của Thăng Long- Hà Nội ngàn năm văn hiến. Bất chợt, nghe một tiếng đàn dương cầm từ một ô cửa sổ xa lạ sáng đèn, chợt khẽ khàng dừng lại và ngược nhìn lên...ta bỗng thấy thanh thản đến lạ lùng, bởi những âm thanh kia như làm cho mình trong sạch hơn lên, đánh thức dậy không biết bao nhiêu kỷ niệm đẹp đã đi qua của một thời trai trẻ... Và rồi, tự nhiên tôi nhớ đến họa sĩ Bùi Xuân Phái- nhớ căn nhà số 87 phố Thuốc Bắc - mà đầu những năm 1970 của thế kỷ trước; mấy anh em nghệ sĩ trẻ chúng tôi vẫn thường quay quần tụ hội, tri âm, tri kỷ với ông để vẽ, để học hỏi về nghệ



Bùi Xuân Phái.



Tranh Bùi Xuân Phái.

mà những lời trò chuyện tâm tình cởi mở của Bùi Xuân Phái, luôn làm cháy bùng lên cảm giác, hoài niệm về tuổi thơ. Về những bông cúc vàng rực mùa thu. Những đợt đào sóng biển trắng xóa của mùa hè. Những dãy cây cơm nguội chọc trời cao im xé. Những cây bàng khẳng khiu thay lá đỏ vào đông. Những nhành hoa lan, hoa đào, hoa mai đón nắng xuân đến; cũng như gọi dậy trong ta những mơ ước, khát vọng tốt đẹp của con người...từ những bức tranh của ông, trong đó có những góc phố cổ Hà Nội.

Bùi Xuân Phái Sinh ngày 1/9/1920 tại Hà Nội (làng Kim Hoàng, xã Văn Canh, tỉnh Hà Đông cũ)- địa danh là một làng quê với nghề vẽ tranh khắc gỗ dân gian nổi tiếng. Chính vì thế mà ấn tượng tuổi thơ với những gam màu rực rỡ, những hình vẽ kỳ thú gắn với làng quê Việt Nam đã luôn theo suốt ông trong cuộc đời một nghệ sĩ; tạo nên niềm đam mê hội họa ngay từ ngày còn thơ bé. Tốt nghiệp Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương khóa 15 (1941-1946), cho đến lúc qua đời- Bùi Xuân Phái đã có ngót nửa thế kỷ gắn bó máu thịt cả đời mình với hội họa- mà trong đó, hàng trăm góc phố cổ Hà Nội đã làm nên một cụm từ

Phái Phố - Phố Phái nổi tiếng cả trong và ngoài nước. Cách đây tròn 15 năm, sau khi Bùi Xuân Phái qua đời, tôi vào TP Hồ Chí Minh đúng vào khoảng chuyển giữa hai mùa. Nghe mùa mưa khép lại và mở mùa khô gay gắt nắng. Một chiều chợt mưa chợt tạnh như thế, ngồi góc đường Lê Quý Đôn cùng đám bạn anh em văn nghệ, trong nhiều câu chuyện xoay quanh Sài Gòn, Hà Nội; bất chợt, có người nhắc đến họa sĩ Bùi Xuân Phái. Tự nhiên, chúng tôi chuyển sang đề tài Hà Nội...và trong không khí ấy, một nghệ sĩ nhiếp ảnh, một bạn cũ thuở hàn vi đã tặng tôi tấm ảnh cuối cùng ghi lại chân dung Bùi Xuân Phái tại Sài Gòn trước thời gian ông qua đời. Và rồi, những kỷ niệm từ xa xưa lại hiện về trong ký ức...

Nhớ lại những năm tháng chiến tranh ấy, trên 40 năm đã trôi qua. Những ngày máy bay Mỹ ném bom miền Bắc. Những ngày B52 Hà Nội - An Dương, Bạch Mai, Khâm Thiên. Hồi đó, tôi, họa sĩ Tường Vân từ Hải Phòng về, nhà thơ Lưu Quang Vũ, họa sĩ Bùi Xuân Phái, nhà thơ Phùng Quán và đạo diễn điện ảnh Trần Thịnh vẫn lang thang mấy quán rượu phố Tạ Hiện nhấp nhào lên đèn. Chúng tôi ngồi nhồm nhĩ tí rượu "cuộc lủi" và mấy củ lạc luộc, gói lạc

rang. Họa sĩ Bùi Xuân Phái thường cười nhẹ nhẹ, mặt ửng hồng vì tửu lượng ông vốn rất ít, chỉ để lấy vui với bạn hữu thân tình. Những khi ấy, ông hay nói về hội họa. Ông nói về bột màu, về sơn dầu, về chì than, về kỹ họa, về thiết kế mỹ thuật sân khấu và minh họa. Nhưng bao giờ ông cũng hay nói về phố. Và quả thật, phố cổ Hà Nội đã gắn bó máu thịt với ông suốt cả một đời cầm bút vẽ. Bởi thế, anh em trong giới và công chúng yêu hội họa Việt Nam vẫn gọi là *Phái - Phố* hay *Phố - Phái*. Và hình như, mỗi khi nhắc đến Hà Nội, có lẽ không thể không nhắc đến họa sĩ Bùi Xuân Phái... Hôm ấy, khi ngồi giữa Thành phố Hồ Chí Minh, thấy anh em, bạn bè, người lạ, người quen, người trong giới hay ngoài giới hội họa luôn nhắc đến ông; trong lòng tôi lại bùng lên một niềm vui thật nhỏ nhoi, bình dị. Với riêng tôi, nghĩ về tranh Bùi Xuân Phái, ngoài bảng mẫu ghi ghi, nắn nắn, xám xám trầm buồn và những vach sáng trắng; tôi còn rất đam mê đắm ba nét chấm phá và những đốm màu đa cam nguyên chất rất đối tài hoa; đã để lại một cái tên cùng những tác phẩm nghệ thuật đích thực của ông là mãi mãi tươi xanh, bất tử. Bởi tôi được biết ở TP Hồ Chí Minh, một trong những bức tranh khá nổi tiếng của Bùi Xuân Phái -*Hà Nội 1946* đang được một người yêu hội họa giữ gìn rất trân trọng...

Cũng những năm tháng đó, những buổi tối mùa đông chuyển gió heo may Hà Nội, tôi cùng nhà thơ Phùng Quán, họa sĩ Bùi Xuân Phái lang thang đến nhà nghệ sĩ điện ảnh Trần Trung Tín - số 7 phố Nguyễn Biểu ở gần Hồ Tây. Anh là diễn viên Xưởng phim truyện Việt Nam, người Nam Bộ tập kết, đã ngoài bầm nhưng cứ thích đồe thân, chẳng vợ con gì; chuyên môn đóng những vai là Bí thư chi bộ, hay lãnh đạo cơ quan, huyện xã- nghĩa là toàn những nhân vật chính diện. Nhưng rồi do ngẫu hứng, Trần Trung Tín tìm đến với hội họa- suốt ngày đêm quay sang bồi vẽ. Vừa vẽ tranh trên các tờ báo đã bỏ đi, hoặc trên bìa sách vở học sinh, trên cả các mảng tường nhà ở- bằng than, bằng bút chì, bút bi, bột màu, rồi cả sơn dầu của anh em họa sĩ mang đến cho...Anh vẽ thâu đêm suốt sáng- quên ăn, quên ngủ, vẽ như lên đồng...chỉ với một thể loại là tranh trừu tượng có đề tài tình yêu, mùa thu, chim hòa bình, em và súng. Bốn anh em chúng tôi quây quần vừa ngâm nga thơ phú, vừa vẽ - vừa nhâm nhi chén rượu cuộc lủi, vài hạt lạc rang, lưng cơm rang đỡ đói lòng. Những lúc đó, Bùi Xuân Phái lại hào hứng ký họa chân dung tôi, Trần Trung Tín và Phùng Quán; cũng như ông phác họa đám ba nét phố cổ trên bao thuốc lá, trên cả vỏ bao diêm, nghĩa là trên tất cả những gì có thể vẽ được- vì ngày ấy giấy vẽ còn hiếm hơn vàng. Sau này, đến ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; nghệ sĩ Trần Trung Tín về Sài Gòn- anh lấy vợ, và vẫn vẽ, cả làm thơ rồi đi đập xích lô- có ngày, anh chở tôi trên cái xích lô của anh đến nhà bạn bè từ sáng đến đêm...Bây giờ thì cả Bùi Xuân Phái, Trần Thịnh, Lưu Quang Vũ, Tường Vân, Phùng Quán và Trần Trung Tín đều đã đi xa mãi mãi...Thì thoảng có lúc đi qua phố Tạ Hiện, hay Nguyễn Biểu rẽ ngang vào Quán Thánh- những kỷ niệm vui buồn thời chiến tranh ngày ấy lại hiện về rõ nét trong tôi...

Vậy là đã tròn hai mươi ba năm, từ khi Bùi Xuân Phái qua đời. Nhưng những kỷ niệm một thuở hàn vi có vui và buồn, có no và đói, có cả vinh và nhục trong niềm vui sáng tạo bất tận của người nghệ sĩ, vẫn như những ngọn lửa bùng cháy lên trong tôi không bao giờ tắt. Như những bức tranh Phái - Phố mùa xuân vẫn còn mãi với thời gian, mà Giải thưởng Hồ Chí Minh đã vinh danh ông một cách xứng đáng; một đường phố ghi tên Bùi Xuân Phái bình yên và trân trọng. Và rồi, những nỗi niềm tâm sự của ông về nghệ thuật vẫn vang lên trong tôi, thân thiết hơn bao giờ hết: "Nhà văn không ngày nào không viết, thi trong ngành họa cũng vậy thôi. Phải vẽ hàng ngày. Hình như không vẽ luôn, tay nó "cứng" ra. Vẽ nhiều, vẽ cho thuần tay để lúc nào cũng thành điều luyện và thoải mái, ông Henri Matisse vẽ như chơi là vì ông vẽ rất nhiều. Nên hiểu vẽ với tâm hồn nghệ thuật, chứ không phải vẽ nhiều để...kiếm tiền nhiều!"...

MỘT ngày mưa phùn ướt át đầu tháng 11 năm 1967, anh Lê Văn Hơn 21 tuổi, bí thư Đoàn thanh niên thôn Đình Tân xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa tháp tùng ông Bí thư Đảng ủy đi nhận chứng hơn năm chục trẻ em K8 mới chuyển đến "phân phối" cho các hộ gia đình trong thôn nuôi dưỡng. K8 là mật danh của kế hoạch 8 được triển khai từ tháng 8 năm 1966. Tháng 8 năm 1964, không quân Mỹ khởi sự đánh phá miền Bắc, đến năm 1966, trên tuyến cán soong Quảng Bình – Vĩnh Linh, cuộc chiến dần dần đẩy đến độ hủy diệt, trở thành tuyến lửa. Để duy trì nổi giống mai sau, Trung ương lập kế hoạch đưa ba vạn cháu nhỏ ra khỏi vùng chiến sự Quảng Bình – Vĩnh Linh đến các tỉnh phía Bắc để được nuôi dưỡng, học hành. Vậy là, ngày đêm không nghỉ, những đôi chân trẻ thơ mài miết trên những nẻo đường chiến tranh dưới tầm kiểm soát của không lực Mỹ. Kế hoạch 8 kéo dài trong hai năm. Gần ba vạn cháu đến được quê hương mới. 50 cháu bị bom Mỹ giết hại trên đường. Cái duyên nợ của Đình Tân với K8 bắt đầu từ non nửa thế kỷ trước, từ trong khói lửa điêu tàn. Trẻ em K8 hồi ấy đứa lớn nhất 13 tuổi, đứa nhỏ nhất 7 tuổi.

Sáng sớm ngày 26/2/2011, có một chiếc xe ca mang số hiệu 73A dừng lại trong sân nhà văn hóa thôn Đình Tân, đổ xuống 40 hành khách độ tuổi từ 50 – 60. Họ ngỡ ngàng mở mắt như nhận đường, như hồi tưởng. Còn quá sớm, xóm làng thấp thoáng trong lớp sương mù lãng đãng, Những tiếng gọi nhau xao xác. Từ những ngõ xóm có những người già, những trung niên kéo ra. Ông chủ tịch mặt trận xã Lê Văn Hơn 65 tuổi, người bí thư Đoàn năm xưa lại hằng hái cần trọng dẫn mọi người về. Phải mất một lúc sau, đám đông mới vơi bớt. Tay xách nách mang, mọi người rồi cũng xác định được phương hướng tìm về mái nhà xưa, đã 42 năm xa cách.

Tổ làm phim chúng tôi mang theo máy móc linh tinh cố bám kịp vài người. Chị Trương Thị Hương, người thôn Đồng Dương – Bảo Ninh hai tay xách nặng những cá măm rước biển vừa đi như chạy vừa thở:

- Mẹ nuôi tôi hồi ấy 52, năm nay 94 rồi, nghe nói vẫn còn sống.

Con ngỡ đồ bê tông dẫn chúng tôi đến một chiếc cổng sắt mở vào một tòa nhà hai tầng. Đứng trong sân đón chị Hương là người đàn ông to béo vẻ quan chức. Họ nhìn nhau vài chục giây:

- Cậu Thị phải không?
- Dạ em đây, chị Hương khác nhiều quá.
- Gặp ngoài đường cậu nhận ra không?
- Em chịu....., nghe tin các chị ra em mới

KỶ NIỆM TÌM VỀ

Bút ký của NGUYỄN THẾ TƯỜNG

từ Hà Nội về chiếu qua... mà vào nhà đi, đưa tay nài cho em. Mời các bác vào nhà. Tươi ơi! Em ơi! Ra đón chị, đón khách này!

Một người phụ nữ nông thôn chừng bốn mươi chạy ra, vẻ mặt mà xuân sắc còn nguyên trên dáng dấp nét mặt – phụ nữ Thanh Hóa bây giờ đẹp lên nhiều. Một bà già lưng đi sát đất, y phục khá sang trọng cứ lúi lúi tiến ra phòng khách. Ông Thị đỡ mẹ lên ghế:

- Vài năm trước mẹ em còn nhắc chị, bây giờ thì lần hoàn toàn rồi.

Ở một căn nhà khác, đại úy Trương Văn Ha cùng vợ là Trương Thị Bình đang bị vây bởi một gia đình đông đúc tới 9 người con đều tới tuổi ngũ tuần, lục tuần và bà mẹ già 96 tuổi (phụ nữ Thanh Hóa sống thọ hơn nam giới?). Xuất phát điểm chuyển đi có thể từ viên đại úy này. Năm 1987, phục viên bệnh binh, lâu lâu đại úy lại giữ tập ảnh cũ ra xem rồi ba lô con cóc lên đường thăm đồng ngũ đang nằm đầu đó ở các nghĩa trang liệt sỹ. Vợ anh, chị Bình cũng chạnh nhớ tuổi thơ của mình ở xứ Thanh, và rồi cùng vài người bạn cựu học sinh K8 góp tiền thuê xe, mua quà "thuê" luôn đại úy làm cố vấn, để... tìm về chốn cũ, nơi kỷ ức lưu giữ một thời bi tráng, tuổi thơ hành quân ngược dòng những binh đoàn ra trận, tuổi thơ chần trâu đuổi bướm xứ người. Không gian ngôi nhà rộn lên như một cuộc họp xóm với những tiếng ô, a. Cụ bà 96 tuổi nhưng may còn minh mẫn, hay bất chợt minh mẫn để đón con nuôi tưởng đã quên. Tổ làm phim chúng tôi bật máy ghi hình bỗng nghe một câu nói lạ từ chính bà cụ:

- Các bác ở chơi lâu lâu cho vui rồi **viển**, làng xóm chúng tôi đây **quý người** lắm...!

Quý người! Trời đất, câu nói như vọng lại từ giữa thế kỷ trước. Thiên hạ bấy giờ quý chức vụ, xe hơi, nhà lầu, tiền vàng... Vậy mà ở đây?!

- Phải đấy! "lũ con" U50, U60 phụ họa theo. Các bác ở cả tháng cũng được, gạo cơm bấy giờ...!

Rồi cười vui, cứ rộn rạo lên.ái ngại nhất

cho mấy gia đình không thấy "con nuôi" về, cứ chạy đôn chạy đáo hỏi như cảnh gia đình có con đi Bê hỏi thăm anh bộ đội về phép.

- Thằng Bân nhà tôi...?
- Hân chết rồi, dân quân đi biển, bị máy bay Mỹ bắn chết năm 72.
- Rứa thằng Bôn? Cái thằng cười trâu như phi ngựa?
- Cũng rứa, bộ đội đi B không thấy về
- Chờ đất ơi! chờ đất ơi!
- Cứ xôn xao lên, như thế bộ đội về làng hồi chống Pháp

"các anh đi ngày ấy đã lâu rồi, xóm làng tôi còn nhớ mãi..."

Đó là mùa hè năm 1969, Mỹ ngừng ném bom miền Bắc đã được mấy tháng. Khóa học phổ thông 1968 – 1969 kết thúc. Sau hai năm cơm dưa Thanh Hóa, những đứa trẻ K8 lớn dần lên, nỗi nhớ cố hương, cha mẹ tới độ không chịu nổi nữa. Thế là, lác đác có hiện tượng "đào ngũ". Buổi sáng, mẹ Thanh Hóa đánh thức con Quảng Bình dậy ăn cơm, để ra đồng thì giường trống không. "Hệ thống chính trị" xứ Thanh lo mất mặt. Đã nghe tin đồn cháu K8 chết dọc đường về quê. Lại có chuyện mấy cháu nhẩy trộm xe bộ đội tưởng vào Nam, ai dè xe chạy lên Lào. Lệnh hồi hương phát ra, thế là, gần 3 vạn thanh thiếu niên (lúc này có cháu đã vào Đoàn) lại ào ạt trở về. Một hai năm sau, nhiều cô cậu nhập ngũ để không bao giờ có dịp trở lại xứ Thanh nữa.

Bảo Ninh là xã biển thuộc Đồng Hới cách nội thị bởi con sông Nhật Lệ ghi dấu bao chiến tích, thực sự được đánh thức khi cầu Nhật Lệ 1 khánh thành và cầu Nhật Lệ 2 dấy văng sắp khởi công. Dân biển ăn sóng nói gió chân thật, hồn nhiên quá nên hơi thô. Bởi vậy chẳng mà đêm hội đón làng văn hóa Đình Tân, tốp cựu học sinh K8 chiếm diễn đàn hát tới gần sáng. Hát "Quảng Bình quê ta ơi!", "Hò sông Mã", "Nguyễn Bá Ngọc – Đây Thanh Hóa anh hùng và dòng sông Mã mến yêu". Người Đình Tân như được sống lại thời khói lửa, những cơm xẻ áo, hạt gạo chia ba. Đình

Tân ấn tượng ở văn hóa chào mời đi thưa về gửi. Ngồi mâm cơm người nhỏ nhất phải mời từ ông bà cha mẹ anh chị rồi mới được cầm đũa. Đất chật người đông, bình quân lương thực hơn 700kg đầu người/ năm, nhưng cả làng Đình Tân mở hương buôn gà mới nổi lên được, nhiều nhà xây kang trang nhưng con người vẫn thuần hậu, phát âm và từ vựng vẫn chân quê. Cựu học sinh K8 tìm thấy kỷ ức chưa hề phai dù nhà lầu, đường bê tông, xe máy đã thay thế nhà tranh, chân trần, cơm rượu bia thịt thay dưa cải muối cà. Lễ đón làng văn hóa Đình Tân sáng ngày 27/2/2011, các cô gái mặc áo dài bụng khay mời trầu cau. Một vài cựu học sinh K8 bỗng hỏi: Đình làng ngày xưa đâu rồi? – Còn đâu nữa! Tháo dỡ năm 78. – Trời ơi sao lại phá đi?, vậy hàng duối đại cổ thụ? – Chặt rồi!- Rứa cổng làng? – Cổng làm gì, cổng thấp quá ôtô không ra vào được, đập! – Vậy thì văn hóa cái chi?!

Sau lễ là tọa đàm. Bên trong quan chức với cựu K8 zô zô. Ngoài cửa sổ, trẻ con bu đầy. Tội bụng đĩa kẹo bước ra, một tốp trẻ con lao tới, đĩa kẹo tung tóe và lập tức được nhặt sạch. Ôi, làng đây rồi chứ đâu nư! Tôi bỗng nhớ thời nhỏ đi mót khoai sau sá cây, hàng chục đứa trẻ lao vào những củ khoai đỏ đỏ, trắng trắng mới được lật lên. Đảng cấp *khoai* đã tiến lên keo, nhưng làng vẫn là làng, trẻ con vẫn là trẻ con. Chúng nó là tương lai của *làng* đấy. Mong sao lớn lên nó không phạm lỗi phá đình làng, chặt cây cổ thụ như thế hệ trước

Chia tay. Ôi! Sao người Đình Tân tuôn ra nhiều thế, mang ra nhiều quà thế?! Có cả cái bu gà cổ nhét lên xe lại bị tài xế đẩy xuống. Những người đàn ông níu lấy nhau dặn dò, đàn bà thì dăm dúi cho nhau những cái gì. Một bà già chống gậy lụm khụm từ trong ngõ ra. Một cựu K8 thảng thốt: - Chết! Từ khi ra tới chữ toàn bị kéo đi, chưa ăn với mẹ bữa cơm mô hết. "**các bác ở chơi lâu lâu, làng xóm chúng tôi quý người lắm**"- câu thơ làng này đáng được thả lên trời xanh. Bảo Ninh là địa phương đầu tiên đi thăm chốn cũ có tổ chức (dù là ngẫu hứng). Có thể rồi các địa phương khác của Quảng Bình sẽ học theo cho gần ba vạn cháu "K8" trở về chốn xưa, để cái cảnh vừa xa vừa gần, vừa lạ vừa quen như từ trong cổ tích hiện về trên đất xứ Thanh:

"...Dân chúng cầm tay lắc lắc

Độc lập nhờ ghé viên chơi vi chắc"

(Nhớ của Hồng Nguyên)

Sao lại không về nhĩ, làng xóm quý người đến thế!■

BẾN NƯỚC HỒN SÔNG

NGUYỄN QUANG HÒA

GÌO cuối mùa, chừng như lúc nào cũng dịu dàng, chỉ giữ chút se lạnh, nhưng cũng đủ để làm băng khuáng lòng người xa quê. Li chợt nôn-nao, giá như bây giờ mình được ngồi trên chuyến xe đò về miền Tây, về lại nẻo quê, về để uống lại hương đồng gió nội. Thế nào cũng được thôi, dẫu có phải về với chuyến xe muộn màng, cũng không sao. Bất chợt con gió đông bắc về mơn man lên da lên tóc đứa con gái miệt đồng, tự dưng nổi nhớ dâng trào, nhớ bến nước sông quê, nhớ cha nhớ anh, nhớ các chú ở chòm xóm, một chiều bên sông lặn hụp bao lưới dờ chà:

Con cá đồng với người quê như mối duyên tình từ thuở ban sơ, như có từ thuở cha ông thời đi khai hoang mở đất; con cá gắn người đến đời thò tay bắt đôi khi cũng được. Ở đồng, ngoài ngọn rau miệt vườn thì còn gì để gắn gũi nữa đâu, chỉ còn lại con cá đồng để ăn, để lớn, để làm lủi đi tìm hạt gạo.

Ở miệt quê, nếp quê không chỉ có ở ngày xưa mà cả lúc bây giờ vẫn còn giữ, ngoài con cá trên đồng, người dân còn mượn bến nước để neo cá. Neo cá bằng lối chất chà. ở nhà quê cây trồng lâu năm cũng nhiều, một lúc nào đó cũng già cỗi đi, buộc người ta phải đốn; gốc đổ thay tự nhiên vậy mà. Xoài lảo đốn lấy thân làm củi, chặt nhánh gom lại chất đồng làm chà ở bên nước. Trám bầu đó, người quê trồng ở

mé nước, dụng để làm củi, cột cũng để giữ bờ, dòng nước sông quê dù không chảy cuộn siết, nhưng chảy miết, lâu ngày chảy thàng đất bờ cũng phải hao mòn. Hoặc bằng lạng, trồng được năm mười năm gì đó, cây lớn ngó thấy, thấy xài được thì đốn dụng gỗ đóng bàn, đóng tủ, đóng giường ngủ, thịt gỗ bằng lạng cũng tốt, nên có người sành với thao lao, nhưng vì ở vườn nên quen gọi thao lao vườn. Chặt nhánh dành để chất chà, không mấy ai làm củi, vì chặt nhánh thao lao xài đôi ba mùa vẫn tốt.

Người ở quê coi vậy chứ tinh tế lắm, muốn chất chà cũng phải lựa bến nước. Chọn bến thường dựa theo kinh nghiệm của cha ông một phần, một phần cũng tự ý làm thử, nếu lựa được chỗ giáp nước thì chắc mềm có một góc để gom cá. Chà đồng càng lớn càng neo gom được nhiều cá. Nhìn thấy đồng chà um tùm vậy, nhưng thiệt ra người chất có tính được tính mất ở đó; chất làm sao cho có chỗ cho cá dựa lúc nước siết. Nói nôm na một chút, người ở quê làm việc gì cũng tính tới tính lui chứ đâu phải cái gì cũng làm đại. Làm đại đâu có được; chất rồi tin ở bụng: "Hãy đợi đấy" chừng đến lúc dờ chà, cá ít mới chừng hừng. Bụng cứ thắc mắc, cũng cùng một ngọn nước mà đồng chà xẻ mé trên có vài mươi tấm chứ gì, cá nhiều bắt ham.

Chà dờ thường chờ nước đứng rong. Bước đầu là dùng lưới bao đồng chà lại, lưới thường là lưới chỉ, chum lưới dẫn

xích to, cỡ đủ nặng để ém mép không thôi cả nó bung lưới tìm đường thoát. Không chỉ cá mà như con người cũng vậy, bị dồn ép quá phải vùng vẫy để tìm lối thoát thôi.

Người ở miệt quê thiệt ra cũng quen với sông nước, nhưng khi dầm mình dưới nước lâu cũng thấy lạnh. Bao chà thì phải lặn để ép lưới, dồn cho giáp mép thì buộc mép lại, thường thì dùng lạt lùn, vì lạt lùn dai hơn lạt tre. Đầu dây kín mép, kín đáy người ta mới bắt đầu dờ chà bỏ ra ngoài. Khi trống trơn đầu đó, người ta mới từ từ dờ lưới. Cá bắt đầu rõ, nhẩy búng lung tung, cá trắng nét vậy đó, chớ cá đen lại tìm cách chúi bùn để trốn; mà dễ gì, cái nết cá thì người nhà quê quá rành, thì đổ mà bầy lủi bấy trốn.

Nghe cha kể, ngày trước một mẻ chà cơ man nào là cá, là tôm, thấy bắt ham. Nhớ đầu mùa dờ chà năm rồi, cá trê trắng "như hện lại lên" gom lại nhiều quá. Ai mà không có ý bị cá dầm, người lặn còn nước trời đầu, nhẩy tọt lên xuống vô vôi cục thuốc rê đắp chỗ bị dầm. Nghe người lớn nói cá trê trắng, nhứt là cá nải dầm đau nhức thấu trời lặn. Cái đau nhức ở người đàn ông mình làm gì nghĩ ra được, chỉ thấy ông ngồi run lập cập mà thương. Thôi thì anh cứ ngồi đó, vấn thuốc rê kéo vài hơi cho ấm người. Và, cứ nhớ như in lần đó dờ chà có con thắc lác to quá, cỡ cỡ bàn tay xòe, dài thước; cha có cân thử, nặng gần hai ký.

Góc quê, chỉ là một góc quê thôi, nhưng sao nghe gần gũi quá chừng không biết. Và khi nổi thị kho nước dờ ngày Tết, ngoài trứng và thịt, khúc cá lóc buộc lạt đã thấm màu nâu sẫm, ôm ở lòng chum trứng vàng ngậy; chợt dưng mình thấy lòng trĩu nặng với *bến nước hồn sông*. Cảnh cũ người xưa, một góc nhớ thương; thảo nào, con người ở quê cứ dây dưa nỗi nhớ, dù có đi xa, có đi thật xa đi nữa vẫn cứ có một góc quê để hoài nhớ, để quay về.■

CƠN SỐT NGHIÊN CỨU TƯỚNG GIỚI THẠCH

HỒ ANH HẢI

NHỮNG THÀNH KIẾN SAI LỆCH THÂM CẤN CỐ ĐỂ

TƯỚNG Giới Thạch (1887-1975) - nhà lãnh đạo Trung Hoa Dân Quốc thời gian 1924-1949 và sau đó đứng đầu chính quyền Đài Loan cho tới khi chết - là nhân vật rất quan trọng trong lịch sử TQ. Tên tuổi ông gắn liền với việc Trung Hoa Dân Quốc trở thành một trong Tứ hùng chiến thắng Thế chiến II, là đồng sáng lập Liên Hợp Quốc và một trong 5 nước thường trực Hội đồng Bảo an LHQ.

Tổng thống Mỹ Nixon từng nói: "Lịch sử nửa thế kỷ của TQ là lịch sử của Mao (Trạch Đông), Chu (Ấn Lai) và Tưởng (Giới Thạch)".

Thế nhưng từ sau năm 1949, do tác động của chính sách tuyên truyền, hầu như toàn bộ dân đại lục đều tin rằng Tưởng là kẻ thù, kẻ bán nước buồn dân, cai trị độc tài, dựa hơi đế quốc, không chống lại phát xít Nhật xâm lược.

Cuốn sách đầu tiên viết về Tưởng xuất bản ở đại lục là *Tướng Giới Thạch kẻ thù chung của nhân dân do Trần Bá Đạt* (thư ký Mao Trạch Đông) viết, phủ định toàn diện Tưởng Giới Thạch, đã tác động cực lớn đến nhận thức của toàn xã hội.

Nhiều trí thức TQ phản đối cách đánh giá ấy nhưng họ đành gác bút; họ hiểu rằng trong môi trường học thuật đã bị chính trị hóa, nếu muốn được xuất bản các ấn phẩm về tài này thì phải viết những điều trái với lương tâm. Quốc Dân Đảng, Tưởng Giới Thạch luôn luôn là đề tài cấm kỵ. Trong Cách mạng Văn hoá từng có chuyện vợ chồng gia đình họ phải tự tử khi Hồng Vệ Binh khám nhà phát hiện thấy một tờ báo cũ thời Tưởng.

Giáo dục

Sau khi TQ thi hành cải cách mở cửa, nhất là sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt, tự do tư tưởng và ngôn luận được nói rộng, dư luận bắt đầu quan tâm tới Tưởng Giới Thạch.

Thoạt tiên, giới đầu nậu in ấn nhiều tác phẩm của Tưởng, bán rất chạy. Dân chúng truyền tay nhau những bản sao chụp sách mang từ ngoài nước về như *Truyện Tưởng Giới Thạch*, *Bộ mặt Tưởng Giới Thạch*, các bài viết liên quan của nhà văn Đài Loan Lý Ngạo, người từng bị ngồi tù nhiều năm vì tội "chống chế độ" Tưởng.

Tiếp đó, một số học giả TQ bắt đầu sưu tầm tư liệu để dựng được một bức tranh chân thực về Tưởng Giới Thạch.

Người đi đầu là sử gia nổi tiếng Dương Thiên Thạch, suốt từ năm 1983 tới nay chuyên nghiên cứu các tư liệu nói về Tưởng hiện có ở TQ, Đài Loan và ở Mỹ, Anh, Nhật. Ông là người TQ đầu tiên được bản gốc Nhật ký Tưởng Giới Thạch được công khai từ năm 2006 tại Viện Nghiên cứu Hoover, Đại học Stanford. Ông cũng là người đầu tiên dám nói những sự thật lịch sử như: "Quốc Dân Đảng từng là chính đảng yêu nước, cách mạng", "Tướng Giới Thạch từng là nhà cách mạng chống triều đình Mãn Thanh, chống Viên Thế Khải, từng là đối tượng đối cam từ trong trận tấn công nha môn Tuần phủ Hàng Châu, có công cứu Tôn Trung Sơn khi nguy cấp, có công sáng lập trường võ bị Hoàng Phố", v.v... Các phát ngôn ấy của ông mới đầu bị dư luận lên án gay gắt.

Dương nói ông không thích Tưởng Giới Thạch nhưng vẫn nghiên cứu nhân vật này, chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu làm khoa học của một sử gia, nhu cầu phát triển mối quan hệ hoà bình giữa hai bờ eo biển Đài Loan và nguyện vọng biết rõ mọi tình tiết sự việc.

Cho tới nay đại lục đã xuất bản hơn 200 đầu sách viết về Tưởng. Nổi tiếng hơn cả có *Tướng Giới Thạch đại truyện*, *Tướng Giới Thạch tự truyện*, *Tướng Giới Thạch Nhật ký*, v.v...

Nhà xuất bản (NXB) Đoàn Kết tại Bắc Kinh là nơi chuyên xuất bản các ấn phẩm về tài Quốc Dân Đảng và Tưởng Giới Thạch; từ năm 1987 tới nay đã cho ra cả trăm đầu sách. Mấy năm nay, năm nào họ cũng xuất bản được 20-30 cuốn. NXB này thuộc ủy ban Cách mạng Quốc Dân Đảng TQ, vốn là phái tả trong Quốc Dân Đảng, từ 1948 là thành viên mặt trận thống nhất do ĐCSTQ lãnh đạo.

Năm 1988, *Cuộc đời Tưởng Giới Thạch* của Tống Bình xuất bản, bán được 80 vạn cuốn, một con số rất lớn hồi ấy. Năm sau, *Truyện Tưởng Giới Thạch* của giáo sư sử học Dương Thụ Tiêu (ĐH Triết Giang) được in, đi tiên phong trong việc khẳng định một số mặt tích cực của Tưởng Giới Thạch, nhân vật bao năm nay bị bôi giết là ngu xuẩn, thô bạo, tham lam hiếu sắc, độc tài chuyên chế, không có chí lớn.

Năm 1992, nhà văn Diệp Vĩnh Liệt hoàn thành *Tướng Giới Thạch và Mao Trạch Đông*, nhưng sách này không được xuất bản vì trên không duyệt tên sách, với lý do "Tướng Giới Thạch là đại diện giới đại tư sản mai bán, đại quan liêu, sao có thể coi ngang hàng với Chủ tịch Mao?" Cho tới nay Diệp Vĩnh Liệt vẫn chưa chấp nhận lý do ấy. Nhiều năm sau, cũng cùng tên sách đó, chỉ bổ sung thêm một ít nội dung, nhưng sách của ông lại được xuất bản.

Năm 2010, Diệp Vĩnh Liệt xuất bản một tác phẩm bộ ba, trong đó cuốn *Tướng Giới Thạch và Mao Trạch Đông* in 40 nghìn bản, bán chạy hơn hai cuốn còn lại.

BIẾN MA QUỶ VÀ THÂN THÁNH THÀNH NGƯỜI

Trong khi đại lục đánh giá Tưởng Giới Thạch ngày càng tích cực hơn, biến ông từ "ma quỷ" thành con người, thì tại Đài Loan đảng Dân Tiến cầm quyền (2000-2008) lại kéo



Tướng Giới Thạch cùng F. Rusevelt và W. Churchill.

ông ra khỏi đền thờ, biến ông từ thần thánh thành con người.

Dân Tiến phát động phong trào "Xóa Tưởng". Đầu tiên họ dỡ bỏ hơn 100 bức tượng Tưởng Giới Thạch trong các trại lính, và bức tượng Tưởng lớn nhất toàn đảo ở Cao Hùng. Họ còn đề nghị đổi tên Nhà Kỷ niệm Trung Chính thành Nhà kỷ niệm dân chủ Đài Loan (Trung Chính là tên của Tưởng Giới Thạch).

Để phản đối "Xóa Tưởng", ông Mã Anh Cửu (người Quốc Dân Đảng) lên tiếng đòi đánh giá khách quan Tưởng Giới Thạch, phục hồi sự thật lịch sử. Chủ trương *Xóa Tưởng* cũng không được lòng dân Đài Loan. Đảng Dân Tiến chủ trương Đài Loan là quốc gia độc lập, còn Quốc Dân Đảng chủ trương hoà bình hợp tác với Bắc Kinh. Năm 2008, Quốc Dân Đảng thắng cử lên cầm quyền Đài Loan, Dân Tiến trở thành đảng đối lập.

Năm 2010, giáo sư Đại học Harvard Jay Taylor (tên chữ Hán là Đào Hàm) xuất bản cuốn *The Generalissimo* (Vĩ Tổng Tư lệnh; TQ dịch là *Truyện Tưởng Giới Thạch*), là cuốn tiểu sử Tưởng Giới Thạch viết bằng tiếng Anh hoàn chỉnh nhất cho tới nay. Báo Washington Post bình luận: Lâu nay đại lục gọi Tưởng là "giặc (phỉ)", "chó săn của đế quốc Mỹ", giờ đây ông được trả lại bộ mặt vốn có. Tờ Economist viết: hình ảnh tiêu cực của Tưởng Giới Thạch chủ yếu là do cách tuyên truyền của các nhà chính trị phải tả hồi thập niên 40 thế kỷ trước tạo ra, ngày nay *The Generalissimo* "đã lật đổ được một số hiểu lầm lớn".

THAY ĐỔI TRONG QUAN ĐIỂM CỦA LÃNH ĐẠO TQ

Từ nửa cuối thập niên 80, về cơ bản ở TQ đã không còn sự cấm kỵ nghiên cứu Tưởng Giới Thạch. Nguyên nhân chính là do lãnh đạo TQ thay đổi chính sách đối với Đài Loan: nhằm đẩy mạnh sự nghiệp thống nhất tổ quốc, ĐCSTQ muốn tranh thủ đoàn kết Quốc Dân Đảng, lôi kéo dân chúng Đài Loan; ngoài ra cũng nhờ có cải cách mở cửa.

Một số lãnh đạo cấp cao bắt đầu tỏ thái độ mềm dẻo với Quốc Dân Đảng. Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương Diệp Kiếm Anh viết thư cho Tổng thống Đài Loan Tưởng Kinh Quốc, Đặng Đình Siêu (vợ Chu Ân Lai) viết thư cho Tổng Mỹ Linh kêu gọi thống nhất đất nước. Bắc Kinh cũng bỏ nhiều văn kiện nói về thống nhất hai bờ eo biển Đài Loan.

Một số cán bộ lãnh đạo lên tiếng ủng hộ tiến hành nghiên cứu Tưởng Giới Thạch và Quốc Dân Đảng. Bài viết *Bí ẩn vụ chiến hạm Trung Sơn* của Dương Thiên Thạch đưa ra sự đánh giá tích cực về Tưởng Giới Thạch được Hồ Kiếu Mộc (UV Bộ Chính trị) đánh giá cao.

Năm 2002, Dương Thiên Thạch xuất bản cuốn *Hồ sơ bí mật của họ Tưởng và sự thật về Tưởng Giới Thạch*, tuy bản thảo đã được Tổng Nha xuất bản nhà nước và Ban Thống nhất Trung ương duyệt, nhưng sách này vẫn bị một số người kết tội là tâng bốc Tưởng. Họ còn đòi cách chức tổng biên tập tạp chí *Bách Niên Trào* (nguyệt san do Phòng Lịch sử Đảng - TƯĐCSTQ - chủ trì) của Dương Thiên Thạch. Sau 2 tháng bị đập tới bời trên mạng, cuối cùng ý kiến thẩm duyệt của cấp trên viết: "Sách này là một trước tác học thuật nghiêm cần; nghiên cứu chứ không tâng bốc".

Năm 2005 trong diễn văn đọc nhân 60 năm Kháng chiến chống Nhật thắng lợi, Chủ tịch Hồ Cẩm Đào nói: "Quân đội kháng Nhật do Quốc Dân Đảng TQ và Đảng Cộng sản TQ lãnh đạo đã gánh vác nhiệm vụ tác chiến trên các chiến trường chính diện và ở vùng hậu địch, hình thành tình thế cùng nhau chống lại Nhật xâm lược".

Việc ông Hồ xếp Quốc Dân Đảng lên trước Đảng Cộng Sản thể hiện quan điểm mới của lãnh đạo TQ trong đánh giá cuộc kháng chiến chống Nhật, trước kia ĐCSTQ chưa bao giờ công khai nói như vậy, chứng tỏ Đảng đã khách quan hơn.

Cũng năm ấy Dương Thiên Thạch sang Đài Bắc dự hội thảo khoa học 60 năm Kháng chiến chống Nhật và 80 năm thu hồi Đài Loan, Tổng thống Mã Anh Cửu đến nói chuyện, mở đầu bằng câu: Tôi xin báo một tin tốt lành cho mọi người biết, Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào ở Bắc Kinh cũng khẳng định công lao kháng chiến của Quốc Dân Đảng chúng ta.

Hôm 8/4/2011, khi tiếp David Brady phó giám đốc Viện Hoover, ông Mã Anh Cửu nói gần đây ông chú ý tới việc các giới xã hội có thay đổi rõ rệt trong quan điểm bình luận Tưởng Giới Thạch, nhất là ở đại lục; điều này khiến ông hết

sức ngạc nhiên.

Ông Mã tỏ ý quan tâm tới một cuốn sách mới xuất bản trong đất liền có tên *Đội Bảo vệ Thiết huyết của Tưởng Giới Thạch*. Sách này đánh giá họ Tưởng tương đối khách quan, thí dụ nói tới việc ông chống tham nhũng, tích cực chống Nhật, về già có thái độ khoan dung v.v..., cũng phê phán ông có thái độ dung túng đối với các trường hợp người thân của ông tùy tiện hành động theo ý riêng.

Sách dày 500 nghìn chữ, bán hết ngay 1 triệu cuốn, phía Đài Loan cũng mua để các quan chức cấp cao đọc. Cuốn sách đã góp phần tăng cường sự hợp tác giữa hai bờ eo biển.

CÓ THÊM NHIỀU TƯ LIỆU LỊCH SỬ QUAN TRỌNG

Cơn sốt Tưởng Giới Thạch ở đại lục gần đây đã lên tới cao điểm.

Khê Khẩu (ở Triết Giang), quê hương họ Tưởng là Di tích lịch sử trọng điểm được nhà nước bảo vệ, trở thành điểm nóng du lịch, nơi đây có 10 công ty du lịch, mỗi năm đón 6 triệu du khách. Món bánh Thiên Tảng ngày xưa họ Tưởng thích, nay thành món khoái khẩu, có cả một dãy phố làm và bán. Khách đại lục tham quan Đài Loan ai cũng đến thăm Nhà Kỷ niệm Trung Chính. Họ Tưởng trở thành nhân vật được ngành du lịch khai thác nhiều nhất.

Năm 2008 cuốn *Đi tìm Tưởng Giới Thạch đích thực* - đọc Nhật ký Tưởng Giới Thạch của Dương Thiên Thạch xuất bản rất thuận lợi ở đại lục và Hong Kong, được chọn là 1 trong 10 sách hay nhất năm đó. Tác giả cho biết, khi nộp bản thảo, ông rất lo sẽ không được duyệt vì có nhiều chỗ nhạy cảm. Thí dụ phần nói về cuộc đàm phán Trùng Khánh, do Tưởng Giới Thạch có ý định bắt giữ Mao Trạch Đông đưa ra tòa xét xử, vì thế Tưởng đã liệt kê một loạt tội trạng của Mao và của ĐCSTQ. Sự kiện chưa ai từng biết này có viết trong *Nhật ký Tưởng Giới Thạch* nay Dương Thiên Thạch chép nguyên văn vào trong sách mà vẫn được duyệt xuất bản khiến tác giả vô cùng vui mừng.

Đầu năm 2010, Hội thảo quốc tế Tưởng Giới Thạch với TQ cận đại được tổ chức trọng thể, có nhiều tham luận. Ngoài ra hình ảnh Tưởng xuất hiện ngày một nhiều trong các bộ phim lịch sử lớn của đại lục đã kích thích dân chúng muốn tìm hiểu nhân vật này.

Một yếu tố quan trọng nữa là ngày càng có thêm nhiều tư liệu lịch sử, tạo thuận lợi cho công tác nghiên cứu.

Việc năm 2010 NXB Nhân dân xuất bản *Hồi ký Trần Thành* càng làm tăng nhiệt cơn sốt. Sách này hầu như in nguyên văn bản gốc xuất bản tại Đài Bắc, chỉ có sửa các từ "Cộng phỉ" (giặc cộng sản) thành "Cộng đảng" (đảng cộng sản). Trần Thành (1898-1965) là người thân tín nhất của Tưởng, được gọi là *Tiểu Tưởng Giới Thạch*, thượng tướng, Phó Chủ tịch Quốc Dân Đảng, từ 1945 là Chủ tịch chính quyền tỉnh Đài Loan, viên trưởng Viện Hành chính Đài Loan 1950-1964 (tức Thủ tướng). Hồi ký có nhiều tư liệu về các quyết sách quan trọng của Tưởng, nhất là thời gian chiến tranh kháng Nhật, qua đó cho thấy Tưởng quyết tâm chống Nhật đến cùng.

Năm 2005, cháu đầu Tưởng Giới Thạch là bà Phương Trí Dị (vợ Tưởng Hiếu Dũng, con trai Tưởng Kinh Quốc) giao bản gốc Nhật ký Tưởng Giới Thạch cho Hoover Institute bảo quản, nhằm tiện công khai cho công chúng đọc.

Đây là bản nhật ký hoàn chỉnh nhất do chính Tưởng Giới Thạch viết trong hơn nửa thế kỷ (1917-1973). Tài liệu lịch sử có một không hai này đã thu hút các học giả người Hoa trên toàn thế giới, nhất là người đại lục xưa nay vốn hiểu sai về họ Tưởng. Có lúc hơn chục học giả đại lục đọc đồng thời trong thư viện. Hậu duệ các cựu quan chức Quốc Dân Đảng cũng rất muốn biết Tổng thống Tưởng viết gì về cha ông họ.

Viện Hoover quy định: người đọc không được mang theo máy tính, máy ảnh, chỉ được đọc bản micro-phim, chỉ được chép tay, không được chụp ảnh hoặc photo copy, muốn trích dẫn nguyên văn câu nào trong *Nhật ký* thì phải xin phép gia đình họ Tưởng, chỉ được dùng bút và giấy do Viện cung cấp tại chỗ. Do nhật ký rất dày mà tốc độ chép tay rất chậm nên việc đọc và chép mất thời gian nhiều tháng trời.

Các sử gia và nhà văn TQ từng đọc *Nhật ký* cho biết tuy không ghi nhiều sự kiện quan trọng nhưng *Nhật ký* rất bổ ích cho việc tìm hiểu thế giới nội tâm của Tưởng; nội dung *Nhật ký* rất thật, không có chỗ nào giả tạo, không phải loại viết cho người khác đọc.

Nhà báo Nhan Xương Hải nhận xét: đọc *Nhật ký* có thể thấy Tưởng Giới Thạch có phẩm chất siêu quần. Quá trình học tập tự thân lập chí của ông đáng để các thế hệ noi theo. Từ 1917 trở đi ngày nào ông cũng viết nhật ký, liên tục 55 năm. Ông không chỉ ghi chép chính sự mà cũng ghi cả chuyện riêng, kể cả chuyện xấu, chuyện trăn trêu của mình. Qua đó có thể thấy ông là người dám chịu trách nhiệm, có nội tâm trong sáng. Thử hỏi có mấy nhà chính trị TQ dám phơi bày nội tâm bằng cách ghi nhật ký như thế. Ông toàn suy nghĩ những việc lớn của TQ chứ không nghĩ chuyện thể lực cá nhân.

Giới thạo tin cho biết, nhân kỷ niệm 100 năm Cách mạng Tân Hợi (1911-2011), cuối năm nay sẽ xuất bản phần nhật ký *Tướng Giới Thạch* viết năm 1949. Toàn bộ *Nhật ký* sẽ được xuất bản sau 3 năm nữa. ■

TRUYỆN NGẮN DỰ THI

1.

NHỮNG ai quan tâm đến nền văn học dịch Việt Nam trong những năm tám mươi của thế kỷ trước chắc hẳn sẽ biết đến một cái tên quen thuộc, dịch giả Ông Tùng Chi. Ông nổi tiếng với cuốn "Những kẻ đồ tể" của một tác giả trứ danh người Nga. Bản dịch đã gây xôn xao dư luận đương thời. Báo chí ngày ấy đánh giá: "Một phát hiện mới cho nền văn học dịch đương đại Việt Nam. Một dịch giả mang đầy phong cách hậu hiện đại". Ông là cha tôi.

Từ nhỏ, tôi đã thích nghề dạy học nên lớn lên theo ngành sư phạm rồi ra trường về dạy ở một trường cấp II nơi khu phố gia đình mình sinh sống. Cái nghề đeo đẳng suốt cuộc đời mẹ tôi mà với tôi chắc cũng vậy. Ai muốn sự bằng lặng, nhàn nhạt, vô vị thì nên theo nghề đó. Cha tôi lại khác. Ông ghét sự bình lặng, ông luôn muốn tự mình gây ra những xung đột, những náo động trong tâm hồn. Ông chọn nghề văn chương dịch thuật. Cái nghề mà theo tôi khổ nhọc nhiều hơn là vinh quang.

Thời trẻ ông từng tốt nghiệp đại học tổng hợp văn, tự học tiếng Nga và tỏ ra chuyên tâm vào nghiên cứu văn học Nga - Xô Viết. Trước khi vào lính, ông có dịch linh tinh các mẫu truyện nhỏ, tin tức lá cải cho các báo kiếm nhuận bút qua ngày. Từ khi nhập ngũ, việc này gần như ngưng hẳn vì cuộc kháng chiến chống Mỹ cuốn ông vào cái vòng xoáy nghiệt ngã, nơi mà người lính chỉ được sống để chiến đấu, giết kẻ thù và chiến thắng bằng mọi giá. Chiến trường - cái lò sát sinh khổng lồ.

Mở đầu bản dịch "Những kẻ đồ tể", ở phần lời giới thiệu ông có viết: "Con người sinh ra Thượng đế đã ban cho họ thiện tính "Nhân chi sơ tính bản thiện" mà Khổng Tử nói tới trong Tam Tự Kinh. Yêu thương, từ bi, hiền ái là Phật tính. Ganh ghét, đố kỵ, lừa lọc và giết hại lẫn nhau là thú tính, ác tính nên gọi là "Đồ Tể". Đồ Tể là gì? Đồ Tể là những kẻ chuyên đi giết hại kẻ khác. Nhưng thiên hạ chỉ quen gọi những anh chàng chuyên đi giết mổ trâu bò, lợn gà là Đồ Tể..."

Các khái niệm, thuật ngữ luôn làm khó tôi. Cha tôi lại có tính khép kín, tự ti của kẻ sĩ, cho rằng không có người hiểu nổi mình nên ít khi thổ lộ cùng ai. Sau gần chục năm quần thảo ở khắp các chiến trường rồi bị thương và ra quân với cấp bậc thượng tá, hành trang ông mang về là hàng tá huân huy chương, bằng khen các loại cùng những kỷ vật của các đồng đội đã hy sinh. Ông bị thương trong trận Trảng Bàng - Bến Súc (Củ Chi). Trong đau ông vẫn còn một mảnh đạn nhỏ, vết thương tuy không quá nặng nhưng cũng để lại nhiều di chứng về sau. Ông hay lẫn lộn, ăn nói nhát gừng, thường hay văng tục, đặc biệt vào những lúc mệt mỏi khi có cái gì làm ông không vừa lòng hay thời tiết thay đổi. Thường hợp bị xúc động mạnh ông có thể làm những điều kinh khủng. Gia đình phải hết sức chú ý hành động không được lý trí kiểm soát của ông. Bác sĩ đã cảnh báo như vậy.

2.

Ngay cạnh khu tập thể nơi gia đình tôi sinh sống từ lâu đã mọc lên một cái lò mổ lớn. Gia súc, gia cầm như lợn, bò, gà, vịt... ở khắp nơi trong thành phố đều được tập trung về đây. Lò mổ có cái tên rất khiêu khích "Hoàn Lương". Ất hẳn là họ đưa những linh hồn súc vật kia về cõi hoàn lương. Mà súc vật thì có bao giờ không lương thiện? Cũng có thể sau khi chết chúng được đầu thai thành người?

Mỗi đêm về sáng, tấm gà gáy lẫn hai, những tràng tiếng kêu rùng rợn, kinh

NHỮNG KẺ ĐỒ TỂ

Truyện ngắn dự thi của HOÀNG NGHĨA

khủng từ bên lò mổ phát ra. Con bé thứ hai nhà tôi cứ đến giờ ấy là giật thót mình và rúc sâu vào lòng mẹ nó.

Mặc dầu người dân xung quanh phản đối rất nhiều đối với việc lò mổ kia làm ảnh hưởng đến cuộc sống của họ, chưa kể đến hậu quả ô nhiễm môi trường, nhưng chính quyền thành phố vẫn làm ngơ. Đơn giản vì cái lò mổ này đã biết đem cái chết để nuôi sống họ.

Nhà tôi cũng nhờ lò mổ đó mà có cuộc sống tươi tắn như ngày hôm nay. Lương một anh giáo như tôi "ba cọc ba đồng" đến mức vợ vẫn nói rằng "không đủ để mua bằng vệ sinh và son phấn" thì đâu dám mong các nhu cầu khác trong một gia đình có sáu miệng ăn với hàng ngàn món cần chi tiêu. Tất là nhờ cô vợ đảm đang của tôi cả. Thời bao cấp vợ tôi là nhân viên của quầy thực phẩm lớn nhất Hà Nội. Chính cái địa vị "thượng lưu" đó mà cô đã lọt vào "mắt xanh" của bà mẹ chồng khó tính.

Chúng tôi cưới nhau về ở chung trong căn nhà tập thể của bố mẹ tôi. Tôi tiếp nghề dạy học còn vợ tiếp cái công việc của mình. Khi Nhà nước chuyển sang cơ chế đổi mới, cô chuyển ra quầy bán thịt ở chợ Đồng Xuân. Ngày ngày, cỡ bốn giờ sáng là cô đi lấy hàng ở lò mổ ngay gần nhà rồi đem ra chợ bán.

Cả thể xác lẫn tâm hồn của hai vợ chồng tôi hoàn toàn đối nghịch nhau. Tôi là thầy giáo kiểu thư sinh trời gả không chặt, thích ăn nhạt, ghét ăn tanh. Vợ tôi dảng về hộ pháp điển hình của trường quầy thịt, thích ăn mặn và tiết canh là món khoái khẩu của cô. Chính cái món ấy là cái được nhất trong mắt bố tôi để xem xét giá trị của cô con dâu. Ấy cũng là món tủ của ông từ trước đến nay.

Đối nghịch vậy mà hai vợ chồng tôi vẫn lấy nhau mà sống hạnh phúc nữa là khác. Cưới nhau hơn hai mươi năm có hai mụn con. Thành đầu đi tạt bầm sinh, từ khi sinh ra tôi giờ đâu óc mù mẫm, nói năng ử ử. Bác sĩ bảo nó bị thiếu năng trí tuệ, đầu óc có vấn đề, nói toẹt ra như con bé em nó hay bảo anh là "thằng Ngốc". Thằng anh cười ngật nghêu khi nghe em gọi thế. Cũng có thể đấy là một tài sản mà ông nội đem từ chiến trường về làm di sản cho cháu.

Cha tôi tuổi hổ, năm nay gần bảy mươi. Các cụ ta có câu: "Trai mộng một gái hôn rằm". Người sinh ra vào ngày đó rất dễ làm nên sự nghiệp hiển hách hoặc cũng làm được một việc gì đó để lại tiếng tăm. Cha tôi sinh đúng mộng một đầu tháng. Thế mà gần đi hết đời người vẫn chưa thấy ông làm được cái gì gọi là to tát. Cuốn sách dịch "Những kẻ đồ tể" có thể giúp ông có một việc làm ổn định và chỗ đứng trong xã hội trước khi về hưu nhưng theo tôi nó là một cuốn sách dở. Nhiều đoạn trong bản dịch chưa sát với nguyên bản. Tác giả dịch còn theo cảm tính chủ quan của mình chưa làm rõ được thần thái nghệ thuật mà nguyên tác thể hiện.

Cha tôi từng là Viện phó. Ông về hưu năm 57 tuổi với học vị phó giáo sư. Đáng lẽ ông tại chức thêm ba năm nữa nhưng ông quyết định về hưu non sau một cuộc "đào chính" trong cơ quan. Một mối

trường tràn ngập không khí văn chương học thuật nhưng mưu mô cùng các mâu thuẫn khổng lồ. Từ khi về hưu, ông suốt ngày giam mình trong phòng đọc sách và dịch các tác phẩm văn học đương đại. Trước khi rời nhiệm sở, ông đã cho gọi thợ coi nơi thêm căn hộ tập thể thêm một gian xếp đủ cho ông đặt cái bàn, cái ghế và tất cả số sách của cuộc đời tích lũy. Ông bắt đầu dịch những tác phẩm văn học Việt Nam sang tiếng Nga và cũng bắt đầu viết tiểu thuyết. Ông cho rằng mình đã sẵn sàng mọi khả năng và điều kiện để viết tiểu thuyết. Nhưng nếu ai hỏi ông công việc viết lách đến đâu họ cũng nhận được một câu trả lời quen thuộc: "Tôi đang viết dở chương cuối của cuốn tiểu thuyết để đời". Đường như mọi nhà văn đều đang viết dở cái chương cuối của cuốn tiểu thuyết để đời ấy.

Như tôi biết ông cũng đã viết và dịch được kha khá nhưng vẫn chưa cho xuất bản. Cơ chế xuất bản hiện thời không khó. Khi tôi hỏi về việc sắp tới ông có ý định xuất bản cuốn sách nào không thì ông bảo:

"Bố đang ử ử, chờ thời. Toàn là những trước tác giá trị cả, nếu đem in lúc này cũng chỉ để cho các mục hàng rong gói xôi vĩa hè. Vàng thau lẫn lộn. Văn chương, nghệ thuật bây giờ đang bị đánh đồng theo xu hướng "tầm thường hóa". Tác phẩm đích thực đem in lúc này coi như vứt đi..."

Mỗi khi đã vào đề thì ông nói rất hàng và không ai lường trước nó sẽ đi đến đâu. Biết vậy tôi lảng lảng rút ra phòng ngoài.

Mẹ tôi về hưu trước ông năm năm, nhưng vẫn chịu khó đi dạy cho các lớp ôn thi đại học cấp tốc. Bà dạy văn. Bà thường bảo: "Đường như văn học thời nay là một khái niệm xa xỉ đối với giới trẻ". Chính vì thế bà không bao giờ dạy hai đứa cháu môn này. Bà vẫn bảo: "Dạy nó văn học làm gì. Cho nó học mẹ nó mổ lợn còn kiếm được bát tiết canh". Có lẽ vậy. Hai đứa con tôi ghét nhất môn đó. Chúng chỉ thích chơi trò picachu trên màn hình vi tính. Vợ tôi mới sắm một giàn máy khá ngon, vừa dùng giải trí vừa dùng học tiếng Anh. Thi thoảng còn nghe những bản giao hưởng trữ tình của Beethoven. Tôi thật không hiểu nổi vợ tôi. Một người bán thịt lợn mà lại học tiếng Anh và thích nghe nhạc giao hưởng. Có thể đó là những ngôn ngữ thẩm kín giao tiếp được với lợn chăng?

Cha tôi là một dịch giả, đã từng nổi tiếng cũng được bạn bè gọi là nhà văn. Mẹ tôi cả đời dạy văn và tôi hiện giờ cũng vậy. Một vài lần cũng bắt gặp vợ tôi đọc cái gì đó trên mạng. Vợ tôi bảo là đọc văn học mạng nhưng nhìn kỹ thì toàn truyện kiều dâm.

Đều đặn mỗi tháng hai lần vào mồng một và ngày rằm mẹ và vợ tôi lại lên chùa. Tôi để ý mấy năm nay hai tín đồ Phật giáo này không bỏ sót một buổi lễ chùa nào. Ở đó mẹ tôi tìm sự an ủi cho tuổi già, còn vợ tôi có lẽ tìm được sự sám hối vì những con lợn đã bị giết. Một điều tôi cảm thấy lạ lùng nữa là những gia đình bên cái lò sát sinh lớn ngay cạnh nhà tôi xem chùa như căn nhà thứ hai của họ. Lò mổ còn thường xuyên chứng

kiến các vị sư từ chùa xuống tụng kinh cả ngày lẫn đêm mấy hôm liền.

Đứa bé con nhà tôi thường nói: "Mẹ lên chùa để cầu trời Phật phù hộ cho mẹ giết được nhiều lợn hơn". Tôi thoát nghĩ nếu như có Phật linh ứng thật thì chắc họ sẽ không phù hộ như vậy. Phật giáo lên án sự sát sanh.

3.

Mấy tháng nay nhà tôi xuất hiện một vị khách lạ. Là thằng Hợi, em trai lão trùm trường cái lò mổ lớn nhất Hà Nội ngay trước nhà. Mọi người vẫn quen gọi nó là Hợi "heo". Lại có tin đồn là thằng này tèm nhem nhân ngãi với chị dâu, có lần bị thằng anh dùng dao chọc tiết lợn chém đứt dải tai phải. Hẳn thường đến nhà lúc tôi đi vắng. Lấy cớ là bàn việc hàng họ, sổ sách gì đó với vợ tôi vì cô ấy vẫn hàng ngày lấy thịt ở lò nhà nó. Bộ dạng bề ngoài nom hân hậu đáng sợ. Đầu húi cua trọc, tí hí mắt lươn, tai to mặt bạnh trông rất dữ tợn, mình mẩy chân tay xạm tro long ly quy phương y như một bức tường của nhà vệ sinh công cộng. Đứa con gái tôi bảo: "Trông bác ấy như quỷ Sa tăng". Bố tôi thì bảo: "Thằng đồ tể" (thói thường thấy người nào nghịch tướng cụ đều bảo vậy, riêng vợ tôi cụ không gọi như thế vì mỗi sáng lấy hàng về vợ tôi đều thết cụ một bát tiết canh kèm thêm đĩa lòng lợn và mấy lá tía tô).

Thời gian này tôi phụ trách lớp bồi dưỡng học sinh giỏi văn của trường nên thường dạy về đêm. Một lần dạy xong, tôi cùng thằng bạn hồi đại học tạt qua phố Phạm Ngọc Thạch làm chén rượu chân gà nướng nên về khuya. Lúc đó, bố tôi vẫn đang giam mình như một nhà tu kín trong phòng sách, mẹ tôi cùng hai đứa bé đều ngủ lả lác cả. Căn phòng của hai vợ chồng phát ra một ánh điện lờ mờ, hai cánh cửa chính hở khep. Dừng xe vào góc thềm, khác với mọi hôm tôi đi vòng ra sau gian bếp vào nhà vệ sinh rửa ráy bớt hơi rượu Vodka. Tôi vào nhà từ cửa xếp. Có tiếng cười lí nhí, rên rĩ khe khẽ rồi tiếng cười khùng khục như chó hốc xương ở phòng trong. Nghe như tiếng thằng Hợi "heo". Tôi vừa mở cửa phòng ra thì màn hình vi tính tắt phụt. Mụ vợ tôi đã nhanh tay rút ổ cắm, chỉ còn lại trong phòng ánh đèn ngủ vàng vàng, nhợt nhạt. Thì ra hai đứa đang ngồi xem phim sex. Thằng Hợi tàng ló bảo:

"Cứ thế nhá! Mai phải đưa bà chị lên chùa. Mà chị thu xếp ứng trước cho em một ít. Đạo này kệt vốn anh Hạnh thúc suốt (Hạnh là anh trai nó, trưởng cái lò mổ).

Đoạn y cút về không thêm nói với tôi một câu gì. Mụ vợ tôi nhìn hân hân với ánh mắt khác hẳn ánh mắt ngán ngẩm nhìn tôi hàng đêm. Mấy năm nay, chuyện sinh lý giữa hai vợ chồng dường như ngưng hẳn.

Vợ tôi cũng đã từng bảo thằng vào mặt chồng rằng: "Vớ được thằng chồng như anh cũng đến nước tôi lên chùa quy luôn. Thật vô dụng!"

Cô ta lên chùa quy thật. Nhưng từ mấy tháng nay thằng Hợi hay lẩn mò, lén lút sang đây, ánh mắt đi thóa ngày nào lại ánh lên thật khùng khiep. Trong ánh mắt đó có cái ngùn ngụt, sắc lạnh của ánh lửa nơi địa ngục sẵn sàng thiêu đốt mọi thứ. Tôi biết mình là một ông chồng kém cỏi thật, có phần nhu nhược nữa. Thói thường trong một gia đình người nào nắm về kinh tế thì quyết định luôn cả về chính trị. Một thư sinh trời gả không chặt như tôi ngay như việc nói cái cầu chi điện trong nhà cũng phải tay vợ làm cho nên khi thấy vợ làm những điều chứng tai gai mắt cũng không dám nói nặng một lời. Nhiều lần như thế mình chỉ "chặc", nó muốn làm gì thì làm mình không quan tâm miễn đừng làm xấu mặt chồng nó với thiên hạ là được. Một kẻ vô dụng, nhu nhược đặc biệt rất trọng danh dự. Thói đời vẫn thế. Kẻ sĩ vẫn thường "bỉ thế xác mà trọng danh dự", điểm này tôi thừa

hưởng ở cha tôi.

4. Hôm nay rằm vợ tôi nghỉ hàng, cùng mẹ tôi lên chùa. Chùa ngự trên núi nơi thờ vị thiền sư đắc đạo và chân tu. Chùa nổi tiếng linh thiêng và ứng nghiệm cho những lời cầu xin chân thành đối với các tín đồ phật giáo phúc đức và có lòng với phật. Từ đêm hôm trước hai mẹ con đã xỉ xẩm to nhỏ đếm ngược đếm xuôi những tờ tiền lẻ còn nhờn nhờn mùi mỡ lợn. Trung bình mỗi lần lên chùa, hai mẹ con sẽ rải vào hàng chục các hòm công đức đặt khắp chùa, ngót nghét ba trăm ngàn bạc lẻ. Con bé con nhà tôi hay nhẩm tính theo phép tính thông thường, nếu quy ra thóc vị chi là non một tạ. Tháng hai lần non hai tạ thóc.

Hai bố con tôi ít quan tâm đến việc đó

nướm nướp kéo nhau lên đông như vậy. Chùa cách nhà tôi khoảng ba mươi phút đi xe máy. Cũng không quá xa ấy vậy mà đi hết hơn nửa đời người tôi vẫn chưa đặt chân đến. Tự dưng lúc này thấy mình cũng thật vô tâm.

Chùa ngự trên một đỉnh núi cao lớn, treo phải tới hàng trăm bậc. Từ dưới nhìn lên quả thật khung cảnh trang nghiêm, hùng vĩ. Một không khí linh thiêng, thanh tịnh bao trùm toàn bộ cảnh vật nơi này. Đủ mọi hạng người chen chúc lên chùa.

Trèo qua cái bậc cuối cùng đặt chân vào sân chùa, tôi thấy mình như không còn chút sức lực nào nữa, mới thấy mẹ tôi hơn sáu mươi tuổi mà vẫn đều đặn lên hàng tháng chứng tỏ bà khỏe và đức tin trong bà lớn như thế nào. Chẳng khác gì một cuộc thi chạy Maratông đường

nhỏ, nhỏ đẩy dài rút cười ngặt nghẽo.

5. Sáng hôm sau, trước khi vợ tôi đưa thịt ra chợ bán, cả nhà ngồi bên bàn ăn sáng, tôi háng giọng hỏi:

- Hôm qua mẹ và nhà con đi chùa có gì vui không?

Vợ tôi vừa ăn bát tiết canh vừa trả lời:

- Vẫn như mọi khi. Sao tự dưng hôm nay anh lại quan tâm đến thế?

- Hỏi để biết vì hôm qua anh cũng tình cờ lên chùa. Công nhận trên mấy cái ghế đá ở khuôn viên chùa có những bức tượng phật khá đẹp tuyệt, nhìn cứ y như thật. Những bức tượng của những đôi tình nhân già có, trẻ có trên mấy cái ghế đá đặt ngay cạnh gốc cây bồ đề cổ thụ lớn ấy. Chẳng kém gì những bức tượng của Gianlorenzo Bernini thời kỳ

Con bé cầm lên và đánh vần đọc từng chữ một: "Đồ ô đồ huyền đồ. Tờ ề tờ hồi tề. Đồ tề..."

Nó ấp úng hỏi ông:

- Đồ tề là gì hả ông?

Bố tôi đang mãi hí hoáy với những tập bản thảo lộn xộn, dầy cộm ngược đầu lên giải thích:

- Đồ tề là những kẻ chuyên giết mổ trâu bò, gà lợn, ngan ngỗng... Nói chung là những kẻ giết hại kẻ khác. Những kẻ tham quan, vợ vết tiền bạc của Nhà nước cũng được gọi là đồ tề.

- Thế như mẹ cháu có phải là đồ tề không ạ?

- Mẹ cháu thì cũng có thể gọi như vậy cũng có thể không. Vì mẹ cháu không trực tiếp giết lợn mà chỉ bán thịt lợn thôi.

- Thế giết người có được gọi là đồ tề không hả ông?

- Đồ tề quá đi chứ. Kẻ nào giết người là loại đồ tề độc ác nhất cháu ạ!

- Thế ông có phải là đồ tề không? Vì ông hay kể với cháu ngày trước đi bộ đội ông giết hàng trăm thằng giặc cơ mà. Giặc cũng là người đúng không ông?

Một ông già gần bảy mươi tuổi tỏ ra lúng túng trước những câu hỏi ngây thơ của một đứa trẻ con mới tám tuổi. Những lời chất vấn quái đản của con trẻ đối với lịch sử khiến ông cụ không biết trả lời thế nào.

Ông lắp bắp: "Đồ tề... đồ tề... đồ tề..." Và trước mắt ông lại hiện ra khung cảnh chiến trường đầy chết chóc, sặc mùi tử khí. Những cuộc xung phong liên tiếp, những con người lầm lũi vũ khí lao vào đâm chém, giết hại lẫn nhau.

6.

Hôm ấy, bố tôi tỉnh dậy sau giấc ngủ trưa khi phòng ngủ của hai vợ chồng tôi phát ra thứ nhạc chợ búa inh ỏi. Ngày chuyển mùa trong căn gác xếp chật chội, nóng bức khiến đầu óc ông càng trở nên mụ mị. Ông đi ra đi vào như đi trong giấc mộng. Mảnh đạn trong đầu ông lại cựa quậy trở lại. Bao nhiêu hồi ức đau thương lại hiện ra ngay trước mắt ông. Thành bạn cùng tiểu đội chết trên tay ông, dính một phát AR15 giữa đỉnh đầu, cô du kích người ông thương thầm nhớ trộm bị lính Mỹ cưỡng bức ngay trước mặt và sau đó bị chém ra thành từng mảnh, những cái đầu lâu bị xuyên qua bởi dây thép gai... Máu... máu lạnh lạnh khắp nơi... máu từ bát tiết canh tràn ra khắp nhà... Ông lợm giọng nôn thóc nôn tháo...

...Con dao chọc tiết lợn lăm lăm trong tay ông. Cô con dâu cùng thằng Hợi "heo" trần truồng không một mảnh vải che thân. Người thương của ông bị bọn lính Mỹ cưỡng hiếp... máu... máu trào lên khắp người ông nóng hổi, dòn dập... Bọn đồ tề... Xung phong... Giết... giết...

Thằng Hợi "heo" nằm thoi thóp trên một vũng máu. Con dao bẽ bết máu rơi khô khốc, kinh rợn trước mắt cô con dâu. Như một người vô hồn, ông lững thững trở lại phòng sách.

Tôi đẩy cửa bước vào thấy bố nằm gục trên bàn, mặt dề lên cuốn "Những kẻ đồ tề". Ông đã ra đi. Trang bìa cuốn sách đã được lật, trang sau ghi phần tự thuật của ông còn những vết máu đã khô vón lại. Một hàng chữ bút bi nguệch ngoạc: "Trong mỗi con người đều có một kẻ đồ tề. Sẽ đến lúc chúng vùng dậy khi mà cái bản tính người không thể ngăn cản nổi...". Dòng chữ được ông viết trước khi chết.

Mẹ tôi bước vào thấy vậy thất kinh. "Nam mô A di...". Bà vội kêu lên như vậy. Lúc đó đã cuối buổi chiều tháng năm đầu hạ, trời nóng bức. Ngay hôm sau lễ tang bố tôi được cử hành. Vì trong họ có người trùng tang nên mẹ tôi lên chùa mời sư xuống làm lễ.

Thật lòng mà nói bố tôi ra đi không để lại được nhiều niềm thương tiếc cho con cháu, nhưng trong đời ông đã làm được nhiều việc mà tôi không làm được.

H.N



Minh họa của LÊ TRÍ DŨNG

nhưng có lần bố tôi bảo:

- Sao không dùng tiền đó mua cá thịt mà ăn! Cũng ba cái tượng đất sét vô dụng ấy mà làm gì! Lòng người điên đảo hết rồi.

Mẹ tôi giận giọng, toàn là triết lý nhà phật cả:

- Cá thịt chỉ làm cho thân thể phàm tục của con người thêm phần dục tính, bệnh hoạn. Cái lòng thành tâm với cửa phật mới đáng quý. Nào làm cho tâm tĩnh. Cái đó mới quan trọng. Ông cũng gọi là nhà văn mà chỉ nhìn sự vật ở bề ngoài. Ông còn nông cạn lắm. Như vậy thì văn chương ông chỉ là hạng ba xu thôi.

Chạm phải lòng tự ái, ông cụ tuôn ra cả tràng:

- Sâu sắc thờ phụng cái nổi gì. Mượn cửa phật làm nơi trú ẩn thì có. Nghe nói trên chùa còn xây cả nhà thổ nuôi gái cho khách thập phương đấy. Đi nhanh lên mà kiếm tiền công đức. Bọn đồ tề...

Một khi quá xúc động cái tính lẩn lộn, cục cằn, bộp chộp của ông lại nổi xung. Cách tốt nhất là mọi người im lặng mà chuẩn bị cụ nói lầm nhảm một lúc tự khắc sẽ im.

Vợ tôi bước ra cửa cản năn:

Đừng là dở người. Cứ cái giọng điệu báng bổ ấy có ngày thần phật quật cho chết tươi. Sáng ra đã chén một tô đầy tiết canh rồi đấy.

Cuối tuần ở nhà thấy chán không biết làm gì tự dưng tôi nảy ra ý định lên chùa xem sao. Lên một lần cho biết ở đó có gì mà mẹ và vợ tôi không bỏ sót một buổi lễ nào và vì sao người dân thành phố lại

trường. Một trời khói hương nghi ngút. Hương cháy ngùn ngụt như cảnh người dân đốt rơm rạ ngoài đồng cuối mùa gặt. Tôi đi men theo khắp các hành lang chùa. Mục đích chỉ là để ngắm nhìn cho biết. La liệt hàng chục hòm công đức, các bà khăn thuê, bôi thuê ngồi khắp nơi mời chào khách. Những cô gái váy ngắn, tóc tân thời uốn éo chụp ảnh lưu niệm, vài ba đệ tử "Cái bang" cũng lẩn la xin tiền du khách... Tôi cảm thấy sự linh thiêng nơi này giảm hẳn.

Tôi đi vòng ra sau khuôn viên chùa. Khu vườn rộng với những bức tượng phật đủ kiểu dáng. Lần đầu tiên tôi thấy tượng phật nằm, hình như có cả tượng phật khoai lạc. Trên những chiếc ghế đá là các đôi nam nữ ôm ấp hôn hít nhau tự nhiên như ở nhà. Những người hành hương đi qua không thèm nhìn vào. Tôi đến cạnh một gốc cây bồ đề cổ thụ, định đặt lưng ngồi xuống cái ghế đá ngay cạnh thì bỗng nghe một giọng nói quen thuộc. Ngay chiếc ghế đá đặt trước gốc cây bồ đề vợ tôi và thằng Hợi "heo" đang hú hí như những đôi tình nhân trẻ tuổi...

Một buổi sáng chuyển mùa. Nắng hạ rất gắt và nóng bức. Tôi nghĩ mình bị hoa mắt, đầu óc có vấn đề sau khi phải cố lết qua hàng ngàn bậc đá để lên được trên này. Ngay sau đó thì tôi nhận ra những gì trước mắt mình không thể là giả được. Tôi lao ra khỏi chùa, chạy xuống những bậc đá nghiêng ngả. Đầu óc trống rỗng, chân tay nhẹ bẫng như không. Tôi đang bay. Chùa bị bỏ lại đằng sau với những khuôn mặt tượng kì dị, nhe răng trắng

Phục hưng.

Đột nhiên vợ tôi bị sặc, ho bắn cả tiết canh lên mặt con bé con.

Con bé hồn nhiên:

- Đây có phải là ngậm máu phun người không hả bố?

Ông nội nó nãy giờ vẫn im lặng ăn khê bảo:

- Đứng đấy cháu ạ!

Tôi bắt gặp ánh mắt mẹ và vợ mình nhìn nhau xoi xoi.

Vợ tôi buông đứa đứng đấy bảo:

- Nếu mọi ông chống đầu như tượng thần David thì nữ thần ái tình đâu có cơ hội tạc nên những bức tượng đẹp để ấy đứng không ông giáo?

Bố tôi dùng lá mơ lông vệt nốt số tiết canh còn lại nơi đáy bát, bảo:

- Con bán thịt lợn mà lý sự hay thật. Cuộc sống này đảo lộn hết rồi. Mụ đồ tề thành nhà triết học, nhà mỹ học. Giáo sư, tiến sĩ về quê mà cày ruộng hết thời.

Buổi trưa sau bữa cơm, mẹ và vợ tôi bỏ đi đâu đó. Thằng con trai đầu đi học bán trú chiều tôi mới đón về. Con bé con ở trong phòng với ông. Ông đang đọc sách. Con bé học lớp hai đang lắp bắp đánh vần, đọc chữ. Nó lấy đầu được cuốn sách có bìa là lạ, gáy da hơi cũ có in hình hai thằng lính SS của Đức quốc xã nhe răng trắng nhớn, mỗi thằng cầm một con dao ánh lên tia thép sắc lạnh, chết chóc. Hai thằng lính chuẩn bị làm thịt một phụ nữ Do Thái. Người phụ nữ nằm ngửa trên bàn bị lột trần trắng bóc như con lợn đã làm lông. Bao quanh là cảnh đồ nát hoang tàn của trại tập trung Auschwitz.

CÔNG VIÊN ĐỊA CHẤT TOÀN CẦU NƠI CỰC BẮC

Ghi chép của LÂM XUÂN VI

THÂM nhập thực tế sáng tác là nhu cầu không thể thiếu đối với mỗi văn nghệ sĩ. Bởi chất lượng tác phẩm chỉ có thể có được ở vốn sống sáng tạo không ngừng được bồi đắp, đặc biệt là cảm xúc, thứ sinh khí riêng có của người cầm bút luôn phải tươi mới, đầy ắp, để rung ngân. Chính sự dịch chuyển sẽ khơi gợi và mang lại nguồn cảm hứng sáng tạo, làm nên sự giàu có phong phú tâm hồn và sức sống tác phẩm nhà văn.

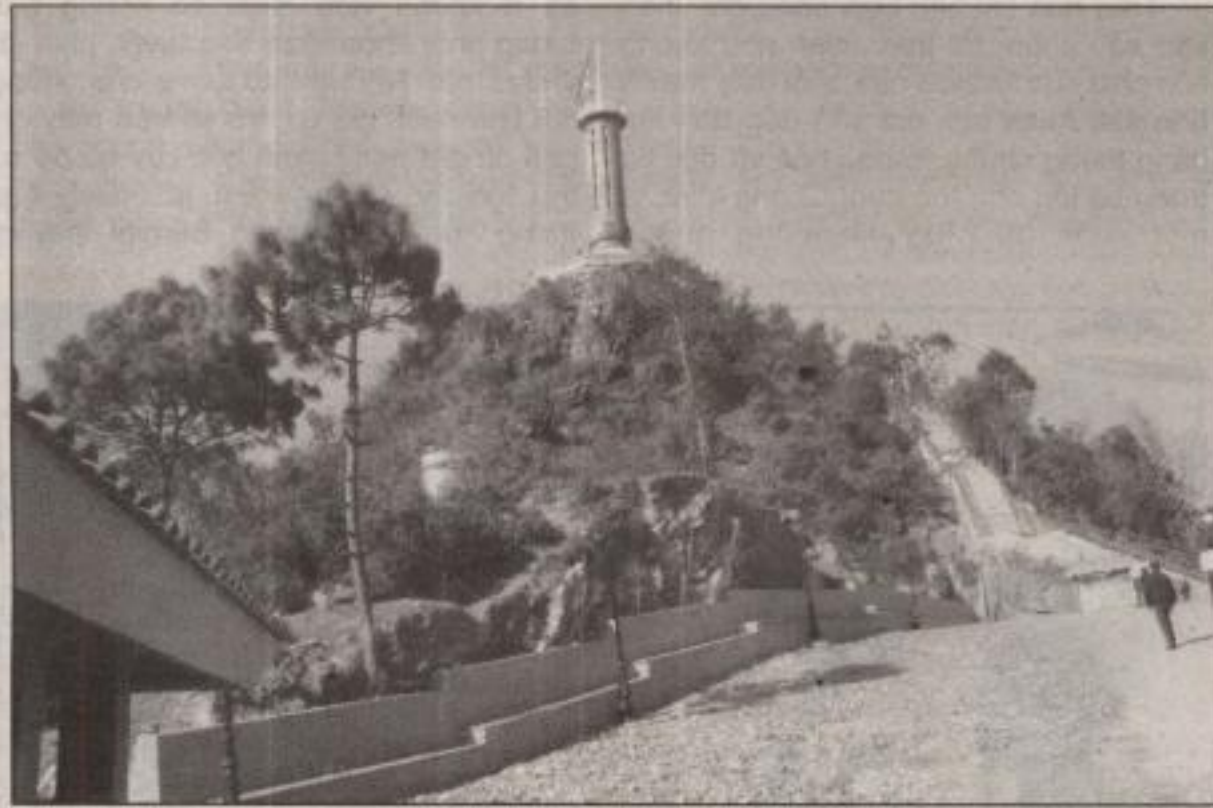
Coi trọng phương pháp "nạp năng lượng" này, năm nào Hội Văn học & nghệ thuật Ninh Bình cũng tổ chức cho anh chị em văn nghệ sĩ những chuyến đi thực tế lý thú và bổ ích.

Đầu xuân năm nay, khi miền núi Đông Bắc Tổ quốc đang còn rực rỡ sắc hoa đào, thì 11 anh chị em trong ban chấp hành Hội đã khăn gói lên Cao nguyên đá Đồng Văn. Nơi mà ngày 3-10-2010 đã được tổ chức UNESCO chính thức công nhận là Công viên địa chất toàn cầu.

Dù có người đã đổi ba lần ngược Hà Giang, nhưng cái chênh vênh hùng vĩ, của Đồng Văn, Mèo Vạc vẫn mang lại cho họ cái cảm giác hào hứng lạ thường. Phải chăng đó là những dự cảm lạc quan của mỗi người, khi miền đá cổ có 600 triệu năm tuổi này, đã trở thành công viên địa chất toàn cầu, di sản thứ 2 của Đông Nam Á. Đó cũng là cơ hội bắt phá mang tính đổi đời của các dân tộc thiểu số Hà Giang, vượt qua nghèo nàn, lạc hậu đang ở mức thấp nhất, nhì nước. Đoàn gồm những nhà văn, nhà thơ, nghiên cứu sư, họa sỹ, nghệ sỹ nhiếp ảnh, làm phim. Mỗi người đeo đuổi một mục đích khác nhau của chuyến đi, nhưng đều có chung niềm đam mê, hào hứng. Khám phá một miền Đá cổ.

Vượt gió rét mưa trơn với bao nhiêu chuyện vui sau cái tết cổ truyền, chuyện: văn nghệ, thời sự trong nước, quốc tế, chuyện loạn lạc ở Li Bi, báo giá hoành hành mà cấp số đang tăng đến chóng mặt mỗi ngày. Sự hấp dẫn của các câu chuyện, nhất là những tiểu phẩm bi hài: Ngựa người, người ngựa, Thị Nữ Chí Phèo, do nghệ sỹ ưu tú Lý Thanh Kha đọc diễn làm mọi người cười đến chảy nước mắt. Chuyện Tiểu Lâm, hai hươc: cổ, kim, đồng, tây, hết người này đến người khác tham gia, cứ như pháo nổ, đã làm quên hết mệt nhọc qua chặng đường 470km tới thành phố Hà Giang.

Tôi là người luôn "quy lát" về giờ giấc, nên được bố trí ngủ chung phòng với lái xe Phạm Văn Điện. Chắc tưởng đoàn muốn lái xe được yên tĩnh nghỉ ngơi, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho chuyến đi. Phạm Văn Điện chỉ hơn con trai cả tôi một tuổi, trước lại học cao đẳng Thủy lợi cùng nghề với tôi, nên tự nhiên bác, cháu gần gũi như người đã thân thiết từ lâu. Điện có một hoàn cảnh thật éo le, một mình phải xoay xở nuôi mẹ già 86 tuổi, vợ ung thư máu đã một năm nay và 3 con ăn học. Anh như nghẹn lại khi nói với tôi: tối qua cháu phải đưa vợ lên bệnh viện Huyết học Hà Nội, mãi nửa đêm mới về tới nhà để kịp sáng nay đưa các bác đi sớm. Tôi thật ái ngại mà không dám hỏi sâu về hoàn cảnh của anh. Điện bảo: vợ anh cứ 20 ngày ở nhà, rồi lại một tháng nằm viện, liên tục thay máu, mà tình trạng bệnh tình cứ xấu dần đi. May mà có bảo hiểm y tế chứ không sao chạy chữa nổi. Điện kể tiếp: mỗi tháng, cháu không làm ra chục triệu thì không sao lo được việc nhà bác ạ. Từ câu chuyện của Điện làm tôi liên hệ mà xa xót nhiều điều về nhân tình thế thái, về cái nghiệp văn mà mình đã chọn và



Cột cờ Lũng Cú - Hà Giang.

Ảnh: LÂM XUÂN VI

dấn thân. Vì vậy nếu có dài dòng trong đoạn ghi chép này cũng mong bạn đọc thể tất, bởi văn học chỉ cần thiết cho đời sống khi biết hướng vào thân phận, chia sẻ được với những thiếu hụt của con người. Điều làm tôi thật sự xúc động khi Điện kể: bù lại nỗi vất vả cơ cực cho cháu, là các cháu biết thương bố. Có lần cháu lớn hỏi xin 2 triệu để đi thực tập, Điện đang bận việc, nên bảo con cứ mở ví bố mà lấy, nó thấy bố còn hai triệu rưỡi nên chỉ xin một triệu rưỡi, rồi ôm cổ bố khóc nức nở: "Bố ơi! con thương bố". Nghe đến đây tôi lặng người đi rồi ngẫm nghĩ, có lẽ đó là nỗi xót xa cũng là hạnh phúc tốt đỉnh của người cha như Phạm Văn Điện. Điều mà có nhiều nhà quyền thế, giàu có, mơ cũng không được. Bởi họ cứ mãi mê chạy theo quyền lực, làm giàu, mà không lo dạy dỗ con cháu để chúng đua đòi, sa đoạ, nghiện ngập thì hậu họa khôn lường. Chả thế mà ở Hàn Quốc, xem người 50 tuổi trở lên có hạnh phúc hay không, người ta chỉ cần biết con cái họ thế nào.

Chúng tôi ngược Đồng Văn theo con đường 14C: đèo cao, vực sâu, với nhiều dốc gấp cua tay áo, lại mưa mù đầy đặc. Thực lòng có lúc phải nín thở không dám nhìn xuống lòng khe, sông Nho Quế chỉ mở xa, ngồn ngồn như một nét chì dưới vực thẳm. Đi chừng vài chục km đã thấy hiện ra dòng chữ lớn màu trắng trên vách núi cao trước mặt: "Công viên địa chất toàn cầu". Mọi người đều reo lên! Thế là nơi ta tìm đã đến. Xe chúng tôi ngụp lặn nhấp nhô trập trùng theo sức vươn của đá. Nhờ có tờ báo Hà Giang trên tay, tôi lật xem mà biết, công viên đá trải dài trên 4 huyện: Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn, Mèo Vạc, tổng diện tích toạ lạc, biến thiên từ độ cao: 1000-1600m so với mặt nước biển là: 574 km2 với 250.000 người của 17 dân tộc anh em chung sống; mà chủ yếu là người Mông. Cái thời tiết vùng cao cũng thật đồng đánh, vừa đi trong mưa mới vượt qua đèo Quản Bạ là đã gặp nắng tung bùng. Xe dừng lại, lập tức các tay máy chuyên, không chuyên đều nhăm cao, lia xa nơi tầng tầng đá cổ màu nhuộm bạc quyền rũ, mà nhí nhoáy chớp lóe liên hồi. Nghệ sỹ Ninh Mạnh Thắng, Bình Nguyên cố lên lời đến những đỉnh cao, vách đứng, chẳng kể hiểm nguy, chụp lấy những thảm cái hoa vàng rực rỡ vừa đến độ, như không thể thắm hơn, đẹp hơn. Những người Mông thấp thoáng sau những con bò cày như đi trong mây, trên

những thửa ruộng bậc thang với từng tầng vòng bạc đeo trên cổ người thiếu nữ Mông, làm mê dụ tính hiếu kỳ của biết bao du khách mọi thời. Tất cả những nét kỳ thú, đặc trưng của miền đất giàu tiềm năng, dù cao hay thấp, xa hay gần đều được rum trong ống kính những tay máy tin cậy. Cứ như thế, dù khó có chỗ đứng, nhưng xe vẫn phải dừng, vẫn phải chờ đợi đến sốt ruột những tay săn ảnh. Mặc dù khác nhau lĩnh vực, nhưng đều là lao động sáng tạo, nên đã tìm được tiếng nói chung, đó là sự cảm thông và cũng lại vì trước cái đẹp đến mê hồn của núi rừng Đông bắc mà không ai nỡ khó tính, méch lòng. Trên đường đi đã thấy nhiều con đường đang được mở từ quốc lộ, tỉnh lộ về các bản, xã vùng sâu. Đây chắc đã là sự mở màn cho việc triển khai quy hoạch, từng bước xây dựng cơ sở kỹ thuật hạ tầng mang tính quy mô về một Công viên địa chất toàn cầu đầy sức sống. Một công viên được quốc tế đánh giá cao, có đầy đủ các dữ liệu địa chất khoáng sản, đặc biệt là được tổ chức UNESCO khẳng định: tính vượt trội về bản sắc văn hoá các dân tộc. Nằm trong vùng khí hậu lý tưởng, mùa hè nóng nhất cũng không cao quá 24 độ C. Đó là một biệt đãi của thiên nhiên dành cho nghỉ dưỡng, du lịch, cho ươm trồng các loài cây dược liệu và hoa, quả quý hiếm... Nó mở ra khả năng phát triển toàn diện để làm nên sự giàu có văn minh, cho vùng đất cổ huyền diệu này.

Chúng tôi đến chợ Đồng Văn, đúng lúc mọi miền quanh vùng: ngựa, người lục tục kéo về chợ phiên chủ nhật, vì hôm nay đã là chiều thứ 7 Thật tình cờ, đoàn gặp Chi hội Văn học nghệ thuật Đồng Văn tổ chức đêm thơ Nguyên Tiêu muộn một tuần. Biết chúng tôi là văn nghệ sỹ, nên chỉ hội trưởng đồng thời là Trưởng Ban Tuyên giáo huyện uỷ và một hội viên nguyên là Bí thư huyện uỷ đến gặp gỡ, mời cùng tham gia giao lưu. Lần đầu tiên trong đời, tôi tham dự một hoạt động văn hoá của người dân tộc thiểu số. Thật đặc sắc, nét độc đáo là: sự hào hứng đón nhận đến mê say của cả cộng đồng. Đúng 20h đêm giao lưu khai mạc, người xem đã kín cả sân chợ Đồng Văn. Cái không khí sôi động và hết sức trang trọng, nét đẹp hưởng thụ văn hoá quần chúng hiếm thấy ở miền xuôi thời bấy giờ. Chủ nhà chỉ có 9 hội viên, đã cùng với các văn nghệ sỹ Ninh Bình làm nên: đêm thơ, nhạc thành công mỹ mãn. Khán giả nhiệt liệt cổ vũ và chào đón văn nghệ sỹ

Ninh Bình, bằng chứng là những tràng vỗ tay kéo dài không ngớt sau mỗi tiết mục. Đó có lẽ cũng là chất xúc tác mạnh mẽ nhất, để chúng tôi nhận thức đúng hơn tính nghệ thuật vị nhân sinh, trước những nhiễu loạn: nhân danh đổi mới, cách tân, khuynh hướng vị nghệ thuật, xa rời công chúng lúc này.

Một đêm văn nghệ để lại nhiều ấn tượng, sáng hôm sau cả đoàn thăm chợ phiên Đồng Văn. Được tận mắt chứng kiến những chảo thắng cố to, ninh hầm nghi ngút từ suốt đêm hôm trước. Các hàng rượu "di động" với đủ loại: can, chai, bình chứa, bày la liệt. Hàng nào cũng đông đúc, chen chúc, cả chủ lẫn khách chỉ "rượu sếch" mà ai cũng say ngất ngưỡng, la đà. Xúm xít kẻ mua người bán, nét đặc trưng rất ngộ này, có lẽ chỉ còn sót lại rất ít ở các chợ vùng cao. Dư vị ngọt ngào để lại cho mỗi người có lẽ là không có cảnh tượng: tranh mua, tranh bán, không xô xát, nèo kéo, họ thật thà, khiêm lời. Người đến chợ không chỉ để mua bán hàng hoá lâm thổ sản, mà còn đến, tìm những thú vui - "chơi chợ". Rồi chợ, ai cũng thăm mong: mai kia Công viên đá dù văn minh, hiện đại đến nhường nào, cũng xin giữ lại cho được nét đẹp tinh thần, cái tình người và thời trang thổ cẩm xuống chợ vẫn ấm áp, thân-gần mãi mãi hôm nay. Ai cũng vui mừng khi nơi đây trở thành công viên địa chất toàn cầu. Cả miền đá cổ này rồi sẽ được quy hoạch tổng thể, được tập trung đầu tư khai thác tiềm năng, thế mạnh, trở thành vùng kinh tế phát triển năng động, tiến kịp miền xuôi.

Đầu giờ chiều chúng tôi lên Lũng Cú. Người ta nói: ai đến Hà Giang mà chưa tới Lũng Cú coi như chưa tới Hà Giang. Câu nói ấy vừa như mời gọi, vừa kích thích sự tìm tòi khám phá của mọi người. Tương truyền thời nhà Lý sau khi Thái uy Lý Thường Kiệt đuổi được giặc ngoại xâm phương Bắc ra khỏi bờ cõi đã dừng lại, cắm ngọn cờ chiến thắng ở chính vị trí cột cờ Lũng Cú bây giờ. Để rồi Người trao lại: niềm kiêu hãnh dân tộc và nền độc lập tự chủ cho con cháu gìn giữ muôn đời. Chúng tôi lên Lũng Cú theo âm hưởng của bài thơ tuyên ngôn độc lập bất hủ: "Nam quốc sơn hà...". Từ xa, mọi người đã nhìn thấy và hướng theo lá cờ đỏ sao vàng rộng 54m2, biểu tượng của sự gắn bó thống nhất giữa 54 dân tộc anh em, đang phấp phới bay nơi địa đầu, cũng là nóc nhà của Tổ quốc. Tới nơi, làm thủ tục với đồn Biên phòng xong, ai cũng hăm hở trèo lên, thăm mong mình tới được chân cột cờ trước nhất. Đốc môn lên đỉnh núi xưa kia, giờ đã là một hệ thống công trình liên hoàn. Từ 825 bậc lên, lan can vịn, nhà chờ, cột cờ, đều được xây dựng bằng các loại vật liệu quý hiếm, làm nên một quần thể kiến trúc hoành tráng, tương xứng, hoà hợp với nét tươi đẹp, hùng vĩ của sông núi nơi này. Ngược lên ngọn cờ, bỗng cảm xúc trào dâng, ai nấy đều thấy hồn mình được hoà vào khí thiêng sông núi. Được bay bổng, tưởng tượng như đã đặt chân lên đứng đầu chân Lý Thường Kiệt thuở nào. Lũng Cú, sự hấp dẫn đến huyền bí, níu giữ chúng tôi tới lúc mặt trời gác núi.

Tôi đi sau Điện, nhìn khuôn mặt ưu tư tu thoát trở nên rạng rỡ của anh khi đứng bên cột cờ, thăm nghĩ, rồi mọi nỗi cơ cực của mỗi thân phận người sẽ qua đi khi Tổ quốc chúng ta đứng vững vàng trên những tầng đất cổ. ■

CHÙM TẢN VĂN CỦA ĐỖ ĐỨC

BÌM BỊP nhưng nó chẳng bíp ai. Tên loài chim ấy xuất phát ở chính tiếng kêu của nó: biwip... biwip biwip... vọng lên khi mỗi buổi chiều về.

Hình như đã có một câu chuyện cổ tích về nó. Bìm bíp từng là nạn nhân của một sự lừa bíp. Khi phát hiện ra nó đã kêu lên biwip biwip để vạch mặt. Tiếng kêu của nó có lẽ là cuốn sách trắng đầu tiên của loài chim biết nói lên một sự thật.

Bìm bíp lông màu lửa, có cánh nhưng bay rất kém. Bắn cùng nó mới vỡ cánh nhưng bay giống như tập chuyển từ bụi cây này sang bụi cây khác, đường bay chỉ dài chừng dăm mét.

Chim bìm bíp sống gần mặt đất, thường ẩn náu nơi bụi cỏ, đi đâu cũng có đôi. Nó là loài chim có đời sống gia đình chung thủy, con người khó mà theo.

Nó cũng là loài chim hiền lành, hơi nhút nhát một tí. Chưa bao giờ thấy loài bìm bíp đánh nhau hoặc gây gỗ với ai. Thấy chỗ ổn là chúng lùi ngay. Bụi rậm với ai đó thì ngại nhưng lại là nơi chỗ che tốt nhất cho bìm bíp. Nó lùi vào bụi rậm nhanh như vệt nắng tắt buổi hoàng hôn.

BÌM BỊP

Tặng mẹ, nhân ngày mừng thọ Bà vào tuổi một trăm

Bìm bíp sống gần mặt đất, thức ăn là côn trùng, sâu bọ. Bìm bíp được tôn vinh là thầy lang số một trong các loài chim. Chúng biết chữa gãy xương bằng lá cây. Nghe bảo để tìm ra cây thuốc ấy, người ta tìm đến tổ bìm bíp rồi bẻ gãy chân con chúng. Thế là bìm bíp biết đi gấp lá thuốc về đắp chữa cho con. Nghe chuyện chợt rừng mình vì sự ác độc của con người với loài chim hoang dã chỉ vì nó có cái mà con người thèm muốn. Nhưng cũng là nghe vậy thôi, suốt những năm tháng ở rừng tôi chưa từng thấy tổ bìm bíp, càng không thấy ai biết cây thuốc ấy của nó. Sự đồn thổi gây nên sự tò mò thêm với loài chim có số lượng ít ỏi này.

Cũng từ câu chuyện ấy mà bìm bíp là loại chim duy nhất của rừng xanh bị con người săn đuổi để ngâm rượu thuốc. Nghe bảo rượu bìm bíp bổ dưỡng, làm cho sinh lí đàn ông mạnh mẽ. Chỉ một lời ca ngợi vu vơ ấy đã làm cho đời sống của chúng trở nên khốn khổ. Suốt đời bìm bíp tìm cách trốn tránh cặp mắt cú vọ của những kẻ tham lam. Người ta săn nó như săn dẫu mỡ trên biển đông. Có lẽ cũng biết vậy nên bìm bíp tìm đến cách sống âm thầm. Nó chỉ bất chợt cất tiếng rộ lên một hồi rồi đột ngột im ngay vào những buổi hoàng hôn. Chẳng biết làm thế để gọi nhau hay để xả treet cũng không biết nữa. Chúng không thể cảm lạnh cả ngày được.

Xem thế thì bìm bíp đáng xếp số một vào loại chim yếu hòa bình. Nếu Picasso biết đến loài chim này chắc ông sẽ chọn nó để làm biểu tượng cho hòa bình thay vì chim cầu. Nó hơn chim cầu bởi dám lên tiếng vạch mặt kẻ bíp bợm, còn chim cầu thì không.

Giống chim quý này bây giờ đang trên bờ tuyệt chủng, chỉ vì nó được tiếng là có ích.■

QUẢN quýt nhất với con người là con chim chích. Người ta còn hay quen gọi chích là chim sâu. Gọi là chim sâu vì chim chích bắt sâu. Các nhạc sĩ còn âu yếm gọi nó là chích bông để làm lời hát cho thêm thơ mộng. Cây bonsai đặt trên lan can trước nhà tôi sát mép giọt ranh chỉ có vợ chồng chim sâu là dám lân la đến. Chim sâu vô tư nhảy tót vào chỗ đồ như đứa trẻ con trong khoảnh sân của chúng. Chỉ đôi lúc nó ngó nghiêng cảnh giác cốt để phòng lão mèo già xảo quyệt. Có thể lão ta đang ngồi rình đâu đó dõi theo bóng nó. Cả đời làm công việc dọn sâu bọ, chăm sóc cho cây cối, vui với lao động tỉ mỉ, rất giống với những người dọn nhà cửa phổ biến ở thành phố hiện nay, nên ai cũng yêu chim sâu. Với bất kì ai, chim sâu cũng đều thân thiện. Chim chỉ kỵ có lão mèo, bởi lão thuộc ngành đồ tể, kinh doanh thịt.

Hằng ngày, chim sâu lui húi ở các vườn trong xóm, lẽ là xuống sát từng gốc rau, soi từng kẽ lá. Lâu nay vườn nhà tôi chỉ còn các chậu cây cảnh. Nhưng chim sâu ngày nào cũng dạo qua. Nó thích chậu cần thăng cảnh lá điều đà. Cần thăng thay lá chóng vánh trong một tuần vào cơn lạnh nhất cuối mùa đông, thì lúc ấy chim sâu sang lo việc nơi khác. Đó là lúc nó ghé mấy bụi mộc hương thơm ngát, ngập hoa vào mùa xuân. Rồi bụi hoàng lan tứ quý, chim sâu vào đấy để có phút giây tưởng tượng mình là bậc đế



vượng vì được tắm trong sắc hoa vàng trong vạt dưới nắng, quên hương thơm ngào ngạt. Còn cây khế thì thật sự là vườn thượng uyển của đôi uyên ương khi thời tiết sang hè. Lẩn sâu sau tán lá xanh dày mát rượi, những chùm hoa khế lẩn lẩn mọc dày dặt từ gốc thân đến các cành ngang. Chỗ nào cũng đồ rực và chuyển dần sang tím ngát mắt làm cho việc mò tìm sâu bọ trở nên thi vị. Cuộc tìm sâu

thành du lịch có nội dung. Còn bên giáp mép tường, những khóm trà bạch, trà hồng đứng nem nép, nhả nhạn và kín đáo kiên nhẫn chờ tiếp chim sâu vào buổi cuối chiều...

Chim sâu để tính chọn ngay bụi sồi trong vườn làm nơi trú ngụ. Lá sồi to dày mặt lá xanh đen hấp nhiệt tốt. Hoa sồi thơm dịu và mát như hơi gió, lại trắng tinh như hạt nếp được nắng. Đó chính là

môi trường xanh, sạch lí tưởng con người cũng không dễ tìm thấy. Sự dễ tính hay là sự tinh tường bản năng chỉ bảo cho mà chích bông có sự lựa chọn thật thông minh..

Chiều tà, khi mặt trời gác núi vợ chồng chim sâu lịch lịch gọi nhau về cái tổ ấm lí tưởng đó. Cái tổ chỉ là một cành ngang có vài chiếc lá đủ che chắn ánh mắt của kẻ tò mò, thế là mãn nguyện. Chẳng cần năm sao bảy sao mà giấc ngủ vợ chồng chim luôn yên bình cho đến rạng đông.

Với người nhà quê, buổi sáng khi phía đông ửng hồng là chân đã bước ra đồng hoặc vai đã quây gánh hàng trên đường đến chợ. Chim sâu thì hùng dũng cũng rời nơi ngủ chuyển cành để kiếm bữa điểm tâm sáng. Phải chăng đều là dân lao động cả nên về thời khắc sinh hoạt có thói quen giống nhau? Buổi sáng sớm, khi vạn vật còn đang vươn vai thức giấc, con sâu con bọ còn đang ngái ngủ thì chim sâu đã hoạt bát tinh tường. Nên nhiều cơn trùng khi nằm gọn trong dạ dày chim sâu mà còn chưa tỉnh giấc. Kiếp luân hồi của loài sâu bọ khi được chim sâu can thiệp vào thật nhẹ nhàng êm dịu! Chỉ loài chim sâu mới giúp được chúng về với tổ tiên thanh thản như thế. Đó là một loại lao động đã vươn lên tầm nghệ thuật.

Chích...chích... chích... Con người mà sống được như chim sâu có thể coi là đặc đạo.■

ĐỒ là chim giê. Nó sống ở vùng đầm lầy.

Giê có bộ lông màu xám giống bác nông dân có tấm áo nâu nhuộm vỏ xỏ rồi nhần bùn vụng, đôi chỗ loang để lại chút nét trang trí trên bộ cánh loang xoang nhà quê, chẳng mấy ai thèm để ý.

Sống úp mặt vào bùn, màu bộ cánh của giê lẫn vào khung cảnh ấy nên giê mới có cơ hội tồn tại. Thức ăn của Giê là những con giun tóc ngo ngoe trên mặt bùn, thoáng động là chúng chui tọt vào trong lòng bùn, để lại một không gian vắng lặng.

Vỏ quýt dày có móng tay nhọn, con giê được trời ban cho cái mỏ dài thượt như gai bồ kết, lại cũng giống cái kim khâu bao bì loại lớn. Đó là phương tiện hữu hiệu của giê để kiếm miếng ăn. Nó chạm rai trên đôi chân cò kheo cắm chúi xĩa mỏ xuống mặt bùn như chiếc máy khâu cần mẫn.

Những chỗ bùn đặc, hơi se se thì những cú xĩa mỏ của nó để lại trên mặt đất như những vết kim khâu, hoặc bực

tranh trư tượng của thổ dân Úc, chỉ thiếu có màu và đơn điệu hơn một chút mà thôi. Dấu vết của vụ kiếm ăn luôn để lại trên hiện trường vì vậy chim giê không thể chối tội nếu bị tố cáo tham nhũng. Nói thế cho vui thôi chứ của nả kiếm được của chim giê trong một ngày chưa đầy cái mề nhỏ hơn quả cà pháo thì bao giờ vươn tới tích lũy làm giàu. Đầu phải lẩn nào xĩa mỏ xuống bùn cũng lồi lên được một chú giun! Thân phận giê hết như người nông dân, một nắng hai sương nếu chỉ biết cái cây mà không mở mang sang việc khác thì trong nhà luôn rỗng tuếch.

Giê sống cảm lạnh tuyệt đối. Chưa bao giờ ai nghe thấy tiếng giê kêu ca khi đi kiếm ăn dù đói dù no. Nó cứ lẩn lúi như đứa bé bắt cua trên đồng, lang thang như kẻ mộng du trên đôi chân lêu đêu

màu chì. Đời con giê chỉ biết cầm cùi thế, chẳng có lúc đứng im rìa lông làm dáng. Không biết nó vệ sinh chau chuốt cho mình vào lúc nào. Thoáng có động là nó vội lủi rất nhanh, nên người ta còn gọi nó bằng một cái tên khác là con cùn cút (không phải chim cút nuôi lồng đâu).

Giê làm tổ để trứng ở chân những bụi cỏ lúp xúp ven đầm nước để dễ bề đi lại kiếm ăn và trông nhà. Ngày ấp trứng là ngày nó chịu đói, nằm miên man cho trứng nóng đều. Bất ngờ có người đi qua sát cạnh tổ thì nó xù lông phát ra tiếng hăm grừ...grừ đại đột. Nó tưởng đánh tiếng thế là dọa dẫm nỗi xung quanh, nhưng hóa ra dễ bị lộ. Chẳng có ai dạy cho giê biết thế là gây thơ chỉ tổ rước họa vào thân khi sức vóc yếu đuối, nên đến hôm nay chú chim giê vẫn giữ bản năng đại đột ấy.

Đầm lầy bây giờ thu hẹp dần vì con người khai phá làm đủ mọi trò, thế là chim giê giống như anh nông dân bị thu đất, đời sống trở nên khó khăn, miếng ăn ngày càng hiếm hoi hoi nên giống loài chúng cũng kể bên bờ vực suy vong. Chẳng còn mấy ai có dịp gặp chim giê nữa. Thêm vào đó con người ngày nay lại ham săn đuổi giê để làm món nhậu. Đôi lần đi ngang công viên thống nhất ở Thủ Đức lại gặp mấy gã đeo phủ buốt túm chân vào con giê còn sống mà đã bị vật sạch lông quàng trên ghi đông xe, phơi bộ da đỏ hồng để rao bán làm món đặc sản. Chúng chỉ còn biết run như giê, cái đầu ngóc ngóc bất lực, đôi mắt đờ đẫn nhìn vô hồn vào đám nhân quần vẩn minh. Có lẽ giê đang mơ giấc mơ cuối cùng về một thời xa xưa, nơi ấy có ngôi nhà đầm lầy của họ hàng nhà giê luôn dư thừa cái ăn và con người chẳng ai để ý đến chúng trừ đám trẻ trâu nghịch ngợm...

Giấc mơ buổi hoàng hôn cuộc đời Giê âm ỉm và chua xót làm sao.■

GÃ THỢ XĂM

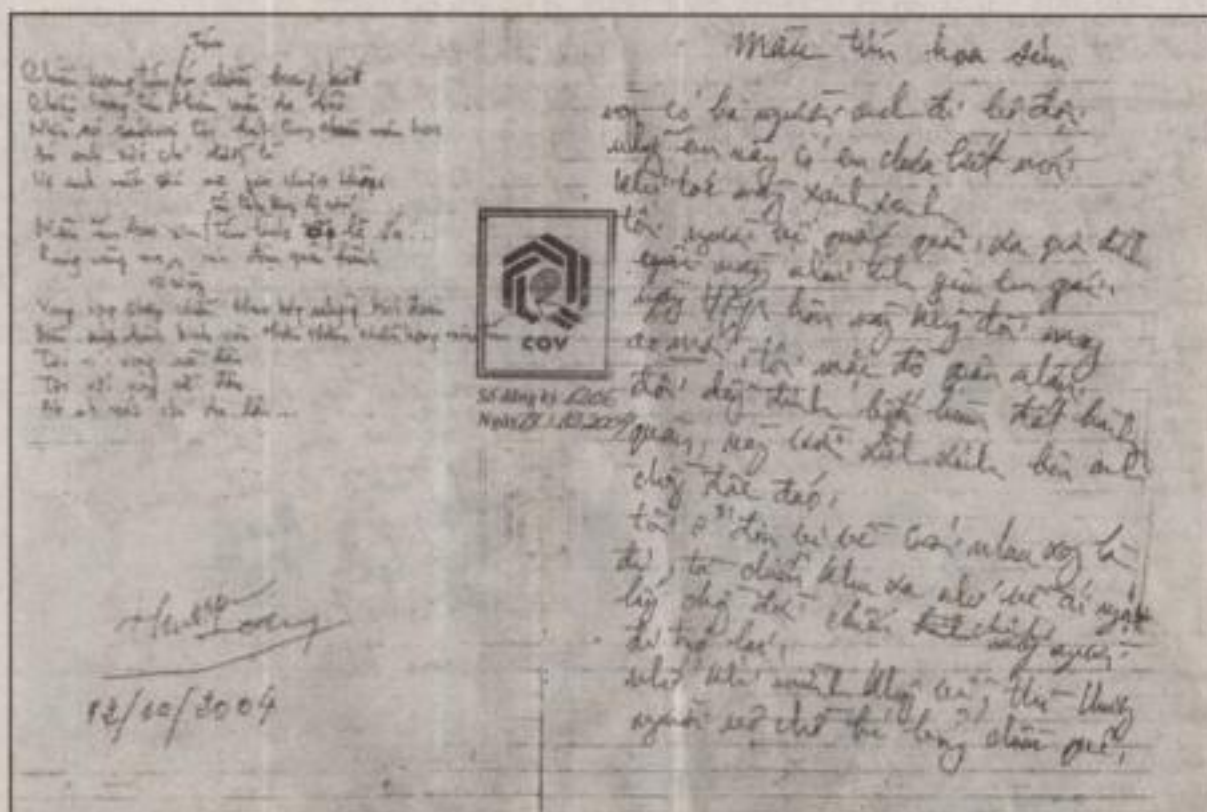
CHUYÊN LÀNG VĂN NGHỆ

CHUYÊN VỀ BÀI THƠ “MÀU TÍM HOA SIM” Ở NGÔI TRƯỜNG ĐẤT MẶN TRONG NHỮNG NGÀY ĐẦU GIẢI PHÓNG

NGUYỄN NGUYỄN PHƯỢNG

Đó là ngôi trường tôi về dạy hợp đồng nhờ sự giới thiệu của chị bạn, Nguyễn Thị Luân học ở Đại học Văn Khoa Sài - Gòn trước tôi hai năm. Trường ở vùng đất mận có loại trái cây đặc sản nổi tiếng, trái sơ - ri, cách biển Tân Thành lộng gió không xa, quê hương của nhà thơ Hoàng Tố Nguyên. Hàng tuần dạy ba ngày, ba ngày còn lại tôi học tiếp bậc Cao học để tiếp tục trốn lính! Và cũng nhờ vậy mà tôi đã “gặp” nhà thơ Hữu Loan ...

Đại thắng mùa Xuân 30 tháng 4 1975 chẳng khác nào cơn bão lửa lịch sử. Ngôi trường trung học Gò Công nơi tôi dạy cũng hòa vào dòng chảy ấy, lúc đó tôi vừa 24 tuổi. Trẻ, nhiệt tình say tự do và cái mới tôi và một số thầy cô giáo cùng trường hăng hái tham gia các hoạt động của Đoàn, Hội thanh niên. Ban Văn nghệ của trường sôi nổi tập dượt một số tiết mục ca múa góp vào chương trình lễ mừng đất nước, Thị xã Gò Công giải phóng. Biết trường có tiềm lực, Ban tổ chức buổi lễ yêu cầu có thêm tiết mục kịch ngợi ca người chiến sĩ cách mạng! Quả là khó với anh em giáo viên mới nhập cuộc nhưng không thể từ chối. Anh trưởng ban văn nghệ Nguyễn Lễ Độ tôi còn nhớ rõ dáng người dong cao, vò đầu bứt tai chạy tìm gặp tôi. Bởi qua cô Yến, một thành viên của đoàn biết tôi từng tham gia phong trào SVHS, cũng đã có đảm bài thơ, truyện ngắn đăng báo, anh nhờ viết kịch bản và dàn dựng biểu diễn luôn. Sẵn có máu văn nghệ và thích chuyện tình lãng mạn người lính về quốc và “người em gái” được Phạm Duy, Dzũng Chinh phổ nhạc, tôi hoàn thành vở kịch thơ dựa theo bài thơ “Màu tím hoa sim” của Hữu Loan trong một đêm. “Diễn viên” tất nhiên không ai khác là các em



học trò Trương Định - Gò Công mà đến giờ tôi còn nhớ mãi, Nhã Uyên, Mộng Tuyết, Hữu Thái... Tôi làm “đạo diễn”, Yến phụ trách múa, ngâm thơ... Mấy ngày đêm liên tiếp trò say mê luyện tập, nhưng đến khi chuẩn bị diễn chính thức lại trục trặc: Bài thơ “Màu tím hoa sim” khi ấy vẫn đang bị đánh giá viết về “bị kịch tình yêu” làm yếu lòng chiến sĩ. Muốn diễn vở kịch này phải có ý kiến của Thông Tin - Văn Hóa Thị Xã. Biết làm gì khác, tôi động viên “nhóm kịch” nghiệp dư tập cho nhuyễn cho đạt vai, và đánh phải chờ phép cho diễn. Nhận lại kịch bản từ phòng Văn Hóa, đọc lại nhiều lần tôi không thấy đồng ghi nào đồng ý, cho phép diễn cả chỉ có nét kí khá bay bướm, bên dưới ghi Trần Phượng Vân, thế thôi!

Anh Độ chịu thua và dự định thay bằng một tiết mục múa. Xem lại nhiều lần trang đầu gốc trái của kịch bản, vẫn chỉ có họ tên người cán bộ phòng Văn Hóa lúc đó. Tôi bàn với cô giáo Yến người bỏ nhiều công sức nhất cho vở kịch. Minh văn diễn, đồng chí Văn đã kí nhưng không ghi chữ nào dùng vở diễn là đồng ý ngầm. Cuối kịch bản ta cho anh chiến sĩ tiếp tục lên đường hành quân trong “màu tím hoa sim biến biệt” là ổn hết. Nếu cấm diễn là đã ghi rõ rồi! Biết đau thương thành động như đoạn kết của bài thơ Giang Nam, chiến sĩ cách mạng là phải như vậy. Yến nói thêm vào và khoe với cả nhóm bài “Quê hương” mà anh giải phóng quân nào cũng nhớ thuộc khi gặp một anh bộ đội trẻ chiếu qua đã chép lại.

Thế là đêm công diễn văn nghệ giữa tháng 6 mừng ngày giải phóng 30/4/1975 của khối giáo dục từng bừng khoe sắc với những bài ca, điệu múa. Hội trường với sức chứa 400 chỗ chật kín người xem. Tất nhiên, vở kịch thơ của nhóm kịch trường Trương Định là tiết mục được đón nhận bằng những tràng pháo tay tán thưởng, cổ vũ nhiều nhất. Thành công, yên ổn bởi những ngày sau đó chúng tôi chẳng gặp chút rắc rối nào. Được đà, tôi còn viết thêm kịch bản về người anh hùng Trương Định diễn tiếp ở nhà hát của Thị xã.

Ba mươi năm hơn trôi qua, bồi hồi nhớ về những ngày đầu giải phóng của tuổi trẻ thật đẹp, nổi sồi lãng mạn và có phần ... “liều mạng”. Kể từ sau đêm diễn vở kịch thơ (và cả những năm sau vì tôi chuyển công tác về trường khác) tôi cũng chưa gặp được người cán bộ - người chiến sĩ đã kí duyệt kịch bản nhưng chắc hẳn là một người yêu thích bài thơ ấy. Cũng như tôi, xa tận miền Nam, một thầy giáo trẻ lúc đó, thi thoảng làm thơ, viết văn đồng cảm rất thật lòng “Màu tím hoa sim/Tím chiều hoang biến biệt...”, yêu những chiều “Chiều hoang tím tím thêm màu da diết”. Bởi có biết yêu, biết xót đau mới dám hiến mình cho Tổ quốc! Và tôi không khỏi chùng lòng, Hữu Loan - nhà thơ lão thành, đời người và đời thơ làm thăng trầm bước vào cõi vĩnh hằng đã tròn một năm! (18/3/2010 - 18/3/2011).

Đôi dòng trong bài viết nhớ thay nên tâm hương cho nhà thơ mà tôi chỉ được “gặp” ông, tác giả của bài thơ “Màu tím hoa sim”, “bài thơ tình hay nhất thế kỉ XX” (nhà báo Hà Đình Nguyên) ở một trường vùng đất mận trong những ngày đầu giải phóng miền Nam. ■

Xuân Lộc, 18/3/2011

CỜ TÂY CHƯA HẠ...

NGUYỄN VĂN CHƯƠNG

ÔNG Tàu Sáu ở phố huyện An Nhơn (tức thị, trấn Bình Định) nổi tiếng là người giỏi hát bội và hay chữ. Đạo đó là khoảng năm 1946-1947, cả huyện đã bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đêm đêm anh chị em du kích thường gác súng đi tuần trong thôn xóm để bảo vệ an ninh.

Một hôm, lấy cớ là đi tuần đêm chó hay sủa làm lộ bí mật, nên du kích bắt mất con chó choai nhà ông Tàu Sáu giết thịt. Ông có ý giận, gọi anh em du kích đến trách. Ông bảo:

- Bọn bay chưa đánh được Tây mà đã giết hại của tao con chó. Tao bắt phải thưởng (đến) đó. Nhưng bọn bay lấy gì thưởng? Giờ tao ra cho một câu đối, nếu đối được tao tha. Bằng không thì phải đánh Tây chuộc lỗi nghe chưa? Rồi ông hắng giọng đọc: “Cờ Tây chưa hạ, hạ cầy tơ”.

Câu đối khó ở hai chữ nói lái “Cờ Tây - cầy tơ”. Anh em du kích đành ôm súng bái phục và xin đánh Tây chuộc lỗi.

Câu thách ấy mãi chưa ai đối được.

Một bữa có chàng trai chừng ba mươi tuổi đáng về gầy gò đến chơi nhà ông Tàu Sáu. Hai người nói chuyện văn thơ rất tương đắc. Nhân đó, ông đọc cho chàng thanh niên nghe câu thách đối, bảo chàng đối thử chơi. Tình hình hồi đó sau nạn đói năm 1945, nhân dân còn rất thiếu đói lại phải chống Pháp gây hấn trở lại. Chính phủ kháng chiến đã hù dọa toàn dân tiết kiệm lương thực để phục vụ bộ đội đánh giặc, không làm quà bánh bán rong. Ai vi phạm là bị phạt. Một số người vẫn lén lút làm bánh trắng (bánh đa) bán. Để tránh các trạng kiểm soát bán lén, bán vụng trộm. Nhân đó, chàng thanh niên đọc về đối của mình:

Bánh trắng hãy còn, còn bán trắng

Theo cách phát âm của người địa phương thì không phân biệt âm tiết có g với âm tiết không g phía sau, nên lẽ ra “bánh trắng” nói lái phải là “bánh trắng”. Do đặc điểm thổ âm nên “bánh” cũng như “bán” mà thôi, nên câu đối hóa chỉnh.

Mấy ông già nghe xong gật gù khen câu đối lại rất hay. Về ra trách khéo du kích chỉ ham ăn nhậu mà đánh giặc tới. Còn về đối thì phê bình những bà làm ăn thiếu tình thần tiết kiệm, không thực hiện chủ trương của Chính phủ để kháng chiến.

Chàng thanh niên ấy chính là nhà thơ Yến Lan. ■

“ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM” ĐÃ RA ĐỜI NHƯ THẾ NÀO

ANH SƠN

LẦN ấy nhà văn Trần Thanh Dịch, biên tập viên mảng sách miền Nam của Nhà xuất bản Kim Đồng được ban giám đốc gợi ý nên nhờ một nhà văn am hiểu miền Nam viết cho các em một cuốn tiểu thuyết về thời kỳ kháng chiến chống Pháp, để các em biết cảnh sắc và con người Nam Bộ. Dĩ nhiên nhân vật chính phải là thiếu niên rồi.

Trần Thanh Dịch nghĩ ngay đến Đoàn Giỏi. Vừa nghe Trần Thanh Dịch trao đổi ý đồ của nhà xuất bản, Đoàn Giỏi nhận lời ngay. Anh nhận sẽ nộp bản thảo sau bốn tháng. Trần Thanh Dịch mừng quá, hỏi:

- Anh có cần nhà xuất bản tạo điều kiện không?

- Minh đang túng lắm, bảo tài vụ tạm ứng cho ba trăm đồng!

- Được sáng mai tôi mang tiền đến. Ngày kia tôi đi thực tế Vĩnh Linh mấy tháng, trở ra là đến anh lấy bản thảo đấy!

Đoàn Giỏi cười, miệng hơi méo:

- Ông yên chí!

Sau hơn ba tháng ở Vĩnh Linh, sốt ruột, Trần Thanh Dịch ra Hà Nội. Nhẩm tính còn đúng 28 hôm nữa là phải nộp bản thảo hoàn chỉnh, anh phi ngay đến nhà Đoàn Giỏi. Câu đầu tiên là hỏi:

- Ông viết cho tôi rồi chứ?

Đoàn Giỏi ngơ ngác:

- Viết cái gì nhỉ?

Trần Thanh Dịch tái mặt:

- Cái cuốn về miền Nam tôi đến đặt ông...

- Cha chả... Hôm ông đến đưa tiền cho, mình trả nợ xong là lao vào cái chuyện phim, mê mải đến hôm nay, quên hẳn cái việc ông nhờ.

Trần Thanh Dịch bực bội:

- Tôi đã hẹn với giám đốc nộp bản thảo đúng hạn. Tôi bạc tóc rồi còn chịu để cho người ta mắng là thiếu tinh thần trách nhiệm hay sao?

Đoàn Giỏi văn bình tĩnh:

- Tôi xin lỗi ông. Hôm nay là mồng 4. Tôi hẹn ông 25 đến đây lấy bản thảo đánh máy 2 ngày, ngày 28 ông vẫn kịp nộp giám đốc.

Trần Thanh Dịch hồ nghi:

- Hai chục ngày làm sao anh viết nổi 300 trang sách, mà lại phải hay, phải hấp dẫn...

Đoàn Giỏi tự tin vỗ vỗ vào trán rồi chỉ vào ngực trái:

- Trong hai cái này a. Ông yên trí về đi! Tiền bạn xuống cầu thang, Đoàn Giỏi còn dặn với:

- Đùng 25 đến lấy, không được gọi điện thoại, không được giục.

Trần Thanh Dịch nói như van:

- Anh cố gắng giúp tôi!

Đoàn Giỏi xây dựng xong bố cục và nhân vật cuốn sách mất một buổi sáng rồi sau đó mài miết viết thâu ngày thâu đêm, có lúc vừa ăn bánh mì vừa viết có lúc mệt quá ngủ thiếp đi, đầu gục xuống bản thảo.

Đùng hẹn, Trần Thanh Dịch đến gõ cửa. Sau tiếng, mời vào, Đoàn Giỏi lia nốt những dòng cuối cùng của tập truyện và lần đùng ra giữa nhà, hai mắt giắt giắt.

Nhà văn Trần Thanh Dịch cuống quýt vơ đống bản thảo trên một nhét vội vào túi rồi ra gọi xích lô chở Đoàn Giỏi đến bệnh viện. Anh phải nằm ở đấy nửa tháng.

Đất Rừng Phương Nam cuốn tiểu thuyết viết nhanh nhất mà có lẽ là hay nhất của nhà văn Đoàn Giỏi đã ra đời như thế đó! ■

ĐỜI SỐNG VĂN HỌC

KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU CỦA MỘT DỰ ÁN VĂN HỌC

ĐỨC LONG

SÁNG ngày 20 tháng 4 năm 2011, tại trụ sở Hội Nhà văn Việt Nam, Đoàn Nhà văn tỉnh Hòa Bình, gồm các Nhà văn Hà Trung Nghĩa (dân tộc Mường), Nhà thơ Đinh Đăng Lượng (dân tộc Mường), Nhà thơ Lò Cao Nhum (dân tộc Thái) đã có buổi làm việc với Nhà thơ Hữu Thỉnh - Chủ tịch Hội Nhà văn, Chủ tịch ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học-Nghệ thuật Việt Nam và Văn phòng Hội để báo cáo kết quả việc thực hiện xuất bản tác phẩm Văn học tiêu biểu tự chọn của các nhà văn trong tỉnh, đồng thời cũng trao tặng các tác phẩm vừa xuất bản, gồm: "Chân mây màu tím" - tập truyện ngắn chọn lọc của Nhà văn Hà Trung Nghĩa, "Bóng cây Chu đồng" - thơ chọn lọc của nhà thơ Đinh Đăng Lượng, "Rừng núi - thơ chọn lọc của Nhà thơ Lò Cao Nhum cho Thường trực Ban Chấp hành Hội Nhà văn và Bảo tàng Văn học Việt Nam.

Dự án Xuất bản tác phẩm Văn học tiêu biểu tự chọn của các Nhà văn được xây dựng theo sáng kiến của Trung tâm Khai thác bản thảo và Tác quyền, được Hội Nhà văn Việt Nam và Nhà xuất bản Văn học chấp thuận và nhiệt thành ủng hộ. Dự án này cũng đã được Nhà văn Phạm Ngọc Chiêu - Giám đốc Trung tâm, trình bày trong tham luận đọc tại Diễn đàn Đại hội VIII Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức đầu tháng 8 năm 2010 vừa qua tại thủ đô Hà Nội...

Trong khi chờ các cấp có thẩm quyền phê duyệt Dự án, với sự giúp đỡ của Hội Nhà văn Việt Nam, được Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hòa Bình quan tâm cấp kinh phí tài trợ, cùng với sự nỗ lực tự thân của trong tuyển chọn tác phẩm và lo kinh phí bù đắp, ba Nhà văn tỉnh Hòa Bình cùng Trung tâm khai thác bản thảo và tác quyền đã tuyển chọn và xuất bản thành công ba tác phẩm văn học tiêu biểu nói trên.

Nhà văn Hà Trung Nghĩa đã xuất bản tập truyện ngắn: "Hoàng hôn", tác phẩm được Hội Nhà văn Việt Nam tặng giải B về đề tài dân tộc và miền núi năm 1995, và ba cuốn tiểu thuyết khác. Nhưng khi chọn tác phẩm tiêu biểu, ông quyết định in tập truyện ngắn chọn lọc "Chân mây màu tím". Sách dày 350 trang, khổ 14,5 x 20,5 cm.

Nhà thơ Đinh Đăng Lượng đã xuất bản 5 tập thơ. Ông tuyển chọn và đưa tin tập thơ chọn lọc gồm 129 bài thơ thắm đậm chất thơ dân gian Mường. Sách dày 240 trang, khổ 14,5 x 20,5 cm.

Nhà thơ Lò Cao Nhum đã xuất bản 6 tập thơ. Lần này, ông tự chọn và đưa in 143 bài vào tập thơ chọn lọc của mình. Ban đọc sẽ có dịp thưởng thức những bài thơ vừa hiện đại vừa giữ được hương vị dân ca Thái của Nhà thơ dân tộc Thái Mai Châu - Hòa Bình này, sách dày 208 trang, khổ 14,5 x 20,5 cm.



Cả ba tác phẩm văn học trên đều được ra mắt với chất lượng in ấn đẹp và trang trọng. Đây có thể coi là kết quả bước đầu rất đáng ghi nhận việc thực hiện Dự án Xuất bản tác phẩm Văn học tiêu biểu tự chọn của các Nhà văn.

Xin chúc mừng ba Nhà văn tỉnh Hòa Bình và hy vọng tiếp sau đây toàn bộ Dự án xuất bản đặc biệt trên sẽ được thực hiện với sự quan tâm của Trung ương và lãnh đạo các tỉnh, thành trong cả nước. ■



HOÀNG CẨM TRONG MẮT THỜI GIAN

Sáng ngày 22/4/2011, tại trụ sở Hội Nhà văn Hà Nội, 19 Hàng Buồm đã có buổi gặp mặt giới thiệu tuyển tập thơ Hoàng Cẩm mang tên "Mắt thời gian" nhân dịp kỷ niệm một năm ngày mất của ông. Chương trình do công ty Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam, cùng Hội Nhà Văn Hà Nội phối hợp tổ chức.

TRONG suốt cuộc đời làm thơ, từng làm sao xuyên bao trái tim người đọc qua những bài thơ nổi tiếng, như *Lá Diêu bông*, *Bên kia sông Đuống*... cho đến ngày về cõi khác ở tuổi chín mươi, tuy đã có nhiều tập thơ được xuất bản, song thì sĩ tài hoa, đa tình đất Quan họ vẫn chỉ ra mắt trước độc giả bằng những tập thơ nhỏ lẻ. Chỉ đến bây giờ, qua *Mắt thời gian*, một ấn phẩm dày dặn quy tụ các tác phẩm nổi bật, với nhiều góc nhìn và hình thức thể hiện, mới họa lên bức chân dung tương đối toàn diện của nhà thơ Hoàng Cẩm. Đây là ấn phẩm được thực hiện dưới sự giúp đỡ của gia đình nhà thơ Hoàng Cẩm, cùng những người bạn tâm huyết với ông và thơ ông: nhiếp ảnh gia Nguyễn Đình Toàn, nhà nghiên cứu Chu Văn Sơn... *Mắt thời gian* thực sự là một tri ân với vong linh nhà thơ đã sống trọn vẹn với Thơ và Tình.

Chương trình gặp gỡ bao gồm hai phần: Phần Tưởng nhớ nhà thơ Hoàng Cẩm, và phần ra mắt tập thơ *Mắt thời gian*. Trong phần đầu tiên, với sự có mặt của các nhà văn, nhà thơ và bạn bè thân thiết của Hoàng Cẩm: Nguyễn Trọng Tạo, Nguyễn Thụy Kha, Phạm Xuân Nguyên... cùng nhiều công chúng yêu thơ khác, mọi người đã cùng nhau ôn lại những kỷ niệm về ông. Người thì sĩ đã chọn cho mình bút danh của một vị thuốc đắng lạnh, sẫm vàng như hổ phách: Hoàng Cẩm. Tài hoa và lặn lội trong cả sự nghiệp cũng như cuộc đời, bên cạnh những đắng cay, xót xa trong tên gọi, hồn thơ Hoàng Cẩm vẫn là một bức tranh đầy màu sắc, một không gian hư thực, một

ngôn ngữ óng chuốt, tự nhiên. Tất cả những tạo nên một không khí, một thế giới riêng của Hoàng Cẩm...

Phần ra mắt tập thơ thu hút được sự quan tâm của độc giả bởi đây là tuyển tập tương đối đầy đủ đầu tiên của ông, bao gồm Phần Thơ với tên gọi *Tiếng hát quan họ* tập hợp các bài thơ trong tập thơ *Về Kinh Bắc* - một ấn phẩm tiêu biểu, đậm chất Hoàng Cẩm. Ngoài ra ở phần này còn có tác phẩm *Kiểu Loan*, một vở kịch thơ hiếm hoi đã làm nên tên tuổi một nhà soạn kịch Hoàng Cẩm tài năng thời kỳ này...

Phần Truyện thơ giới thiệu tác phẩm *Men đã vàng* cũng đã từng được xuất bản trước đây của ông. Bên cạnh đó là phần Thủ bút, minh họa, bao gồm những bản chép tay của Hoàng Cẩm tặng bạn bè: nhà thơ Nguyễn Thụy Kha, nhạc sĩ Văn Cao, Trình Công Sơn. Ấn tượng hơn nữa là 40 bức ảnh của nhiếp ảnh gia Nguyễn Đình Toàn, một số ảnh đen trắng của Đỗ Dũng, Lương Xuân Đoàn, các tranh minh họa của Đỗ Quân... Tất cả đã góp phần vẽ nên bức chân dung đi sâu vào bản thể, từng ngõ ngách tâm trạng thi sĩ. Đường thời, thơ Hoàng Cẩm cũng đa dạng như con người ông vậy, luôn thay đổi theo thời gian, hoàn cảnh, để rồi đứng như lời chiêm nghiệm của nhà thơ Hoàng Hưng qua một bài viết trong *Mắt thời gian*: Đời ông là cả một đời nhớ tiếc những cái đã mất ấy *Đứng bên này sông sao nhớ tiếc/ Sao xót xa như rụng bàn tay*... mà ông chỉ hòng mong níu lại bằng thơ như *niềm xuân xanh*. Níu một mối tình ảo, níu trấu cay mà đỏ, níu màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp... Và có lẽ thơ Hoàng Cẩm cũng níu lòng ta là vì thế...

Buổi tọa đàm diễn ra trong không khí ấm áp và gần gũi. Ai cũng có thể trải lòng, sẻ chia những tâm tình với ông và thơ của ông. Và tập thơ *Mắt thời gian* vì thế cũng là một nền tảng hương tưởng nhớ đến thi sĩ Hoàng Cẩm sau một năm ông về cõi vĩnh hằng... ■

VN

TOẠ ĐÀM TIỂU THUYẾT THỔ PHỈ

NGÀY 23/4/2011, tại Trụ sở Hội văn học - Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam đã tổ chức buổi tọa đàm tiểu thuyết *Thổ phỉ* của nhà văn Đoàn Hữu Nam (NXB Hội nhà văn - 2010). Tác phẩm đoạt giải A, giải thưởng Hội Văn học - Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam năm 2010. Tham dự tọa đàm có các nhà văn, nhà nghiên cứu phê bình đang sống, công tác và sáng tác tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Lào Cai, Cao Bằng, Thái Nguyên...

Thổ phỉ là cuốn tiểu thuyết dày dặn của nhà văn Đoàn Hữu Nam dựng lại một giai đoạn đầy biến động vùng Tây Bắc với nạn thổ phỉ dai dẳng, nhiều nhượng và cuộc đấu trí, đấu lực kiên quyết, không khoan nhượng của toàn quân, toàn dân Tây Bắc. Bằng lối viết sinh động, chính luận Đoàn Hữu Nam đã phần nào làm rõ nguồn gốc phát sinh và những tính chất riêng có của thổ phỉ Tây Bắc cũng như những biện pháp chế ngự, triệt tận gốc nạn thổ phỉ ở vùng thâm sơn, cùng cốc này.

Tám tham luận trình bày trong tọa đàm đã làm rõ thêm những điều tác giả tiểu thuyết đã đặt ra cũng như những thành công về mặt nghệ thuật xây dựng tiểu thuyết.

Nhà văn Mã A Lềnh mở đầu cuộc tọa đàm bằng việc... Tra từ điển Tiếng Việt nguyên nghĩa của từ *thổ phỉ* và thấy rằng *thổ phỉ* mà Đoàn Hữu Nam tả dữ dội, thâm hiểm, tàn ác, cao thủ hơn nhiều. Nhà lý luận - phê bình Lâm Tiến nêu lên 3 điều được và 2 điều còn hạn chế của Đoàn Hữu Nam sau khi soi chiếu, so sánh với các tác phẩm của các nhà văn Mạc Phi, Ma Văn Kháng... trong các tác phẩm cũng viết về đề tài miền núi, để đưa ra một nhận định: Tiểu thuyết của Đoàn Hữu Nam là gần với lối sử thi thế sự. Nhà văn quân đội Trương Nguyệt Minh đã chỉ ra sự "thiệt thời" của

Đoàn Hữu Nam đó là sự "đi sau" các tác phẩm như *Rừng động*, *Đống bạc trắng hoa xoè* của các nhà văn lớp trước, từ đó nhận định rằng thành công của Đoàn Hữu Nam là rất đáng trân trọng. Nhà văn trẻ Phạm Duy Nghĩa thì đề cập sâu về nghệ thuật ngôn từ của tiểu thuyết *Thổ phỉ*. Nhà văn Trung Trung Đĩnh, người có nhiều tác phẩm thành công về đề tài dân tộc, miền núi ở khu vực Tây Nguyên thì chia vui với Đoàn Hữu Nam về những thành công vượt trội, thực sự đã đứng vững trên đôi vai của mình...

Bên cạnh những kết quả về mặt chuyên môn, là đánh giá một cách tương đối chi tiết những giá trị về nội dung cũng như nghệ thuật của một tác phẩm văn học cụ thể, thì cuộc tọa đàm của Hội văn học - Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam còn là buổi họp mặt đầm ấm của các nhà văn, nhà thơ là hội viên của Hội ở nhiều nơi về tham dự. Thông qua đó góp phần động viên, khuyến khích phong trào sáng tác của các tác giả.

Xúc động chân thành, nhà văn Đoàn Hữu Nam đã có những lời tâm sự: "*Cuộc chiến chống thổ phỉ đã lùi xa hơn 40 năm, sai đúng một thời đã được khẳng định. Song đất nước cũng như thế giới vẫn còn tiềm ẩn sự nổi loạn, chống phá, những tàn quân Phun Rô ngày nào vẫn đang còn là nỗi ám ảnh đất Tây Nguyên. Trên thế giới, những phiến quân TaLiBan vẫn đang từng ngày từng giờ đe dọa thế giới loài người... Giọng lên hồi chuông cảnh tỉnh về nạn thổ phỉ là một điều tuy không mới mẻ, nhưng vẫn thực sự cần thiết*"...

Đoàn Hữu Nam cũng cho biết sự đọc, hiểu và đồng cảm của bạn đọc và các đồng nghiệp sẽ là nguồn động viên rất lớn đối với ông trong công việc sáng tác của mình. ■

H.Q.U



THÔNG BÁO

CUỘC THI TRUYỆN NGẮN 2011 - 2012

CỦA TUẦN BÁO VĂN NGHỆ -

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

TRONG không khí giới văn nghệ sĩ cả nước sôi nổi chuẩn bị triển khai, thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI về văn học nghệ thuật, nhằm góp phần nâng cao chất lượng truyện ngắn Việt Nam nói riêng, đời sống văn học nước nhà nói chung, phản ánh sâu sắc con người và xã hội Việt Nam đương đại; phát hiện và cổ vũ kịp thời những tài năng văn học mới, Tuần báo **Văn nghệ** tổ chức phát động Cuộc thi truyện ngắn trong 2 năm 2011-2012, cuộc thi hoan nghênh mọi tìm tòi, khám phá cả nội dung lẫn hình thức; quan tâm đặc biệt những tác phẩm đề cao các giá trị nhân văn, góp phần hoàn thiện xã hội và con người trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Đối tượng dự thi:

- Tất cả các nhà văn, các cây bút chuyên và không chuyên trong và ngoài nước.

Bài dự thi gửi: BAN VĂN, TUẦN BÁO VĂN NGHỆ 17 TRẦN QUỐC TOẢN, HÀ NỘI hoặc địa chỉ email: banvanvn@gmail.com

Thể lệ cuộc thi:

Tác phẩm hợp lệ trước tiên phải là truyện ngắn với số lượng không quá 5000 từ. Truyện chưa in trong sách hoặc trên các báo và tạp chí Trung ương. Bản thảo vi tính trên một mặt giấy, sạch và rõ. Trong thời gian cuộc thi, tác phẩm dự thi không được gửi in sách, báo hay tạp chí nào khác.

Truyện ngắn dự thi được đăng tải trên **Văn nghệ** và **Văn nghệ Trẻ**.

Thời hạn:

Nhận bài từ 1-2-2011. Kết thúc ngày 1-2-2013. Lễ tổng kết và trao giải vào tháng 5 năm 2013.

Giải thưởng:

Giải Nhất: 30.000.000 đồng, giải Nhì: 20.000.000 đồng, giải Ba: 10.000.000 đồng.

Ban giám khảo:

Ban Sơ khảo là Ban Văn (mở rộng) của báo **Văn nghệ**. Ban Chung khảo gồm các nhà văn uy tín do BBT Tuần báo **Văn nghệ** mời.

Tuần báo **Văn nghệ** mong được sự hưởng ứng nhiệt tình của các bạn viết trong và ngoài nước.

**BAN BIÊN TẬP
TUẦN BÁO VĂN NGHỆ**



THƠ CHÂM

Ghế ngồi và trách nhiệm

(Nhân đọc: Chiếc cầu và chiếc ghế - mục Sự kiện và bình luận báo Lao động - số 30/2011 ra ngày 10-2-2011)

Ghế cao - trách nhiệm phải càng cao
Thực tế, xem ra chẳng được nào!
Quan nghĩ nhiều điều không sở cử
Quan làm lắm việc lại lao đao!
Tình hình diễn biến - cần truy cứu
Cương vị được giao... đồng lật nhào!
Văn hóa rút lui mà cô được
Ghế nhường người giỏi chẳng hơn sao?

**HOA ĐƯỜNG
PHẠM QUÝ TÍCH**

Chẳng từ

Sếp kỳ thử canh hòa thổ cư
Của công biến đổi để thành tư
Có tham mưu mành lách luôn giỏi
Thêm trợ lý khôn chạy chọt cử
Ngân sách thu chi kỹ thoải mái
Quý công xả láng duyệt vô tư
Tiền dân không cánh mà bay hết
Bồi nặng phong bao sếp chẳng từ.

ĐƯƠNG HUYỀN

CHUYỆN VUI

ĐÓNG PHIM

Đạo diễn phim yêu cầu diễn viên:
- Bây giờ anh hãy nhảy từ nhịp cầu cao nhất xuống sông.
- Nhưng mà tôi không biết bơi, - diễn viên hoảng sợ hô to.
- Không sao. Đây là cảnh cuối cùng của phim.

CẢNH SÁT SẼ THANH TOÁN?

Bồi bàn nói với khách hàng:
- Nếu quý ông không thanh toán hóa đơn, tôi sẽ gọi cảnh sát ngay lập tức.
- Thế anh tưởng cảnh sát sẽ thanh toán thay cho tôi chắc?

QUAN HỆ LÁNG GIẾNG TUYỆT VỜI

Hai hài lúng giếng nói chuyện với nhau:
- Rất tiếc là mấy con gà nhà tôi đã mổ sạch số hạt hoa vừa gieo bên vườn nhà bác.
- Chuyện vật ấy mà. Con chó nhà tôi đã cắn chết mấy con gà của nhà ông.
- Không sao. Vợ tôi đã chết chết con chó nhà bác bằng ô tô.
- Tôi biết rồi, vì chính tôi đã chọc thủng lốp xe của bà nhà.
- Cái đó không quan trọng.
- Điều cần bàn là quan hệ láng giềng của chúng ta rất tuyệt vời.

KHÁCH DU LỊCH VÀ VIÊN CẢNH SÁT

Một khách du lịch hỏi viên cảnh sát:
- Trong thành phố này không thấy có một bức tượng nào cả. Có nhân vật vĩ đại nào sinh ra ở đây hay không?



Ai thắng ai?

Tranh của HUY CHƯƠNG

- Thưa quý ngài, không có đâu ạ. Cho đến nay ở thành phố chúng tôi người ta chỉ sinh ra trẻ con thôi.

BỐ GỬI TIỀN CHO CON

Xtêphan học đại học tại Vácava, viết thư về quê cho bố để xin tiền. Mấy hôm sau cậu con trai ra bưu điện nhận 50 đồng zloty kèm theo lá thư ngắn của bố:
"Bố gửi cho con số tiền con xin. Bố chỉ lưu ý con một điều là, số 50 thì viết một số không chứ không phải ba số không".

XÓA SỔ

Sư tử lập danh sách các loài vật mình định ăn thịt. Chú ngựa vằn đến gặp sư tử và hỏi:
- Thưa chúa tể, tôi có trong danh sách không ạ?
- Có.
- Cho tôi hoãn một giờ, để tôi vĩnh biệt gia đình có được không?
- Được.
Ngày hôm sau hươu cao cổ đến gặp sư tử:
- Thưa chúa tể, tôi có trong danh sách không ạ?
- Có.
- Ngài cho phép tôi về nhà một lát để vĩnh biệt gia đình có được không ạ?
- Dĩ nhiên.
Ngày sau đó đến lượt khỉ đến:
- Bẩm sư tử, có phải tôi có tên trong danh sách?
- Đúng.
- Ngài xóa sổ cho tôi có được không ạ?
- Không có vấn đề gì.

PHI NHUNG sưu tầm và dịch



Tranh của CHU ĐỨC TIẾN



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NGÔ QUYỀN

ĐỊA CHỈ VĂN PHÒNG: Số 149 Hai Bà Trưng - Lê Chân, Hải Phòng

Điện thoại: 031. 3950435 – 031.3851030

Fax: 031. 739380

Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị: ông Nguyễn Văn Cơ

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: ông Nguyễn Anh Tú

Thành viên Hội đồng quản trị: ông Trần Đức Thọ

ông Phạm Hải Nam

ông Nguyễn Khắc Ngọc

Ban giám đốc điều hành:

Ông Phạm Hải Nam, Giám đốc điều hành, phụ trách chung

Ông Đỗ Văn Chiêu, Phó giám đốc, phụ trách nội chính, kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NGÔ QUYỀN trước đây là Doanh nghiệp Nhà nước hạng I, được thành lập từ năm 1982 đến nay đã có nhiều năm xây dựng và phát triển. Thực hiện chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, ngày 01/9/2005 Công ty Xây dựng Ngô Quyền được chuyển đổi từ mô hình doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo quyết định số 2047/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng. Cùng với sự phát triển chung của thành phố. Trong những năm qua Công ty chúng tôi thực sự phát huy sức mạnh tập thể đã và đang hàng hái thi đua sản xuất, thi công thành công nhiều công trình đa dạng trong ngành xây dựng với quy mô xây dựng lớn, trong và ngoài thành phố có giá trị sản lượng hàng chục tỉ đồng, đem lại hiệu quả kinh tế, được các chủ đầu tư đánh giá cao về **UY TÍN – CHẤT LƯỢNG**.



Công trình: Xây dựng đài phun nước màu Hải Phòng

Bí quyết thành công của chúng tôi là:

UY TÍN - CHẤT LƯỢNG - HIỆU QUẢ



XI MĂNG HOÀNG THẠCH DIỆN MẠO MỚI - SỨC MẠNH MỚI

Công ty Xi măng Hoàng Thạch tự hào là đơn vị thành viên của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam - VICEM. Với vị thế và diện mạo mới, Công ty Xi măng Hoàng Thạch và các thành viên cam kết kế vai cùng thách thức thời gian, đưa đất nước lên những tầm cao mới.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM